

Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất và Sự thật cuộc triệt thoái Quân Đoàn II

Đỗ Sơn

Lời Giới Thiệu

Giáo Sư LƯU TRUNG KHẢO

Cuốn sách bạn cầm trên tay là sản phẩm trí tuệ của Đỗ Sơn, nguyên Giám đốc Đài phát thanh VOV, nguyên Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tạp chí trào phúng Con Cò. Nếu bạn đã từng quen thuộc với bút pháp giễu cợt, chọc cười, chọc giận của Đỗ Sơn trên tạp chí Con Cò, thì qua cuốn sách mới này, bạn sẽ gặp một Đỗ Sơn khác. Đỗ Sơn trong cuốn sách này là một Đỗ Sơn mực thước, nghiêm cẩn để cùng Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất nói lên những sự thật về cuộc triệt thoái Quân Đoàn II mở đầu cho sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa.

Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất

Là một quân nhân trọng danh, Tướng Tất muốn đem sự thật trả lại cho lịch sử chứ không như một số người có trách nhiệm đã viết sách, viết báo chỉ tay vào người khác để quy trách nhiệm và chạy tội cho bản thân. Nhiều người tin tưởng một cách sai lầm rằng Đại Tá Phạm Duy Tất được móc sao là để lo việc triệt thoái Quân Đoàn II khỏi vùng Cao nguyên. Dù từ ngữ có khác biệt, dù có gọi đó là cuộc triệt thoái, cuộc di tản chiến thuật hay gì đi chăng nữa, thì cuộc rút quân khỏi Cao nguyên với những lệnh lạc tiền hậu bất nhất, những lệnh lạc phi lý - ngay cả Tham mưu trưởng Quân đoàn 2 cũng thú nhận là không soạn nổi một lệnh hành quân - phải chăng là đã có những mật ước nào đó để bức tử quân đội Việt Nam Cộng Hòa và bàn giao lãnh thổ, dân chúng, vũ khí cho đối phương. Khi Việt Nam Cộng Hòa ký vào hiệp ước hòa bình ở Paris vào ngày 27 tháng Giêng năm 1973 là đã ký vào bản án tử hình. Biết vậy mà vẫn phải ký. Từ ngày 27/1/1973 đến ngày mất nước 30/4/1975 phải chăng đã có một khoảng cách coi được? Vấn đề Việt Nam đã được giải quyết trên bàn hội nghị và những mật ước chính trị, chứ không phải trên trận địa.

Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất là sĩ quan cuối cùng của quân lực Việt Nam Cộng Hòa được lên hàng tướng lãnh. Là một sĩ quan không có gốc lớn, nên sự thăng thưởng của ông diễn tiến đúng theo hệ thống quân giai nên khá chậm chạp. Ông là một tướng chiến đấu, tướng mặt trận chứ không phải tướng văn phòng. Tuy nhiên ông cũng là người ham học hỏi, có tài tổ chức, chăm lo việc huấn luyện binh sĩ, có tầm nhìn chiến lược. Những chiến công oanh liệt của ông ở Pleime, Cô Tô, hang Túc Chụp, Rừng Tràm Trà Tiên, Mộc Hóa, Kampong Trach đã giáng cho đối phương những đòn chí

tử. Ông là một sĩ quan hàng tướng lãnh bị Cộng sản Việt Nam cầm tù lâu nhất: 17 năm. Phải chăng Cộng sản Việt Nam báo thù ông về những thất bại ê chề mà ông đã giáng lên đầu bọn đàn em của Võ Nguyên Giáp. Phải chăng Cộng sản Việt Nam vẫn thù hận và gờm cái oai danh của những binh chủng ông từng chỉ huy: Lực Lượng Đặc Biệt, Biệt Động Quân ...

Cổ nhân có nói: "Bại binh chi tướng bất khả ngôn dũng", ông tướng bại trận không thể nói dũng được. Là một tướng lãnh tự trọng, Tướng Tất đã thủ khẩu như bình suốt 38 năm qua. Tuy nhiên nhờ tài gởi chuyện của Đỗ Sơn cũng như ý thức được sự cần thiết phải trả lại sự thật cho lịch sử để giải tỏa nỗi oan khuất bị bức tử của một đạo quân thiện chiến vào bậc nhất ở Á Châu, cuối cùng Tướng Tất đã lên tiếng bạch hóa tất cả sự thật về cuộc triệt thoái khỏi Quân Khu II của quân dân vùng Cao nguyên. Đó là vì sao cuốn sách này được khai sinh.

Tôi xin ân cần và tha thiết giới thiệu tập tài liệu lịch sử quý giá này tới bạn đọc bốn phương để trả lại sự thật cho lịch sử, để con cháu chúng ta ôn lại bài học lịch sử này để sau này chúng biết hành động sao cho đúng.

Little Saigon, ngày 17 tháng 10 năm 2013

Lưu Trung Khảo

LỜI MỞ ĐẦU

Trận Ban Mê Thuột và Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn 2 trên con đường số 7 năm 1975 đến nay vẫn tiếp tục là niềm đau của Quân, Dân miền Nam Tự Do. Đã có nhiều sách vở, tài liệu Việt - Mỹ viết về hai vụ này. Và với những dữ kiện không đúng với thực tế đã xảy ra, đặc biệt là vấn đề tình báo chiến trường tại Cao Nguyên lúc đó, cũng như bản thân cuộc triệt

thoái thật và giả lẫn lộn vào nhau khiến độc giả, nếu không phải là người trong cuộc thì khó lòng rõ thực hư.

Năm 2004 nhân đọc được rất nhiều bài của Đại Tá Trịnh Tiểu, cựu Trưởng Phòng 2 Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II, tác giả đã nhen nhúm ý muốn viết cuốn sách này vì nhận thấy vị cầm đầu ngành Tình Báo Chiến Trường của vùng 2 Chiến Thuật đã kể lại chuyện xưa một cách quá đáng. Tại sao Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II, lại không chú ý đến những chi tiết tình báo chiến trường quá rõ ràng mà Đại Tá Trịnh Tiểu sau 30 năm sau tiết lộ tại Hoa Kỳ? Tại sao vị Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn 2 lại không coi nặng "nhận định sáng suốt" của ông Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn II- Quân Khu 2?

Câu trả lời sẽ có trong cuốn sách này.

Lần thứ nhì tác giả trở lại ý định viết cuốn sách này là vào năm 2010 khi gặp Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất về tham dự Đại Hội Biệt Động Quân được tổ chức tại Little Saigon, California. Trong dịp ngồi ăn trưa với Trung Tá Trần Duy Hòe (cựu Trưởng Phòng 2 Biệt Động Quân/Quân Khu II) và tác giả, tình cờ Tướng Tất kể chuyện ông Đại Sứ Anh đến KonTum viếng thăm ông vào cuối tháng Hai 1975.

Nghe chuyện, tác giả có ngay nghi vấn đối với cuộc viếng thăm này. Mãi đến Tết 2013, nhân tác giả gọi chúc Tết ông Tướng mà tác giả từng làm việc trong văn phòng ông vào các năm 1971, 1972, tác giả lại đem chuyện cuộc viếng thăm của ông Đại Sứ Anh ra bàn bạc với Tướng Tất. Vài tháng sau Tướng Tất đồng ý bỏ quan niệm giữ im lặng, vì " Là bại tướng thì nói gì cũng là bại tướng", để kể chuyện cho tác giả viết.

Khoảng giữa năm 1971, đang lúc tác giả là Sĩ Quan Hành Quân, thuộc ban 3 của Liên đoàn 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng, Đại Tá Phạm Duy Tất từ Cần Thơ lên Thất Sơn thành lập Bộ Chỉ Huy Hành Quân. Tướng Tất đã gọi tác giả về làm Tùy Viên. Vì 2 văn phòng của ông tại Bộ Chỉ Huy/ Biệt Động Quân /Quân Khu IV ở Cần Thơ và tại Thất Sơn chỉ có mỗi sĩ quan là tác giả, nên tác giả đã kiêm nhiệm luôn công việc của một Chánh Văn Phòng.

Nhưng thời gian tác giả phục vụ dưới quyền Tướng Tất cũng không lâu, cuối năm 1972 ông thuyên chuyển ra Vùng 2, nhận nhiệm vụ mới Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Quân Khu II. Trong thời gian ngắn ngủi làm việc với ông, tác giả nhận xét Tướng Tất thuộc loại người " Trời

sinh ra để làm lính". Tướng Tất bận tâm với chức vụ, có nhiều sáng kiến tổ chức để cống hiến cho quân đội, nhưng rất tiếc ông quá dở về phần ... màu mè, trình diễn. Một vị chỉ huy sạch, chịu khó đánh giặc, sẵn sàng tình nguyện, nhưng đời binh nghiệp thì luôn bị vướng đến những trận lui binh. Thí dụ như năm 1972 khi trận Kampong Trach nổ ra trên đất Kămpuchia, đúng ra nhiệm vụ Tư Lệnh Mặt Trận phải do Đại Tá Thiết Giáp Vũ Quốc Gia, Tư Lệnh Lữ Đoàn 4 Kỵ Binh, vì đây là lãnh thổ trách nhiệm của Thiết Giáp. Nhưng vì lý do cá nhân gì đó của vị Tư Lệnh Lữ Đoàn 4 Kỵ Binh, nên Đại Tá Biệt Động Quân Phạm Duy Tất đã tình nguyện vào Kampong Trach vào lúc trận đánh đã lên tới cực điểm, căn cứ đang bị quân Bắc Cộng siết chặt vòng vây hãm. Phần nhiệm của Đại Tá Tất là tử thủ căn cứ, ngăn không cho căn cứ bị địch tràn ngập, và dùng không tập để xóa sổ Sư Đoàn 1 CSBV. Ông đã thi hành trách vụ của mình thật tốt, khiến sau trận Kampong Trach, phía Hà Nội không bao giờ còn nhắc nhở gì đến Sư Đoàn này nữa. Sau đó Đại Tá Tất đưa đoàn quân Việt Nam Cộng Hòa trở về bên này biên giới. Nhưng vì trận đánh xảy ra trên chiến trường ngoại biên, cách tiêu diệt địch là khiến cho địch tập trung dứt điểm căn cứ Kampong

Trach, rồi dùng hỏa lực Không Quân Việt- Mỹ thanh toán họ; đã không gây được sự chú ý của dư luận như trận Mùa Hè Đỏ Lửa và An Lộc tại nội địa. Phần nữa, như đã nói, Hà Nội đã giữ im lặng về số phận nghiệt ngã của Sư Đoàn 1 CSBV, gây trở ngại không ít cho những nhà nghiên cứu.

Nhưng nếu Trung Tướng Ngô Quang Trưởng đánh giá đây là một trận thắng lớn, tạo được sự yên ổn toàn Vùng 4, để ông có thể thoải mái gửi Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân ra Miền Trung tiếp sức cho Trận Mùa Hè Đỏ Lửa, và toàn bộ Sư Đoàn 21 cùng 1 Trung đoàn của Sư Đoàn 9 tiếp trận An Lộc vùng 3; thì cũng có dư luận cho đây là một thất bại. Rất dễ hiểu thôi, không phải ai cũng có cái nhìn chiến thuật, chiến lược.

Ngay cả cặp ngôi sao trên cổ áo Tướng Tất sau này ở Vùng 2, cũng có nhiều người đặt thành vấn đề, vì tiếp liền sau đó là Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II. Và khi cuộc triệt thoái này xảy ra, dư luận chung lại lầm tưởng tân Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất là vị Tướng chỉ huy tổng quát cuộc rút quân này.

Tướng Tất chấp nhận im lặng, chịu đựng mọi hiểu lầm vì quan niệm "là bại tướng thì nói gì cũng bại tướng", một phần nữa là không muốn đụng chạm đến uy tín các vị khác. Cho đến bây giờ ...

Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất bị Việt Cộng nhốt tù 17 năm, tác giả thì sang Hoa Kỳ từ 1975. Từ năm 1995 đến 2009 tác giả là chủ nhân đài phát thanh VOV tại Little Saigon. (VOV Voice of Vietnamese, không phải VOV Voice of Vietnam của Hà Nội), đã nhiều lần nói lên rằng Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa là một đạo quân bị ám sát!

Có nhiều thính giả lúc đó gọi vào VOV tỏ ý thích thú, nhưng tác giả biết rằng họ đã không thật sự hiểu tại sao tác giả lại sử dụng hai chữ "ám sát" nặng nề đó.

Chúng tôi, Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất và tác giả, hy vọng độc giả cuốn sách này sẽ có câu trả lời rõ ràng hơn đối với câu "Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa Là Một Đạo Quân Bị Ám Sát" nêu trên.

Tác giả cũng nhân đây xin chân thành cảm ơn đến năm vị, Thiếu Tướng Nguyễn Duy Hình, Giáo Sư Lưu Trung Khảo, Thẩm Phán Nguyễn Cần tức Nhà Báo Lữ Giang, Trung Tá Trần Duy Hòa, BĐQ Đỗ Như Quyên đã ưu ái góp ý kiến cho tác giả hoàn thành cuốn sách này hoàn hảo hơn.

California, Mùa Đông 2013

Đỗ Sơn

TÌNH HÌNH VÀ TƯƠNG QUAN LỰC LƯỢNG VIỆT NAM CỘNG HÒA - BẮC CỘNG

Sau Hiệp Định Genève 1954, không ai tin Cộng Sản sẽ chịu ngồi yên ở phía Bắc vĩ tuyến 17 nhằm dồn nỗ lực lo cho dân miền Bắc Việt Nam được an cư lạc nghiệp. Lúc bấy giờ Việt Cộng đã không còn thềm dùng thủ đoạn lập lờ như từ Trận Điện Biên Phủ trở về trước, đối gạt lôi kéo người Việt không Cộng Sản góp tay chiến đấu chung với họ nữa. Họ công khai áp đặt xã hội chủ nghĩa lên miền Bắc Việt Nam. Hồ Chí Minh đã chấp nhận lộ tuyến hình cán bộ Cộng Sản Quốc Tế.

Dĩ nhiên đã là Cộng Sản thì phải bắt buộc sử dụng phương châm gối đầu "dùng bạo lực cách mạng cướp chính quyền". Họ đã nắm được chính quyền của nửa nước, chắc chắn sẽ không để yên cho Chính Phủ Quốc Gia xây dựng Miền Nam Tự Do sau thời gian dài bị Pháp xâm lược.

Biết rằng chính quyền ở Miền Nam Tự Do còn quá mới, quá yếu, không đủ sức đối đầu lại với các thủ đoạn của Cộng Sản, Tổng Thống Ngô Đình Diệm cương quyết bác bỏ tham dự cuộc Tổng Tuyển Cử do Hiệp Định Genève quy định. Lý do của ông rất chính đáng: Chính Phủ Quốc Gia không ký vào Hiệp Định này.

Như vậy, phía Miền Nam Tự Do đã cương quyết không để cho cả nước Việt Nam bị Cộng Sản hóa. Còn với Hoa Kỳ, quốc gia chính yếu đem lại chiến thắng trong Trận Thế Chiến thứ Nhì, thì cũng có nhu cầu ngăn chặn "làn sóng đỏ" (Tàu Cộng) tràn xuống Đông Nam Á, mà Việt Nam là đầu cầu. Có mẫu số chung, Hoa Kỳ bắt đầu lập mối quan hệ với miền Nam Việt Nam, gọi phần đất này là "Tiền Đồn Của Thế Giới Tự Do"!

Ngay từ năm 1950, Hoa Kỳ đã chính thức công nhận quốc gia Việt Nam (miền Nam) và đã gửi đoàn cố vấn quân sự đầu tiên sang Sài Gòn. (US Military Assistance Advisory Group, gọi tắt là MAAG).

Chính phủ Ngô Đình Diệm thấy rõ lắm, nhưng có lẽ những chính phủ sau cái gọi là "Cách Mạng 63" đã không còn nhớ đến thái độ lừng khừng của Chính Phủ Hoa Kỳ lúc ban đầu. Vậy xin được nhắc lại. Trong cuộc họp báo ngày 10 tháng 2 năm 1954, ký giả Marvin Arrowsmith của hãng tin AP hỏi: "Đang có sự nghi ngại tại Quốc Hội, chẳng hạn như Thượng Nghị Sĩ Stennis nói rằng gửi chuyên viên sang Đông Dương sẽ dẫn đến việc Hoa Kỳ dính dấp vào cuộc chiến khốc liệt ở đó, Tổng Thống nghĩ sao? Tổng Thống trả lời: " Không có ai chống đối mãnh liệt lại việc đưa Hoa Kỳ dính dấp vào cuộc chiến khốc liệt đó hơn cá nhân tôi đâu!", nhưng tới ngày 17 tháng tư cùng năm, Phó Tổng Thống của Eisenhower là Nixon tuyên bố

ngược lại, rằng để cho Á Châu và Đông Dương tránh khỏi họa Cộng Sản thì Hoa Kỳ phải chấp nhận may rủi đưa quân đến các khu vực mà Eisenhower đã nói không, phải chấp nhận làm một quyết định dù không được lòng dân, và phải bắt tay làm việc ngay.

Vì thấy sự lừng khừng, trống đánh xuôi kèn thổi ngược của Chính phủ Eisenhower, Chính phủ Ngô Đình Diệm đã quyết định chỉ muốn nhận viện trợ và cố vấn của phía Mỹ, nhưng đổ quân tác chiến Mỹ vào Việt Nam thì nhất định không. Bởi nó còn liên quan tới chính nghĩa của cuộc chiến đấu (đây là một trong những nguyên nhân chính khiến anh em ông Tổng Thống Diệm bị đảo chánh, ám sát vào năm 1963). Anh em Tổng Thống Diệm bắt đầu áp dụng quốc sách Ấp Chiến Lược, Khu Trù Mật, Khu Dinh Điền, tức gom dân lại để cô lập hóa thành phần Việt Cộng nằm vùng. Đặc biệt Chính

phủ Ngô Đình Diệm đã chọn những địa điểm gần biên giới, nằm chặn trên đường xâm nhập và vận chuyển tiếp liệu sau này của Việt Cộng để xây dựng những Khu Trù Mật, Dinh Điền. Đó là những vị trí chiến lược chẳng hạn như Khu Trù Mật Vị Thanh, Hòa Lựu thành tỉnh Chương Thiện, tỉnh Quảng Đức với Quận Đức Lập, v.v... Nếu Chính phủ Ngô Đình Diệm không bị nhóm tướng lãnh phản trắc i tờ rít chính trị theo Mỹ ám sát chết thì có lẽ lực lượng quân sự Việt Nam Cộng Hòa sẽ phát triển theo chiều hướng lấy Địa Phương Quân - Nghĩa Quân làm chính, song song với đà phát triển của chính sách quốc gia với Ấp Chiến Lược, Khu Trù Mật, Khu Dinh Điền. Nghĩa là chủ trương "chiến tranh theo kiểu nhà nghèo" ngay từ đầu, không quá lệ thuộc vào ngoại bang. Lật đổ Chính phủ Ngô Đình Diệm, giết hai anh em Tổng Thống Diệm xong, nhóm Tướng Lãnh "Cách Mạng 63" vội vàng bãi bỏ quốc sách của chính phủ trước, xóa sổ hơn chục ngàn Ấp Chiến Lược, Khu Trù Mật, Khu Dinh Điền, khiến tình hình trở nên tồi tệ nhanh chóng, tạo cơ cho quân tác chiến Mỹ rầm rộ kéo vào miền Nam Tự Do. Điều mỉa mai là sau này khi Mỹ muốn bỏ chạy thì họ cũng đã gợi ý cho nhóm Tướng Lãnh phản trắc i tờ rít chính trị kia phải trở lại với chủ trương "chiến tranh theo kiểu nhà nghèo" của Chính phủ Ngô Đình Diệm hồi trước. Nhưng đã quá muộn màng.

Quân tác chiến Mỹ vào miền Nam, nhóm Tướng Lãnh "Cách Mạng 63" hớn hờ đón nhận không chút nghĩ ngợi gì đến tương lai, họ sướng lắm, vì cùng đi theo quân Mỹ còn có hơn 20 tỉ đô la đổ vào miền Nam mỗi năm. Họa mất nước trước mắt, nhưng thành phần lãnh đạo mới thì, rất tiếc, chỉ là mù sờ voi! Kể từ đó, quân đội Việt nam Cộng Hòa đã được huấn luyện để đánh giặc "theo kiểu con nhà giàu". Và cuối cùng khi Mỹ ù té chạy, cắt giảm - cúp viện trợ, thì Miền Nam Tự Do sụp đổ.

ooo

Sau khi Hiệp Định "không hòa bình" Paris 1973 đã được ký kết (Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chỉ chịu ký vì bị áp lực nặng nề của Nixon-

Kissinger), quân Mỹ lo hoàn tất cuộc rút quân... trong danh dự, Chính phủ Mỹ không tuân thủ lời hứa một-đổi-một vũ khí và quân cụ cho Việt Nam Cộng Hòa, còn Quốc Hội Mỹ thì cắt giảm viện trợ liên tục.

Phải dựa hoàn toàn vào sự giúp đỡ của siêu cường Hoa Kỳ để chiến đấu chống lại quân Bắc Cộng vốn luôn luôn có Khối Cộng Sản Thế Giới đoàn kết chặt chẽ yểm trợ phía sau, do vậy viện trợ Mỹ là một vấn đề sống chết của miền Nam Tự Do. Được viện trợ dồi dào liên tục sau Hiệp Định Paris,

Bắc Cộng đã nhân cơ hội cán cân sức mạnh quân sự đang lệch hẳn về phía họ, họ kéo rốc hết lực lượng vào Nam chỉ chừa lại 1 Sư Đoàn phòng thủ miền Bắc.

"Tại sao chúng không chết phứt đi cho rồi. Điều tệ hại nhất có thể xảy ra là chúng cứ sống dai dẳng hoài". (Trích sách "Khi Đồng Minh Tháo Chạy" của tác giả Nguyễn Tiến Hưng).

Đó là lời nguyên rủa của Kissinger, Ngoại Trưởng Mỹ, ông ta nổi giận vì tuy bị Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ nhưng quân và dân Việt Nam Cộng Hòa vẫn kiên cường đối đầu với quân Bắc Cộng. Sau Hiệp định Paris 1973 cho tới tháng Giêng 1975, không có một thành phố miền Nam nào lọt vào tay quân Bắc Cộng.

"Sau khi quân Mỹ rút đi, Nam Việt Nam sẽ sụp đổ trong vòng 72 giờ đồng hồ".

Tuyên bố kiểu nằm mơ giữa ban ngày nói trên đã được thốt ra từ miệng Thượng Nghị Sĩ Mc Govern, Ứng cử viên Tổng Thống Hoa Kỳ năm 1972, nói vào lúc tranh cử.

Còn Thượng Nghị Sĩ Kennedy, giữa nghị trường Thượng Viện Hoa Kỳ, khi đòi cúp viện trợ đã nói rằng "Viện trợ chỉ kéo dài thêm chiến tranh".

Một ông Ngoại Trưởng nguyên rủa, chửi bới. Một ông Thượng Nghị Sĩ kiêm Ứng cử viên Tổng Thống nằm mơ giữa ban ngày. Đó là vì họ thèm muốn thấy đồng minh nhỏ bé của mình sụp đổ cho thật nhanh. Một ông Thượng Nghị Sĩ khác thực tế hơn, hãy chích "thuốc độc cúp viện trợ" cho chúng. Khi quân đội Việt Nam Cộng Hòa bị "thấm thuốc độc", miền Nam Tự Do sẽ sụp đổ rất nhanh. Dĩ nhiên bên thắng trận là Bắc Cộng!

Hành pháp - Lập pháp Hoa Kỳ là vậy, đã thế còn có các lực lượng truyền thông Mỹ (do nhóm Mỹ gốc Do Thái nắm giữ đa số) xúm nhau viết theo xu hướng trừ dập, vì muốn Hoa Kỳ mang viện trợ dành cho Việt Nam Cộng Hòa đổ sang Do Thái (và đã xảy ra như vậy).

Vì vậy, diễn tả bằng câu "Bốn phía đều là địch" thì có lẽ đúng nhất cho tình hình Miền Nam Tự Do lúc bấy giờ!

Đại Tướng Mỹ Westmoreland nói vào lúc bấy giờ quân Bắc Cộng đã có đến 18 Sư đoàn tại miền Nam và đang chờ thêm 2 sư đoàn nữa, trong lúc phía quân đội Việt Nam Cộng Hòa vì bị cắt viện trợ nên mỗi người lính chỉ

còn được sử dụng 85 viên đạn và một quả lựu đạn cho mỗi tháng. Nguy hiểm hơn, pháo binh bị giới hạn 4 quả đạn cho súng 105 ly - 2 quả cho súng 155 ly, 175 ly mỗi ngày.

George Veith, tác giả cuốn "Black April: The Fall of South Việt Nam, 1973 - 1975", trong cuộc phỏng vấn của Frontpage Mag sau khi cuốn sách ra đời, kể ông ta tìm gặp Tướng Lê Minh Đảo vào năm 2002, Tướng Đảo than phiền truyền thông Mỹ chỉ biết tố cáo cấp lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa là "một lũ tham nhũng hèn nhát" (a bunch of corrupt cowards) nhưng tránh né nêu ra những ưu điểm của họ. Veith đã dùng 7 năm liền để nghiên cứu viết sách, cuối cùng cuốn sách của ông đi đến kết luận là mặc dù bị cắt giảm viện trợ thâm trọng, trong hai năm 1973 - 1974 quân đội Việt Nam Cộng Hòa vẫn thắng trận nhiều hơn thua, và rằng nếu được duy trì viện trợ hợp lý thì có lẽ quốc gia Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn tồn tại cho đến hôm nay! (George Veith cũng đã có hai lần tường trình trước Quốc Hội Hoa Kỳ về vấn đề MIA/POW).

Trong thời kỳ ồ ạt đổ quân sang tham chiến, từ 1970 trở về trước, Hoa Kỳ chi phí trung bình 25 tỉ đô la mỗi năm cho đạo quân của họ và viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa. Từ năm 1970 cho đến khi Hiệp Định Paris có hiệu lực, vì đang rút quân, Hoa Kỳ chỉ chi phí trung bình 12 tỷ đô la mỗi năm. Ngay sau đó viện trợ cắt xuống còn 2.1 tỉ (1/6), đến 1975 số tiền này chỉ còn 700 triệu đô la (1/3 của 1/6).

Chỉ còn như "muối bỏ biển", vì trong khi đó phía Bắc Cộng vẫn đều đặn nhận được sự giúp đỡ từ Khối Cộng Sản, tăng chứ không suy giảm.

Giữa tháng Tư năm 2006, Cộng Sản Việt Nam tổ chức một cuộc hội thảo tổng kết cuộc chiến tại Sài Gòn, công khai hóa con số viện trợ nhận được từ các nước "Cộng Sản anh em". Giai đoạn 1973 - 1975 (cho 3 năm), họ nhận 724,512 tấn vũ khí và tiếp liệu, không chênh lệch mấy so với giai đoạn 1969 - 1972 (cho 4 năm) là 1,000,796 tấn. Tuy nhiên, vì quân Mỹ đã rút khỏi Việt Nam, kể cả không lực hùng mạnh của họ, một mình Việt Nam Cộng Hòa không còn đủ khả năng để ngăn chặn hữu hiệu Bắc Cộng xây thêm đường đưa tiếp liệu và đổ quân xuống miền Nam, gấp nhiều lần so với giai đoạn trước Hiệp Định Paris 1973.

Nhưng cũng có những tài liệu khác nói rằng chỉ từ đầu năm 1974 cho đến

tháng Tư 1975 quân viện Hà Nội nhận được từ Khối Cộng Sản bằng 160% tổng số quân viện mà họ nhận được trong suốt 13 năm trước đó.

Điểm qua những sách báo - tài liệu đã có từ sau tháng Tư 1975 cho đến hiện tại, có thể đưa ra tương quan lực lượng tổng quát như sau:

Việt Nam Cộng Hòa có 11 Sư đoàn Bộ Binh, 2 Sư đoàn Tổng trừ bị, cộng với Biệt Động Quân, Thiết Giáp, Pháo Binh, là lực lượng luôn luôn có mặt tại chiến trường, Không Quân, Hải Quân được coi là lực lượng trợ chiến. Còn các lực lượng Địa Phương Quân - Nghĩa Quân thì được trang bị kém xa tiêu chuẩn chánh quy, mặc dù trong rất nhiều trường hợp họ chiến đấu ngang ngửa với quân Bắc Cộng chỉ bởi ý chí phải bảo vệ cho bằng được gia đình, thân quyến, láng giềng của chính mình.

Bắc Cộng có 22 Sư đoàn hiện diện tại miền Nam. Và đây là lần đầu tiên họ ồ ạt đưa đồng loạt thêm vào miền Nam một đoàn thiết giáp trên 700 xe, cùng 400 khẩu pháo lớn đủ hạng. Tàu Cộng lúc này cũng đã đưa vào miền Bắc khoảng 50,000 quân gọi là lính Công Binh, thật sự đám quân này có nhiệm vụ hợp đồng tác chiến với 1 Sư đoàn quân Bắc Cộng duy nhất còn lại ở miền Bắc, ngừa trường hợp có đột biến xảy ra. (Nhưng Bắc Cộng rất tự tin sẽ không xảy ra, và họ đã đoán đúng phản ứng của Hoa Kỳ).

Vận mạng "Tiền Đồn Của Thế Giới Tự Do" đã được "Đồng Minh Hoa Kỳ" quyết định. Điều đáng ngạc nhiên, mặc dù sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa đã được coi là không tránh khỏi, thế nhưng tại sao Hoa Kỳ lại muốn nó phải xảy ra thật nhanh?

Sau khi Tổng Thống Nixon phải từ chức, nhục nhã rời khỏi Tòa Bạch Ốc vì vụ Watergate, thái độ của Hành pháp - Lập pháp Hoa Kỳ trở nên gấp gáp hơn trong ý muốn miền Nam Tự Do phải sụp đổ. Phải chăng "khoảng cách thời gian hợp lý" (decent interval) tính từ ngày Hiệp Định Paris 1973 có hiệu lực cho đến ngày Việt Nam Cộng Hòa bắt buộc phải sụp đổ đã đáo hạn? (Frank Snepp là một chuyên viên phân tích tình báo ưu tú nhất của cơ sở trung ương CIA Saigon, trở về Hoa Kỳ sau 30 tháng Tư 1975, anh đã từ nhiệm khỏi CIA để có quyền viết cuốn "Decent Interval" tố cáo Chính phủ Mỹ đã tính toán trước thời gian phải cáo chung).

Hai năm 1973 - 1974 đã đủ để Hoa Kỳ biện minh rằng việc họ cắt giảm viện trợ không phải là lý do khiến Miền Nam Tự Do tan rã trước đoàn quân Cộng sản từ miền Bắc kéo xuống?

Tác giả tin rằng đối với Hoa Kỳ, "Tiền Đồn Của Thế Giới Tự Do" sụp đổ vẫn chưa đủ! Họ còn muốn phần lãnh thổ này lọt vào tay Cộng Sản bởi lý

do quân đội Việt Nam Cộng Hòa thất trận trên chiến trường. Vì nếu đạo quân miền Nam phải bỏ súng đầu hàng do hết đạn dược - tiếp liệu, thì người Mỹ khó biện minh trước dư luận thế giới việc họ cắt giảm - cúp viện trợ là nguyên nhân khiến miền Nam Tự Do sụp đổ.

Đa số những người lính thất trận của quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã, đang và sẽ bị dẫn vật đến tận cuối đời vì câu hỏi tại sao một đạo quân được đánh giá là mạnh mẽ và thiện chiến nhất vùng Đông Nam Á thời bấy giờ lại tan rã trong vòng 55 ngày ngắn ngủi?

Đây mới chính là sự nhục nhã lớn gấp nhiều lần nỗi nhục nhã bị thất trận?!!!

TRẬN PHƯỚC LONG

Phải nhắc đến trận Phước Long trước vì trận đánh này chính là nơi cả hai bên đối địch cùng chờ xem phản ứng của Hoa Kỳ sau khi hình thành Hiệp định "không hòa bình" Paris 1973.

Phước Long nằm cách Sài Gòn 120 cây số về hướng Tây Bắc, giáp ranh giới Quân Khu 3 và Quân Khu 2. Đây là điểm án ngữ quan trọng ngăn chặn con đường xâm nhập và vận chuyển tiếp liệu của quân Bắc Cộng từ Lào - Kăm Pu Chia đổ vào miền Đông Nam Bộ thuộc Việt Nam Cộng Hòa.

Lực lượng trấn thủ Phước Long có 5 Tiểu Đoàn Địa Phương Quân cùng 48 Trung Đội Nghĩa quân, và 1 Tiểu Đoàn Pháo Binh với 8 khẩu 105 ly cộng 4 khẩu 155 ly. Lực lượng tấn công của quân Bắc Cộng đông đảo hơn gấp nhiều lần, với tổng cộng 8 Trung đoàn Bộ Binh của 3 Sư Đoàn 3,7,9 CSBV cộng thêm Trung Đoàn Đặc Công 429; được trợ lực bởi một Trung Đoàn Pháo Binh, 1 Tiểu Đoàn Xe Tăng, 1 Tiểu Đoàn Phòng Không, 1 Trung Đoàn Công Binh, và 2 đoàn Hậu Cần tương đương 1 Trung Đoàn.

Với tương quan lực lượng chênh lệch trầm trọng như vậy, trận Phước Long mở màn vào ngày 12/12/1974. Chỉ sau 2 tuần lễ, Phước Long bị cô lập hoàn toàn với các vùng trực thuộc Quân Khu 3. Mỗi ngày phải chịu đựng hơn 3,000 quả pháo của quân Bắc Cộng rót vào. Nhưng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã không đồng ý với kế hoạch giải cứu Phước Long của Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn III Dư Quốc Đống.

Các lực lượng Việt Nam Cộng Hòa trực thuộc Quân Đoàn III có thể được sử dụng để yểm trợ, giải vây là các Sư Đoàn 5, 18,25 và Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Còn có Lữ Đoàn 3 Thiết Giáp với 7 Thiết Đoàn. Không yểm có

Sư Đoàn 3 Không Quân ở Biên Hòa, Sư Đoàn 5 Không Quân đóng tại Tân Sơn Nhất. Nhưng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chỉ bằng lòng trực thăng

vận 2 Đại Đội của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù xuống Phước Long ngày 4/01/1975. Đã quá trễ!!

Ngày 6/01/1975 Phước Long thất thủ. Chỉ có 850 người thoát ra được trong tổng số 5,400 quân trấn thủ Phước Long. Quân Bắc Cộng khoe họ thu được 5,000 vũ khí đủ loại và một kho đạn đại bác hơn 10,000 viên.

Phản ứng của Hoa Kỳ?

Tấn công Phước Long bằng một lực lượng quy mô như kể trên, rõ ràng Bắc Cộng đã bất chấp, trắng trợn xé bỏ Hiệp định "không hòa bình" Paris 1973. Tổng Thống Nixon từng hứa với Tổng Thống Thiệu là Hoa Kỳ sẽ can thiệp mạnh mẽ bằng quân sự nếu có trường hợp vi phạm rõ ràng xảy ra. Vậy Hoa Kỳ đã làm gì trong trường hợp quá trắng trợn như vậy?? Trận Phước Long vừa mở màn, Chính phủ Hoa Kỳ lên tiếng hù dọa sẽ mang Hàng Không Mẫu Hạm Enterprise vào vùng biển Việt Nam, đồng thời ra lệnh cho lực lượng Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đang đóng ở Okinawa, Nhật Bản, phải chuẩn bị sẵn sàng.

Nhưng cho tới sau khi Phước Long thất thủ, sự hù dọa của Hoa Kỳ cứ là ... hù vẫn hoàn hù! Lối xỏ xiên của Tàu Cộng gọi Mỹ là con cọp giấy bỗng dựng trở thành "xỏ xiên đúng đắn", từ thời điểm này cho đến ngày 30/4/1975.

Giờ đây quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã thấy rõ hai tay mình càng lúc càng bị trói chặt thêm. Phía Bắc Cộng, sau trận Phước Long họ dư tự tin đến dám mang hết lực lượng chiến đấu của mình vào Nam, chỉ còn chừa lại vỏn vẹn 1 Sư đoàn phòng thủ miền Bắc. Thật khó tưởng tượng được, vào lúc đó mà Kissinger vẫn đủ trâng tráo "bình luận" rằng Bắc Cộng đã vi phạm Hiệp định Paris 1973 quá rõ ràng và rằng chỉ cần đổ 1 Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến vào thì có thể thanh toán cả miền Bắc??

Vậy thì tại sao không đổ 1 Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến đang trú đóng tại Okinawa, Nhật Bản vào miền Bắc? Có phải vì "khoảng cách thời gian hợp lý" chỉ là sự tính toán về thời gian buộc Việt Nam Cộng Hòa phải sụp đổ, nhưng không chừa bất cứ cơ hội nào cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa lật ngược thế cờ?

Qua Trận Phước Long, người Mỹ đã có câu trả lời rất rõ ràng cho cả hai phía người Việt: Mỹ không còn can thiệp vào cuộc chiến Việt Nam nữa! Với câu trả lời như thế, phía Bắc Cộng "hồ hởi" chuẩn bị ngay Chiến Dịch Tây Nguyên 2/75 đánh vào Cao Nguyên Vùng 2 Chiến Thuật bắt đầu từ ngày 4 tháng Ba 1975. Về phần Việt Nam Cộng Hòa, ý tưởng cắt bỏ Vùng 1 Vùng 2 Chiến Thuật của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu sẽ được đem ra thực hiện ngay. Có khá nhiều người thắc mắc: Không gửi quân giải

cứu, cũng không đưa quân tái chiếm Phước Long sau khi tỉnh này lọt vào tay Cộng Sản; vậy mà ba tháng sau Tổng Thống lại đòi rút cả Quân Đoàn II về Nha Trang để tái chiếm Ban Mê Thuột là Tổng Thống nói giỡn hay nói chơi?!

TÌNH HÌNH VÀ TƯƠNG QUAN LỰC LƯỢNG VÙNG 2 CHIẾN THUẬT

Vùng 2 Chiến thuật của Việt Nam Cộng Hòa là vùng cao nguyên Trung phần, núi rừng trùng điệp. Đó là một vùng lãnh thổ quá rộng lớn thuộc trách nhiệm bảo vệ của Quân Đoàn II. Thủ phủ các tỉnh cách nhau quá xa, được nối liền bằng những trục lộ xuyên rừng, núi, đèo, dễ dàng bị địch quân cắt đứt, đóng chốt. Phía Đông giáp biển. Quân Đoàn II được chia thành hai vùng trách nhiệm: Vùng Cao Nguyên và Vùng Duyên Hải.

Các sĩ quan cao cấp trong Bộ tham mưu Quân Đoàn II ở bất cứ thời kỳ nào cũng có một nhận xét chung: Quân Đoàn không đủ quân để phòng thủ tất cả lãnh thổ trách nhiệm của mình.

Vì địa dư và quân số như kể trên, Quân Đoàn II phải dựa nặng nề về không thám - bộ thám - do thám kỹ thuật để kịp thời khám phá ra địa điểm đóng quân, sự di chuyển của các đơn vị Bắc Cộng, hầu kịp thời tung ra phản ứng chuyển quân cấp kỳ và hữu hiệu. Nhưng vào thời điểm cuối 1974 đầu 1975, khi mà những phương tiện không yểm - không vận đã tuột xuống mức thiếu hụt thê thảm, phản ứng hữu hiệu như những năm trước thật không dễ thực hiện được nữa.

Tương quan lực lượng lúc bấy giờ:

Bắc Cộng:

5 Sư Đoàn Bộ Binh (3 Sao Vàng - 10 - 316 - 320A - 968).

4 Trung Đoàn độc lập (25 - 271 - 95A - 95B).

1 Trung Đoàn Đặc công (198) cộng 2 tiểu đoàn đặc công độc lập (14 - 10).

1 Trung Đoàn Thiết Giáp (273) với 57 xe.

2 Trung Đoàn Pháo Binh (40 - 675) với 88 khẩu pháo lớn từ 105 ly đến 130 ly. Cùng hơn 100 khẩu cối 80 ly - 120 ly - 160 ly, và 6 dàn phóng hỏa tiễn chống tăng B72. Các đơn vị bộ binh có 1,561 phóng lựu B40-B41.

3 Trung Đoàn phòng không (232 - 234 - 593) với 343 súng phòng không đủ loại.

2 Trung Đoàn công binh (7 - 575).

1 Trung Đoàn truyền tin (29).

1 Trung Đoàn vận tải với 679 xe.

Đạn dược, xăng dầu đủ sử dụng trong 3 tháng với tình trạng phải chiến đấu liên tục... ..

Việt Nam Cộng Hòa: Quân Đoàn II phải chia hai lực lượng vì có 2 vùng lãnh thổ trách nhiệm phải phòng thủ:

Vùng Cao Nguyên (nơi xảy ra Trận Ban Mê Thuột và Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II)

1 Sư Đoàn Bộ Binh (23)

5 Liên đoàn Biệt Động Quân (21 - 22 -23 -24 -25)

36 Tiểu đoàn Địa phương quân, Nghĩa quân.

3 Thiết đoàn (3 - 19 -21) gồm 371 xe.

Không quân gồm 1 phi đoàn chiến đấu với 32 chiếc - 2 phi đoàn trực thăng với 86 chiếc - 1 phi đoàn vận tải, trinh sát với 32 chiếc.

1 Liên đoàn Công Binh (20)

Vùng Duyên Hải:

1 Sư Đoàn Bộ Binh (22)

45 Tiểu đoàn Địa phương quân, Nghĩa quân.

1 Thiết đoàn và 8 Chi đội gồm 117 xe.

Không quân: 12 phi đoàn (102 chiếc chiến đấu - 164 trực thăng - 69 vận tải, trinh sát).

Hải quân: 2 Hải đoàn - 2 Giang đội trên sông.

Đạn dược, xăng dầu đủ sử dụng trong 2 tháng với tình trạng phải chiến đấu liên tục.

Theo lời kể của Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất, trước khi được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Quân Đoàn II, Tướng Phú có lên Pleiku thăm ông. Tướng Phú hỏi ý kiến Tướng Tất về chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn II, ông Tất cảm ông Phú không nên nhận, vì làm Tư Lệnh vùng này rất "khó nuốt". Tây Nguyên đất rộng, quân ít, phía ta đang ở thế bị động, giữ thế thủ thì khó lắm. Với lực lượng hiện hữu làm sao thủ cho kín được.

Tháng 12/1974, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú chính thức thay thế Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn nắm chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn II. Tướng Phú tuy đã từng làm Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh, cũng ở vùng rừng núi, nhưng địa thế Vùng 2 đối với ông thật quá mới mẻ, xa lạ, có thể nói là ông chưa biết gì nhiều.

Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất, được coi là thân cận nhất với Tướng Phú, kể rằng người thương mến Tướng Phú nhất là Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, chính cụ Hương là người gắn lon Chuẩn Tướng cho Đại Tá Phú bằng chiếc lon hai sao của Thiếu Tướng Nguyễn Viết Thanh bẻ đôi ra. Ngoài ra Tướng Phú còn được sự hậu thuẫn từ Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm. Tướng Tất nói rằng ông không biết nhân vật nào đã đề bạt Tướng Phú vào chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn, nhưng theo Tướng Phú tiết lộ thì ông được đề nghị làm Tư Lệnh Quân Đoàn IV, cuối cùng Tổng Thống chỉ chấp thuận cho ông nắm Tư Lệnh Quân Đoàn II. Lẽ nào Tổng Thống Thiệu với tính đa nghi vẫn chưa quên vụ Tướng Quảng tố cáo ông Phú có ý định bắt Tổng Thống khi Tổng Thống trốn Tướng Nguyễn Khánh bay ra Nha Trang (sẽ kể rõ hơn vụ này ở phần sau). Nếu không có ý đốt cháy thì Tổng Thống cũng phải đẩy đi càng xa càng tốt. Ai cho rằng đã là Tướng thì vai trò nào cũng thích hợp? Điều này không chính xác. Ai cũng có sở trường, sở đoản. Bổ nhiệm đúng vị trí thì hiệu quả thành công càng cao. Khả năng có thể khai thác được tối đa từ Tướng Phú là trong chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn IV. Vùng đồng bằng mới chính là sở trường của ông.

Đứng đầu quân đội Việt Nam Cộng Hòa, mặc dù có Bộ Tổng Tham Mưu với Đại Tướng Cao Văn Viên là Tổng Tham Mưu Trưởng, nhưng Tổng Thống Thiệu với tư cách là Tổng Tư Lệnh tối cao đã dành hết quyền điều hành trực tiếp chiến trường. Từ Dinh Độc Lập, Tổng Thống Thiệu ra lệnh và nhận báo cáo trực tiếp từ các vị Tướng cấp Quân Đoàn. Do vậy các Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn liên lạc trực tiếp với Dinh Độc Lập, không màng thông qua Bộ Tổng Tham Mưu. Với tình trạng này, Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Cao Văn Viên phản ứng lại bằng cách thờ ơ với chức vụ của mình, ông ngồi lì trong văn phòng, lại dùng nhiều thì giờ để ngồi thiền hay đi học đại học. Thậm chí đã nhiều lần đệ đơn xin từ chức. Nhưng có vẻ như Tổng Thống Thiệu "khoái" duy trì tình trạng như vậy, ông Thiệu lần nào cũng bác đơn Tướng Viên.

Vẫn theo lời kể của Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất, Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II thì khác. Tướng Phú tuân thủ nguyên tắc, luôn thủ phận của một

thuộc cấp, đàn em. Ông vẫn thông qua mọi việc trước hoặc sau khi trực tiếp nhận lệnh hay đưa ý kiến với Dinh Độc Lập. Điều đáng buồn là cách cư xử của Tướng Phú lại bị một vị Tướng đàn anh tại Bộ Tổng Tham Mưu đánh giá là "yếu", một Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn "yếu". Trung Tướng Đồng Văn Xuyên đã làm áp lực với Tướng Phú về việc bổ nhiệm chức vụ Tham Mưu Trưởng, kể cả một số các chức vụ Trưởng phòng của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II.

Tướng Tất nhìn nhận rằng trong thời gian đó tin đồn thổi rất nhiều, gây chia rẽ trong nội bộ không ít. Ngoài ra, "tật" bị chi phối nặng bởi tình cảm, "tật" thích "dĩ hòa vi quý" cũng đã ảnh hưởng lớn đến sự quyết đoán cần thiết trong giai đoạn những tháng đầu tiên vừa nhận chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn II.

Vì vậy, sẽ không có gì đáng ngạc nhiên khi sau này ở hải ngoại đã có những vị cựu thuộc cấp trực tiếp của Tướng Phú lên tiếng chỉ trích gay gắt vị cựu Tư Lệnh của mình trước công luận, mặc dù Thiếu Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II Phạm Văn Phú đã trở thành một trong năm vị Tướng Anh Hùng tuấn kiệt của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, ngay sau ngày Miền Nam Tự Do sụp đổ.

TRẬN BAN MÊ THUẬT **Tình Báo Chiến Trường**

Có lẽ muốn trình bày về tình báo chiến trường của phía Việt Nam Cộng Hòa trong Trận Ban Mê Thuột 1975 thì không có gì hơn là trích lại một số đoạn trong bài "Thiếu Tướng Phạm Văn Phú Và Quân Đoàn II" do Đại Tá Trịnh Tiểu viết ở Hoa Kỳ vào khoảng năm 2004. Ba thập niên trước, Đại Tá Trịnh Tiểu là Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn II, tức là nhân vật cầm đầu ngành tình báo chiến trường của cả Vùng 2 Chiến Thuật.

Theo bài này:

Tin tình báo dồn dập đầu tháng 2/1975

Đầu tháng 2.1975, tôi nhận được các báo cáo dồn dập.

Bộ phận tình báo kỹ thuật gửi cho tôi một bản báo cáo của cộng quân thông báo ngày 1.2.1975 có triệu tập một cuộc họp quan trọng tại vùng biên giới Việt Nam-Cambodge (Tây Đức Cơ) gồm các Tư lệnh Sư đoàn 320, sư đoàn 10, sư đoàn 968 để triển khai chiến dịch 275. Ở dưới báo cáo ký tên Tuấn là bí thư của ai? Sau này, tôi mới

biết Tuấn là bí danh của Văn Tiến Dũng.

Một bản báo cáo khác cho biết một nữ du kích hồi chánh tại Ban Mê Thuột cho biết Trung đoàn 25 địa phương được lệnh ăn Tết trước và sẽ chuyển quân về hướng Đông để hoạt động trên địa bàn Khánh Dương, tỉnh Khánh Hòa dọc theo Quốc lộ 21. Đương sự còn cho biết chi tiết thêm đã nhìn thấy nhiều toán binh sĩ của Sư đoàn 10 di chuyển về hướng quận Đức Lập, tỉnh Quảng Đức.

Ngày 5.2.1975 một Nghĩa Quân của ta tại Tỉnh Quảng Đức ngồi trên xe Lambretta chở hành khách đã nhặt được một lá thư viết toàn chữ số. Phòng 2 Tiểu Khu Quảng Đức dịch ra nguyên văn như sau: "Gửi đồng chí... (lâu ngày tôi quên tên). Kế hoạch đánh chiếm thị xã Ban Mê Thuột đã được Hà Nội chấp thuận. Báo cho đồng chí biết để chuẩn bị đầy đủ mọi mặt. Thời gian sẽ thông báo cho đồng chí sau".

Tỉnh Quảng Đức là tỉnh mới, do Tổng Thống Ngô Đình Diệm lập ra khi có chính sách dinh điền. Cộng quân vẫn coi Tỉnh này thuộc lãnh thổ Tỉnh Đắk Lắk (Ban Mê Thuột).

Một tù binh đang làm nhiệm vụ giăng dây điện thoại dã chiến cho các Trung đoàn, thuộc Sư đoàn 320 cho biết, sư đoàn đang di chuyển quân về hướng thị xã Ban Mê Thuột. Các Đại đội trưởng đều được học cách tác chiến trong Thành phố và mỗi người được phát một tấm bản đồ Thị Xã Ban Mê Thuột. Các loại máy truyền tin lớn của Sư đoàn 320 được lệnh để nguyên tại vị trí cũ (Tây Pleiku) không được mang theo.

Các thợ làm rừng cũng báo cáo thấy nhiều Cộng quân di chuyển về hướng Nam. Các toán Biệt Kích hoạt động vùng ranh giới Pleiku và Ban Mê Thuột đã phá hủy và đem về một đoạn ống dẫn dầu của Cộng quân. Tổng hợp các tin tức trên, tôi làm bản "Ước tính tình báo" trình lên Tướng Phú và nhận định: Cộng quân sẽ tấn công vào thị xã Ban Mê Thuột với sư đoàn 320 và sư đoàn 10, có chiến xa yểm trợ, trong một thời gian rất gần. Địch giữ nguyên truyền tin của sư đoàn 320 lại phía Tây Pleiku và Kon Tum không phải là mục tiêu chính của cộng quân trong chiến dịch này.

Trước Tết 5 ngày, Tổng Thống Thiệu lên Quân Đoàn II để ủy lạo binh sĩ. Tôi đích thân thuyết trình về tình hình cộng quân tại Quân Khu II và khẳng định rằng: Địch sẽ tấn công Ban Mê Thuột thời gian sau Tết. Sau khi thuyết trình xong, Tổng Thống Thiệu thay vì lên Kon Tum vui Xuân với Biệt Động Quân, ông thay đổi lộ trình đi thăm Ban Mê Thuột và Quảng Đức. Ông đến ủy lạo nhiều đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân tại đây và nhắc nhở nhiều binh sĩ phải

cố gắng chiến đấu đẩy lui cuộc tấn công của cộng quân sắp đến. Trước khi trở lại Sài Gòn, Tổng Thống Thiệu đã chỉ thị Tướng Phú đem Sư đoàn 23 Bộ Binh về phòng thủ Ban Mê Thuột.

Tướng Phú vẫn nghi ngờ, không chịu thi hành lệnh.

Một tuần lễ sau, tôi vẫn chưa thấy Tướng Phú chuyển quân tăng cường Ban Mê Thuột như chỉ thị của Tổng Thống Thiệu, trong lúc đó các vụ chạm súng lẻ tẻ của Địa Phương Quân và Nghĩa Quân tại Quận Đức Lập (giáp ranh Cambodge và Việt Nam), ta tịch thu trên người tử thi nhiều tài liệu và nhật ký binh sĩ thuộc đơn vị sư đoàn 316 Bắc Việt, điều này chứng tỏ sư đoàn 316 cũng có mặt tại chiến trường Cao Nguyên. Tôi làm một phúc trình đặc biệt trình về Bộ Tổng Tham Mưu, để sau này nếu mất Ban Mê Thuột, Lãnh đạo Sài Gòn không thể quy trách về Tỉnh Báo.

Thậm chí các sách vở - tài liệu sau này đã trích đăng lời kể của Đại Tá Tiểu là:

Ngày 2.3.1975, Chi Trưởng CIA ở Quân Khu 2 tại Nha Trang đã lên Ban Mê Thuột báo cho Đại Tá Nguyễn Trọng Luật, Tỉnh Trưởng, biết Cộng quân đang chuẩn bị đánh Ban Mê Thuột và yêu cầu Đại Tá Luật phải đề phòng. Đại Tá Luật thông báo cho Quân Đoàn thì ở đây cho biết cũng đã nhận được công điện của CIA vào buổi sáng.

Có bài vở còn ghi rõ, nhân viên CIA thuộc chi nhánh Nha Trang đến Ban Mê Thuột báo động cho Đại Tá Nguyễn Trọng Luật tên là Howard Arche.

Về phía Mỹ, mặc dù đã rút hết quân, nhưng cơ quan tình báo CIA vẫn để lại các chi nhánh của mình trên toàn miền Nam. Chi nhánh trung ương đặt tại Sài Gòn, chi nhánh Vùng 2 đặt tại Nha Trang, v.v...

Ngôi sao sáng nhất của CIA tại chi nhánh trung ương Sài Gòn lúc đó là Frank Snepp (tác giả cuốn sách Decent Interval tức Khoảng cách Thời Gian Hợp Lý) sau này kể rằng:

Do những phán đoán sai lầm từ cơ quan tình báo CIA tại Sài Gòn về việc "cộng sản chỉ có ý định bao vây và cắt đứt các đường giao thông" nên tại Ban Mê Thuột, QLVNCH không có một phương án khả thi nào để phòng thủ Ban Mê Thuột.

Và:

Trong khi đó ở Sài Gòn, tôi làm xong một bản nhận định về chiến lược của quân đội Bắc Việt Nam. Tôi dự kiến ít nhất sẽ có 4 sư đoàn Bắc Việt Nam định cô lập Huế và Đà Nẵng trong những tuần tới, còn những đơn vị khác sẽ đánh lấn vùng bờ biển phía nam

Quân khu 1. Có thể đồng thời họ sẽ tấn công Quân khu 3 vào hệ thống đường xá phía Nam, phía đông các thị xã Pleiku, Kon Tum và chung quanh Ban Mê Thuột. Và tôi đã hoàn toàn lầm lẫn. Tôi đã không dự kiến được Cộng Sản sẽ đánh vào nơi nào đầu tiên. Ở Sứ quán Mỹ tại Sài Gòn, chúng tôi không hề biết tướng Văn Tiến Dũng đang ở miền Nam Việt Nam, lại càng không biết ông ta đặt sở chỉ huy phía Tây Nam Ban Mê Thuột để chuẩn bị tiến công thị xã. Quân tiếp viện của cộng sản kéo vào vùng này cũng không hề có ai biết.

Alan Dawson, Phóng viên chiến trường của UPI tại Vùng II (tác giả cuốn "55 Days: The Fall of South Vietnam") cũng xác nhận:

Mặc dù có lúc Tướng Phú đã định điều động Sư đoàn 23 về Ban Mê Thuột nhưng các chi nhánh CIA tại Quân khu 2 và phòng 2 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH đều khẳng định Sư đoàn 10 và sư đoàn 320 Bắc Cộng vẫn ở nguyên chỗ cũ. Trên bản đồ tình báo của Phủ Đặc Ủy Tình Báo VNCH, của Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH, của Đại Sứ Quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn và Bộ Tư Lệnh Quân đoàn II đều cho thấy một cụm quân rất lớn gồm 2 đến 3 sư đoàn có trang bị mạnh của Bắc quân đang chiếm lĩnh vị trí quanh Kon Tum và cả Pleiku cách đó hơn 20 km.

So sánh các bài viết trên, tất cả đều viết sau này tại Hoa Kỳ của Đại Tá Trịnh Tiểu - CIA Frank Snepp - Journalist Alan Dawson, tác giả nhận định:

CIA Frank Snepp thú nhận vì nhận định sai lầm của chi nhánh trung ương CIA Sài Gòn nên phía quân đội Việt Nam Cộng Hòa (Quân đoàn II) đã không có kế hoạch phòng thủ khả thi cho Ban Mê Thuột.

Journalist Alan Dawson thì kể vào lúc quân Bắc Cộng sắp tiến đánh Ban Mê Thuột, bản đồ của các phía Việt - Mỹ từ trung ương cho đến Vùng II đều cho thấy đại quân Bắc Cộng tập trung xung quanh Kon Tum và Pleiku. Và mặc dù có lúc Tướng Phú đã định điều động Sư đoàn 23 về Ban Mê Thuột, nhưng các chi nhánh CIA tại Quân Khu 2 và phòng 2 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH đều khẳng định Sư đoàn 10 CSBV và Sư đoàn 320 vẫn ở nguyên chỗ cũ.

Chỉ một mình Đại Tá Trịnh Tiểu kể rằng trưởng chi nhánh CIA ở Nha Trang là Howard Arche đã đến Ban Mê Thuột ngày 2/3/1975 trực tiếp báo cáo cho Đại Tá Tỉnh Trưởng Nguyễn Trọng Luật biết Bắc Cộng sẽ đánh Ban Mê Thuột, Đại Tá Luật báo động cho Quân đoàn thì được trả lời Quân Đoàn đã nhận được công điện do chi nhánh CIA Nha Trang gửi đến cùng với nội dung.

Điều này không tin được!

Nếu Howard Arche và chi nhánh CIA Nha Trang có đủ thời gian để trực tiếp đến Ban Mê Thuột và thảo công điện gửi cho Quân Đoàn II, thì lẽ nào họ không có thì giờ gửi công điện cho chi nhánh trung ương CIA Sài Gòn để đến nỗi Frank Snepp phải vướng vào sai lầm như kể trên?!

Nhưng "tiếng nói của người trong cuộc" không chỉ có bài viết của Đại Tá Trịnh Tiểu, mà còn có bài "Nhìn lại Trận Ban Mê Thuột" do chính Đại Tá

Nguyễn Trọng Luật (Tỉnh Trưởng Ban Mê Thuột) viết và đăng trong cuốn "Thép và Máu" của Đại Tá Thiết Giáp Hà Mai Việt. Đại Tá Luật cũng có kể về một người Mỹ đã đến Ban Mê Thuột, nhưng đó là vào ngày Chủ Nhật 9/3/1975, tên ông ta không phải là Howard Arche, nghề nghiệp không phải CIA, người ông ta đến tìm cũng không phải là Đại Tá Tỉnh Trưởng Ban Mê Thuột Nguyễn Trọng Luật. Rồi mục đích cũng không phải mang tin đến mà là ... đến hỏi tin!

Nguyên văn như sau: " Khi về đến Ban Mê Thuột, tôi lại phải đến nhà Tướng Lê Trung Tường để đưa tướng này về Pleiku bằng trực thăng. Bước vào nhà, tôi thấy Tướng Tường đang nói chuyện với gia đình và sau đó tôi cùng Tướng Tường ra phi trường L-19, đây cũng là phi trường trực thăng. Trong lúc chờ đợi trực thăng đến, ông Paul Struharick, đại diện Tổng Lãnh Sự Mỹ tại Nha Trang, đến hỏi Tướng Tường về tình hình Việt Cộng xung quanh Ban Mê Thuột ra sao. Tướng Tường cười hí hí, có vẻ tự tin tự đắc, cầm cây gậy tướng lãnh đánh vào mông đít mình bộp bộp, rồi trả lời bằng tiếng Anh: "Don't worry about that".

Không có đoạn nào ông Đại Tá Tỉnh Trưởng Nguyễn Trọng Luật, vốn rất tin rằng quân Bắc Cộng sẽ tấn công vào tỉnh mình trước nhất, viết kể về một ông CIA mang tên Howard Arche từ Nha Trang đến tìm gặp ông để báo động cả.

Đại Tá Trịnh Tiểu trình bày rằng ông có những tin tình báo chính xác, dựa vào đó ông đã đưa ra nhận định rất đúng về mục tiêu của địch, nhưng Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II Phạm Văn Phú vì không tin ông mà bị vướng kế nghi binh khiến Ban Mê Thuột lọt vào tay Cộng Sản.

Ông Tiểu chỉ nói ra một nửa sự thật, và khác với nửa ổ bánh mì, một nửa sự thật không bao giờ là sự thật được. Đại Tá Tiểu quả là có được những tin tình báo chính xác, nhưng ông chưa bao giờ có can đảm chính mình kết luận rằng Ban Mê Thuột là mục tiêu của quân Bắc Cộng chứ không phải Pleiku! Ông sợ trách nhiệm. Để hiểu thôi, ông không dám đi ngược lại nhận định của tình báo Mỹ.

Vẫn với bài viết vừa nêu trên, Đại Tá Nguyễn Trọng Luật đã vô tình làm lộ ra "phân nửa sự thật" còn lại của Đại Tá Trịnh Tiểu, chỉ với 3 dòng chữ. Ở phần đầu Đại Tá Luật kể về những hoạt động của ông trong ngày Chủ Nhật 9/3/1975 rồi đóng lại bằng kết luận:

Tôi như người có miệng phải câm, nhìn đồi núi chập chùng của Cao Nguyên mà lòng héo hắt. Vận mệnh của cả đất nước đang bị cấp chỉ huy lượng giá sai và chiến thắng sẽ đến chỉ là may mắn. Tôi phải đương đầu thử thách này đến bao giờ? Nghĩ đến câu dặn dò của Tướng Phú để dối lòng: "Hãy coi chừng tụi nó đánh nghe", như một câu nói thông thường. Rồi "Don't worry about that" của Tướng Tường nói một cách kiêu hãnh với ông Paul. Cộng thêm lời tường trình của Trung Tá Trưởng Phòng Nhì Quân Đoàn: "Cộng quân vẫn còn lẫn lẩn tại Pleiku, Kon Tum kể cả những đơn vị Thiết Giáp" làm tôi cũng bớt lo âu đi phần nào. Và tự an ủi mình, nếu Cộng quân có tiến chiếm Ban Mê Thuột, mình còn cầm cự được đôi ba ngày. Khó khăn lắm tôi mới chớp mắt qua đêm với những lo âu.

Thì ra qua lời kể của Đại Tá Trưởng Ban Mê Thuột, chính Đại Tá Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn Trịnh Tiểu vào thời điểm kề cận quân Bắc Cộng tiến đánh Ban Mê Thuột cũng làm như chuyên viên tình báo Hoa Kỳ Frank Snepp (đã can đảm thú nhận), và như ký giả UPI Alan Dawson đã ghi nhận (trung thực). Đại Tá Trịnh Tiểu cũng vướng kế nghi binh của địch, như Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II Phạm Văn Phú, như Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Lê Trung Tường, như phía tình báo chiến trường Hoa Kỳ (giả vờ làm?).

Điểm khác biệt là, nếu có làm kế nghi binh thì Tướng Phú - Tướng Tường đã làm do bởi cái sự làm của Đại Tá Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn Trịnh Tiểu!

ooo

Câu chuyện Ông Đại Sứ Anh

Đề cập vấn đề tình báo chiến trường trong Trận Ban Mê Thuột, còn có một chi tiết chưa từng được tiết lộ, từ Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất, Tư Lệnh mặt Trận Kon Tum - Pleiku.

Tác giả gặp lại Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất vào năm 2010 khi ông về Orange County, California, tham dự Đại Hội Biệt Động Quân được tổ chức tại đây. Trong lúc cùng ăn trưa trong một nhà hàng trên đường Westminster gồm có Tướng Tất, Trung Tá Trần Duy Hòa là cựu Trưởng Phòng 2 Biệt Động Quân Quân Khu 2, và tác giả; Tướng Tất tình cờ kể về chuyến viếng thăm của Đại Sứ Anh John Bushell vào cuối tháng Hai năm

1975 (không nhớ rõ ngày).

Theo Tướng Tất, sau khi Tướng Phú trở thành Tư Lệnh Quân Đoàn II, ông tiếp tục tập trung các Liên Đoàn Biệt Động Quân thành một khối tương đương cấp Sư Đoàn và cũng tiếp tục giao cho Đại Tá Phạm Duy Tất, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Vùng 2 Chiến Thuật chỉ huy trực tiếp. Có vùng trách nhiệm hẫng hoi, thay vì phân tán Biệt Động Quân tăng phái hết chỗ này đến chỗ khác. Làm được như thế, Tướng Toàn - Tướng Phú đã tận dụng quân một cách triệt để hơn. Vừa sau khi Đại Tá Tất được Tướng Phú chính thức bổ nhiệm làm Tư Lệnh Mặt Trận Kon Tum - Pleiku với 4 Liên Đoàn Biệt Động Quân cơ hữu, thì ông Đại Sứ Anh John Bushell đáp trực thăng xuống thăm viếng. Đây là cuộc viếng thăm không chánh thức nên Tướng Tất chỉ tổ chức một buổi ăn trưa giản dị giữa ông - ông John Bushell - và người Tùy Viên của Đại Sứ. Không có thuyết trình, chỉ là câu chuyện xã giao xuyên qua buổi ăn trưa.

Đầu năm 2013, khi bắt tay vào viết cuốn sách này, tác giả lập tức hỏi Tướng Tất những chi tiết vụ ông Đại Sứ Anh John Bushell đáp trực thăng xuống Kon Tum vào khoảng cuối tháng Hai 1975. Tác giả thắc mắc, lý do gì ông Đại Sứ nước Anh lại bất ngờ đến thăm một đơn vị Việt Nam Cộng Hòa tại chiến trường, mà đây là chiến trường Cao Nguyên xa xôi, nơi sẽ xảy ra hai biến cố trọng đại liên quan đến vận mạng quốc gia Việt Nam Cộng Hòa? Chuyển viếng thăm này hình như là chưa từng có tiền lệ.

Tướng Tất kể, trong bữa cơm trưa Đại Sứ Anh John Bushell hỏi thăm về tình hình chung vùng Cao Nguyên, cũng như tình hình Kon Tum. Tướng Tất trả lời đang theo dõi rất sát truyền tin và điện đàm của Sư Đoàn 10 CSBV, nhưng họ tiếp tục giữ im lặng vô tuyến. Ông Đại Sứ Anh hỏi thêm, có thể chống giữ Kon Tum nếu quân Bắc Cộng tấn công không, Tướng Tất trả lời đánh tới cùng để chống giữ là chắc chắn rồi, tuy nhiên ông cũng sẽ bị ảnh hưởng vì đạn dược, tiếp liệu giới hạn. Ông John Bushell bèn nói, đừng lo sẽ có đủ những thứ đó cho Tướng Tất.

Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất kể rằng lúc bấy giờ ông chỉ nghĩ đây là một cuộc viếng thăm bình thường của ông Đại Sứ có một số kiều dân cư ngụ trên khắp lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, trong đó có vùng Cao Nguyên. Ông ta vốn có trách nhiệm phải lo liệu cho họ kịp thời. Còn chuyện hứa hẹn về đạn dược - tiếp liệu thì cũng chỉ là câu nói trấn an, xã giao mà thôi. Mặc dù vậy, Tướng Tất cũng thú nhận, cuộc viếng thăm của Đại Sứ Anh khiến ông mang cảm giác như quân Bắc Cộng có thể tấn công Kon Tum

hoặc Pleiku. Sau khi ông Đại Sứ Anh ra về, Tướng Tất gọi điện trình bày tất cả câu chuyện cho Tướng Phú.

Tác giả thì không nghĩ giản dị như thế, và đặt vài câu hỏi cho chuyển viếng

thăm này. Rồi tự thử giải thích:

1/ Anh được coi là đồng minh thân thiết nhất của Mỹ. Nếu đây là cuộc viếng thăm có "hậu ý gì đó" thì Đại Sứ Anh đóng vai khách thăm viếng là có ý nghĩa nhất. Phía Việt Nam Cộng Hòa sẽ rất dễ dàng hiểu ngầm ông John Bushell chính là tiếng nói không chính thức của Mỹ.

2/ Đến gặp Tướng Tất thay vì gặp người khác (chẳng hạn như Tướng Tường, Tư Lệnh Sư Đoàn 23) bởi Tướng Tất được coi là thân thiết nhất và được Tướng Phú tin cẩn nhất. Họ nói gì với Tướng Tất thì chắc chắn Tướng Phú cũng sẽ được biết một cách trung thực nhất.

3/ Người Mỹ gián tiếp hứa hẹn sẽ có đầy đủ đạn dược, tiếp liệu cho Tướng Tất giữ Kon Tum, chứ Đại Sứ Anh lấy đâu ra những thứ đó mà hứa?

Đây chính là một trong những lý do khiến tác giả nhất quyết đeo đuổi việc viết cuốn "Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất Và Sự Thật Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II" này. Và chính Tướng Tất cũng đã chịu từ bỏ quan niệm cá nhân "là bại tướng thì nói gì cũng là bại tướng" như ông từng tuyên bố với các đài Truyền hình Việt Ngữ ở nam California khi về tham dự Đại Hội Biệt Động Quân năm 2010, để kể chuyện cho tác giả viết. Cũng như tác giả, Tướng Tất bắt đầu chịu kể chuyện vụ Ban Mê Thuột và vụ Triệt Thoái Quân Đoàn II bởi có những câu hỏi rất lớn về ông Đại Sứ Anh.

Bị cúp hẳn viện trợ, Việt Nam Cộng Hòa không thể sống sót. Nhưng phải chăng ông Đại Sứ Anh John Bushell đã giúp người bạn Mỹ "giải quyết" quân đội Việt Nam Cộng Hòa cho sớm, và phải là trên chiến trường; thay vì Quân Đoàn II chỉ buông súng khi không còn vũ khí - tiếp liệu nữa? Nhằm tránh tiếng cho siêu cường Hoa Kỳ!

Điều này khiến tác giả đâm rabăn khoăn không ít! Người Mỹ... ..Người Mỹ ...

Tư Lệnh Quân Đoàn cãi lệnh Tổng Tư Lệnh ?

Lại vẫn Đại Tá Trịnh Tiểu. Tác giả không hiểu Tư Lệnh Quân Đoàn II Phạm Văn Phú đã làm gì đối với ông Đại Tá Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn Trịnh Tiểu khiến ông Tiểu ở hải ngoại sau này quyết ý tấn công vào uy tín của Tướng Phú bằng mọi giá. Kể cả cái giá dám dựng chuyện không có.

Ngoài việc tố cáo Tướng Phú vì không tin ông ta nên làm kế nghi binh của Bắc Cộng khiến thất thủ, Đại Tá Trịnh Tiểu còn nhiều lần tố Tướng Tư

Lệnh Quân Đoàn II Phạm Văn Phú cãi lệnh Tổng Thống Tổng Tư Lệnh Nguyễn Văn Thiệu. Đặc biệt là câu chuyện di chuyển Sư Đoàn 23 BB do Chuẩn Tướng Lê Trung Tường làm Tư Lệnh về phòng thủ.

Đại Tá Trịnh Tiểu viết:

Trước Tết 5 ngày, lên Quân Đoàn II để ủy lạo binh sĩ. Tôi đích thân thuyết trình về tình hình cộng quân tại Quân Khu II và khẳng định rằng: Địch sẽ tấn công Ban Mê Thuột thời gian sau Tết. Sau khi nghe thuyết trình xong, Tổng Thống Thiệu thay vì lên Kon Tum vui xuân với Biệt Động Quân, ông thay đổi lộ trình đi thăm Ban Mê Thuột và Quảng Đức. Ông đến ủy lạo nhiều Đơn vị Địa Phương Quân và Nghĩa Quân tại đây và nhắc nhở nhiều Binh Sĩ phải cố gắng chiến đấu đẩy lui cuộc tấn công của cộng quân sắp đến. Trước khi trở lại Sài Gòn, Tổng Thống Thiệu đã chỉ thị Tướng Phú đem Sư Đoàn 23 Bộ Binh về phòng thủ Ban Mê Thuột.

Tướng Phú vẫn nghi ngờ, không chịu thi hành lệnh.

ooo

Ngày 1.3.1975, Tướng Phú ra lệnh cho Chuẩn Tướng Lê Trung Tường, Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh, di chuyển toàn bộ Sư Đoàn về phòng thủ Ban Mê Thuột. Đoàn xe Sư Đoàn 23 chuyển bánh hướng về phía Nam, khi đến ranh giới Tỉnh Pleiku và Đắc Lắc, Tướng Phú chỉ thị cho Phòng 3 Quân Đoàn ra lệnh cho đoàn xe phải quay trở lại Pleiku. Lệnh này làm cho cả Bộ Tham Mưu Quân Đoàn phải ngạc nhiên. Tướng Phú giải thích với Tư Lệnh Sư Đoàn 23 và các Trung Đoàn Trưởng: "Địch giả vờ vây Ban Mê Thuột để đánh Pleiku đấy".

Nhưng, một lần nữa, không phải chỉ có một mình Đại Tá Trịnh Tiểu viết về vụ chuyển quân này.

Đại Tá Nguyễn Trọng Luật, Tỉnh Trưởng Ban Mê Thuột, viết trong bài "Nhìn lại Trận Ban Mê Thuột" như sau:

Với nhiều lần xin quân viện, mãi đến ngày 4/3/1975, Tướng Phú mới bằng lòng cho Trung Đoàn 45 về Ban Mê Thuột. Lệnh di chuyển này đã được ban hành. Hai giờ chiều cùng ngày, toàn thể đơn vị thuộc Trung Đoàn 45 đã ngồi lên GMC để chờ lệnh Tướng Tường là xe chuyển bánh. Không ngờ ngay lúc đó, Cộng quân pháo kích vào thị xã Pleiku, cũng như Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II. Tướng Phú đang ở Nha Trang được báo cáo của Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn II về việc pháo kích này, đã không ngần ngại hét vào máy: - Tôi ra lệnh

cho Trung Đoàn 45 không di chuyển về Ban Mê Thuột nữa, ở lại Pleiku vì mặt trận Pleiku đã bùng nổ rồi.

Nhà báo Lữ Giang thì viết:

Theo kế hoạch này, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 sẽ di chuyển bằng đường bộ, khi qua khu đèo Tử Sĩ, Trung Đoàn 45 sẽ đi theo tháp tùng. Trung Đoàn 44 đợi một Liên Đoàn Biệt Động Quân đến thay thế trong vòng 3 ngày và sẽ đi sau. Tám giờ sáng ngày 18.2.1975, đoàn quân tập trung tại căn cứ Hàm Rồng để khởi hành, nhưng đến 11 giờ Tướng Phú ra lệnh hủy bỏ việc chuyển quân. Ông nói địch sẽ đánh Pleiku và việc địch chuyển quân quanh Ban Mê Thuột chỉ là nghi binh mà thôi. Lệnh của Tướng Phú đã làm cả Quân Đoàn 2 ngạc nhiên.

Chỉ có một mình Đại Tá Trịnh Tiểu "độc diễn" một màn "âm ly bi đát" rằng quân Sư Đoàn 23 đã được chở tới tận ranh giới Pleiku - Ban Mê Thuột thì Tướng Phú ra lệnh phải quay ngược trở lại. Màn "âm ly bi đát" này không ngoài mục đích chẳng những tố Tướng Phú cãi lệnh Tổng Thống mà còn nhằm tố rằng Tướng Phú cầm quân không tự tin, đột ngột quyết định ngược lại khi cuộc hành quân bắt đầu.

Cãi lệnh Tổng Thống? Chẳng lẽ ông Đại Tá Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn II đòi hỏi ông Tư Lệnh Quân Đoàn phải báo cáo cho ông ta biết về nội dung của tất cả cuộc bàn bạc riêng tư giữa Tổng Thống và Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II Phạm Văn Phú? Chỉ cần biết tự hỏi, tại sao Tổng Thống Thiệu không trừng phạt Tướng Phú sau khi Ban Mê Thuột mất, thì Đại Tá

Tiểu sau này đã không cần phải tố vợ vẫn Tướng Phú "cãi lệnh" Tổng Thống!

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú là ai mà dám lờ đi lệnh của Tổng Thống Thiệu hồi ông ấy ra thăm Ban Mê Thuột, Quảng Đức dịp Tết 1975? Rồi lại ngang nhiên ra lệnh di chuyển ngược trở lại cả Sư Đoàn mà không xin lệnh từ Dinh Độc Lập? Một Tướng Phú sau trận Ban Mê Thuột đã ngoan ngoãn thi hành lệnh triệt thoái cả Quân Đoàn vô cùng quái đản của Tổng Thống Thiệu.

Không giống Tướng Phú chút nào!

Tâm Thần của Vị Tổng Tư Lệnh

Năm 1974 là một năm bết bát nhất trong đời làm Tổng Thống của ông Nguyễn Văn Thiệu.

Một loạt những biến cố xấu dồn dập xảy tới. Có lẽ tinh thần phải được như cốt sắt thì họa may không suy xuyên, hoảng loạn.

Tổng Thống Nixon phải rời khỏi Tòa Bạch Ốc vì vụ Watergate. Ông Nixon là tác giả một loạt các lá thư hứa ấu, hứa cuội, nhằm buộc Tổng Thống Thiệu phải chịu ký vào Hiệp Định "không hòa bình" Paris 1973.

Tổng Thống Thiệu giữ những lá thư này rất kỹ, và bí mật, coi chúng như "lá bài tẩy" cho "ván cờ xin viện trợ". (Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hưng, người có cơ hội hoạt động kề cận Tổng Thống Thiệu trong giai đoạn này, đã kể lại rất rõ về vụ những lá thư của Nixon trong cuốn "Khi Đồng Minh Tháo Chạy" của ông). Nhưng nay người hứa hẹn đã ra đi nhục nhã.

Ông Ford lên thay, ban đầu còn chịu khó trấn an Tổng Thống Thiệu về việc cắt giảm viện trợ quá mức chịu đựng, sau đó thì lờ lẩn. Phó Tổng Thống Ford vốn chỉ được "đôn lên" chức Phó Tổng Thống không qua bầu cử, nay được "đôn lên" chức Tổng Thống cũng không qua bầu cử. Ông không có được phản ứng mạnh mẽ về những vấn đề liên quan đến Việt Nam, mọi chuyện nằm trong tay Ngoại Trưởng Kissinger.

Viện trợ cho tài khóa 1974 -1975 bị cắt chỉ còn 700 triệu đô la. Từ 2,1 tỉ cho tài khóa 1972 -1973 bây giờ chỉ còn 700 triệu, tiền viện trợ bị cắt là 1,4 tỉ đô la. Trong khi đó, Hoa Kỳ đã tăng viện trợ cho Do Thái trong trận đánh chống lại khối Ả Rập tháng 10/1973 là 1,5 tỉ. Chỉ có một trận đánh (trận Yom Kippur)! và Ngoại Trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger là người Mỹ gốc ... Do Thái.

Các phái đoàn sang Hoa Kỳ cầu viện đều thất bại.(Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hưng đã kể về " Cái nhục của kẻ đi cầu xin" trong sách của ông).

Bộ Tổng Tham Mưu đưa ra bản ước tính đạn dược và tiếp liệu chỉ còn được sử dụng đến tháng Sáu 1975.

Mất Phước Long, phía Hoa Kỳ chỉ phản ứng bằng mồm.

Cơ quan DAO do Tướng Murray cầm đầu đã đệ trình một báo cáo ví "mất tiền cũng như mất đất", cùng biểu đồ "tiền và đất" như sau:1/ nếu tiền viện trợ là 1,4 tỷ thì giữ được hết các khu vực đông dân cư khắp bốn Vùng Chiến Thuật.. 2/ Nếu là 1,1 tỷ thì bỏ Vùng 1 cho Bắc Cộng chiếm.3/ Nếu là 900 triệu thì phải bỏ cả hai Vùng 1 và Vùng II hoặc khó đương đầu lại một cuộc tổng tấn công của quân Bắc Cộng. 4/ Nếu dưới 600 triệu thì chỉ còn giữ nổi Sài Gòn và Vùng IV.

Theo Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hưng, lúc đó ông Thiệu đã bắt đầu nói đến "Từng Chiến Lược Cho Từng Mức Viện Trợ" hoặc "Tái Phối Trí", hay

"Đầu Teo Đít To" nói theo kiểu dân dã.

Nếu Tổng Thống Thiệu vì mức viện trợ đã có ý định phải bỏ cả Vùng 1 và Vùng 2 Chiến Thuật trước khi quân Bắc Cộng tiến đánh Ban Mê Thuột, thì Ban Mê Thuột đâu còn quan trọng gì với Tổng Thống nữa. Và có phải vì thế mà Tổng Thống Thiệu bỏ mặc Tướng Phú với Trận Ban Mê Thuột cùng một mớ hỗn độn tin tức tình báo chiến trường của cả hai phía Việt Nam Cộng Hòa - Mỹ? Nếu đúng vậy thì mất Ban Mê Thuột chẳng có gì quan trọng đối với vị Tổng Tư lệnh quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Trái lại, Ban Mê Thuột mất lại có thể dùng làm cớ để buộc Quân Đoàn II triệt thoái khỏi Cao Nguyên., cho dù nó vô lý.

Câu hỏi nên đặt ra ở đây là Tổng Thống Thiệu bị vấn đề mất viện trợ "hành" đến điên đầu, và ông còn đủ tỉnh táo không để nghiên cứu - hoạch định mưu lược quân sự? (Và trong sự cô đơn, vì chính ông đã tiếm quyền của Bộ Tổng Tham Mưu).

Tương Quan Lực Lượng

Phối Trí Quân Vùng Cao Nguyên

Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II lập 3 Mặt Trận bảo vệ vùng Cao Nguyên.

1.- Mặt Trận Kon Tum do Đại Tá Phạm Duy Tất, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Quân Khu II với 3 Liên Đoàn Biệt Động Quân (21, 22, 23).

Liên Đoàn 21 đóng quân tại Kon Tum và đèo Chu Pao. Liên Đoàn 22 giữ mặt Tây Bắc. Liên Đoàn 23 giữ mặt Bắc.

Về sau được tăng phái thêm Liên Đoàn 6 BĐQ đến tăng cường cho Cao Nguyên với hai Tiểu Đoàn 35 và 36 đóng ở phía Đông và Đông Bắc Kon Tum. Tiểu Đoàn 52 thì được gửi đi tăng cường cho Liên Đoàn 25 BĐQ tại Thanh An, Pleiku.

2.- Mặt Trận Pleiku do Chuẩn Tướng Lê Trung Tường, Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh chịu trách nhiệm với 2 Trung Đoàn (44,45) cùng Liên Đoàn 25 BĐQ tăng phái, Trung Đoàn 44 BB giữ mặt Tây (căn cứ 801). Trung Đoàn 44 BB đóng quân giữa Pleiku - Kon Tum. Liên Đoàn 25 BĐQ cũng giữ mặt Tây đóng tại Thanh An. Sau được tăng phái thêm Liên Đoàn 4 BĐQ, với Tiểu Đoàn 42 đóng phía Đông trên quốc lộ 19, Tiểu Đoàn 43 tại Hàm Rồng, và Tiểu Đoàn 44 tại Pleiku.

Sau khi trận Ban Mê Thuột nổ ra, Liên Đoàn 7 BĐQ được gửi đến tăng phái thêm, thay thế cho 2 Trung Đoàn 44,45 BB hành quân giải cứu thành phố này.

3.- Mặt trận Ban Mê Thuột - Quảng Đức do Đại Tá Vũ Thế Quang, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 23 Bộ Binh chỉ huy. Gồm Trung Đoàn 53 đóng tại Phi trường Phụng Dực và tại Dak Sơn (Quảng Đức), Liên Đoàn 24 BĐQ chịu trách nhiệm giữ Gia Nghĩa và Kiên Đức.

Phía Bắc Cộng xử dụng 4 Sư Đoàn dàn trận đánh Ban Mê Thuột: Sư Đoàn 3 Sao Vàng CSBV đóng ở Bình Định, Sư Đoàn 320 hoạt động trong vùng Pleiku, Sư Đoàn F 10 CSBV vùng Kon Tum, Sư Đoàn 968 CSBV vùng Tam Biên, biên giới Việt - Miên - Lào. Trung Đoàn 25 VC Địa Phương chuyên quấy phá Đắc Lắc, Quảng Đức. Trung Đoàn Đặc Công 95B VC thường quấy phá phía Đông Pleiku.

Trước khi tấn công Ban Mê Thuột, quân Bắc Cộng được tăng cường thêm Sư Đoàn 316 CSBV từ Nghệ Tĩnh kéo thẳng xuống phía Tây Ban Mê Thuột.

Nói chung tại Quân Khu 2, tương quan lực lượng giữa Quân Đoàn II quân Bắc Cộng đã chênh lệch quá xa, phần thiệt thòi nằm về phía Việt Nam Cộng Hòa. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II chọn dàn quân nặng ở Kon Tum - Pleiku, nhẹ tại Ban Mê Thuột, nên khi trận Ban Mê Thuột xảy ra quân đội

Việt Nam Cộng Hòa phải chiến đấu với tỉ lệ 1 chọi 5, hỏa lực và xe tăng là 1 chọi 2.

Chuẩn bị đánh chiếm Ban Mê Thuột, cuối tháng Giêng 1975, Bắc Cộng cho phối trí các đơn vị của họ: từ Tam Biên di chuyển về phía tây Pleiku. Nhưng đoàn xe chở Sư Đoàn 968 CSBV bị không thám Việt Nam Cộng Hòa phát hiện, máy bay oanh tạc của 3 Sư đoàn Không Quân (1,2,6) kéo đến oanh kích liên tục 7 giờ đồng hồ. Sư Đoàn 968 CSBV tan nát, chỉ còn lại khoảng hơn 1 Trung Đoàn. Hà Nội phải lập tức điều động Sư Đoàn 316 CSBV đang đóng ở biên giới Lào - Việt vào thay thế.

Sư Đoàn 3 Sao Vàng CSBV từ Bình Định chuyển quân tới đèo An Khê, cắt đứt đường 19, nhằm ngăn chặn Sư Đoàn 22 BB có thể từ Vùng Duyên Hải kéo lên trợ chiến. Sư Đoàn F 10 CSBV từ Kon Tum bí mật tiến xuống phía Tây Ban Mê Thuột, vây quanh quận Đức Lập, cắt đường 14 nối liền Ban Mê Thuột - Đức Lập.

Sư Đoàn 320 CSBV từ Pleiku chuyển quân xuống phía Bắc Ban Mê Thuột, cắt đường 14 nối liền Ban Mê Thuột - Pleiku.

Trung Đoàn 25 VC tiến về phía Đông Ban Mê Thuột cắt đường 21 nối liền Ban Mê Thuột - Khánh Hòa.

Tàn quân Sư Đoàn 968 CSBV kéo phía Tây Pleiku, nhận nhiệm vụ quấy rối cầm chân 2 Trung Đoàn 44, 45 của Sư Đoàn 23 BB.

Trung Đoàn Đặc Công 95B VC nhận trách nhiệm cắt đứt đường 19 nối liền Pleiku - Quy Nhơn.

Sư Đoàn 316 CSBV từ Nghệ Tĩnh kéo vào sẽ là mũi tấn công trực tiếp Ban Mê Thuột, được 1 Tiểu Đoàn của Trung Đoàn Đặc Công dẫn đường.

Bắc Cộng Bắt Đầu Di Chuyển Quân

Ngày 1/3/1975 Sư Đoàn 3 Sao Vàng đưa quân đóng chốt đèo Mang Yang, trên đường 19. Liên Đoàn 4 BĐQ và Thiết Đoàn 2 KB được lệnh phá chốt nhưng không thành công, vì quân Bắc Cộng rất đông núp trong các hốc núi bắn và pháo kích ra dữ dội. Cùng ngày, tàn quân Sư Đoàn 968 hạ hai đồn Địa Phương Quân rồi bao vây quận Thanh An.

Hoạt động của quân Bắc Cộng trong ngày 1/3 này cho thấy có vẻ như Pleiku là mục tiêu tấn công của họ.

Ngày 4/3/1975 Sư Đoàn 3 Sao Vàng lại đóng chốt trên đường 19, khoảng Bình Khê và Suối Đồi. Hai Trung Đoàn 44, 45 BB của Sư Đoàn 23 BB hành quân phá chốt nhưng không thành công.

Ngày 5/3/1975 Trung Đoàn 25 VC đóng chốt đèo Chư Cúc trên đường 21 phía Đông Ban Mê Thuột, một đoàn quân xa Việt Nam Cộng Hòa bị phục kích bắn cháy tại đây, các binh sĩ sống sót bị địch bắt.

Cùng ngày, một Tiểu Đoàn thuộc Sư Đoàn 320 phục kích đánh đoàn quân xa 14 chiếc của Trung Đoàn 45 thuộc Sư Đoàn 23 BB trên đường 14, khoảng phía Bắc quận Thuận Mẫn. Trung Đoàn 45 BB liền tung 1 Tiểu Đoàn lục soát tìm kiếm dấu vết Sư Đoàn 320, nhưng không kết quả.

Ngày 7/3/1975, quân Bắc Cộng chiếm Chư Khê ở Bắc Buôn Hồ, cắt đường 14, đồng thời pháo kích vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II ở Pleiku.

Cùng ngày họ đánh mạnh vào Bình Định thuộc trách nhiệm của Vùng Duyên Hải.

Ngày 8/3/1975, Sư Đoàn 320 CSBV tiến chiếm quận Thuận Mẫn, đường 14 lại bị cắt thêm ở đoạn này.

Ngày 9/3/1975, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú bay lên Ban Mê Thuột họp với các Sĩ Quan cao cấp của Sư Đoàn 23, cùng Đại Tá Tỉnh Trưởng Nguyễn Trọng Luật. Buổi tối cùng ngày quận Đức Lập phía Tây Nam Ban

Mê Thuột bị Sư Đoàn F 10 CSBV chiếm, quân Bắc Cộng tiến về Ban Mê Thuột.

Trận Ban Mê Thuột mở màn

Diễn tiến Trận Ban Mê Thuột thì xin được trích từ lời kể trong bài " Nhìn lại Trận Ban Mê Thuột" của chính Đại Tá Tỉnh Trưởng Nguyễn Trọng Luật, người trong cuộc, hiện diện tại chỗ.

... ..

Khoảng 2 giờ sáng ngày 10 tháng Ba 1975, khi Ban Mê Thuột còn trong giấc điệp, bỗng bị đánh thức dậy bằng tiếng pháo kích inh tai, rợn óc của Cộng quân. Tôi rất bình tĩnh vì đã nếm mùi hỏa tiễn của Cộng quân ở những trận đánh trước Tết Mậu Thân tại Kon Tum, Quảng Ngãi, Đà Nẵng và cả trận đánh Hạ Lào, v.v... Từ lâu hai tôi chạy xuống hầm chỉ huy mà những vị Tiểu Khu Trưởng tiền nhiệm đã xây cất. Đây là một hầm rất kiên cố, làm bằng bê tông cốt sắt, có thể chống được pháo kích. Trong hầm trang bị đầy đủ máy móc truyền tin để có thể liên lạc với các đơn vị trực thuộc cũng như liên lạc với cấp trên, hay cấp trung ương rất dễ dàng. Tôi liên lạc ngay với Thiếu Tá Hy, Trưởng Phòng 3 Tiểu Khu, dưới hầm Trung Tâm Hành Quân (TOC) của Tiểu Khu:

Pháo kích từ hướng nào?

Dạ thưa, bắn từ phía Tây tới.

Bắn vào vị trí nào?

Trình Đại Tá, bắn vào Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu, Đài Truyền Tin ở sân bay L-19, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB và kho đạn Mai Hắc Đế.

Anh hãy gọi ngay Pháo Binh của mình cũng như Pháo binh Sư Đoàn 23 phản pháo.

Tiếng pháo kích vang rền thị xã Ban Mê Thuột cho tới 4 giờ sáng. Chúng dùng chiến thuật tiền pháo, hậu xung và tấn công kho đạn Mai Hắc Đế ở phía Tây bằng mũi dùi thật mãnh liệt. Đơn vị đồn trú đã chống trả một cách anh dũng và kho đạn vẫn vững vàng. Về phía Bắc, đài truyền tin của Không quân cũng bị tấn công.

Với chiến thuật biển người, và đánh sập lá cà, chỉ cần nửa tiếng đồng hồ sau, Cộng quân đã tiến tới sát miệng hầm và tung lựu đạn

vào miệng hầm. Một số sĩ quan và binh sĩ tử thương và bị thương. Và chỉ 15 phút sau, TOC/TK đã báo cáo với tôi, đài truyền tin đã lọt vào tay giặc.

Về phía trại Mai Hắc Đế, với những tay súng can trường đã bẻ gãy nhiều đợt tấn quân của Cộng quân. Khoảng 5 giờ sáng, TOC/TK báo cáo Đại Úy Chỉ Huy Trưởng kho đạn (tôi quên tên) bị thương nặng. Kho đạn như rắn mất đầu và chỉ cầm cự đến 5 giờ 30, kho đạn bị tràn ngập. Như vậy mặt trận về phía Bắc và phía Tây đã bỏ ngõ, bây giờ chỉ còn trông cậy vào những đơn vị phía Nam và Đông.

Đạn pháo kích 130 ly vẫn rót đều vào thị xã. Lý do dễ hiểu là Pháo Binh của ta ở phi trường Phụng Dực phản pháo với đạn 105 ly đầu có tầm xa như đạn 130 ly, đang đặt tuốt ở phía Tây. Vì vậy dự phản pháo trở nên vô vọng, không thể khóa họng những khẩu đại pháo của địch. Nhất là Pháo binh ta không có L-19 hướng dẫn, chỉ điểm, điều chỉnh tác xạ cho chính xác.

Đến 7 giờ sáng, địch ngưng pháo kích và cũng ngay lúc này Thiếu Tá Trưởng Ty Cảnh Sát Darlac báo cáo thẳng với tôi:

- Thưa Đại Tá, chiến xa Cộng Sản đã tiến vào thị xã và hiện đang bố trí chung quanh Nhà Thờ Công Giáo thị xã, nằm ngay trung tâm thành phố.

Lúc bấy giờ, vì Tiểu Khu nằm dưới hệ thống chỉ huy của Sư Đoàn 23 và để tiện phối hợp, bàn bạc kế hoạch chống trả nhanh chóng. Tôi liền báo cáo và xin được qua ở chung với Đại Tá Vũ Thế Quang tại Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn 23 BB. Tướng Phú chấp nhận.

Mối lo ngại lớn lao của Đại Tá Quang và tôi là chiến xa Cộng Sản đã lọt vào thị xã. Với kinh nghiệm của một Sĩ Quan Ky Binh, tôi hiểu rất rõ hỏa lực tấn công của những con ngựa sắt này.

Tia hy vọng tới, khi trên bầu trời Ban Mê Thuột đã xuất hiện L-19 của Quân Đoàn II gửi tới. Những chiếc phản lực cơ đã vờn vỹ trong vùng giao tranh để yểm trợ Tiểu Khu Darlac và Sư Đoàn 23 BB. Tinh thần chiến đấu của quân cán chính lên rất cao. Nhưng đoàn chiến xa Cộng Sản từ hướng Bắc tiến về phía Nam đã bị chặn lại. Sự tiến quân của Cộng Sản trở nên rất chậm chạp.

9 giờ, tin vui đem tới: Ta hạ được 2 chiến xa T 54 địch và hiện đang bốc cháy trước Câu Lạc Bộ Sĩ Quan trên đường Thống Nhất. Sự chênh lệch về lực lượng của ta và địch đã quá rõ. Địa Phương Quân phải so tài với quân chính quy Việt Cộng, với sự yểm trợ của chiến

xa và pháo binh. Còn bên ta, đội pháo binh tại Phụng Dực, cũng như phi pháo không thể yểm trợ vì dân chúng chưa được di tản. Cộng thêm, hỏa lực phòng không địch rất dày đặc, làm phản lực cơ A-37 của ta không thể xuống thấp để thả bom cho chính xác được.

12 giờ 45, Thiếu Tá Hy, Trưởng Phòng 3 Tiểu Khu báo cáo:

- Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu đã bị pháo kích nặng nề. Một trái bom đã đánh trúng hầm TOC/TK làm nhiều người chết và bị thương. Trong số đó có Trung Úy Năm, Trưởng Phòng 5 Tiểu Khu đã đền nợ nước. Hệ thống và máy truyền tin chỉ huy đã hư hại nặng.

Thiếu Tá Hy xin phép được di chuyển Bộ Tham Mưu ra khỏi vị trí. Tôi chấp thuận ngay.

13 giờ 30, Thiếu Tá Hy báo cáo: Địch quân đã tập trung bắn vào Bộ Chỉ Huy, sau đó chiến xa và bộ binh tràn ngập vào hệ thống phòng thủ.

14 giờ, BCH/TK/Darlac coi như thất thủ hoàn toàn. Tôi liền báo cáo cho Tướng Phú. Tướng Phú ra lệnh cho trực thăng vận Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân xuống Ban Mê Thuột để tái chiếm BCH/TK/Darlac.

Mãi đến 16 giờ chiều tôi mới nhận được tin của Quân Đoàn II rằng LĐ 21 BĐQ đang được trực thăng vận xuống Ban Mê Thuột để chiếm lại Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu.

17 giờ, đoàn trực thăng đã đến gần thị xã Ban Mê Thuột nhưng không đáp được vì phòng không Cộng Sản bắn quá rát. Mãi đến 18 giờ Quân Đoàn II mới quyết định cho thả Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân xuống Bộ Chỉ Huy Buôn Hồ, rồi đi bộ tiến vào thị xã Ban Mê Thuột.

Tôi liên lạc với Trung Tá Dậu, Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân, hối thúc Trung Tá Dậu phải cho quân tiến nhanh vào thị xã để tái chiếm lại Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu. Mãi đến 11 giờ khuya (23 giờ), Trung Tá Dậu cho tôi biết rằng đã tới ven thị xã Ban Mê Thuột mà không tiến vào được vì bị VC chặn đánh. Tướng Phú ra lệnh cho Trung Tá Dậu, với bất cứ giá nào đêm nay Liên Đoàn phải tái chiếm Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu.

Sau khi Việt Cộng chiếm được Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Darlac là tiếng súng Pháo binh cũng như súng trường đều im lặng ở khắp mọi nơi.

Tôi báo cáo lên Tướng Phú kết quả trong ngày là Tiểu Khu bắn cháy 7 chiến xa T-54 CS và rất nhiều xác VC. Tướng Phú rất vui, ngợi khen Tiểu Khu Darlac. Tôi theo dõi cuộc tiến quân của Liên Đoàn 21 BĐQ từng phút. Cứ 15 đến 20 phút là tôi liên lạc với Trung Tá Đậu, hỏi coi đã tiến đến đâu rồi. Vẫn những câu trả lời ngắn gọn:

- Đang tiến, nhưng gặp nhiều ổ kháng cự.

Ở trong hầm TOC/Sư Đoàn 23 BB suốt đêm, tôi và Đại Tá Vũ Thế Quang không nghe một tiếng súng nổ nào của địch và bạn cả. Tôi ra lệnh cho ông Phó Tỉnh Trưởng Nguyễn Ngọc Vy và Trung Úy Dzi hiện là Tùy Viên của tôi, nhưng trước là Sĩ Quan Chiến Tranh Chính Trị của Tiểu Khu, viết bài kêu gọi dân chúng yên tâm, ngày mai Quân Đoàn II sẽ chiếm lại Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu. Tôi đọc, ghi vào băng và phát ra cho dân trong thị xã Ban Mê Thuật nghe lúc 1 giờ sáng ngày 11/3/1975.

Đúng 7 giờ sáng ngày 11/3/1975. Cộng Sản Bắc Việt bắt đầu nã đạn Pháo Binh vào Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB, chiếc xe Jeep của tôi đậu gần TOC cũng bị trúng pháo nổ tung ra. Tôi đoán chắc rằng Cộng Sản Bắc Việt đang cho Pháo binh bắn vào vị trí Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB để chuẩn bị cho Chiến xa và Bộ binh của chúng tấn công. Tôi bèn nói với Đại Tá Vũ Thế Quang:

- Lúc này là lúc nguy ngập, sắp cận chiến, nếu không có cấp chỉ huy đứng cạnh ngay binh sĩ để chỉ huy, thì binh sĩ sẽ bỏ chạy ngay khi địch quân xung phong.

Đại Tá Quang đồng ý. Tôi nói với Đại Tá Quang:

- Vì ở trước cổng Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn có 1 chiếc M-113, nên để tôi trấn giữ mặt đó, còn Đại Tá Quang thì trấn giữ phía Tây Nam.

Lúc này khoảng 7 giờ 30 sáng, tôi liền đi thẳng ra cửa Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, đến chiếc Thiết Vận Xa M-113 đang bố trí tại cổng, dưới các loạt pháo kích 130 ly của Cộng Sản gây nên một vùng khói lửa mịt mù. Tôi nhảy lên trên chiếc Thiết Vận Xa để quan sát thì thấy ngay ngoài cổng, cách độ 300 thước, đầy chiến xa T-54 đã bao vây xung quanh Bộ Tư Lệnh. Đồng thời trong lúc này, Trung Úy Hoàn

đặc trách phòng thủ tư dinh Tỉnh Trưởng với một Trung Đội Địa Phương Quân, báo cáo tư dinh đang bị chiến xa tấn công và bắn trực xạ vào lầu tư dinh, đã bị sụp đổ. Trung Đội phòng thủ đã hạ được 2 chiến xa bằng súng M 72. Tôi động viên tinh thần, hết sức khen ngợi Trung Úy Hoàn cố gắng chống trả.

Tôi cũng biết Việt Cộng tấn công xong tư dinh là sẽ tấn công Sư Đoàn 23 BB. Các chiến xa T-54 đậu xung quanh Bộ Tư Lệnh ngạo nghễ khinh đối phương, không cần phải ẩn nấp, nguy trang chi cả, vì chúng biết bên ta không có một chiến xa nào để đương đầu, hay có thể tiêu diệt chiến xa của chúng. Trung Úy Hoàn báo cáo chiến xa Cộng Sản đã ủi sập cổng tư dinh và tấn công vào phía trước. Và báo cáo có một số bị tử thương và bị thương, không thể chống giữ với đợt tấn công bằng chiến xa của địch, nên binh sĩ rất nao núng và xin phép tôi được rút khỏi tư dinh. Tôi chấp thuận.

Trong khi chiến xa CS tấn công, với đại bác trên chiến xa bắn trực xạ vào lầu tư dinh, 3 đứa con trai tôi vẫn còn ở trên lầu. Có một đứa con trai út bị sức ép viên đạn đại bác nổ tung, nó bị hơi đẩy té từ lầu lặn xuống thang, rớt xuống đất, bị thương ở ngực và chân.

Trung Úy Hoàn hướng dẫn Trung Đội Địa Phương Quân còn lại thoát ra ngoài. Còn 3 đứa con trai tôi thì được toán phục địch trong nhà dẫn đi theo Trung Đội.

Tôi biết sau khi thanh toán tư dinh, thì bọn CS sẽ cho lệnh xung phong vào Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB. Giờ phút nguy ngập sắp đến, tôi sợ binh sĩ bỏ chạy, liền nhảy xuống M-113 đi một vòng theo hàng rào phòng thủ để kiểm soát binh sĩ và nhất là với mục đích của tôi là cho binh sĩ thấy mặt cấp chỉ huy của mình cùng trực tiếp tham dự vào trận đánh, nên không dám bỏ chạy. Tôi nói với binh sĩ phải can đảm chống giữ Bộ Tư Lệnh vì lực lượng Quân Đoàn II sắp tới. Kiểm soát và ra lệnh xong, tôi liền nhanh chân trở lại chiếc M-113 nhảy phóc lên trên, quan sát lại thì thấy các chiến xa T-54 vẫn còn ở vị trí cũ.

Những phút cuối của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB

Khoảng 10 giờ sáng ngày 11/3/1975, pháo địch đã im tiếng. Nếu ai đã ở trong binh nghiệp đều hiểu rõ tâm trạng của những giây phút im lặng này. Nó hoang mang và lo sợ hơn nhiều khi bên tai mình có

tiếng súng nổ. Người ta cho là say súng. Mà thật vậy, khi đã làm quen với chiến trận, việc nghe thấy tiếng nổ là mọi người quên chính mình và chỉ còn một cách duy nhất là chiến đấu. Chiến đấu để sống còn và ít ai còn để ý đến thần chết lảng vảng quanh mình. Tôi lại nhảy lên pháo tháp để quan sát và thấy những chuyến xe đang chuyển bánh. Tôi nhảy xuống và la lớn:

- Sẵn sàng ứng chiến.

Tôi đứng cạnh trưởng xạ và căn dặn:

Chỉ được bắn khi chúng tới gần 100 mét nhé.

Các anh em đều răm rắp tuân lệnh và chờ đợi khúc phim nghẹt thở bắt đầu.

Chiếc chiến xa địch đi đầu chậm chậm tiến thẳng vào chiếc Thiết Vận Xa M-113. may mà nguy trang khéo léo nên chúng không thấy. Tôi mừng quá và nói thầm trong bụng "Mày sẽ chết con ạ".

Khói đen từ ống thoát tuôn ra mịt mù, chiến xa T-54 địch, chiếc đầu chậm chậm tiến vào. Chúng vẫn chưa biết có chiếc M-113 đang chờ đón nó vào cũi tử vì được nguy trang kỹ càng như đã nói ở trên.

Tiếng máy kêu âm âm và các chiến xa đâm thẳng vào cổng Bộ Tư Lệnh. Những con cua sắt ì ạch tiến gần cổng 250 mét, rồi 200 mét, rồi 100 mét. Thần kinh tôi như giãn ra. Tất cả anh em chúng tôi hồi hộp, giờ sinh tử bắt đầu. Tôi hét lớn "Bắn".

Thay vì phải nghe tiếng nổ thật lớn của viên đạn vút ra khỏi nòng súng, thì trái lại cây súng chỉ cho chúng tôi nghe một tiếng khô khan, lãnh xẹt: "Cóc".

Trong khi mắt mọi người và tôi dán chặt vào những con cua sắt. Tôi gào lên:

Gì thế? Gì thế?

Xạ thủ trả lời:

Trở ngại tác xạ, Đại Tá.!

Mở "Culass" ra xem.

Trình Đại Tá, "Percuteur" bị gãy!

Có "Percuteur" thay thế không?

ThưaKhông!

Tiếng "Thưa Không" làm tôi toát mồ hôi, vì đây là hy vọng cuối cùng củ sự cầm cự với Cộng quân để chờ viện binh tới. Cây súng đại bác 106 ly không giật là phương tiện duy nhất chống trả với T-54 của địch mà thôi. Các loại súng khác chỉ là trò đùa với những con ngựa sắt này.

Bây giờ, bây giờ ... tiêu diệt chiến xa địch bằng phương tiện gì đây? Tôi biết tôi phải rất bình tĩnh mới cứu được anh em và chính mình. Trong phút chốc, tôi trấn tĩnh ngay. À phải rồi, chúng ta còn những oanh tạc cơ bay lượn trên không. Những phản lực cơ A-37 sẽ xơi tái chúng một cách dễ dàng. Cũng nên biết là từ ngày hôm qua cho đến sáng nay, phi cơ của ta chỉ có thể thả bom vào các mục tiêu xa ở ngoài thị xã. Trong thị xã còn 50 ngàn thường dân chưa được di tản, vì vậy tôi đã trình với Tướng Phú về việc này và Tướng Phú đã chấp nhận không oanh tạc vào khu đông dân cư. Cũng cần ghi nhận, từ trước đến giờ, chưa bao giờ thị xã bị pháo kích của Cộng Sản hoặc tấn công nên không gia đình nào có hầm chống pháo kích hoạt đào hầm trú ẩn... .Nay thì chiến xa đã lọt vào thị xã thì các oanh tạc cơ cũng không có cơ hội nhào xuống thấp để đánh trúng mục tiêu vì phòng không của Cộng quân quá mạnh. Cứ mỗi lần máy bay quan sát L-19 hay oanh tạc cơ bay thấp một chút là phòng không địch bắn lên trời như cảnh đốt pháo bông trong ngày Quốc Khánh.

Tôi liên lạc ngay với L-19 và nói chấp nhận sự nguy hiểm để dùng phản lực cơ A-37 dội bom thẳng vào các chiến xa đang tiến vào Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 BB, và như vậy mới chặn đứng cuộc xung phong của Cộng Sản. Trong lúc chờ đợi phi cơ ta làm thịt mấy con "cua sắt", tôi đi lui đi tới kể cận các chiến sĩ đang ghi tay súng chống trả với địch quân. Thành linh mọi người nghe một tiếng nổ "Ầm" thật khủng khiếp, vang dội cả một góc trời. Cát, đá, bụi tung lên cao hàng cả trăm thước. Thôi hỡi ôi! Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn (TOC), nơi đầu não của mặt trận Ban Mê Thuật để chống lại địch quân đã bị Không quân ta đánh trúng.

Trung Tâm Hành Quân bị sập và các phương tiện truyền tin thiết trí trong TOC đều tiêu tùng theo mây khói. Một số lớn sĩ quan, binh sĩ ở

trong Trung Tâm Hành Quân bị chết, bị thương. Ai cũng biết trong trận mạc, truyền tin là huyết mạch chính. Bây giờ không còn để liên lạc với cấp trên và thông tin cho cấp dưới nữa. Không một phút suy nghĩ, tôi chạy về phía sau TOC để gặp Đại Tá Quang. Tôi nói nhanh với Đại Tá Quang nhận định của tôi:

- Chúng ta không thể cố thủ được nữa vì đầu não của chúng ta là Trung Tâm Hành Quân nay đã sập đổ. Không có truyền tin, không có chiến xa thì làm sao chặn đứng được những chiếc T-54 và bộ binh đang tiến vào căn cứ. Trong khi đó chúng ta lại không có viện binh. Tôi đề nghị chúng ta rút ra khỏi vị trí phòng thủ Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn ngay để bảo toàn lực lượng còn lại.

Đại Tá Quang đồng ý và ra lệnh rút quân. Chúng tôi vọt ra khỏi hàng rào và hướng về hướng Tây tức "Suối Bà Hoàng" cách Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 250 thước ...

Cùng ngày, Đại Tá Nguyễn Trọng Luật và Đại Tá Vũ Thế Quang mang hơn 100 quân còn lại rút được về "Suối Bà Hoàng", tại đây họ chia thành 2 nhóm tìm đường về Nha Trang. Cả hai vị sau đó bị Cộng quân bắt.

Để theo dõi tiếp diễn tiến sau đó của Trận Ban Mê Thuột, tác giả xin mời quý vị đọc một đoạn trích trong bài kể về trận này của Nhà Báo Lữ Giang:

Số phận của Liên Đoàn 21 BĐQ:

Khi Cộng quân khởi đầu tấn công Ban Mê Thuột, Tướng Phú chỉ ra lệnh cho Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân do Trung Tá Lê Quý Dậu chỉ huy, từ Buôn Hồ tiến bằng đường bộ về Ban Mê Thuột - cách Buôn Hồ khoảng 30 cây số.

Lúc 17 giờ chiều ngày 10.3.1975, Đại Tá Quang đã bắt liên lạc được với Liên Đoàn 21 đang tiến vào thành phố. Ông liền ra lệnh Trung Tá Dậu cho Tiểu Đoàn 72 chiếm lại Tiểu Khu và Tiểu Đoàn 96 lấy lại Kho đạn Mai Hắc Đế. Địa Phương Quân, Nghĩa Quân và Cảnh sát Dã Chiến đang quần thảo với địch để tranh từng tấc đất.

Liên Đoàn 21 đã vào được thành phố và lập được một số chiến công, nhưng khi cuộc giao chiến đang tiếp tục thì đùng một cái, Chuẩn Tướng Lê Trung Tường ra lệnh cho Trung Tá Dậu điều động Liên Đoàn 21 phối hợp với Địa Phương Quân còn lại rút về vây quanh sân bay L-19 trong thành phố để ông phái trực thăng đến đón

21 người trong gia đình của ông đang kẹt tại sân bay này. Mặc dù có sự yểm trợ của cả Địa Phương Quân lẫn Liên Đoàn 21, trực thăng của Tướng Tường phái đến cũng không đáp xuống được vì địch pháo kích dữ quá. Cuối cùng, Chuẩn Tướng Tường đã ra lệnh lấy một Thiết Vận Xa M-113 chở toàn bộ gia đình của ông tới Trung Tâm Huấn Luyện cách Thị xã khoảng 3 cây số để trực thăng đến đón. Liên Đoàn 21 và Địa Phương Quân phải rất vất vả mới đưa được gia đình Tướng Tường ra khỏi vùng giao tranh và yểm trợ cho trực thăng tới đón. Khi trực thăng bốc được gia đình Tướng Tường đi rồi thì địch đã chiếm gần như toàn bộ thành phố Ban Mê Thuột. Liên Đoàn 21 tiến về sân bay Phụng Dực để phối hợp tác chiến với một Tiểu đoàn của Trung Đoàn 53 ở căn cứ B-50 thì bị chặn đánh phải lui ra khỏi vành đai thành phố và bị vây ở Đạt Lý.

Số phận của Hậu cứ Trung Đoàn 53:

Hậu cứ Trung Đoàn 53 đóng tại căn cứ B-50, gần phi trường Phụng Dực do một tiểu đoàn của Trung Đoàn 53 trấn giữ và một đại đội thám báo của Trung Đoàn 45 tăng cường. Đại đội này rất thiện chiến.

Căn cứ B-50 vốn là một trại lực lượng đặc biệt cũ của Mỹ có chu vi trên 1 cây số, với những công sự được xây cất kiên cố, có tất cả 11 hầm đủ sức chịu đựng được đạn pháo 130 ly, xung quanh có xếp bao cát cao làm thành những ụ chiến đấu cá nhân. Ở xa xa là một vòng đai hàng rào kẽm gai nhiều lớp bao bọc. Tiểu đoàn của Trung Đoàn 53 đóng trong căn cứ, còn Đại Đội Thám Báo do Thiếu Úy Nguyễn Công Phúc chỉ huy đóng trên phi trường Phụng Dực, giữa các ụ bảo vệ phi cơ.

Đêm 10.3.1975, hậu cứ Trung Đoàn 53 và phi trường Phụng Dực bị pháo kích nặng. Đến 5 giờ sáng căn cứ bị địch tấn công từ hai phía đông bắc và đông nam. Địch chiếm được một phần căn cứ. Nhưng đến 8 giờ sáng, quân trú phòng đã phản công, Cộng quân bị đánh dạt sang một bên. Một cánh quân của địch đã chạy qua khu đất trống của phi trường nên bị Đại Đội thám báo bắn tỉa phải chạy vào bìa rừng cao su gần phi đạo, để lại hơn 40 xác chết, một số vũ khí và quân trang, quân dụng. Sau đó, Cộng quân trở lại tấn công nhiều lần, nhưng đều bị đẩy lui.

Tiểu đoàn của Trung Đoàn 53 cầm cự kéo dài đến ngày 18.3.1975 thì phải mở đường máu chạy về hướng Lạc Thiện, sau khi có lệnh rút khỏi Cao Nguyên. Tướng Phú và Bộ Tham Mưu đã lên máy bay đi tìm và bắt được liên lạc, nhưng số tàn quân ở cạnh Trung Tá Ân lúc đó chỉ còn khoảng 20 người.

Đêm 16.3.1975, khi Cộng quân pháo kích như vũ bão vào phi trường, Thiếu Úy Phúc liên lạc với Trung Đoàn 53, nhưng không ai trả lời. Gần sáng, Cộng quân cho xe tăng tấn công căn cứ Trung Đoàn 53 và chiếm căn cứ này, sau đó tiến qua phi trường thanh toán Đại Đội Thám báo còn sót lại. Không có tiếp tế, đạn dược hết, phải dùng AK của địch bỏ lại để chiến đấu, Thiếu Úy Phúc phải xin phi cơ đến oanh tạc để rút ra. Đúng lúc Cộng quân đang tập trung quân, phi cơ được thám báo hướng dẫn đã đến dội bom xuống đầu địch. Nhờ những trái bom này, Đại Đội Thám Báo còn lại hơn 50 người đã rút chạy vào rừng cao su. Khi vào được trong rừng thì chỉ còn lại khoảng 30 người. Nhưng sau đó, Cộng quân lại đến tấn công. Thiếu Úy Phúc và một y tá thoát khỏi cuộc phục kích, nhưng rồi ngày 22.5.1975 cũng bị bắt khi mò xuống suối uống nước.

Như vậy Trung Đoàn 53 và Đại Đội Thám Báo đã bảo vệ căn cứ B-50 và phi trường Phụng Dực được 18 ngày khiến Cộng quân phải kính nể.

Trung Tá Ngô Văn Xuân, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 44 Sư Đoàn 23 đã kể về cuộc hành quân tái chiếm Ban Mê Thuột như sau:

... .

Suốt ngày hôm đó, trực thăng chỉ huy của Tướng Tường bay trên vùng trời Ban Mê Thuột. Mãi đến 7 giờ tối tôi mới nói chuyện được với Thiếu Tá Cẩm qua điện thoại. Tiếng Cẩm xúc động: "Ban Mê Thuột bị tràn ngập rồi, không còn liên lạc được gì với Đại Tá Quang, Tư lệnh phó nữa. Tướng Tường đang ở BTL Quân Đoàn II, họp bàn về lệnh lập kế hoạch giải tỏa".

Ngay trong thời điểm ấy, tôi không tin là có thể làm gì hơn cho kế hoạch này. Nguyên tắc quân sự cơ bản: "Phòng thủ 1 chống 3, tấn công 3 chọi 1". Vậy cứ cho là đang có 2 sư đoàn địch chiếm cứ trận địa, làm sao kiếm ra tối thiểu 5 sư đoàn để tái chiếm? Ưu thế hỏa

lực không còn, các đơn vị tổng trừ bị hầu như bị cầm chân gần hết tại các chiến trường hỏa tuyến, lực lượng nào để tiếp cứu đây???

Sáng ngày 11, tôi được trực thăng đón ra BTL Sư đoàn họp hành quân. Kế hoạch hành quân do Thiếu Tá Cẩm, Trưởng Phòng 3 Sư đoàn trình bày gồm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Ngày 12, Trung Đoàn 45 được trực thăng bốc đi từ đèo Tử Sĩ, đổ xuống Quận Phước An, di chuyển về thị xã từ hướng Đông, đến chạm tuyến chờ lệnh.

- Giai đoạn 2: Buổi sáng cùng ngày, Liên đoàn 7 Biệt Động Quân được không vận từ Sai Gòn sẽ đến thay thế Trung Đoàn 44 ra tập trung tại căn cứ Hàm Rồng và di chuyển về Ban Mê Thuột bằng trực thăng. Sáng ngày 13, Trung Đoàn 44 sẽ được không vận xuống Phước An, lần theo quốc lộ 21, song song với Trung Đoàn 45, tiến vào thị xã.

Họp hành xong, tôi trở về ngay căn cứ 801 để chờ đơn vị bạn. Mãi đến gần 3 giờ chiều, đoàn xe chở Liên đoàn 7 Biệt Động Quân mới tới nơi. Người bước vào căn cứ đầu tiên là Đại Tá Nguyễn Kim Tây. Cuộc bàn giao vị trí cũng kéo dài tới gần 5 giờ chiều mới hoàn tất. Trung Đoàn 44 lên xe trực chỉ hướng Hàm Rồng.

Trung Đoàn 44 sẵn sàng tại bãi đáp lúc 7 giờ sáng ngày 13/3/1975. Số lượng trực thăng dự trù để di chuyển toàn bộ Trung Đoàn gồm khoảng 50 chiếc đủ loại, trong đó có 8 chiếc Chinook, 30 chiếc HUID và phần còn lại là trực thăng vũ trang. Kế hoạch dự trù di chuyển làm 2 đợt. Đợt đầu gồm Tiểu đoàn 3/44 do Đại úy Trần hữu Lưu làm Tiểu đoàn trưởng, Đại Đội 44 Trinh sát của Đại úy Mạnh, BCH (Bộ Chỉ Huy) Trung Đoàn 44. Quân số tổng cộng khoảng gần 600 người. Đợt thứ hai gồm 2 Tiểu đoàn 1/44 của Thiếu Tá Nguyễn Xuân Hòa, và Tiểu đoàn 2/44 của Đại úy Nguyễn Văn Pho, BCH nhẹ do Trung Tá Vũ Mạnh Cường, Trung Đoàn Phó chỉ huy.

Chuyến không vận đầu tiên cất cánh lúc 9 giờ, đáp xuống khu vực rừng trống trước cửa Chi khu Phước An lúc 10 giờ 15. Tôi vào gặp Tướng Tường tại BCH nhận lệnh. Tôi ra lệnh cho Đại Úy Lưu đưa Tiểu đoàn đi theo hướng Bắc quốc lộ 21 tiến lên ngang tuyến của Trung Đoàn 45 thì dừng lại chờ đợt. Đại Đội 44 Trinh sát được giữ lại

để bảo vệ BTL Sư Đoàn. Đoàn trực thăng cất cánh trở lại Hàm Rồng để chờ tiếp đợt còn lại.

Đến 2 giờ chiều, vẫn không có tin tức gì của đợt không vận thứ 2. Tôi trở vào Chi khu, nơi BTL Sư Đoàn đang tạm đặt nơi đây, để hỏi tin tức. Trung Tâm hành Quân của Sư Đoàn cũng chẳng biết gì hơn! 4 giờ chiều, Trung Tâm hành Quân của Sư Đoàn cho biết cuộc không vận bị hủy bỏ, số trực thăng ấy đã được sử dụng để chuyên chở các nhân viên BTL Quân Đoàn trở về Nha Trang! 2 Tiểu đoàn của tôi sẽ nhận lệnh trực tiếp của Quân Đoàn. Sau này tôi mới được biết 2 Tiểu đoàn của tôi đã đi theo đoàn quân triệt thoái theo liên tỉnh lộ 7 và bị tan rã hoàn toàn. Trung Tá Trung đoàn phó Vũ Mạnh Cường bị bắt làm tù binh, sau này bị đem về nhốt và bị chết cháy trong conex tại trại giam Hàm Tân. Đại Úy Pho, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2/44 tự sát trước khi bị bắt.

Ngày 14/3/75, chúng tôi kiểm điểm lại và thấy như sau:

Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân, sau khi vào được thị xã Ban Mê Thuột, tiến vào khu vực phi trường L-19 trong thị xã, đã bị đánh bật ra ngoài vòng đai, hiện đang bị vây hãm tại Đạt Lý.

Bộ Chỉ huy Trung đoàn 45 và Tiểu đoàn 3/44 đang bị cầm chân ngoài vòng đai thị xã.

Lực lượng pháo binh yểm trợ trực tiếp (và duy nhất) là trung đội pháo binh diện địa đang đặt tại Chi khu Phước An chỉ có 2 khẩu đại

bác 105 ly.

Lực lượng không quân yểm trợ, đánh phá các căn cứ tập trung của địch, trong và ngoài vòng đai thị xã đang bị khốn đốn vì hỏa tiễn tầm nhiệt cầm tay SA-7 của Cộng Sản do Nga chế tạo, lần đầu tiên được sử dụng rộng rãi trên chiến trường Tây Nguyên.

Buổi sáng ngày 14/3/75, trong chuyến bay từ Khánh Dương lên Phước An, máy bay trực thăng của Tướng Tường bị trúng đạn phòng không 12.8 ly của Cộng quân. Tướng Tường và viên co-pilot bị thương nhẹ, phải vào bệnh viện Nha Trang điều trị.

Sáng ngày 15/3/75, Đại tá Phùng Văn Quang, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 45 và tôi, được tin Sư Đoàn có vị Tư Lệnh mới, đó là Đại tá Lê Hữu Đức. Cùng ngày Đại tá Đức ra lệnh hai chúng tôi cho

đơn vị di chuyển lui về hướng đồi Chư Cúc lập tuyến phòng thủ tại đây. 5 giờ chiều cùng ngày, trong khi chờ đợi trực thăng của vị tân Tư lệnh đáp xuống đỉnh Chư Cúc để họp thì đoàn chiến xa Cộng quân tràn tới dưới chân đồi. Tiếng Đại Úy Mạnh, Đại Đội Trưởng Đại Đội 44 Trinh sát reo lên trong máy: " Báo cáo Bá Hòa, chúng tôi đã tiêu sổ 1 con cua". Những tiếng súng nổ ròn rã cách xa hướng chân đồi non cây số, quỳên trong khói đen và trắng của chiếc xe thiết giáp địch bị bốc cháy thực sự không còn gây cho tôi một ấn tượng hứng khởi nào nữa. Tiếng Đại Tá tân Tư lệnh nói trong máy cho biết không thể đáp xuống được và yêu cầu Đại Tá Quang cùng tôi phối hợp phòng thủ chờ lệnh! Tôi còn nhớ hình như Đại Tá Quang có buông một tiếng chửi thề và leo lên xe Jeep chạy nhanh xuống chân đồi trở về đơn vị.

Tôi và Đại úy Phan Công Minh, sĩ quan hành quân của Trung Đoàn, lạng lẽ đi bộ về sau. Vừa ra khỏi khúc quanh trên đỉnh đồi, chúng tôi nghe tiếng xích sắt của xe thiết giáp địch xình xịch bên tai. Cả hai anh em không có chọn lựa nào khác là chui qua vòng rào kẽm gai giăng quanh căn cứ, trượt theo sườn dốc xuống chân đồi, nơi có cắm đầy tấm bảng gỗ ngổn ngang, trên có hàng chữ: "Khu tử địa cấm vào!!!"

Dưới chân đồi là một lạch nước nhỏ, hai bên có trồng chuối. Tôi và Minh ngồi lạng lẽ im lặng dưới tàu lá chuối, ngâm chân vào giòng nước lạnh. Trong suốt 15 năm quân ngũ, chưa bao giờ tôi thấy tuyệt vọng như thế, kể cả khi còn là một Đại úy Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 2/11 Sư đoàn 7, khi bị vây hãm 3 ngày 2 đêm ở khu vực bến xe Mỹ Tho, đơn vị chỉ gồm hơn 50 người, trong đó có tới hơn phân nửa là chết và bị thương, đạn dược cạn kiệt và đói khát. Lúc đó tôi vẫn

thấy địch sẽ thất bại và chúng tôi sẽ được giải cứu. Bây giờ đây thì không. Tôi không nhìn thấy một cơ may nào để có thể giải cứu Ban Mê Thuột. Ngày 16/3/75 tôi và Minh tìm lại được đơn vị, được trực thăng bốc về Khánh Dương.

Cảm nghĩ về Trận Ban Mê Thuột

Ban Mê Thuột là một trong 2 yếu huyệt của Vùng Cao Nguyên, có thể làm bàn đạp tung quân xuống Vùng Duyên Hải, cắt đôi Miền Nam Tự Do. Mất Ban Mê Thuột tất nhiên là một biến động lớn. Nhưng có lẽ nó sẽ không lớn đến độ khiến dư luận cả nước phải chấn động mạnh nếu sau đó không có

quyết định rút bỏ Vùng 2 (và Vùng 1) của Tổng Tư lệnh Nguyễn Văn Thiệu.

Như đã nói ở đoạn trên, Tổng Thống kiêm Tổng Tư lệnh Nguyễn Văn Thiệu đã có ý định bỏ cả hai Vùng này trước khi Bắc Cộng đánh Ban Mê Thuột. Sau khi Ban Mê Thuột mất thì ông chuyển ý định này thành quyết định chính thức. Vai trò của Tổng Thống Thiệu rất "lờ mờ" trong vụ Ban Mê Thuột, không rõ ràng như vụ Phước Long trước đó. Tuy nhiên, cũng đừng quên là ông đã không màng tới việc giải cứu hoặc tái chiếm Phước Long.

Vai trò "lờ mờ" kia chẳng qua là để sau này đổ tội cho các Tướng ở mặt trận. Chuyện này đã xảy ra đúng như vậy, khiến một vị Tướng Vùng 1 Chiến Thuật khi bị buộc phải ngồi viết tờ trình ở Bộ Tổng Tham Mưu đã chịu hết nổi, chửi thề, nói trắng trợn rằng: "Chúng tôi không có tội lỗi mẹ gì cả"!

Sau này chúng ta sẽ còn thấy cái "lờ mờ" kia lại xuất hiện trong vụ đại quân Quân Đoàn II triệt thoái khỏi Cao Nguyên. Cái khó của Tổng Thống Thiệu lúc bấy giờ là tránh "sinh loạn" trong quân đội. Mối nguy cơ bị đảo chánh!.

Và đây là điều mỉa mai lớn cho quốc gia Việt nam Cộng Hòa. Toàn dân thì rúng động khi nghe mất Ban Mê Thuột, nhưng chính sự mất mát này lại là một cái cớ tốt để Tổng Thống dựa vào đó để quyết định rút bỏ Vùng 2 Chiến Thuật. Ông còn cẩn thận hơn đối với vấn đề "sinh loạn" vừa nói trên, bèn vẽ thêm cho cuộc rút quân bỏ Vùng 2 thành ... "kế hoạch" tái chiếm Ban Mê Thuột! Một kế hoạch chỉ cần xử dụng toán cộng, toán trừ, đã dư thừa quá vô lý. Ta có 3 cái nhà trên núi, bọn chúng chiếm một cái, ta bèn bỏ hai cái nhà còn lại cho chúng cướp luôn, ta chạy một vòng thật xa xuống bờ biển, rồi tính chuyện quay ngược lại tái chiếm căn nhà đầu tiên bị mất. Trời đất! Vông. Đúng vậy đó. Người lính Việt nam Cộng Hòa chỉ còn biết kêu trời kêu đất mà thôi.

Với người Mỹ, như đã nói, quân đội Việt nam Cộng Hòa bùng súng đầu hàng quân Bắc Cộng khi súng hết đạn, tiếp liệu không còn, thì cả thế giới sẽ phỉ nhổ siêu cường Hoa Kỳ. Chỉ có cách là làm sao cho quân đội này phải thua trận trên chiến trường thì người Mỹ mới có thể đạt được ... hòa bình trong danh dự!

Trận Ban Mê Thuột đã cung cấp được cho người Mỹ thứ "danh dự" lắm lem đó, bởi trận này dẫn đầu cho một loạt các cuộc tan hàng nhanh chóng về sau.

Nhưng dù bởi cái gì đi nữa, Tướng làm mất thành là Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn Phạm Văn Phú phải chịu trách nhiệm đầu tiên. Tuy vậy, bây giờ không phải là thời kỳ hể bại tướng thì cứ "trảm" một phát, đầu rơi xuống đất là xong. Sự công bình đối với Thiếu Tướng Phạm Văn Phú cần phải đặt thành quan trọng, nhất là với vị Tướng đã chứng minh mình không tham sống, vô trách nhiệm.

Vào lúc xảy ra Trận Ban Mê Thuột thì Tướng Phú làm Tư Lệnh Quân Đoàn II được khoảng năm tháng. Mặc dù từng hoạt động ở Vùng 1, cũng là vùng núi rừng trùng điệp như Vùng 2, nhưng vẫn không thể nói là ông đã thông suốt được địa thế. Khi Tướng Ngô Quang Trưởng từ Vùng 4 thuyên chuyển ra Vùng 1, còn mang theo vài Sĩ quan tìn cần có khả năng tham mưu cao, giỏi sách lược như Tướng Nguyễn Duy Hình, Đại Tá Lê Văn Thân (gốc Phòng 3 Bộ Tham Mưu) giúp Tướng Trưởng soạn thảo kế hoạch tái chiếm Quảng Trị. Vị Sĩ Quan thứ ba Tướng Trưởng mang theo là Trung Tá Trần Kim Đại, đang là Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng (Vùng 4), về nắm Liên Đoàn 1 Biệt Động Quân Tiếp Ứng, đơn vị xung kích của Quân Đoàn I. Sớm muộn gì Trung Tá Đại cũng sẽ được thăng cấp Đại Tá và được giao chỉ huy toàn bộ lực lượng Biệt Động Quân Vùng I. Ngoài phần nhân sự Tướng Trưởng đòi hỏi cho bằng được quyền sử dụng hai Sư Đoàn Tổng Trừ Bị duy nhất và thiện chiến nhất quân đội Việt nam Cộng Hòa để hoàn thành nhiệm vụ được giao phó (Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến).

Trái lại, Tướng Phạm Văn Phú đến Vùng 2 một mình.

Ngay sau đó, chức vụ Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn II lại do Trung Tướng Đồng Văn Khuyên ở Bộ Tổng Tham Mưu ép buộc, Tướng Phú phải nhận Đại Tá Lê Khắc Lý. Mặc dù trước đó chính Đại Tá Lý đã trực tiếp thỉnh cầu Tướng Phú và đã bị Tướng Phú từ chối. Đây có lẽ là một trường hợp can thiệp quá trắng trợn có một không hai trong lịch sử quân đội Việt nam Cộng Hòa! Và có lẽ chỉ có Tướng Phú mới chấp nhận như thế.

Chúng ta có thể tưởng tượng được rằng Tư Lệnh Phạm Văn Phú lúc đó là

một vị Tư Lệnh "chân ướt chân ráo" và cô đơn. Ông ta không có một Bộ Tham Mưu do chính mình biết rõ khả năng và bổ nhiệm để có thể tin cậy,

thoải mái bàn công việc. Tuy vậy, thay vì cứ làm như vị Tư Lệnh Quân Đoàn khác, đi thẳng với Dinh Độc Lập, với Tổng Thống Thiệu, không cần đếm xỉa tới Trung Tướng Đồng Văn Khuyên là người đang nắm thực quyền tại Bộ Tổng Tham Mưu (Đại Tướng Cao Văn Viên bận Thiệu), vẫn một mực làm theo hệ thống chỉ huy, vốn đã không còn là hệ thống đúng nghĩa nữa. Chẳng những vậy, là một cấp trên mới đến và cô đơn, thay vì dùng uy của những ngôi sao trên cổ áo để buộc thuộc cấp phải đầu vào đấy ngay lập tức, Tướng Phú lại chỉ dùng sự khiêm nhường và tình cảm. Ông thường đưa thuộc cấp về nhà dùng cơm tối, bàn bạc công chuyện trong sự thân mật, để rồi sau này có vị thuộc cấp lôi cả chuyện nhà ông ra thảo luận kể thành chuyện xấu (và không ai phản bác vì không có nhân chứng).

Thật ra, theo tác giả, cách làm việc của Tướng Phú rồi cũng sẽ có kết quả, lần hồi rồi ông sẽ giải quyết được vụ Tướng Khuyên, và sẽ lập được một Bộ Tham Mưu theo đúng ý mình. Nhưng tiếc cho ông, Tướng Phú không còn có thời gian nữa.

Tuy không còn muốn nhắc đến Đại Tá Trịnh Tiểu nữa, nhưng không nhắc cũng không được. Mỗi đơn vị đều có cuộc họp tham mưu hàng ngày, cấp Quân Đoàn vốn có nhiều đơn vị thống thuộc lại càng phải tuân thủ lệ này. Vậy nếu Đại Tá Trịnh Tiểu đã thuyết trình kiên quyết nhận định Ban Mê Thuột chính là mục tiêu của quân Bắc Cộng, thì chúng ta cần có thêm câu hỏi tại sao những cuộc tường trình về tình báo chính xác của ông lại không dẫn đến một cuộc họp khẩn cấp về Ban Mê Thuột với đầy đủ các vị Tư Lệnh Phó Quân Đoàn, Tư Lệnh Phó Quân Khu, Tham Mưu Trưởng, Trưởng Phòng thuộc Bộ Tham Mưu, Tư Lệnh các đại đơn vị, và các vị Tiểu Khu Trưởng (Tỉnh Trưởng) liên hệ? Nhưng chúng ta có thể tự trả lời, vì đã đọc những phần ở trên: Chính Đại Tá Tỉnh Trưởng Nguyễn Trọng Luật chỉ một ngày trước khi Ban Mê Thuột bị quân Bắc Cộng tấn công vẫn còn tin tưởng ở lời nói của Đại Tá Trịnh Tiểu là quân và xe tăng Bắc Cộng đang tụ tập xung quanh Kon Tum, Pleiku!

Phía tình báo chiến trường người Mỹ còn tệ hơn nữa. Khi khổng khi không, cơ quan tình báo của họ bỗng dưng tệ một cách bất ngờ, bất thường! Tác giả Michael Maclear nêu thắc mắc trong cuốn "The Ten Thousand Days War - Vietnam: 1945 - 1975" rằng có Sư Đoàn Bắc Cộng cùng hàng trăm xe tăng tập trung áp sát vào Ban Mê Thuột chưa đầy 20 dặm. Nhưng không thám Mỹ nhất định không tìm ra.

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú có tội đã tin vào tình báo của Mỹ và của ... mình. Nhưng không tin vào họ thì tin vào đâu??!

Mất Ban Mê Thuột rồi thì mất luôn Miền Nam Tự Do nhanh như một cái chớp mắt, chuyện đúng - sai, công - tội trong vụ Ban Mê Thuột không ai có thời gian hay lòng dạ nào mà thảo uận. Mãi sau khi các cộng đồng người gốc Việt bắt đầu hình thành tại Hoa Kỳ và ở các quốc gia khác trên thế giới, những câu chuyện cũ bắt đầu được khơi lại. Khi có chính sách đón tiếp quân nhân - công chức Việt nam Cộng Hòa từng bị tù Cộng Sản sang Hoa Kỳ định cư, thì những câu chuyện cũ đó ồn ào hẳn lên.

Câu chuyện Thiếu Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II Phạm Văn Phú làm kế nghi binh của quân Bắc Cộng làm mất Ban Mê Thuột nóng hẳn lên trong dư luận cộng đồng gốc Việt vào những năm đầu thế kỷ 21. Nòng cốt của nó chính là những bài báo của ... Đại Tá Trịnh Tiểu, Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn II năm xưa. Thật đáng ngạc nhiên, từ hoạt động của vài cá nhân nó bỗng biến thành như một "phong trào". Chính cả người Mỹ cũng nhập cuộc, xử dụng tài liệu của Đại Tá Tiểu vào sách vở của họ, kể cả những tài liệu huấn luyện quân sự nữa.

Với tình trạng như vậy, nếu từ đây cho đến ngày không còn một người lính Việt nam Cộng Hòa nào hiện diện trên cõi đời này nữa, lúc đó mà không có ai đưa ra một hướng dư luận khác nhằm đặt lại cho đúng vấn đề ở Vùng 2 Chiến Thuật năm 1975, thì muộn mất rồi. Có lẽ không còn cơ hội nào nữa. Oan khiên sẽ là oan khiên muôn thuở!

Tác giả mạnh mẽ nêu nghi vấn: tướng Phú có làm "kế nghi binh của địch" trong Trận Ban Mê Thuột hay không?!

Cả hai, Pleiku và Ban Mê Thuột, cùng là hai yếu huyết của Vùng Cao Nguyên, quân Bắc Cộng nếu chiếm được hai nơi này họ sẽ dàn được quân từ vùng Cao Nguyên kéo tới tận bờ Biển Đông, cắt đôi nước Việt nam Cộng Hòa. Pleiku và Ban Mê Thuột quan trọng như nhau, không thể nói nơi này quan trọng hơn nơi kia. (Tổng Thống Thiệu thì nói Ban Mê Thuột quan trọng hơn vì thành phố này đông dân hơn, lợi tức cao hơn bằng cả Kon Tum và Pleiku cộng lại. Nhưng đây là cách nói nghiêng về chính trị địa dư, không liên quan đến quân sự).

Để giữ cả hai, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú chỉ có Sư Đoàn 23 BB, được tăng phái thêm 2 Liên Đoàn 24 và 25 BĐQ. Nên nhớ, tuy cũng là Biệt Động Quân nhưng Biệt Động Quân Biên Phòng và Biệt Động Quân Tiếp

Ứng khác nhau rất xa về quân số, về khả năng chiến đấu, và về kinh nghiệm chiến trường. (Biệt Động Quân cơ hữu của Vùng 2 lúc bấy giờ có 5 Liên Đoàn, trong số này chỉ có một Liên Đoàn Tiếp Ứng). 3 Liên Đoàn

BĐQ còn lại thì được gom lại đặt dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Phạm Duy Tất giữ Kon Tum.

Một Sư Đoàn BB cộng 2 Liên Đoàn BĐQ giữ cả hai yếu huyết Pleiku và Ban Mê Thuột. Khi tình hình có vẻ dồn dập hơn, Bộ Tổng Tham Mưu có tăng phái cho Vùng 2 thêm 3 Liên Đoàn Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị. Nhưng lần lượt gửi lên từng Liên Đoàn một, riêng lẻ, thay vì cùng một lần và nếu được là một Binh Đoàn Biệt Động Quân với 3 Liên Đoàn thống thuộc, để thống nhất chỉ huy thì sức chiến đấu sẽ mạnh mẽ hơn và giúp hiệu quả hơn. So với Tướng Trưởng năm 1972 nhận Vùng 1 Chiến Thuật và Tướng Phú năm 1975 khi nhận Vùng 2 Chiến Thuật thì rõ ràng Tướng Phú không đủ "bộ để gột nên hồ". Tướng Phú tiến thoái lưỡng nan. Được đảng này thì mất đảng kia, được đảng kia thì mất đảng nọ. Việt Nam mình có câu: "Cái khó bó cái khôn", Tướng Phú đã không có được cái cần và đủ hầu làm sức bật cho những sáng kiến hay giải quyết khó khăn.

Nên nhớ vào thời điểm này Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Trung Ương đã có sẵn sàng 6 Liên Đoàn Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị. Tướng Phú hầu như không biết sự hiện diện của 6 Liên Đoàn này. Không phải chỉ Tướng Phú mà các Tư Lệnh Quân Đoàn khác đều không biết rõ ràng Biệt Động Quân có một lực lượng Tổng Trừ Bị đông đảo như thế. Có lẽ Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng cũng mù mờ khi họp tại Cam Ranh, Tướng Phú yêu cầu tăng quân, Đại Tướng đã thẳng thừng trả lời không còn (thực sự lúc này Biệt Động Quân vẫn còn 3 Liên Đoàn).

Giá mà 6 Liên Đoàn rời rạc này được thành lập thành 2 Binh Đoàn thì các Tư Lệnh Quân Đoàn đều được biết đến. Vì không biết nên Tướng Phú không yêu cầu, mà Bộ Tổng Tham Mưu cũng không chủ động tăng cường cho Quân Khu II, phải đợi cho tới khi mặt trận Ban Mê Thuột bùng nổ thì Bộ Tổng Tham Mưu mới có phản ứng. Quá trễ!

Hãy nhìn cách dàn quân của Bắc Cộng tại Tây Nguyên. Sư Đoàn 320 CSBV bố trí phía Tây quận Thuận Mẫn cách thị xã Pleiku khoảng 14 cây số về phía Nam, giữa Pleiku và Ban Mê Thuột. Sư Đoàn 968 CSBV tấn kích quận Thanh An phía Tây Pleiku. Trung Đoàn 95B CSBV đóng tại vùng Suối Đồi, quận Lê Trung phía Đông Pleiku.

Vùng Ban Mê Thuột quân Bắc Cộng có Sư Đoàn 316 CSBV, Sư Đoàn 10 CSBV, và 1 Trung Đoàn VC Địa Phương.

Như vậy Sư Đoàn 320 CSBV chính là lực lượng Bắc Cộng có thể dùng tới để nhập vào mũi tiến công đối với Ban Mê Thuột hoặc Pleiku chỉ bằng một lệnh chuyển hướng.

Và Tướng VC Văn Tiến Dũng lại còn muốn cho Tướng Phạm Văn Phú

thấy rằng họ có khả năng mở hai mặt trận cùng một lúc: cả Pleiku lẫn Ban Mê Thuột. Dĩ nhiên nếu làm vậy họ sẽ chịu nhiều rủi ro hơn. Phía Bắc Cộng còn có ưu thế chuyển quân thoải mái theo ý muốn của họ bất kể lúc nào bởi vì họ không có nơi nào cần phải chống giữ, trong khi phía Việt nam Cộng Hòa thì cả hai Pleiku - Ban Mê Thuột đều là yếu huyệt cả.

Đã không ít lần binh sĩ của Quân Đoàn II nghe được ông Tướng Tư Lệnh của mình nói rằng, Pleiku là đầu não, khi nào đầu não vẫn còn thì Vùng Cao Nguyên không mất.!

Quan niệm của Tướng Phú là vậy chứ không "làm kế nghi binh" gì cả. Chắc chắn như vậy! Thiếu Tướng Phạm Văn Phú không chấp nhận may rủi, ông đã nhất quyết giữ cho bằng được Pleiku là nơi ông coi là đầu não. Nơi đặt Bộ Tư lệnh Quân Đoàn II.

Pleiku còn, Vùng Cao Nguyên còn!

Tuy nhiên, đó chỉ là quan niệm của riêng ông, mà ông thì chưa phải là người quyết định sau cùng. Sau khi Ban Mê Thuột mất, đối với Tướng Phú thì Vùng Cao Nguyên vẫn còn vì Pleiku vẫn còn đây! Chính Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, với sự phụ họa của Đại Tướng Cao Văn Viên mà tác giả sẽ trình bày ở một phần sau, đã quyết định là Pleiku phải mất, thì lúc đó Vùng Cao Nguyên của Tướng Phú mới bị mất.

Hai vị Tướng thượng cấp của Thiếu Tướng Phạm Văn Phú trong phút chốc đã biến Tướng Phú thành một bại tướng thảm thê. Đây là dư luận công bình mà chúng ta cần phải trả lại cho Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân Đoàn II.

Dư luận công bình này cũng là một phần của dư luận công bình chung cho toàn thể

quân đội Việt nam Cộng Hòa, một đạo quân bị ám sát!!!

Thử đặt ra một thí dụ, chẳng hạn như Bộ Tổng Tham Mưu đã biết uyển chuyển, đã tổ chức 3 Liên Đoàn Biệt Động Quân thống nhất lại thành một Binh Đoàn Biệt Động Quân thay vì 3 Liên Đoàn Biệt Động Quân riêng rẽ, rời rạc, gửi tăng phái cho Vùng 2 để cho Tướng Phú xử dụng Binh Đoàn Biệt Động Quân này đi giải cứu, tái chiếm Ban Mê Thuột thay vì xử dụng Trung Đoàn 44, 45 của Sư Đoàn 23 BB, thì có gì khá hơn không? Có nhiều phần là phải khá hơn, vì như Trung Tá Trung Đoàn Trưởng Ngô Văn Xuân đã từng kể, gia đình binh sĩ thuộc Trung Đoàn 44 của ông phần đông là ở Phan Thiết, trong khi đó gia đình binh sĩ thuộc Trung Đoàn 45 đa số là ở Ban Mê Thuột vì Trung Đoàn này được thành lập và đặt căn cứ tại đây cho đến khi bị quân Bắc Cộng chiếm giữ. Mặc dù Trung Tá Ngô Văn Xuân

không viết ra nhưng chúng ta có thể đoán là khi họ vừa được đổ xuống Ban Mê Thuột, một số binh sĩ đã rời bỏ hàng ngũ để xông xáo đi lo cho gia đình, thân quyến của họ.

"Binh Đoàn Biệt Động Quân" thì đến từ Sài Gòn, tinh thần của họ sẽ khá hơn vì không phải vướng bận yếu tố gia đình. Vả lại, một đơn vị cấp Binh Đoàn có quân số tương đương với cấp Sư Đoàn, dù thiếu phương tiện hỏa lực yểm trợ cơ hữu, vẫn có khả năng chiến đấu cao hơn 2 Trung Đoàn, mặc dù kết quả có thể là tệ hại vì lúc đó thị xã Ban Mê Thuột đã bị kèm giữ bởi 3 Sư Đoàn Bắc Cộng.

Câu hỏi sau cùng là sau khi Ban Mê Thuột mất, chuyện gì sẽ xảy ra nếu Việt Nam Cộng Hòa không rút bỏ Kon Tum, Pleiku? Quân đội Việt Nam Cộng Hòa có sẽ bị đánh tan hàng ở hai nơi này như không? Câu trả lời là Kon Tum, Pleiku sẽ không như Ban Mê Thuột, bởi vì quan niệm "Pleiku còn Vùng Cao Nguyên còn" của Tướng Phú, giặc muốn hạ thành chắc phải chờ quân Cộng Hòa kéo cờ trắng đầu hàng sau khi đạn dược đã hết, xăng dầu đã cạn. Khi chuyện xảy ra như vậy thì người Mỹ "đẹp mặt" lắm!

Nếu Việt Nam Cộng Hòa chọn tử thủ Kon Tum -Pleiku, tính cách dễ dàng nhất cho Tướng VC Văn Tiến Dũng lúc bây giờ là sẽ không tiến đánh hai nơi nói trên, cũng không dùng Ban Mê Thuột làm bàn đạp tiến ngang sang hướng Đông đánh chiếm Nha Trang, Khánh Hòa; bởi vì cách tiện nhất mà cũng có lợi nhiều là tiến quân xuống phía Nam chiếm tỉnh Quảng Đức, dùng đường mòn Hồ Chí Minh đã nối từ Khâm Đức (Vùng 1) vào quốc lộ 14 chạy thẳng xuống Phước Long, không còn phải băng qua lãnh thổ Kăm Pu Chia ở Ngã Ba Biên Giới (Tây Nguyên - Kăm Pu Chia - Miền Nam). Nên nhớ lúc này Khờ Me Đỏ đang đòi hỏi quân Bắc Cộng phải ra khỏi lãnh

thổ Miền, không cho mượn đường nữa. Bắc Cộng đang hoàn chỉnh con đường nói trên để đưa quân và tiếp liệu áp sát vào uy hiếp thủ đô Sài Gòn.

Dự đoán nói trên không phải là của tác giả. Chính Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu khi lên Ban Mê Thuột ăn Tết năm 1975 với anh em binh sĩ ở đây đã nói như vậy, và cổ động tinh thần anh em.

Vị Tổng Tư Lệnh quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã dự đoán hướng tiến quân Bắc Cộng sẽ như thế, vầy mà sau khi Ban Mê Thuột mất thì ông vội vàng ra lệnh rút bỏ cả vùng Tây Nguyên, tâm thần của Tổng Thống lúc đó có còn vững vàng cho chức vụ Tổng Tư Lệnh nữa không?

CUỘC TRIỆT THOÁI QUÂN ĐOÀN II

Cuối tháng Hai 1975 không chỉ có Bắc Cộng dàn quân chuẩn bị đánh phá vùng Tây Nguyên và cùng khắp Miền Nam Tự Do, mà còn có một đạo

quân khác được máy bay dân sự đổ xuống Sài Gòn khiến Dinh Độc Lập xiềng niềng.

"Đạo quân Lập Pháp Mỹ" do Tổng Thống Ford yêu cầu tới Sài Gòn để tìm hiểu tình hình và nhu cầu của Việt Nam Cộng Hòa, gồm 1 Thượng Nghị Sĩ và 7 dân biểu. Theo Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Hưng, đa số trong nhóm dân cử này có thành kiến xấu với ông Thiệu, vừa tới Sài Gòn là lập tức chia nhau đi tìm những thành phần đối lập với chính phủ để thu thập tài liệu nhằm cắt viện trợ, thay vì tìm hiểu nhu cầu và giúp cho Việt Nam Cộng Hòa đủ khả năng chống lại Cộng Sản.

Áp lực vũ khí "cắt viện trợ" của "Đạo quân Lập Pháp Mỹ" nhiều lần nặng nề hơn đạo quân 20 sư Đoàn CSBV cùng hàng ngàn xe tăng do khối Cộng Sản Thế Giới cung cấp đang hùng hổ khắp 4 Quân Khu. Chính áp lực này đã đánh bại quân lực Việt Nam Cộng Hòa, xuyên qua ông Tổng Tư Lệnh Nguyễn Văn Thiệu lúc bấy giờ đã quá bất loạn tâm thần.

Ông Thiệu bất loạn vì một loạt cú đấm xối xả tung tới. "Đạo quân Lập Pháp Mỹ" vừa rời Sài Gòn thì đạo quân 3 Sư Đoàn Bắc Cộng tấn công Ban Mê Thuột vào lúc 2 giờ sáng ngày 10 tháng Ba 1975, Ông Thiệu chưa kịp hết ngất ngư thì cùng ngày, phái đoàn của Ngoại Trưởng Trần Văn Lãm đi Mỹ cầu viện trở về, mang theo một cú đấm khác: không còn hy vọng được viện trợ bổ sung 300 triệu đô la, trái lại, có thể sẽ không còn viện trợ quân sự nữa!

Ngày lập tức vào ngày hôm sau, 11 tháng Ba 1975, Tổng Thống Thiệu mở cuộc họp với Thủ Tướng Khiêm, Đại Tướng Viên, và Trung Tướng Quang, cho biết quyết định tái phối trí "Đầu Teo Đít To" của ông - tức là bỏ Vùng 1, Vùng 2, chỉ giữ lại Huế, Đà Nẵng, một phần duyên hải Vùng 2. Cả bốn vị đều là Tướng lãnh cao cấp Việt Nam Cộng Hòa, không có vị nào phản đối Tướng Thiệu.

Ngày 12 tháng Ba 1975, Hạ Viện Mỹ xác nhận báo cáo của Ngoại Trưởng Lãm bằng cách biểu quyết không chuẩn thuận 300 triệu đô la viện trợ bổ sung. Đồng thời Đại Sứ Martin báo cho Tổng Thống Thiệu biết, quân viện

năm tới sẽ không được chuẩn chi kể từ tháng Sáu. Điều này có nghĩa là Mỹ đã hoàn toàn bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa!

Vào tháng Sáu 1975.

Mà bây giờ đã là tháng Ba!

CUỘC HỌP MỞ ĐẦU THẢM HỌA

Hai ngày sau, 14 tháng Ba 1975, phái đoàn từ Sài Gòn gồm Tổng Thống Thiệu- Thủ Tướng Khiêm - Đại Tướng Viên - Trung Tướng Quang bay ra Cam Ranh họp với Thiếu Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II Phạm Văn Phú. Có thể coi đây là cuộc họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia với Tư Lệnh Quân Đoàn II, vào lúc này thì Thiếu Tướng Phú đã có đầy đủ dữ kiện về phía địch để trình đến Hội Đồng. Đây cũng là một cuộc họp bị mọi người coi là đầu mối dẫn tới thảm họa Ba Mươi Tháng Tư Bảy Lăm.

Tổng Thống muốn Tư Lệnh Quân Đoàn II rút hết Chủ lực quân, xe tăng, pháo binh ở Kon Tum - Pleiku về Vùng Duyên Hải. Và thêm vào, sau cuộc rút quân, sẽ tổ chức để tái chiếm Ban Mê Thuột. Đặc biệt, sẽ bỏ lại hết những cơ quan hành chánh địa phương các cấp, các đơn vị Địa Phương Quân, Nghĩa Quân và dân chúng. Tướng Phú xin được ở lại tử thủ Kon Tum - Pleiku, xin được tăng viện thêm quân. Tổng Tư Lệnh Nguyễn Văn Thiệu quay sang Tổng Tham Mưu Trưởng Cao Văn Viên, Tướng Viên lắc đầu nói không còn quân trừ bị để tăng viện cho Tướng Phú nữa.

Mặc dù đã có chủ trương bỏ Vùng 1, Vùng 2, Tổng Thống có lẽ vẫn thấy yêu cầu được tử thủ và tổ chức tái chiếm Ban Mê Thuột từ Kon Tum - Pleiku của Tướng Phú là hợp lý, nhưng câu trả lời không còn quân Tổng Trừ Bị của Tướng Viên đã giúp hoặc dồn Tướng Thiệu từ chối đề nghị của Tướng Phú. Về vấn đề thiếu quân trừ bị để tăng phái cho các Vùng, đó đã là nhu cầu rất rõ ràng sau Trận Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, chứ không phải chỉ mới đây. Hai Sư Đoàn Tổng Trừ Bị Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến đã phải thường trực có mặt tại Vùng 1, nhưng còn lực lượng Biệt Động Quân thì sao? Trong suốt 2 năm 1973, 1974 Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Trung Ương đã liên tục bàn bạc về việc thành lập Sư Đoàn Biệt Động Quân, nhưng nhì nhằng mãi không hề thấy thực hiện. Vào thời điểm cuối 1974, như đã nói phần trên, đã có đến 6 Liên Đoàn Biệt Động Quân biệt lập (Tổng Trừ Bị) là các Liên Đoàn 4, 5, 6, 7, 8, 9. Vẫn biết rằng với tình trạng bị cắt viện trợ thì thiếu phương tiện vật chất để thành lập thêm Sư Đoàn Biệt Động Quân, nhưng nếu biến lực lượng Biệt

Động Quân này thành những Chiến Đoàn hay Binh Đoàn, nằm dưới một hệ thống chỉ huy thống nhất thì đây vẫn là những Đại Đơn Vị nhiều khả năng chiến đấu hơn dù không thể so sánh với Sư Đoàn Nhảy Dù hay Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến.

Bộ Tổng Tham Mưu đã làm gì để giải quyết vấn đề thiếu quân Tổng Trừ Bị? Không làm gì cả.!

Đó là mối họa cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa từ việc ông Tổng Tham Mưu Trưởng bất mãn ông Tổng Thống kiêm Tổng Tư Lệnh rồi thì chỉ ngồi đó làm vùi, không có một sự đóng góp tích cực nào cho quân đội dưới quyền!

Khi Trận Ban Mê Thuột nổ ra, Bộ Tổng Tham Mưu tăng phái cho Quân Đoàn II 3 Liên Đoàn riêng lẻ, rời rạc; tại sao đầu não của quân đội đã không có sáng kiến kết hợp 3 Liên Đoàn lại thành 1 Binh Đoàn? Dù không sánh được với 2 Sư Đoàn danh tiếng Nhảy Dù hay Thủy Quân Lục Chiến thì nó cũng là một Đại Đơn Vị, có khả năng chiến đấu cao hơn, dễ dàng cho Tướng Phú xử dụng hiệu quả hơn.

Vào những ngày cuối cùng của thủ đô Sài Gòn, trước khi ông Dương Văn Minh kêu gọi đầu hàng, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân là Thiếu Đổ Kế Giai đã nhanh chóng thành lập 2 Sư Đoàn Biệt Động Quân 101 và 106. Nhưng đã quá trễ. Có phải vì trước đây, chính Bộ Tham Mưu và Đại Tướng Cao Văn Viên với lối làm việc chậm chạp, không sáng kiến, không uyển chuyển hợp thời, hợp lý đã là viên đá cản đường mà Tướng Giai không vượt qua nổi vấn đề thay đổi danh xưng cho Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Trung Ương nếu có hơn 1 Sư Đoàn Biệt Động Quân được thành lập?

Trở lại với lệnh rút bỏ Kon Tum - Pleiku đưa quân về Vùng Duyên Hải, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu dùng lối ra lệnh "lấp lửng" sau khi đã hăm dọa cách chức và bỏ tù Tướng Phú, như đã ra lệnh "lấp lửng" ở Vùng 1 khiến Tướng Trưởng không biết thật sự ý muốn của Tổng Thống là bỏ hay quyết giữ Huế. Bị hăm dọa, Tướng Phú đã không còn kịp hỏi rõ ràng, đưa quân về Nha Trang, nhưng bỏ đất thì bỏ tới đâu? Cái "lấp lửng" của Tổng Thống Thiệu và sự phân vân của Tướng Phú về việc bỏ hay không bỏ Phú Bổn đã khiến cho Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II bế tắc tại thị xã Cheo Reo.

Nhưng sự phân vân của Tướng Phú là đúng!

Đã bỏ Pleiku thì cái lòng chảo nhỏ bé Cheo Reo có thể giữ chân được quân Bắc Cộng không? Chắc chắn là không! Nếu mất thêm Phú Bổn thì sẽ kéo theo mất Phú Yên, lệnh của Tổng Thống không ấn định rõ ràng, lại kèm hăm dọa, làm sao Tướng Phú không phân vân cho được?

Bây giờ xin đặt ngược lại chuyện đã rồi. Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II thất bại, nhưng giả sử nó thành công, sau đó các lực lượng Biệt Động Quân được đưa trở ngược lại tái chiếm Ban Mê Thuột thì việc gì sẽ xảy ra?

Chỉ cần trong vòng 3 ngày là Sư Đoàn 320 VC đang ở trong khu vực Quận Thuận Mẫn

cách Pleiku khoảng 14 cây số về hướng Nam sẽ tràn xuống Phú Yên, chiếm Tuy Hòa. Tỉnh Phú Yên sẽ mất nhanh chóng vì không có quân chống giữ. Phú Yên mất thì Khánh Hòa sẽ bị áp lực nặng từ hai hướng Bắc và Tây. Nha Trang cũng không có đủ quân để chống giữ. Tại Ban Mê Thuột, Bắc Cộng chỉ cần để lại vừa đủ quân cầm chân Việt Nam Cộng Hòa, rồi xử

dụng 1 Sư Đoàn VC tránh chạm súng với quân ta, hành quân đánh thẳng xuống Khánh Hòa, Nha Trang, hai nơi này không tránh khỏi lọt vào tay quân Bắc Cộng. Lúc đó thì quân Việt Nam Cộng Hòa sẽ phản ứng ra sao? Kéo ngược đoàn quân tái chiếm Ban Mê Thuột trở lại?

Vì vậy, lời yêu cầu được tử thủ Kon Tum - Pleiku của Tướng Phú nếu được chấp thuận sẽ khiến cho chúng ta chỉ mất Ban Mê Thuột mà thôi. Vùng Duyên Hải cũng chưa bị áp lực nặng nề và Miền Nam Tự Do cũng không nhanh chóng tan rã chỉ trong vòng 55 ngày. Dù rằng trước sau thì Quân Đoàn II cũng sẽ thất trận, khi đạn dược, lương thực, xăng dầu đã cạn.

Đây là sự công bình cần phải trả lại cho Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II và cho tất cả anh em chúng ta từng mặc áo lính Việt Nam Cộng Hòa, nhất là các chiến sĩ phục vụ tại Quân Khu II!

Một vài thuộc cấp của Tướng Phú vì những bất mãn hay tư thù trước đây, và cũng có thể vì không đủ trình độ nhận thức dù là Sĩ Quan cao cấp, đã lên tiếng tại hải ngoại nhằm chà đạp uy tín của ông, giúp cho người Mỹ có thêm "chứng cứ" để chứng minh là quân đội Việt Nam Cộng Hòa thất trận trên các chiến trường vì quá tệ chứ không phải vì bị cắt / cúp viện trợ!

Chính những cá nhân này mới thực là quá tồi tệ !!

Riêng phần Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu, ông đã giữ im lặng đến tận cuối đời, để lại rất nhiều thắc mắc cho những người

còn lại. Chẳng hạn như, phải chăng ông Thiệu vì biết trước sau cũng mất nước, đã cho hai Cuộc triệt thoái Vùng I và Vùng II xảy ra để đi đến một kết thúc sớm, tiết kiệm được sinh mạng và vật chất của quân - dân? hay vì ông Thiệu muốn dùng cơ hội này làm cơ rút lui khỏi chính trường trong êm thấm?

Các thắc mắc như trên sẽ không bao giờ có giải đáp nữa, vì Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã ra đi vĩnh viễn. Nhưng cho dù có giải đáp, thì quyết định về hai Cuộc Triệt Thoái nói trên vẫn là một sự sai trái không thể chấp nhận và đầy thảm họa!

Đại Tá Biệt Động Quân Phạm Duy Tất
Thăng Cấp Chuẩn Tướng.

Trong một cuộc họp ngày 14 Tháng Ba 1975, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú còn có một thỉnh cầu nữa với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Đó là việc thăng cấp Chuẩn Tướng cho Đại Tá Phạm Duy Tất, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Quân Khu II.

Kể từ giữa Tháng Năm 1972, nghĩa là Trận Mùa Hè Đỏ Lửa đang đi dần vào giai đoạn chót. Đại Tá Tất từ Vùng 4 Chiến Thuật đã chuyển lên Vùng 2 Chiến Thuật và phục vụ tại đây cho đến khi Miền Nam Tự Do bị mất vào tay Cộng Sản. Ông đã làm việc dưới quyền của 3 Vị Tư Lệnh Quân Đoàn: Ngô Dzu, Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, và Thiếu Tướng Phạm Văn Phú .

Phạm Duy Tất và Phạm Văn Phú biết nhau từ năm 1955. Thiếu Úy Phạm Duy Tất từ Sư Đoàn 1 Bộ Binh, Đại Úy Phạm Văn Phú vừa trở về từ Điện Biên Phủ đã gặp và quen biết nhau trong cùng một khóa Huấn luyện Dẫn Đạo Chỉ Huy tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Năm 1957 Trung Úy Phạm Duy Tất đang là Huấn Luyện Viên Lực Lượng Đặc Biệt, bất ngờ gặp lại Đại Úy Phạm Văn Phú là khóa sinh Lực Lượng Đặc Biệt. Hai gia đình trở nên thân thiết từ đó. Năm 1960, Thiếu Tá Phú sau khi rời chức vụ Quận Trưởng Quận Trà Cú, Tỉnh Vĩnh Bình (Trà Vinh) về giữ chức vụ Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 77 Lực Lượng Đặc Biệt thì Đại Úy Tất là Chỉ Huy Phó. Mỗi thân tình càng phát triển và gắn bó hơn.

Tại Vùng II Chiến Thuật, Đại Tá Tất phục vụ dưới quyền Tướng Ngô Du không bao lâu thì đến Tướng Nguyễn Văn Toàn, Tướng Toàn lập tức giao phó cho Đại Tá Tất trực tiếp chỉ huy Biệt Động Quân hành quân đánh phá chốt của quân Bắc Cộng đang chặn tại đèo Chu Pao, khai thông quốc lộ 14 mở đường tiếp vận đường bộ từ Pleiku vào Kon Tum. Sau thắng lợi này, Tướng Toàn giao cho Đại Tá Tất chỉ huy lực lượng Biệt Động Quân gồm 3 Liên Đoàn xử dụng như một Chiến Đoàn Biệt Động Quân trấn giữ Kon Tum thay thế Sư Đoàn 23. Sự kiện này chẳng khác gì Biệt Động Quân Khu 3 (Biên Hòa) của Đại Tá Nguyễn Thành Chuẩn đã tổ chức thành Chiến Đoàn vào trấn giữ An Lộc thay thế Sư Đoàn 18.

Theo sự hiểu biết của tác giả thì tổ chức Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Quân Khu được thành lập không có chức năng là một Bộ Chỉ Huy để chỉ huy

hành quân, tập trung các đơn vị Biệt Động Quân. Nhưng từ hồi còn Vùng 4, Đại Tá Tất đã khai triển nó để giúp cho Biệt Khu 44 có quân xử dụng linh hoạt và hiệu quả. Tướng Toàn tại Vùng II cũng như Tư Lệnh Vùng III đã áp dụng cách thức xử dụng Biệt Động Quân như vậy. Chỉ có ở Quân Khu I vẫn chưa thực hiện được.

Năm 1973 Biệt Động Quân cải tổ một lần nữa, chính thức thành lập các Liên Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng theo mô hình các Liên Đoàn Biệt Động Quân Chiến Thuật do Đại Tá Tất thành lập từ đầu năm 1971 để thống hợp chỉ huy các Tiểu Đoàn Biên Phòng trong khi tác chiến. Bộ Tổng Tham Mưu giải tán Biệt Động Quân của Quân Khu IV và đưa 2 Liên Đoàn tăng cường cho Biệt Động Quân của Quân Khu II là Liên Đoàn 24 và Liên Đoàn 25.

Biệt Động Quân của Quân Khu II dưới quyền của Đại Tá Phạm Duy Tất lúc đó đã có 5 Liên Đoàn gồm 4 Liên Đoàn Biên Phòng và 1 Liên Đoàn Tiếp Ứng. Tướng Toàn, Tư Lệnh Quân Đoàn II, đã coi lực lượng Biệt Động Quân như một Đại Đơn Vị, tương đương với Sư Đoàn 22, Sư Đoàn 23. Tướng Toàn giao hẳn hai lãnh thổ Kon Tum - Pleiku cho Đại Tá Tất và Biệt Động Quân hành quân an ninh, bình định cũng như Sư Đoàn 22 trách nhiệm tỉnh Bình Định và Phú Yên, Sư Đoàn 23 trách nhiệm tỉnh Darlac và Quảng Đức. Có một lực lượng Biệt Động Quân thống hợp 3 Liên Đoàn, ở Vùng Cao Nguyên Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II đã có thể cơ động hóa Sư Đoàn 23 - một phần của Sư Đoàn 22 - và Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân Tiếp Ứng.

Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Quân Khu II đã phải thường xuyên hành quân mở rộng vành đai KonTum. Mở đường diệt chốt tại đèo Chư Pao vì quân Bắc Cộng liên tiếp ngăn chặn con đường tiếp tế giữa Pleiku và KonTum. Biệt Động Quân cũng đã phá vỡ nhiều cuộc tấn kích của Quân Bắc Cộng vào Quận Thanh An, phía Tây Pleiku; và yểm trợ giữ vững Căn cứ Pleime. Ngoài ra còn có nhiều lần hành quân diệt pháo của quân Bắc Cộng đặt ở phía Tây Pleiku bắn vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II hay phi trường Cù Hanh.

Trong năm 1973 Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân Tiếp Ứng đã thường xuyên tăng cường cho Quân Đoàn I để hành quân vùng Đức Phổ, Mộ Đức, Sa Huỳnh thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Tướng Toàn giao cho Đại Tá Tất trực tiếp phối hợp với Quân Đoàn I việc sử dụng Biệt Động Quân. Thỉnh thoảng cũng tăng cường Liên Đoàn Biệt Động Quân cho Tiểu Khu Quảng Đức.

Trung Tướng Toàn đã sử dụng Đại Tá Tất và lực lượng Biệt Động Quân Vùng 2 Chiến Thuật như vậy trong suốt thời gian ông làm Tư Lệnh Quân Đoàn II như một thông lệ. Nhưng phải đến lúc Thiếu Tướng Phạm Văn Phú nắm Tư Lệnh Quân Đoàn II thì Đại Tá Tất mới được chính thức bổ nhiệm là Tư Lệnh Mặt Trận KonTum - Pleiku. Thực sự thì vai trò, nhiệm vụ của Đại Tá Tất và Biệt Động Quân Quân Khu II không mấy may thay đổi, nhưng danh xưng mới đã nói lên vai vế, quyền lực của một cấp chỉ huy.

Có một vài tác giả viết ngụ ý rằng việc thăng cấp cho Đại Tá Tất là nhằm chuẩn bị cho ông chỉ huy Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II. Tướng Tất cho tác giả biết điều này hoàn toàn không đúng. Hồ sơ đề nghị thăng cấp Tướng của ông đã được gửi về Bộ Tổng Tham Mưu từ trước, dựa theo đơn vị, khả năng chỉ huy của ông, và trách nhiệm mà ông đã hoàn thành từ thời Tướng Toàn cho tới lúc đó. Hơn nữa còn phải phù hợp với bảng cấp số của chức Tướng.

Trong bất cứ quân đội nào, một Đại Tá được đề nghị đặc cách lên Tướng thường phải được vị Tướng Tư Lệnh chỉ huy trực tiếp đề bạt, đề nghị cho mình. Việc Thiếu Tướng Phú đề nghị với Tổng Thống Thiệu đặc cách cho Đại Tá Tất được mang lon Tướng chỉ là một tiền lệ mà tất cả các cấp Chỉ huy, Tướng Lãnh trong quân đội mình vẫn làm, tránh được phải chờ đợi những thủ tục tham mưu chậm chạp, để việc thăng thưởng cho thuộc cấp của mình nhanh chóng hơn. Đây cũng là sự biểu hiện trọng lượng tiếng nói, uy tín nặng nhẹ của vị Tư Lệnh đối với Thượng Cấp.

Tác giả cũng nhận thấy, nếu như Đại Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III, không bị tử nạn trực thăng thì có lẽ Đại Tá Nguyễn Thành Chuẩn, Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Quân Khu III, cũng đã được thăng lên Tướng, không chừng còn trước cả Tướng Tất.

Từ Cam Ranh trở về Pleiku, Tướng Phú liền triệu tập ngay buổi họp tại Trung Tâm Hành Quân Quân Đoàn gồm Chuẩn Tướng Tư Lệnh Phó Trần Văn Cẩm, Chuẩn Tướng Tư Lệnh Phó Quân Khu Lê Văn Thân, Chuẩn Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân Phạm Ngọc Sang, Đại Tá Tư Lệnh Mặt Trận KonTum - Pleiku Phạm Duy Tất, Đại Tá Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn Lê Khắc Lý.

Bắt đầu buổi họp, Tướng Phú tuyên bố Tổng Thống Thiệu đã đặc cách thăng Chuẩn Tướng cho Đại Tá Phạm Duy Tất, tiếp theo là lễ gắn một sao cho ông. Tướng Tất tâm sự, tôi vui chỉ có một mà buồn tới mười. Lòng đau như cắt vì liền đó Tướng Phú thông báo Quân Lệnh rút bỏ Quân Khu II của Tổng Thống.

Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn II, Đại Tá Lê Khắc Lý thì kể mọi người hiện diện trong buổi họp đều sững sốt trước quân lệnh này, không ai nói nên lời.

Tướng Tất cho biết sau đó ông trở về Bộ Chỉ Huy Hành Quân đóng tại căn cứ Hàm Rồng, lòng buồn rười rượi, ngổn ngang trăm thứ. Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân chỉ với 2 Tiểu đoàn đang phải quần thảo ác liệt với Sư Đoàn 968 CSBV. Ông không thiết gọi báo tin mình đã lên Tướng với vợ con đang ở tại Nha Trang.

Sau này ở hải ngoại, khi nhắc lại việc Đại Tá Phạm Duy Tất được đặc cách lên Chuẩn Tướng, một số người viết đã liên kết việc này với Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II. Vì vậy họ thường nhắc lại một đoạn của Đại Tướng Cao Văn Viên viết kể lại cuộc họp ở Cam Ranh ngày 14 tháng Ba 1975:

"Tôi không quen thân với Đại Tá Tất nhưng được nghe ông là người có khả năng, nhưng làm Tư Lệnh chiến trường thì không có bằng

chứng nào chứng minh ông ta có khả năng. Tôi liền phản đối ngay và nói rằng khi nào tái phối trí xong rồi mới nói đến. Tổng Thống Thiệu tỏ ra do dự nhưng thấy tôi nói có lý nên không đồng ý việc thăng cấp. Thế nhưng, Thiếu Tướng Phú khẩn khoản xin cho bằng được. Cuối cùng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng đồng ý thăng cấp Chuẩn Tướng cho Đại Tá Phạm Duy Tất".

Với đoạn văn nêu trên của Đại Tướng Viên, những người viết ấy đã cho rằng Đại Tướng muốn bác bỏ đề nghị của Tướng Phú, hoặc Đại Tướng có ý cho rằng Đại Tá Tất chưa xứng đáng với đề nghị của Tư Lệnh Quân Đoàn II. Theo tác giả, cách nhận định này không chính xác lắm. Theo đúng nguyên tắc, mỗi khi Tổng Thống nhận được đề nghị thăng Tướng cho một vị Đại Tá, ông luôn luôn hỏi qua ý kiến của Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng, tuy nhiên, có rất nhiều trường hợp ý kiến của Đại Tướng sẽ không ảnh hưởng đến chủ định đã có sẵn của Tổng Thống. Trường hợp của Đại Tá Phạm Duy Tất, ý kiến của Đại Tướng có hai vế, một nửa là khen, nửa kia có tính cách dè dặt thường lệ. Tổng Thống chỉ chờ Tướng Phú tiếp tục mạnh mẽ đề nghị thăng cấp ngay cho thì lập tức đưa ra quyết định tối hậu của ông.

Sở dĩ câu viết Đại Tướng Viên bị "hiểu lầm" là vì ... nó rất đáng bị hiểu lầm. Tại sao việc thăng cấp lại có vụ phải "quen thân" trong đó? Đại Tướng còn đòi hỏi "bằng chứng làm tư lệnh chiến trường" của ông Tất khiến tác giả lấy làm tiếc cho các Sĩ Quan cấp Đại tá thuộc binh chủng Biệt Động Quân. Đơn vị tác chiến cao nhất của binh chủng chỉ đến cấp Liên Đoàn, các vị ấy nếu muốn được tiếp tục thăng tiến e rằng con đường duy nhất là phải xuất binh chủng. Bởi vì Bộ Tổng Tham Mưu không tổ chức cho Biệt Động Quân có những đơn vị ở cấp cao hơn như Chiến Đoàn, Binh Đoàn, Sư Đoàn, v.v.. Trường hợp của Đại Tá Tất lại cho thấy Bộ Tổng Tham Mưu không hề theo sát diễn biến chiến trường. Ai đã giúp khóa chặt biên giới Việt - Miên Vùng 4 Chiến Thuật, không cho Sư Đoàn 1 CSBV xâm nhập vào vùng đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1970 trở về sau bằng 3 trận Cô Tô - Rừng Tràm Trà Tiên - Mộc Hóa? Ai đã chỉ huy chống giữ căn cứ Kampong Trach năm 1972 khiến Sư Đoàn 1 CSBV bị xóa sổ? Ai đã được Tướng Toàn - Tướng Phú giao cho nhiệm vụ Tư Lệnh mặt trận Kon Tum - Pleiku từ năm 1972 đến 1975 (Tướng Toàn khởi đầu - Tướng Phú hợp thức hóa)? Nếu Bộ Tổng Tham Mưu không nhận ra được những thành tích của một Đại Tá Biệt Động Quân chỉ vì quen nghĩ, quen nhớ rằng Biệt Động Quân chỉ có thể đến cấp Liên Đoàn và luôn luôn bị đưa đi tăng phái cho các đơn vị khác thì bất công quá.

Ở đây, tác giả cũng thấy được Tướng Phú là người rất sành tâm lý. Mặc dù hồ sơ đề nghị thăng Tướng cho Đại Tá Tất đã được gửi về Sài Gòn từ lâu, nhưng lợi dụng lúc Tổng Thống đang cần sự "thông cảm" của ông với lệnh buộc triệt thoái Quân Đoàn II mà ông không thể cưỡng, Tướng Phú đã đòi

hỏi sự "thông cảm" ngược lại từ Tổng Thống, đề nghị đặc cách ngay cho Đại Tá Tất. Thay vì để cho ông Tất ngồi chờ hồ sơ đề nghị của mình được cứu xét chậm chạp theo thủ tục hành chính..

Nhưng có điều kệt cho Tướng Tất là có một số người viết đã không nhìn ra "đòn tâm lý" Tướng Phú xử dụng trong cuộc họp Cam Ranh, rồi tưởng tượng rằng Tướng Phú đã hứa hẹn với Tổng Thống Thiệu là tân Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất sau đó sẽ nhận trách nhiệm "Tổng Chỉ Huy" Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II. Buồn cười là sự tưởng tượng ấy được lập đi lập lại nhiều lần thì đã ... biến thành "sự thật", mặc dù bài viết của Đại Tướng Viên mà họ trích dẫn cũng không hề đề cập đến việc như thế.

Ngoài việc đạt tiêu chuẩn thăng cấp, ngoài "đòn tâm lý" của Tướng Phú, ở một phần sau độc giả sẽ còn thấy phần "tình nghĩa" giữa Tướng Phú và

Tướng Tất: Đại Tá Phú(Tư Lệnh Biệt Khu 44 năm 1970) được Phó Tổng Thống Trần Văn Hương gán lon Chuẩn Tướng là nhờ chiến thắng trận Rừng Tràm Trà Tiên do Trung Tá Tất gài địch và chỉ huy trận chiến.

Cuộc triệt thoái trên Con Đường Số 7

Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II không có Lệnh Hành Quân trên giấy tờ vì phải thi hành quá gấp rút, sau này thì có rất nhiều bài viết của cả ba phía Việt Nam Cộng Hòa - Mỹ -

Bắc Cộng nhưng diễn tả không đồng nhất về cách phối trí và phân nhiệm cho cuộc triệt thoái, nên tác giả quyết định dùng lời khai trong lúc bị Việt Cộng nhốt tù của Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm, Tư lệnh Phó Quân Đoàn II. Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất cũng nhận định lời của Tướng Cẩm là chính xác hơn hết:

1/ Lực lượng thứ nhất rời Pleiku ngày 16 tháng Ba gồm Liên Đoàn 6 Biệt Động Quân, Thiết Đoàn 19 Kỵ Binh, cùng một bộ phận của Liên Đoàn 20 Công Binh có nhiệm vụ làm "by-pass cầu cống" và giữ an ninh cho con đường số 7, đoạn từ Cheo Reo đến Sông Ba. ("by-pass cầu cống" có nghĩa là tạo những đoạn vòng qua, để đoàn quân rút lui không cần xử dụng những cầu cống đang có sẵn nhưng tình trạng xử dụng không chắc chắn).

2/ Lực lượng thứ hai rời Pleiku ngày 17 tháng Ba gồm Bộ Tư Lệnh Hành Quân triệt thoái, các Phòng - Sở thuộc Quân Đoàn, Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh có Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân tăng phái, Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân, 3 Tiểu Đoàn Pháo Binh, 2 Đại Đội Cơ Giới.

Bộ Chỉ Huy Hành Quân Triệt Thoái do Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm Tư Lệnh Phó Quân Đoàn chỉ huy sẽ đặt bản doanh tại Cheo Reo. Lữ Đoàn 2

Kỵ Binh và Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân chịu trách nhiệm giữ an ninh và phòng thủ Thị Xã Cheo Reo. Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân giữ Đèo Tuna.

3 / Lực lượng thứ ba, cũng là cuối cùng, rời Pleiku ngày 18 tháng Ba gồm 3 Liên Đoàn Biệt Động Quân 4 - 22 -25, Thiết Đoàn 3 Kỵ Binh, và một đơn vị Pháo Binh, do Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất chỉ huy.

Điểm đáng chú ý là binh sĩ được lệnh chỉ mang theo cấp số đạn hạn chế vì Thiếu Tướng Phạm Văn Phú Tư lệnh Quân Đoàn II trừ liệu nhờ yếu tố bất ngờ địch quân sẽ không kịp tổ chức truy cản. Tướng Phú cũng không dự trừ khoảng 200,000 dân chúng sẽ chạy theo và nhập luôn vào đoàn quân triệt thoái.

Phỏng Vấn Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất

Tác giả: Thưa Chuẩn Tướng, trong cuộc họp tại Bộ Tư lệnh Quân Đoàn II để truyền lại quân lệnh của Tổng Thống Thiệu, Tướng Phú đã nói về quân lệnh đó như thế nào?

Tướng Tất: lệnh Tổng Thống là giữ bí mật tuyệt đối, chỉ rút quân Chủ lực, còn lại bỏ tất cả. Có nghĩa là bỏ Tiểu Khu, bỏ Địa Phương Quân, Nghĩa Quân, và dân chúng. Có người đã hỏi tại sao vậy?

Tướng Phú trả lời: Tổng Thống đã có nói nếu họ muốn theo thì họ sẽ biết cách đi theo, các anh không phải lo. Phải rút nhanh, gọn để bảo toàn sự bất ngờ.

Tác giả: Phải rút cho nhanh, vậy sự phân nhiệm tại chỗ lúc đó như thế nào, thưa Chuẩn Tướng?

Tướng Tất: Tướng Sang, Tư Lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân chịu trách nhiệm đưa Sư Đoàn Không Quân về đồn trú tại căn cứ Không Quân Phan Rang. Tướng Thân trở lại Nha Trang chuẩn bị cho Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn về đó. Tướng Cẩm, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn và Bộ Tham Mưu Nhẹ đặt tại Cheo Reo làm Bộ Tư Lệnh Tiền Phương chỉ huy, giám sát, đôn đốc cuộc rút quân. Đại tá Lý Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn lệnh cho các đơn vị thống thuộc Quân Đoàn/ Quân Khu rút, xa trước gần sau. Tướng Tất chịu trách nhiệm đưa đoàn quân về Nha Trang, chuẩn bị hành quân tái chiếm Ban Mê Thuột.

Tác giả: Sau khi Ban Mê Thuột mất, tình hình của quân mình tại Vùng Cao Nguyên ra sao, thưa Chuẩn Tướng?

Tướng Tất: Trước nhất là Bộ Chỉ Huy Hành Quân của tôi từ Kon Tum đã dời về Căn Cứ Hàm Rồng, Pleiku, để nhận lại vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 23 đã được trực thăng vận xuống tái chiếm Ban Mê

Thuật. Bất thành linh mất sự yểm trợ của Sư Đoàn 23 ở Mặt Trận Thanh An, tôi sợ Liên Đoàn 25 sẽ bị bể, nhưng cùng lúc tôi cũng tin tưởng Trung tá Đặng Hưng Long, Liên Đoàn Trưởng, là một cấp chỉ huy rất vững vàng. Ngoài ra tôi cũng còn có Trung tá Vũ Mạnh Cường, vốn từng là phụ tá của tôi nhiều năm khi tôi còn làm chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn luyện và Hành Quân Delta, Lực Lượng Đặc Biệt. Ông Cường bây giờ là Trung Đoàn Phó Trung Đoàn 44, Sư Đoàn 23, ở lại Pleiku và đang có trong tay 1 Tiểu Đoàn Bộ Binh, 1 Chi Đoàn M-113, 1 Pháo Đội 105 ly. Tôi giao cho lực lượng này nhiệm vụ tiếp tục yểm trợ Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân tại Mặt Trận

Thanh An, vậy là tạm yên tâm, tuy nhiên tôi biết lực lượng này có thể được rút đi bất cứ lúc nào.

Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân cũng mới vừa được đưa đến tăng cường cho Pleiku, tôi điều động Liên Đoàn này đóng ở phía Tây Pleiku, đang khá yên tĩnh. Ở phía Bắc Pleiku tôi có Liên Đoàn 23. Phía Đông có Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh do Đại Tá Đồng làm Tư Lệnh được tăng phái Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân đang hành quân phá chốt, đối đầu với Trung Đoàn 95B Việt Cộng tại khu vực Suối Đồi, Quận Lệ Trung, phía Tây đèo Mang Yang, tức phía Đông Pleiku. Cũng cần nhấn mạnh ở đây, đúng theo hệ thống chỉ huy bấy giờ thì Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Quân Khu và Tư Lệnh Lữ Đoàn Kỵ Binh là ngang nhau. Tôi không rõ trước khi tôi nhận lại vùng trách nhiệm của Sư Đoàn 23 thì Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh có tăng phái thống thuộc dưới quyền chỉ huy của Tướng Lê Trung Tường, Tư Lệnh Sư Đoàn 23 hay không? Theo tôi, có lẽ Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh đã được điều động trực tiếp từ Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II, theo nguyên tắc là vậy. Với những lý do vừa kể, thì rất khó lòng cho cả tôi và ông Đồng, mặc dù tôi đã là Tướng thì cũng vậy thôi. Vì vậy Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh vẫn nằm ngoài hệ thống chỉ huy của tôi, và nhận lệnh trực tiếp từ Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn cho tới lúc Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II thất bại.

Tại Kon Tum, tôi có 3 Liên Đoàn Biệt Động Quân là LĐ 22, LĐ 5, LĐ 21. Liên Đoàn 21 đã được tăng phái cho Sư Đoàn 23, trực thăng vận xuống Ban Mê Thuật làm "đầu cầu" cho Sư Đoàn. Liên Đoàn 6 rồi cũng sẽ được Quân Đoàn điều động đi làm an ninh mở con đường số 7. Như vậy tại Kon Tum tôi chỉ còn lại mỗi Liên Đoàn 22.

Suốt đêm sau cuộc họp Quân Đoàn, tôi ở tại Căn Cứ Hàm Rồng không chợp mắt được phút nào vì Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân đang đối đầu với một lực lượng Bắc Cộng cấp Sư Đoàn, làm sao để tránh chuyện Liên Đoàn này bị biến thành vật hy sinh, cản đường cho cả Quân Đoàn rút lui. Cho dù Sư Đoàn 968 CSBV là một Sư

Đoàn yếu, lại vừa bị Sư Đoàn 6 Không Quân oanh kích tới bờ, nhưng nó vẫn là cấp Sư Đoàn, nên việc Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân đối đầu và chặn đứng nó tại Thanh An phải được coi là một thành tích đáng ca ngợi. Rồi lại nghĩ đến con đường số 7, tuy tôi đã phục vụ ở Vùng II Chiến Thuật trong 3 năm nhưng chưa lần nào đặt

chân đến vùng phía Đông này. Nghĩ tới chuyện sắp tới sẽ hành quân tái chiếm Ban Mê Thuột, tôi rà soát lại các đơn vị cơ hữu của mình. Tôi có 5 Liên Đoàn Biệt Động Quân thì Liên Đoàn 24 đang tăng phái cho Tiểu Khu Quảng Đức, Liên Đoàn 21 thì tăng phái cho Sư Đoàn 23 nhảy vào Ban Mê Thuột. Chỉ còn lại 3 Liên Đoàn, mà Liên Đoàn 25 rút về được thì cũng sẽ bị tổn thất nặng, phải bổ sung quân số, và phải có thời gian chỉnh quân. Tôi còn có 3 Liên Đoàn, đây là những Liên Đoàn mạnh, nhưng xử dụng được một cách tối đa thì cũng là vấn đề. Phải chi 3 Liên Đoàn này là 1 Binh Đoàn có Bộ Tư Lệnh chỉ huy trực tiếp thì hay biết mấy!

Nghĩ miên man như thế, trời sáng lúc nào không hay, tôi vội vàng vào Quân Đoàn gặp Tướng Phú xem lệnh lạc chi tiết như thế nào. Thấy tôi, Tướng Phú yêu cầu tôi đến gặp Tư Lệnh Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh chuyển lệnh của Quân Đoàn cho ông ta lập tức di chuyển đi Phú Bổn, nhiệm vụ là bảo vệ Thị Trấn Cheo Reo. Tướng Phú còn ra lệnh cho tôi tăng phái Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân cho Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh và nhận lại Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị. Ông cũng cho biết đã điều động Liên Đoàn 6 Biệt Động Quân hành quân mở đường cho Công Binh làm by-pass các cầu cống trên đường số 7. Vừa bước ra tôi gặp Lê Khắc Lý, Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn, ông Lý vừa đi vừa nói " Tôi không có thì giờ để làm Lệnh Hành Quân". Tôi hỏi phương tiện vận chuyển cho Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân rời Kon Tum, Đại Tá Lý trả lời ngay "Sẽ có một Tiểu Đoàn Thông Vận Binh cho họ". Đây là câu trả lời tôi mong đợi.

Tôi đến nơi đóng quân của Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh chuyển lệnh của Tướng Phú cho Đại Tá Đồng, rồi trở về Bộ Chỉ Huy Hành Quân của mình và triệu tập buổi họp với các Liên Đoàn Trưởng để thông báo thứ tự rút quân. Trung Tá Long Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 25 về họp còn mang theo một tù binh Cộng sản giao cho tôi. Thật đáng tiếc, tù binh trong hoàn cảnh bấy giờ, có cần khai thác tin tức cho Mật Trận Thanh An nữa đâu.

Giải tán các Liên Đoàn Trưởng, tôi bay xuống Phú Bổn định ghé thăm Đại Tá Đồng và bàn việc phối hợp rút quân, sau đó là thám sát con đường số 7 vì tôi muốn tận mắt hiểu rõ lộ trình mình sẽ phải đi qua. Đây là lần thứ nhì chúng tôi gặp nhau, ông Đồng gặp tôi với vẻ không vui, gần như là không muốn tiếp. Rồi Đại Tá Đồng tôi định

tiếp tục bay đi thám sát con đường, nhưng trực thăng vừa cất cánh thì Tướng Phú gọi máy bắt tôi phải trở về Hàm Rồng. Ông Phú nói: Cheo Reo đã có Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh chịu trách nhiệm, đường số 7 thì đã có Chiến đoàn của Liên Đoàn 6 Biệt Động Quân và Công Binh, anh không phải lo những việc này, trách nhiệm của anh là không được để các mặt trận tại Pleiku bị bể trong lúc này. Tôi trả lời: Tôi có lo gì đâu, chỉ là muốn thám sát con đường. Tướng Phú quát lớn: Anh trở lại đây ngay cho tôi.

Tuy Đại Tá Lê Khắc Lý vì quá gấp không làm nổi cái Lệnh Hành Quân, nhưng với lệnh vừa rời của Tướng Phú đối với tôi thì quá rõ. Nhiệm vụ của tôi cũng thật dễ dàng, an ninh lộ trình đã có Quân Đoàn sắp đặt, tôi chỉ việc chờ các đơn vị thuộc Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II mà tôi nghĩ khi Đại Tá Lý đã ra lệnh cho họ rời khỏi Pleiku là tôi cho các đơn vị của mình tiếp theo sau.

Tôi chỉ hơi buồn vì Đại Tá Đồng có lẽ đã hiểu lầm tôi là người chỉ huy ông ta, vì vậy mà sự phối hợp cần thiết giữa ông ta và tôi đã không đạt được. Nhưng ông Đồng hiểu lầm cũng phải, sự bàn giao gấp rút giữa Biệt Động Quân và Sư Đoàn 23, việc tôi chuyển lệnh của Tướng Phú đến Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh, việc tôi đến thăm ông ta tại Phú Bổn, thì ông ta tưởng tôi đến để giám sát. Thật đáng tiếc.

Tác giả: Có vài bài viết gọi Chuẩn Tướng là Tổng Chỉ Huy Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II, nhưng như Chuẩn Tướng vừa kể thì hoàn toàn không đúng?

Tướng Tất: Anh thấy đó, cuộc triệt thoái dựa vào yếu tố bí mật, bất ngờ, thật gọn, thật nhanh, nên Lệnh Hành Quân không có, tất cả các lệnh lạc khác cũng không có trên giấy tờ, chỉ toàn lệnh miệng. Tại cuộc họp ở Quân Đoàn chưa có ai nghe đến 3 chữ Tổng Chỉ Huy. Tướng Phú rõ ràng ra lệnh cho tôi phải đưa lực lượng về đến Nha Trang. Chỉ đơn giản như thế. Quân Đoàn/Quân Khu có nhiều đơn vị cơ quan trực thuộc, tôi đâu biết là những đơn vị nào, đồn trú ở đâu, ai chỉ huy ... Vậy làm sao tôi điều động được? Tôi thiết tưởng, trong khi rút quân, đài radio chết tiệt ở Sài Gòn cứ oang oang, ra rả phát đi "Tướng Tất đang chỉ huy cuộc triệt thoái khỏi Tây Nguyên", vì câu nói trên đài phát thanh mà ai cũng tưởng tôi là Tổng Chỉ Huy cuộc hành quân. Mình là quân đội phải suy nghĩ đúng theo

quân đội. Tư Lệnh, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn đều còn đó, thì làm sao có thể là Tổng Chỉ Huy được? Rồi trở lại vấn đề mới nói ở trên, việc chuyển lệnh của Tướng Phú đến các đơn vị là nhiệm vụ của Đại Tá Lê Khắc Lý, Tham Mưu Trưởng, tôi đoán có lẽ thấy Đại Tá Lý

quá bận rộn chuẩn bị cho các đơn vị trong Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn nên Tướng Phú lại nhờ tôi chuyển lệnh cho Đại Tá Đồng, gây thành sự hiểu lầm. Tôi lại đáp xuống Phú Bốn thành hiểu lầm của ông Đồng càng tăng, như tôi đã nói, điều đáng tiếc là sự phối hợp giữa tôi và ông Đồng đã không đạt được. Tổng Chỉ Huy? Không. Tôi xác nhận với anh là không phải, anh Đỗ Sơn. Ngay cả những đơn vị Biệt Động Quân do chính Quân Đoàn sử dụng thì cũng không nằm trong hệ thống chỉ huy của tôi.

Tác giả: Tôi hiểu, Chuẩn Tướng. Tôi đã đọc lời khai của Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm do Việt Cộng đăng khi ông Cẩm đang bị họ cầm tù.(Lời khai này đăng trên website <http://nguyentn.tripod.com> - chú thích trích từ Vietnam Courier # 39- Tháng 8 /1975 do Adam Sadowski chuyển tới).Sở dĩ tôi nêu câu hỏi này là vì muốn nghe giải thích từ chính Chuẩn Tướng thôi. Tướng Cẩm khai (nguyên văn):

Tướng Phú đòi buộc phải thực hiện cuộc triệt thoái nội trong 3 ngày kể từ ngày hôm sau. Ông và Bộ Tham Mưu Quân Đoàn sẽ bay xuống Nha Trang để thiết lập bộ Tư Lệnh Tiền phương ngõ hầu điều nghiên kế hoạch đánh chiếm lại Ban Mê Thuột. Đoàn quân còn lại sẽ được đặt dưới quyền chỉ huy của tôi và sẽ dùng đường bộ để rút lui ngày N. Cánh quân thứ nhất gồm ba Liên Đoàn Biệt Động Quân, một Trung Đoàn Thiết Giáp, một nhóm Công Binh. Trách vụ của cánh quân này là bảo vệ Phú Bốn và xây đắp con đường từ Phú Bốn đến Tuy Hòa. Cánh quân thứ hai gồm phần còn lại của Bộ Chỉ Huy Quân đoàn, ba Tiểu đoàn Pháo binh, Trung Đoàn 21 Thiết Giáp trang bị toàn chiến xa M-48, hai đại đội cơ giới, và bộ binh.Cánh quân thứ ba gồm ba Liên Đoàn Biệt Động Quân, một Trung đoàn Thiết giáp, và pháo binh yểm trợ. Không Quân có kế hoạch riêng.

Tướng Tấn: Ừ, đúng như vậy đó. Tướng Cẩm đã nói rất sát với thực tế lúc đó.

Tác giả: Những ngày sau cuộc họp Quân Đoàn thì Chuẩn Tướng đã làm gì?

Tướng Tấn: Khoảng 5 giờ sáng tôi đánh thức Đại Úy Toàn, Phi công Trưởng của tôi, để bay ra vị trí đặt Pháo binh của Sư Đoàn 23 yểm trợ cho Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân tại Thanh An. Bay sát mặt đất mà thấy im lặng phẳng phắc, chẳng có người, cũng chẳng có súng, xe cộ gì ráo. Thế là họ đã di chuyển hết rồi. Tôi liên lạc với Đại Tá Nguyễn Kim Tây, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân, cũng chẳng thấy trả lời. Tôi phái người ra tận địa điểm đóng quân thì được báo cáo không có quân đóng tại đấy nữa.. Tôi chỉ còn biết kêu trời!

Hôm nay đã là ngày thứ nhì sau cuộc họp Quân Đoàn. Trời chưa sáng nhưng căn cứ Không Quân đã nhộn nhịp, trên bầu trời máy bay lên xuống không ngừng. Xe cộ ra vào phi trường tấp nập. Anh em Không Quân đổ ra thị xã Pleiku đón người nhà, gia đình, vợ con đem vào phi trường để di tản. Có mấy anh em Biệt Động Quân cho tôi biết cổng phi trường đóng chặt không cho bất cứ người ngoài nào vào, trừ nhân viên Không Quân.

Tại Quân Đoàn cũng nhộn nhịp hẳn lên. Bộ Tham Mưu Quân Đoàn, các đơn vị - cơ quan trực thuộc Quân Đoàn cũng lo chuẩn bị lên đường. Tuy không liên quan gì đến tôi nhưng tự nhiên tôi nghĩ đến Quân Y Viện Pleiku, các thương bệnh binh rồi sẽ sao đây?

Nhân viên của tôi báo cáo ngay là chuyển tất cả họ vào phi trường có máy bay đưa về Quân Y Viện Nha Trang. Tôi dò hỏi lại thì được biết Quân Đoàn đã xin Bộ Tham Mưu gửi máy bay C-130 ra để dùng vào việc này.

Tôi phải cho nhân viên theo dõi liên tục để biết khi nào thì toàn bộ lực lượng của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn rút hết thì tôi sẽ bắt đầu cho các đơn vị của mình khởi hành.

Tôi liên lạc với Trung Tá Bùi Văn Huấn, Liên Đoàn Trưởng Biệt Động Quân đang đóng ở Kon Tum, thì được biết xe vận tải của Quân Vận vẫn chưa có. Tôi liên lạc với Đại Tá Lê Khắc Lý, ông ta trả lời sẽ có, nhưng sau vài lần liên lạc lại với Trung Tá Huấn thì vẫn được trả lời không thấy chiếc xe nào hết. Mà bây giờ thì không còn liên lạc được với ông Lý nữa, có lẽ ông ta đang bù đầu với công việc phía Quân Đoàn. Giờ phút này mà tiếp tục hỏi chắc cũng sẽ không đi đến đâu, họ cũng cần xe cho gia đình, vợ con của họ, ngu sao đưa cho mình.

Tôi lại gọi cho Trung Tá Huấn bảo ông ta tận dụng những gì mình có và bắt đầu di chuyển, tôi sẽ đợi ông ta tại ngã ba Hàm Rồng. Trung Tá Huấn biết trường hợp bất khả kháng nên vui vẻ làm theo lệnh. Liên Đoàn 22 đồn trú tại Kon Tum nên có thêm gia đình binh sĩ, bây giờ phải mang theo. Thế là vợ con binh sĩ bồng bế nhau chất ngổn ngang lên vài chiếc xe, binh sĩ thì lội bộ suốt 14 cây số để đến Pleiku.

Trời vừa sáng là tôi liên lạc với Trung Tá Đặng Hưng Long ở Thanh An để xem tình hình của Liên Đoàn 25, Trung Tá Long báo cáo, địch quân đang tiến sát đến tuyến phòng thủ của Liên Đoàn, nhưng chưa sao. Tôi báo cho Trung Tá Long tôi không còn Pháo binh yểm trợ cho ông ta nữa, phải cố giữ thôi. Có lẽ Trung Tá Long tự hiểu đơn vị

mình là vật hy sinh cản đường, nhưng đã làm hết sức mình. Thế mới biết quân cơ hữu nó khác với quân tăng phái, dù quân tăng phái cũng là Biệt Động Quân. Tôi đã từng trải chỉ huy nhiều năm, làm gì không biết cái tâm lý các đơn vị Tổng Trừ Bị nhìn Quân Khu bằng chỉ một con mắt, nếu không nói là nửa con!!!

Với những hoạt động của Không Quân, nhất là mang gia đình vào phi trường, thì làm gì mà dân chúng không đoán được chúng ta đang bỏ Tây Nguyên, đang bỏ họ. Ai cản được họ cũng cuốn gói chạy theo chúng ta? Bí mật rút quân chẳng còn. Chỉ là quân của đối phương quá bất ngờ chưa trở tay kịp mà thôi. Sự tiên liệu của Tổng Thống Thiệu đã sai mất rồi!

Tác giả: Thưa Chuẩn Tướng, câu dặn dò của Tổng Thống là rút chủ lực quân còn thì bỏ lại tất cả, nhất là câu cuối, nếu họ muốn theo thì tự họ sẽ biết cách theo, khiến tôi đâm ra nghi ngờ phải chăng đã có thỏa hiệp hay mật ước nào đó là đã giao lại đất thì phải giao luôn dân. Chuẩn Tướng nghĩ sao?

Tướng Tất: Tôi nghĩ sao hả? Anh muốn biết là Tướng Tá của Quân Đoàn II nghĩ sao? Khi nghe Tướng Phú chuyển quân lệnh của Tổng Thống Thiệu, chúng tôi lạng người, ghen lời, như sét đánh trúng vào đầu mình. Rồi lại phải nghe là thi hành ngay lập tức, rồi lại nghe là Tướng Phú đã bị Tổng Thống hãm lột chức - bỏ tù nếu không thi hành nghiêm chỉnh, không chỉ riêng tôi mà tất cả quý vị khác chắc cũng chỉ còn đủ thì giờ nghĩ làm sao có thể gom quân của mình cho

thật nhanh hầu bảo vệ được các đơn vị trực thuộc. Còn thì giờ nào nữa mà nghĩ cái gì khác hơn, cho dù ai cũng thấy cái Quân Lệnh này quá vô lý, thậm chí vô lý! Cái mà bất cứ người lính Việt Nam Cộng Hòa nào đã hành quân nhiều nơi ở miền Nam thì cũng biết, là dân chúng đời nào chịu ở lại với Cộng Sản? Chấn chấn là họ sẽ chạy theo mình, vì vậy cái lệnh của Tổng Thống bỏ Tiểu Khu, bỏ Địa Phương Quân - Nghĩa Quân, bỏ dân chúng, tôi thấy quá nhẫn tâm mà lại không thực tế nữa. Tôi chỉ huy đoàn quân đoạn hậu, là lúc dân chúng sẽ chạy nhập vào nhiều nhất, chỉ nghĩ bao nhiêu đó thôi cũng đã quá sức rồi, còn đâu nghĩ tới thỏa hiệp này hay âm mưu nọ của ai nữa, anh Đỗ Sơn.

Tác giả: Dạ, xin Chuẩn Tướng tiếp tục kể về hoạt động trong những ngày này.

Tướng Tất: Tôi đành ngồi chờ, sốt ruột thì chạy lên chạy xuống, bay tới bay lui, mong cho các đơn vị, những bộ phận lẻ tẻ của Quân Đoàn lên đường cho xong và an toàn. Tôi đảo một vòng thấy xe cộ

chất cao đồ đặc như núi, kẻ đèo người ngồi lồm ngồm trên mui, khá trật tự, tiếp tục di chuyển về Phú Bổn.

Xế trưa thì Liên Đoàn 22 đã đến được ngã ba Hàm Rồng. Tôi lệnh cho Liên Đoàn 4 rút khỏi vị trí ở phía Đông Pleiku và Liên Đoàn 25 từ từ rút khỏi vùng đang đánh nhau. Ngày 18/3/1975, đoàn quân của chúng tôi hướng về Thị Xã Cheo Reo, đến nơi rất an toàn và trật tự.

Tôi vẫn còn để lại một toán quân nhỏ tại Bộ Chỉ Huy Hành Quân của tôi ở Hàm Rồng vì tôi còn trở lại đó. Trời đã nhá nhem tối, tôi đi một vòng ở khu vực Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn và Phi Trường xem xét coi còn sót lại ai không. Mọi sự im ắng như một vùng đất hoang, buồn ôi là buồn! Đến sân cờ, đột nhiên thấy Tướng Cẩm đang ngồi im lặng một mình trên bực thềm, trong bóng đêm ...

Tác giả: Trời ơi, chắc Tướng Cẩm cũng đang buồn thê thảm như Chuẩn Tướng phải không?

Tướng Tấn: Chắc là vậy, chắc ông Cẩm cũng có cảm tưởng như tôi, đó là khó còn có dịp trở lại nơi này. Tôi không hỏi ông đang nghĩ gì, chỉ nói ông lên trực thăng tôi sẽ đưa ông xuống Phú Bổn. Chúng tôi tới Cheo Reo, Tướng Cẩm xuống, tôi bay ngược về một lần nữa thì

có tiếng máy gọi. Thì ra toán truyền tin trên đỉnh núi Hàm Rồng vẫn còn làm việc trên đó, tôi trả lời các anh cứ tiếp tục làm việc ở đó, chắc chắn tôi sẽ lên đón các anh. Khi trời tối hẳn, thấy không cần sự tiếp vận nữa, tôi đáp xuống đón và đã đưa họ về Phú Bổn.

Tôi nói cái này chắc anh sẽ buồn cười lắm. Tôi đã ở Pleiku 3 năm nhưng chưa hề biết Thị xã ra sao, buôn bán làm ăn có nhộn nhịp không, nói ra thì khó ai tin nhưng đó là sự thật 100%. Tỉnh thoảng rảnh rỗi hay muốn nghỉ ngơi tôi có ghé Câu Lạc Bộ Phụng Hoàng giải trí, đó là nơi duy nhất trong Thị Xã tôi biết. Đi một vòng nhìn thị xã, đã buồn càng buồn hơn, anh Sơn ơi.

Khi Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân rút khỏi Thanh An mà Sư Đoàn 968 CSBV không đuổi theo truy kích, thì tôi biết Sư Đoàn 320 CSBV sẽ làm nhiệm vụ này, vì từ Thuận Mẫn đổ xuống Cheo Reo để truy kích đoàn quân chúng ta sẽ nhanh hơn nhiều.

Tác giả: Rốt cuộc thì cũng tới lúc đoàn quân bọc hậu của Chuẩn Tướng khởi hành.

Tướng Tấn: Tôi đưa đoàn quân rút lui sau chốt suốt trên Quốc Lộ 14

đến ngã rẽ vào con đường số 7, tôi dừng lại cho đoàn quân đi qua rẽ về hướng Cheo Reo. Những xe hàng, xe tải của dân, chiếc nào cũng đầy ắp người và đồ đạc cứ nối dài mãi. Cái cảnh như vậy, hễ mất an ninh thì chắc chắn không tài nào đối phó nổi. Như vậy chẳng khác gì một đơn vị chuyển trại, hay chuyển vị trí đồn trú chứ đâu phải là một cuộc hành quân rút lui trong tư thế sẵn sàng chiến đấu nếu gặp địch tấn công?

Tôi nghĩ, nếu có thời gian để di chuyển gia đình binh sĩ đi trước tạm thời tránh cảnh lửa đạn, như vậy cũng đâu bị lộ bí mật là mình sắp bỏ Tây Nguyên, và khi rút quân thì các đơn vị sẽ rút trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Thoáng nghĩ như vậy thôi chứ lệnh rút khẩn cấp thì còn tính toán gì được. Phải chấp hành lệnh thôi. Nếu cấp dưới không thi hành đúng ý Tổng Thống, ổng cách chức và nhốt tù ông Tư Lệnh Quân Đoàn thì khổ!

Tác giả: Chuẩn Tướng nói về gia đình binh sĩ thì được, nhưng về phần dân chúng cả mấy trăm ngàn người thì lấy phương tiện gì để đưa họ đi trước? Dù không có gia đình binh sĩ đi theo, nhưng nếu có họ thì quân mình cũng bị kẹt cứng thôi.

Tướng Tất: Đúng vậy, nhưng không bận vợ con, gia đình thì binh sĩ

mình dễ dàng xoay trở để chiến đấu hơn. Tôi đậu xe ở đó một lúc mà cứ miên man đủ thứ chuyện chạy qua trong đầu, rồi quay trở lại lấy trực thăng bay theo đoàn quân dài hàng như rồng rắn. Đáp xuống Phú Bổn thì thấy Đại Tá Nguyễn Kim Tây Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân đang chễm chệ ngồi trên đỉnh đèo Tuna cười chào tôi. Đại Tá Tây nói: Chỗ này nguy hiểm nhất vùng, không chiếm chỗ này là đoàn quân không thể qua được đâu. Thấy cả Liên Đoàn 7 của ông Tây đã đến đây, di chuyển quân mà không thềm nói với tôi một tiếng, trong lòng thật giận nhưng nhìn địa thế, tôi biết Đại Tá Tây đã nói rất đúng, nên tôi im lặng.

Đại Tá Nguyễn Kim Tây là bạn rất thân của tôi, chúng tôi từng cùng cấp bậc Trung Úy, cùng làm Huấn Luyện Viên tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Tôi là Huấn Luyện Viên chiến thuật, ông Tây là Huấn Luyện Viên vũ khí, cùng sống trong trại độc thân, chúng tôi quen nhau. Sau này ông Tây về Biệt Động Quân, tôi sang Lực Lượng Đặc Biệt, chúng tôi gặp nhau trên chiến trường nhiều lần, vẫn mày tao mi tớ. Trong thời gian làm Đại Đội Trưởng rồi Tiểu Đoàn Trưởng, ông đã nhiều hành quân ở Vùng 2 Chiến Thuật, ông ta đã đi mòn giày "saut" trên vùng đất đỏ bụi mù này nên khá rõ địa thế. Còn tôi tuy đã phục vụ 3 năm ở Vùng 2 nhưng được giao cho Mặt Trận Kon Tum - Pleiku nên chẳng có việc gì để đến xứ Cheo Reo này, tôi

lại không được thám sát trước con đường số 7. Bây giờ vùng này lại thuộc trách nhiệm của Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh và Liên Đoàn 6 Biệt Động Quân, cho nên tôi cũng không lưu ý mấy. Ấu đó cũng là một thiếu sót của tôi mà tôi không thể phối hợp được với Đại tá Đồng. Phải chi Đại tá Tây trình bày với tôi tất cả những sự việc mà ông ta đã suy nghĩ, chắc tôi đã có biện pháp tốt hơn.

Rời Đại tá Tây tôi bay tiếp một vòng thám sát con đường số 7, và đã đáp xuống nhiều đoạn dọc con đường. Ở đoạn trước trại Phú Túc cũ, bây giờ chỉ còn lại những tường thành đất thấp lè tè, cỏ mọc đầy, tôi đã đi bộ một khúc xem những chỗ Công Binh đã làm bypass cầu cống, thì thấy tất cả trong tình trạng sử dụng được. Đây là công việc không phải của tôi, quan điểm của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn vấn đề an ninh lộ trình thì do chính Quân Đoàn lo liệu, tôi chỉ việc dẫn quân cơ hữu của tôi rút đi thôi.

Vì tính cách của cuộc rút quân này quá nhanh nên có lẽ Tướng Phú đã không dự trù, ước tính hết tất cả những tình huống có thể xảy ra, và đã thiếu chuẩn bị chu đáo. Có thể Tướng Phú đã quá tin vào sự bất ngờ và gấp rút nên nghĩ rằng cuộc rút quân sẽ hoàn tất nhanh chóng trước khi địch quân kịp phản ứng.

Tôi quay trở lại với toán quân sau cùng của tôi còn đang ở tại Hàm Rồng, từ biệt Pleiku, di chuyển đến đóng tạm trong một Trường Tiểu Học, phía Tây thị xã Cheo Reo. Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Tướng Cẩm đang đặt bản doanh tại một Trường Tiểu Học khác trong thị xã. Vì đoàn quân do tôi trách nhiệm đang còn ở phía sau nên tôi không muốn tiến sâu hơn vào phía trong.

Tất cả các đơn vị, nhất là những bộ phận của Quân Đoàn đã đi trước đều dừng lại tại đây, sau một ngày di chuyển mệt nhọc, bầu đoàn thể tử đói meo nên đang bày biện ra nấu nướng ăn uống. Tôi thấy cái cảnh này thật đáng sợ. Đây là chỗ nguy hiểm, nhưng những người lính chuyên môn hay văn phòng đâu hiểu được, vả lại tình hình yên tĩnh quá khiến họ ỷ y. Nhưng Bộ Tư Lệnh Tiền Phương không nói gì, phần tôi sao có thể ra lệnh cho họ được? Tôi đành cứ ngồi ở Trường Tiểu Học mà chờ, tôi cũng mệt nhoài, sáng giờ chưa ăn uống gì cả. Xe Jeep tôi, trực thăng tôi cũng tắt máy đậu chờ.

Bây giờ thì có Tướng Phú gọi, ông ta nêu nghi vấn: Lệnh Tổng Thống nói bỏ Tây Nguyên nhưng không nói rõ bỏ đến đâu, có phải giữ lại Phú Bổn không, rút khỏi Phú Bổn sau này trăm tội đổ ngược lên đầu chúng ta, chắc là mình phải giữ Phú Bổn, Tất à.

Tác giả: Trời đất, Tổng Thống lệnh lạc gì kỳ vậy, Chuẩn Tướng?

Tướng Tất: Vậy mới sinh chuyện. Tướng Phú đặt lung tung câu hỏi nhưng tôi có cảm tưởng là ông không chờ nghe tôi trả lời, ông chỉ nói cho chính ông nghe trong cơn bối rối. Tôi nghe cũng muốn xiú luôn. Tôi nghĩ ngay là không thể khai triển đội hình được, vì như đã vừa nói, đây không phải là đoàn quân di chuyển với đội hình sẵn sàng chiến đấu, gia đình vợ con, nôi niêu soong chảo đủ thứ linh tinh, lính và dân trộn vào nhau, đâu phải chỉ có người lính với ba lô, súng đạn?

Trời tối hẳn, Bắc Cộng bắt đầu pháo một loạt đầu tiên vào thị xã Cheo Reo, họ cố ý làm cho tình hình trong thị xã hỗn loạn lên, mà

hỗn loạn thật. Cùng lúc tôi được báo cáo các đơn vị thuộc Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân đang bị địch tấn công dưới chân đèo Tử Sĩ, từ Quận Thuận Mẫn nhìn xuống. Rồi một đơn vị của Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân đang đóng dưới chân đèo Tuna cũng bị địch tấn công. Trong máy, Đại Tá Đồng đang rít điều động quân, xin Không Quân đưa máy bay tới bao vùng. Một phi tuần A-37 xuất hiện, thay vì yểm trợ từ từ theo hướng dẫn của quân phía dưới, phi tuần này đã thả nguyên một pass bom xuống trúng luôn vào đội hình của một Tiểu Đoàn thuộc Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân. Tôi nghe trong máy Liên Đoàn 7 và Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh cự nự nhau um sùm. Vì nóng lòng cho quân Biệt Động Quân, tôi xen vào máy, khiển trách Đại Tá Đồng có phần nặng nề, vì ngoài thiệt hại cho Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân, nó còn gây bế tắc cho cả cuộc rút quân. Đây là hành động quá sai của tôi, đâu phải lỗi của Đại Tá Đồng. Trời thì tối, phi công muốn tránh hỏa tiễn tầm nhiệt SA-7 của quân Bắc Cộng nên không chịu xuống thấp, do đó đã bỏ bom lằm vào đơn vị bạn. Nếu bây giờ Đại Tá Đồng, Tư Lệnh Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh đọc được cuốn sách này thì xin nhận nơi đây lời xin lỗi của tôi. Trở lại với tình hình lúc đó thì đây là một biến cố khiến đoàn quân rút lui bắt đầu hoảng loạn, nhất là những bộ phận của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn. Tôi nóng ruột lắm, nhưng Tướng Cẩm không yêu cầu, Tướng Phú cũng không ra lệnh, chẳng lẽ tôi tự mình xông vào chỉ huy cuộc chiến đang diễn ra? Đó là điều không hợp lý chút nào. Nhưng nếu có sự yêu cầu hay có lệnh, có lẽ tôi cũng sẽ phải từ chối, vì làm như vậy thì ông Đại Tá Đồng sẽ cảm thấy mình bị xúc phạm. Tôi đâu muốn vậy, vả lại tôi cũng không muốn lập lại việc đã xảy ra trong trận Kampong Trach lần thứ hai. Anh còn nhớ Trận Kampong Trach ở Vùng 4 không?

Tác giả: Dạ nhớ chứ, Chuẩn Tướng. Lúc đó vì Đại Tá Vũ Quốc Gia, Tư Lệnh Lữ Đoàn 4 Kỵ Binh có việc riêng tư gì đó, đã không vào chỉ huy trận này. Tướng Trần Văn Hai, Tư Lệnh Biệt Khu 44 gợi ý cho Chuẩn Tướng vào thế ông Giai, để cuối cùng bị một vài anh em Kỵ

Bình sau này ra hải ngoại viết bài chỉ trích đủ thứ. Lúc đó tôi đang làm việc trong văn phòng của Chuẩn Tướng sao không nhớ được. Về lẩn cấn giữa Đại Tá Tây(BĐQ) và Đại Tá Đồng(KB) sau vụ Không Quân thả bom lằm, tôi lại nghe sự đồn thổi sự lẩn cấn đó là giữa Đại Tá Tây và Chuẩn Tướng. Trong dịp gặp lại ông Tây trong một buổi tiệc tại xưởng in của Đại Úy Đặng Văn Thanh ở Little Saigon, tôi có hỏi về việc này, ông Tây cười hỏi ngược lại tôi: Ông Tất mắc mớ gì trong vụ đó mà anh lẩn cấn với ông hả Sơn? Kể đó Chuẩn Tướng biết là ở hải ngoại đã có khá nhiều bài viết liên quan tới những tin đồn thổi. Và một trong những mục đích của tôi khi viết cuốn sách này là làm sao "clear" cho được những tin đồn thổi này...

Chuẩn Tướng có biết không, trong lúc ông đang ngồi tù Cộng Sản thì ngay trong năm 1975 đã có anh nhà văn Tây Pierre Darcourt từ Việt Nam trở về xứ viết sách kể rằng anh ta đã đi xuống Vùng 4 để tìm hỏi Tướng Nguyễn Khoa Nam về Vụ Triệt Thoái Quân Đoàn II. Anh ta kể Tướng Nam đã thuật lại cuộc họp ngày 13 Tháng Ba ở Cam Ranh rất căng thẳng, Tướng Phú đã trả lời Tổng Thống Thiệu "Tôi đánh giặc 23 năm chưa bao giờ lui quân, xin Tổng Thống hãy tìm một người khác để chỉ huy cuộc ... chạy trốn này". Tướng Phú nói xong thì vất khẩu súng lục của ông lên bàn, đóng sầm cửa lại, ông bay về Nha Trang khai bệnh vào nằm bệnh viện. Sau khi bị Tướng Phú từ chối, ông Thiệu đã gọi cho Tướng Tất và giao cho ông này chức Tư Lệnh Quân Đoàn II.

Dĩ nhiên cho tới bây giờ thì mọi người đã biết anh Tây Pierre Darcourt đặt chuyện ba xạo, Tướng Nguyễn Khoa Nam nào lại nói như vậy, nhưng lúc đó vừa sau cuộc "sập trời", mọi người ra tới hải ngoại chưa tỉnh thần hồn, thì cũng đã có một số người đọc sách anh ta rồi tin vậy. Tôi mong Chuẩn Tướng nhớ đã từ lâu họ cố tình biến Tướng Trưởng, Tướng Phú thành những "con dê tế thần" về trách nhiệm bỏ Vùng I, Vùng II; Chuẩn Tướng là người thân tín nhất của Tướng Phú ở Vùng II thì cũng bị làm "dê tế thần" thôi, đâu phải là việc lạ gì!

Tướng Tất: Thì đấy, khổ là sau vụ thả bom lằm vào Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân thì tình hình càng lúc càng phức tạp. Sự phân vân bỏ hay giữ tỉnh Phú Bổn của Tướng Phú, Không Quân thả bom lằm vào quân mình, Bộ Tư Lệnh Tiền Phương cho đoàn quân ngừng lại, quân của tôi vì vậy bị kẹt lại phía sau. Bấy giờ thì thật sự bế tắc, quân Bắc Cộng đã đủ thời gian rượt theo chặn và đánh phá vào đoàn quân của mình.

Sau khi nhận được báo cáo về diễn tiến vừa xảy ra, Tướng Phú có lẽ thấy không làm sao giải quyết được nữa, và có lẽ ông cũng bắt

chấp nếu sau này bị ông Thiệu đổ thừa hay kiếm chuyện, miễn sao có thể cứu lấy quân của mình; ông gọi thông báo cho tôi biết quyết định bỏ Phú Bổn. Tướng Phú sẽ cho trực thăng tới bốc Bộ Tư Lệnh Tiền Phương của Quân Đoàn đưa về Tuy Hòa, riêng Tướng Cẩm là người ở lại sau cùng nên chính trực thăng của tôi bốc ông. Quân Đoàn sẽ cho máy bay oanh tạc tới phá hủy tất cả vũ khí, chiến cụ nặng, rồi chỉ rút quân lính đi mà thôi. Ông Phú nói vậy nhưng tôi biết không chỉ có quân lính mà còn có dân sẽ chạy theo mình nữa, làm sao tôi có thể bỏ họ lại, và bằng cách nào đây? Tôi thấy cuộc rút lui của Quân Đoàn II đã thất bại ngay từ lúc này!

Nghĩ vậy nhưng tôi cũng tuân lệnh Tướng Phú thôi, tôi đáp trực thăng xuống bốc Tướng Trần Văn Cẩm đưa về Tuy Hòa. Trong lúc đó máy bay oanh tạc liên tục trút bom xuống phá hủy các chiến cụ nặng, để không lọt vào tay địch quân. Nhưng bây giờ lại xảy thêm tình huống mới, con đường bị nghẽn vì chiến cụ đang bốc cháy, quân không còn đường để thoát qua. Khi tôi bay trở lại để bao vùng thì không còn liên lạc được với bất cứ đơn vị nào dưới đất, tất cả đã tự tìm lấy đường thoát thân. Tôi bay như vậy đến quá nửa đêm vẫn không liên lạc được với ai, thất vọng vô hạn. Nhiệm vụ của tôi quá dễ dàng mà sao không thực hiện được, tôi không chỉ huy tất cả đoàn quân triệt thoái, nhưng tôi cũng đã không đem được lực lượng Biệt Động Quân trở về nguyên vẹn, tôi đã thất bại sao? Nhìn chung, xét một cách tổng quát, Biệt Động Quân không về được trọn vẹn đồng nghĩa với Tướng Tất thất bại!

Tôi tự mình cảm thấy như vậy, tôi không muốn đổ lỗi cho ai hết. Kể lại đoạn này tôi không nhằm thanh minh cho mình, nhưng anh và độc giả hãy nhìn qua thực tế để thấy phần trách nhiệm thật khách quan.

Lực lượng Biệt Động Quân ở Vùng II lúc đó gồm 8 Liên Đoàn, 5 Liên Đoàn là quân cơ hữu của tôi, 3 Liên Đoàn Tổng Trừ Bị do Bộ Tổng Tham Mưu gửi từ Sài Gòn ra Quân Đoàn sau Trận Ban Mê Thuột. Quân cơ hữu thì Liên Đoàn 21 tăng phái cho Sư Đoàn 23 nhảy vào Ban Mê Thuột. Liên Đoàn 24 tăng phái cho tỉnh Quảng Đức, có Tiểu Đoàn 82 của Thiếu Tá Vương Mộng Long đã rút quân được nguyên

vẹn, sau nhập cùng Sư Đoàn 18 tham dự đánh chặn quân Bắc Cộng tại Mặt Trận Xuân Lộc. Quân Tổng Trừ Bị thì Liên Đoàn 6 do Quân Đoàn xử dụng và ra lệnh trực tiếp, Liên Đoàn 7 thì tự động di chuyển và tự hành quân độc lập không hỏi lệnh từ tôi. (Có thể vì lý do không có Lệnh Hành Quân trên giấy tờ và mọi lệnh lạc đều là lệnh miệng như đã từng nói). Tôi tự hỏi Liên Đoàn này còn 2 Tiểu Đoàn nguyên vẹn cùng Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn đóng ngoài Cheo

Reo, sao lại không rút về trọn vẹn được? Thực sự trong tay tôi chỉ còn 3 Liên Đoàn là các Liên Đoàn 22, 25 cơ hữu và Liên Đoàn Tổng Trừ Bị. Liên Đoàn 25 đã làm tròn nhiệm vụ cản đường cho Cuộc Triệt Thoái, sự thiệt hại của Liên Đoàn đã dự liệu trước, không có gì là ngạc nhiên. Liên Đoàn 22 rút từ Kon Tum xuống với bầu đoàn thể tử lê thể dĩ nhiên là không thể vượt qua được, nhưng cả Liên Đoàn 4 tuy trọn vẹn nhưng cũng không thể vượt qua được mới đáng buồn.

Liên Đoàn 6 do Quân Đoàn xử dụng bảo vệ con đường số 7, trách nhiệm giữ an ninh cho cả một đoàn dài hàng quân và dân, nên chỉ có Tiểu Đoàn của Thiếu Tá Trịnh Trân rút về được trọn vẹn, cũng hiểu được vì Liên Đoàn đã chịu quá nhiều khó khăn.

Tóm lại, vì Quân Đoàn là đầu não điều động Cuộc Triệt Thoái Tây Nguyên nên trách nhiệm là thuộc Quân Đoàn. Quân Đoàn do Thiếu Tướng Phạm Văn Phú cầm đầu nên trách nhiệm cá nhân Tướng Phú phải đành nhận lãnh. Bởi vậy sau này có một số người viết bài chê Tướng Phú, nói rằng khả năng của ông chỉ đủ nắm Sư Đoàn. Tuy tôi nhìn nhận Tướng Phú chưa phải hay không phải là thiên tài quân sự, nhưng đặt vấn đề có tài hay bất tài ở đây là không đúng.

Gọi Tướng Ngô Quang Trưởng là tướng tài, có ai phản đối không? Đâu ai có thể chứ. Nhưng Tướng Trưởng cũng đã không thể triệt thoái thành công ở Vùng I, chỉ vì lệnh lạc quái đản từ Tổng Thống Thiệu và Hội Đồng An Ninh Quốc Gia mà ra. Cho cả Vùng I và Vùng II. Theo tôi, thất bại là do lệnh bỏ Tây Nguyên, chứ một cuộc rút quân như vậy thì khó có ai khiến cho nó thành công được. Chỉ có một cách thành công duy nhất là đừng rút bỏ Kon Tum - Pleiku, từ đó tổ chức lại lực lượng rồi tổ chức tái chiếm Ban Mê Thuột, như Tướng Phú đã từng xin và đã bị từ chối. Dĩ nhiên nói vậy thì Tổng

Thống Thiệu sẽ hỏi ngược lại, tới tháng Sáu 1975 thì hết đạn dược, xăng dầu, Mỹ cũng cúp luôn viện trợ, các anh lấy gì để đánh?

Tác giả: Dạ, đúng vậy Chuẩn Tướng, ông đã nói là "là bại tướng thì nói gì cũng là bại tướng" mà. Thôi thì cứ vậy đi. Chỉ có điều sau đó thì người ta chạy tội, đổ tội lung tung ở đầu não Sài Gòn, khiến bây giờ đọc lại các hồ sơ đã giải mật của CIA thì mình thấy mắc cỡ quá trời. Chuẩn Tướng có đọc lời trần trối của Tướng Phú trước khi tự tử không? Uất và thảm lắm, Chuẩn Tướng!

Tướng Tấn: Ừ, tôi có biết, nhưng cứ ráng đừng nhớ, vì mỗi lần nhớ thì cứ như chịu đựng không nổi, dù đã qua gần 40 năm rồi. Thôi, bây giờ tôi tiếp tục kể...

Tác giả: Thưa Chuẩn Tướng, vì sao lại có tình trạng mất liên lạc ở Cheo Reo trong chỉ một khoảng thời gian ngắn sau khi Chuẩn Tướng đưa Tướng Cẩm về Tuy Hòa rồi trở lại?

Tướng Tất: Có một điều phía mình không tiên liệu trước là không còn Đài Tiếp Vận Hàm Rồng nữa thì liên lạc giữa Tướng Cẩm ở Tuy Hòa và các đơn vị nằm trong tần số chỉ huy của ông ta ở Cheo Reo không còn hiệu quả nữa, vì quá xa. Cả Đại Tá Đồng, Tư Lệnh Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh, cũng phải dùng tần số này nếu muốn liên lạc với Tướng Cẩm là người chịu trách nhiệm khu vực Cheo Reo theo phân nhiệm của Tướng Phú. Vì biết vậy nên trực thăng của tôi đã bay bao vùng cho đến quá nửa đêm, tôi hy vọng sẽ bắt được liên lạc với Đại Tá Đồng và Trung Tá Lê Tất Biên, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân, đang tăng phái cho Kỵ Binh. Đây không phải là nhiệm vụ được giao phó cho tôi, và cũng đã có lẩn cấn giữa tôi và Đại Tá Đồng như đã trình bày, nhưng tôi quá lo lắng cho tình trạng các đơn vị này. Mặc dù vậy nỗ lực của tôi không có hiệu quả.

Tác giả: Còn những Liên Đoàn Biệt Động Quân khác thì sao, thưa Chuẩn Tướng?

Tướng Tất: Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân rút từ Kon Tum thì đã qua được khỏi thị xã Cheo Reo. Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân đi sau cùng nên phải gặp nhiều khó khăn hơn. Các Liên Đoàn khác như Liên Đoàn 6 và Liên Đoàn 7 thì nằm ở ngoài Cheo Reo nên không

có vấn đề gì. Tuy vậy mọi cố gắng của tôi thật vô ích vì không có đơn vị nào trả lời trên hệ thống vô tuyến...

Tác giả: Thưa, sự suy nghĩ của tôi là như vậy ...

Tướng Tất: Anh nói đi anh Sơn.

Tác giả: Tôi nghĩ cái lệnh của Tướng Phú phải giữ Phú Bốn rồi một lúc sau thì cho oanh tạc phá hủy các chiến cụ nặng chỉ rút người, đã tạo nên tình trạng Chuẩn Tướng vừa kể. Cộng thêm việc giữa tình hình đó mà lại rút Tướng Cẩm và Đại Tá Lý về Tuy Hòa thì có lẽ các đơn vị đã có cảm tưởng mình đang bị bỏ rơi, Chuẩn Tướng nghĩ sao?

Tướng Tất: Ừ, có thể là như vậy, nhưng anh Sơn à, tôi không thể trả lời thay cho các ông Liên Đoàn Trưởng là tại sao họ giữ im lặng vô tuyến. Tôi chỉ có thể nghĩ đến một vài lý do khiến các Liên Đoàn Trưởng làm như vậy: Một là di chuyển quá mệt mỏi, giữ im lặng để

tránh lộ mục tiêu. Hai là có liên lạc trong lúc này tôi cũng chẳng làm gì được cho họ. Trung Tá Khánh, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 6 không trực thuộc tôi nên ông ta nghĩ không cần phải liên lạc với tôi. Đại Tá Tây, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 7 tự tin hơn về tính cách độc lập của mình nên cũng không cần liên lạc.

Tác giả: Trời, dù bất cứ lý do gì, không trả lời vào lúc đó thì tai hại quá! Với Chuẩn Tướng thì có thể như Chuẩn Tướng nghĩ, họ cho rằng có liên lạc thì lúc này Chuẩn Tướng cũng không làm gì được cho họ. Nhưng với Quân Đoàn thì khác, tôi nghĩ rằng họ đã muốn công khai cho Quân Đoàn biết họ không còn tin tưởng Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II nữa. Và đây là một hình thức bất tuân lệnh rồi, dù theo phân nhiệm thì Chuẩn Tướng không phải là người chỉ huy họ trong cuộc rút quân! Trong lúc đó thì Chuẩn Tướng vì lo sợ họ không liên lạc được với Bộ Chỉ Huy Tiền Phương đã rút về Tuy Hòa, nên phải bay bao vùng cả đêm... Tại sao là Chuẩn Tướng mà không phải là Tướng Cẩm hay Đại Tá Lý bay bao vùng đêm đó?

Tướng Tất: Ừ. Tuy nhiên sau rốt thì có Trung Tá Long Liên Đoàn Trưởng 25 liên lạc và cho tôi biết ông ta đang tìm cách vượt qua. Tôi không xem đồng hồ nên không biết lúc đó mấy giờ, chỉ nhớ là khoảng quá nửa đêm thì bỗng máy truyền tin trên trực thăng có

tiếng gọi Trường An, là danh hiệu truyền tin của tôi bấy giờ. Đó là một Trung Úy Đại Đội Trưởng của Tiểu Đoàn 62 thuộc Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân. Anh cho biết vợ mình sắp sinh, yêu cầu tôi cho trực thăng đáp xuống bốc vợ đi để anh có thể tiếp tục chỉ huy đơn vị. Bấy giờ trời tối mù, lại ở giữa rừng, anh Trung Úy này cũng sợ là khi trực thăng xuống thì ngoài hỏa lực địch, có thể binh sĩ mình sẽ túa lên theo, rất nguy hiểm. Tôi thừa biết vậy nhưng bảo anh ta cứ chọn và làm an ninh bãi cho tôi đáp xuống. Nửa giờ sau, tôi đã đáp xuống được, bốc người vợ của anh Trung Úy này và chở thẳng về Nha Trang. Tôi được biết vợ anh đã sanh vuông tròn ngày hôm sau, mãi đến bây giờ tôi vẫn không biết tên anh Trung Úy, còn đứa trẻ đó thì bây giờ cũng đã 38 tuổi rồi.

Tác giả: Trong đêm đó có nhiều sinh mạng dân chúng đã bị súng đạn Cộng sản cướp đi, nhưng cũng có một sinh mạng nhỏ bé được cứu thoát khỏi bàn tay Tử Thần ...

Tướng Tất: Tôi sẽ nói sau về thiệt hại nhân mạng quân mình, không đến nỗi như các báo cáo lúc bấy giờ đâu.

Tác giả: Dạ. Mọi người vẫn chờ đợi nghe tiếng nói của Chuẩn Tướng bấy lâu nay. Chắc họ cũng cho tôi cái công đã làm cho Chuẩn

Tướng chịu nói, không giữ im lặng nữa.

Tướng Tất: Thì từ Nha Trang tôi bay ngược về Tuy Hòa, nghỉ ngơi vài tiếng. Trời hừng sáng thì tôi lại bay lên xem xét tình hình ...

Tác giả: Ủa, còn Tướng Cẩm và Đại Tá Lý đâu,, Chuẩn Tướng?

Tướng Tất: Ừ, với địa hình này tôi biết quân Bắc Cộng không thể bôn tập, bọc ngang qua khu rừng để chặn đánh ngang hông đoàn quân của mình. Và mặc dù Pháo Binh của họ có tầm bắn xa, nhưng cũng đã quá tầm để có thể pháo vào mình, hơn nữa họ sẽ không kéo pháo theo vì rất dễ trở thành mục tiêu cho Không quân mình tiêu diệt. Điều làm tôi hoảng hốt là cũng như trường hợp ở Cheo Reo, hiện ở Củng Sơn, Sông Ba là một đoàn quân đông đảo, với dân chúng, xe cộ tràn lan. Họ bị kẹt dồn cục. Khi Công Binh thám sát để chuẩn bị cầu cống cho đoàn quân rút lui, trên máy bay nhìn xuống thì lòng sông cạn queo vì vào mùa khô, nhưng họ quên một điều là người thì có thể đi qua được nhưng xe cộ thì không tài nào qua vì bị cát lún.

Tôi báo cáo trở ngại này về Quân Đoàn, lòng thầm trách vì mấy ngày trước muốn bay thám sát nguyên con đường số 7 này nhưng không được cho phép như đã nói từ đầu. Tướng Phú nói rằng Tướng Chức đã bảo đảm con sông Ba sẽ vượt qua được dễ dàng. Thực tế là không phải như vậy.

Bây giờ thì Tướng Phú phải liên lạc lại với Công Binh cho họ giải quyết. Nhưng cũng phải chờ đợi tới 3 ngày mới có một chuyến Chinook kéo vĩ sắt PSP đến thả lớt trên lòng sông, thì người và xe mới bắt đầu vượt qua được. Thời gian này đủ để cho các đơn vị Cộng sản du kích địa phương kéo tới bắn phá, khiến dân chúng hoảng loạn, rối tung lên. Tôi liền gọi một số phi vụ đến đánh bom vào các địa điểm nghi ngờ xung quanh đó. Đoàn quân bắt đầu vượt qua sông Ba dưới hỏa lực địch, tôi vẫn yểm trợ bằng các phi vụ cho họ di chuyển.

Lúc này có Thiếu Tá Minh, Chiến Đoàn Trưởng Lôi Hồ đóng tại Kon Tum đang cùng di chuyển với Tiểu Đoàn Pháo Binh Phòng Không của Quân Đoàn liên lạc được với tôi. Họ kéo về được tới đây và đang giao tranh với quân Cộng Sản địa phương. Tôi đã yểm trợ họ cho đến lúc lực lượng này về đến Tuy Hòa an toàn, trọn vẹn.

Tác giả: Lôi Hồ liên lạc được với mình mà Biệt Động Quân tại sao vẫn chưa, thưa Chuẩn Tướng?

Tướng Tất: Có. Cùng lúc thì có Thiếu Tá Trịnh Trân, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân cùng một Chi Đoàn M-113 Ky Binh vừa rút về tới đây liên lạc với tôi. Chi Đoàn Ky Binh này vốn có nhiệm vụ bảo vệ Pháo Đội yểm trợ cho Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân ở Thanh An, Chi Đoàn này đã tự động bỏ vị trí rút trước và đã về đến đây nhập vào với Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân. Sau này có nghe Đại Tá Đồng trách tại sao tôi hoặc Đại Tá Cao Văn Ủy Biệt Động Quân đã đề nghị cho anh Chi Đoàn Trưởng được thăng cấp đặc cách. Sẵn đây tôi giải thích với Đại Tá Đồng, cá nhân tôi cũng hoàn toàn bất bình với hành động rút chạy bất tuân quân lệnh của Chi Đoàn này, nhưng cũng chẳng biết gì về việc được thăng cấp đặc cách!

Cũng cùng lúc tôi khám phá ra lực lượng cầm chân đoàn quân rút lui có khoảng một Đại Đội quân Cộng Sản địa phương đang đóng trên ngọn đồi cạnh đó. Tôi ra lệnh cho Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân tiến lên đánh nó, với sự yểm trợ của Không Quân và Chi Đoàn M-113 Ky Binh. Thiếu Tá Trịnh Trân cùng Tiểu Đoàn 34 không lâu sau đã đánh tan Đại Đội này, tịch thu nhiều vũ khí. Ông ta yêu cầu tôi đáp xuống nhận một khẩu đại liên vừa tịch thu được. Tôi đáp xuống nhận vì muốn khuyến khích tinh thần anh em, chứ thật ra chiến lợi phẩm giờ này thì không còn bao nhiêu ý nghĩa nữa. Bây giờ xin nói về thiệt hại nhân mạng của quân mình...

Tác giả: Dạ, có lẽ mọi người đang chờ đợi đó, Chuẩn Tướng.

Tướng Tất: Có rất nhiều yếu tố khiến Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II bị thất bại, rồi lần hồi chúng ta sẽ bàn tới. Ở đây, tôi muốn nói riêng về tinh thần binh sĩ. Anh Sơn còn nhớ Trận Tết Mậu Thân 1968 không? Khi đó binh sĩ của mình về phép ăn Tết với gia đình, nhưng nghe Việt Cộng bất chấp thỏa hiệp tạm ngưng bắn trong những ngày Tết, mở cuộc Tổng Công Kích trên toàn quốc thì anh em đã vội vã trở về tập hợp lại đơn vị, khiến sau đó quân Bắc Cộng bị đánh thua xiểng niểng. Nhưng lúc này thì không. Sau này tôi nói chuyện với các Sĩ Quan Ban 3, các cấp trưởng từ Tiểu Đoàn xuống đến Đại Đội, họ cho biết tổn thất nhân mạng không nhiều như các tin tức và báo cáo của lúc đó, cả ở Cheo Reo cũng như ở Sông Ba. Anh có biết tại sao không?

Tác giả: Nếu như vậy thì chắc chỉ có một lý do, đa số đã vượt khỏi Cheo Reo và Sông Ba an toàn nhưng họ không muốn tập hợp lại, đúng không, thưa Chuẩn Tướng?

Tướng Tất: Đúng như vậy đó, là vì tinh thần binh sĩ lúc đó đã khác với tinh thần binh sĩ hồi Tết Mậu Thân... .

Tác giả: Vậy là đúng thôi, Chuẩn Tướng. Rất nhiều bài viết sau này kể lúc đó quân và dân trong cuộc triệt thoái này đã chửi rủa Tổng Thống Thiệu quá chừng. nếu tôi là lính Quân Đoàn II lúc đó thì có lẽ tâm trạng tôi sẽ như vậy: Vùng I bỏ, Vùng II bỏ, vậy các vùng hay các địa phương khác sẽ còn bị bỏ thành linh nữa không? Nếu tôi tự trả lời là có thể, thì tôi sẽ chọn hành động không trở về đơn vị tập hợp, vì tiếp tục chiến đấu cho cái gì đây?

Tướng Tất: Quả thật lúc nghe Quân Lệnh của Tổng Thống do Tướng Phú truyền lại chúng tôi vì quá bàng hoàng với lại lệnh buộc phải thi hành cấp tốc nên không ai còn thì giờ nghĩ sâu xa đến vấn đề tâm lý binh sĩ. Thật là tai hại ...

Tác giả: Còn gì nữa thưa Chuẩn Tướng, còn có lệnh bỏ lại Tiểu Khu, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân, và dân chúng. Nếu tôi là lính thuộc một đơn vị chánh quy của Quân Đoàn II lúc đó tôi sẽ nghĩ là: Bây giờ những đồng đội địa phương bị bỏ rơi, chừng nào thì tới phiên quân chính quy như tôi, dạ, xin lỗi, dù không muốn nhưng mà vẫn phải nói ...

Tướng Tất: Anh nói tiếp đi, anh Đỗ Sơn.

Tác giả: Dạ. Rồi còn cái lệnh rút về Nha Trang, sau đó đưa ngược lực lượng Biệt Động Quân trở lại tái chiếm Ban Mê Thuột, thiệt là khó tin quá, vì vô lý quá chừng. Vì mình là Biệt Động Quân nên tôi chỉ xin nói riêng về Biệt Động Quân. Các Liên Đoàn Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị từ Sài Gòn được gửi lên Vùng II, sau vụ triệt thoái họ không tập hợp đơn vị ở Tuy Hòa mà lần về tới Sài Gòn mới tập hợp lại, theo tôi, họ đã làm quá đúng. Chỉ có điều làm vậy thì thiệt hại đến danh dự của quân đội mình. Danh dự của Quân Đoàn II hay danh dự của lực lượng Tổng Trừ Bị cũng đều là danh dự chung của quân đội. Giữa tháng Tư Biệt Động Quân tự quyết định thành lập 2 Sư Đoàn, chắc là có rất đông quân của 3 Liên Đoàn Tổng Trừ Bị trở về. Còn các Liên Đoàn Biên Phòng Vùng II thì thưa Chuẩn Tướng, quân của mình không hèn nhát đâu. Nhưng như tôi đã trình bày, họ còn có hai câu hỏi, trong tương lai họ sẽ chiến đấu cho cái gì, và có bị bỏ rơi không, nên họ không trở về tập hợp. Phải thôi. Hơn nữa, quân của các Liên Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng ở Vùng II phần đông là người gốc thiểu số (người Thượng), do đó một số lớn đã bỏ đơn vị ngay từ đầu, không đi theo mình.

Tướng Tất: Nói về thiệt hại nhân mạng, sau này ở hải ngoại anh em cho biết ở tại Cheo Reo không nhiều, ở tại Sông Ba cũng không nhiều, nhưng tập hợp lại ở Tuy Hòa cũng không nhiều. Tôi cũng vì

cái lập luận của anh là Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa là một đạo quân bị ám sát mà bây giờ tôi lên tiếng đó thôi. Khi tìm hiểu được là quân chúng ta không bị thiệt hại nặng nề về nhân mạng thì tôi thờ

phào, tâm hồn mình thanh thản lại được chút ít ... Nhưng phần dân chúng không muốn ở lại với Cộng Sản nên ùn ùn bám theo quân đội, thiệt hại của họ tôi không dám nghĩ tới, cũng không dám nhắc tới. Quá bi thảm!

Tác giả: Dạ, tôi đã thuyết phục Chuẩn Tướng lên tiếng thì tôi đâu quên câu ông nói " Vì không muốn làm thiệt hại đến uy tín của người khác". Thưa Chuẩn Tướng, ngay đến Tổng Tư Lệnh Quân Đội là Tổng Thống Thiệu tôi cũng không nghĩ đến tội tình gì hết, cái mà tôi chú ý đến là Hoa Kỳ. Từ hồi họ tới Miền Nam Tự Do, họ luôn mượn tay các cấp lãnh đạo của mình để thực hiện những ý đồ không tốt của họ để tránh tiếng. Họ đã mượn tay các Tướng lãnh "Cách Mạng 63" không đủ trình độ chính trị để đảo chánh rồi giết luôn anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Họ đã mượn tay nhóm Tướng lãnh này dẹp sạch hơn chục ngàn Ấp Chiến Lược, khiến tình hình sa sút tột tệ để làm cơ đưa quân tác chiến Mỹ vào Việt Nam. Họ đã mượn tay Tổng Thống Thiệu bằng sự hứa lèo, hứa cuội rồi hăm dọa khiến ông Thiệu đã ký vào Hiệp Định ám sát hòa bình Paris. Cuối cùng họ dùng viện trợ để dồn ông Thiệu vào tình trạng hỗn loạn tâm thần gây thành vụ bỏ Vùng 1, Vùng 2, để ám sát quân đội chúng ta ở hai vùng này. Sau cú ám sát này thì vụ họ bỏ rơi Miền Nam Tự Do đã được "sạch hóa" vì chúng ta đã thua ngay trên chiến trường Vùng 1, Vùng 2 chứ đâu phải chúng ta thua vì hết đạn dược - tiếp liệu. Do đó thế giới không thể mạnh miệng kết tội Hoa Kỳ đã giết Việt Nam Cộng Hòa bằng cắt giảm viện trợ rồi cúp hẳn viện trợ.

Tổng Thống Thiệu cuối cùng cũng trở thành "con dê tế thần" của Hoa Kỳ. Dưới một chút là Tướng Trưởng, Tướng Phó cũng vậy. Rồi đến các Tướng Tá chức vụ thấp hơn ở Quân Đoàn I, Quân Đoàn II, xuống đến binh sĩ, lính trơn cũng bị họ biến thành " dê tế thần" cả.

Tôi không đổ thừa cho Hoa Kỳ, mà sự thật là như vậy, vì vậy phải lấy lại danh dự Việt Nam Cộng Hòa.

Tướng Tất: Ừ. Dĩ nhiên là Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa mình có khuyết điểm, lỗi lầm riêng của nó, tuy nhiên danh dự của quân đội mình cần phải được tôn trọng đúng theo sự thật.

Tối ngày thứ ba, tất cả những đơn vị, quân nhân, dân chúng, xe cộ, những thành phần nào về được thì kể như là đã về đến Tuy Hòa.

Trời đã tối hẳn, tôi lái xe chạy rảo một vòng thành phố, đường nào cũng thấy lính, phố nào cũng đầy lính. Đi đến đâu cũng gặp lính. Họ vẫn tỏ ra vui vẻ, lạc quan. Tôi hỏi thăm, anh em binh sĩ vẫn cười nói hồn nhiên. Ai nấy đều lo nấu nướng, ăn uống, nghỉ ngơi. Tôi để anh em tự nhiên, và tôi cũng trở về nghỉ ngơi, kiểm đại một chỗ ở Tòa Tỉnh, nhưng thật sự đâu có ngủ được đâu, lòng buồn vô hạn và cứ tự hỏi tại sao anh em binh sĩ lại có thể thản nhiên như thế?

Tôi ghé chào hỏi Đại Tá Vũ Quốc Gia, Tỉnh Trưởng Phú Yên. Tướng Cẩm cũng còn ở đây, chúng tôi nhìn nhau mà chẳng ai nói nên lời. Tôi không thấy Đại Tá Lý, hình như ông ta đã về Nha trang.

Sáng hôm sau, từ sáng sớm các đơn vị đã lại tiếp tục lên đường hướng về Khánh Hòa Nha Trang. Tôi nghe nói Thiếu Tá Trịnh Trân đã đưa Tiểu Đoàn của mình đến trấn giữ ở khu vực chân Đèo Cả, mặt phía Bắc. Tôi không biết Thiếu Tá Trân theo lệnh của Tướng Cẩm hay tự ý mình hành động, dù sao nghe vậy tôi đánh giá Thiếu Tá Trân rất cao, tại sao Thiếu Tá Trân lại biết khu vực đó là nguy hiểm mà đưa quân đến bố trí trước để cho đoàn quân có thể tiếp tục qua? Lúc tôi còn ở bên Lực Lượng Đặc Biệt, tôi rành vùng Tuy Hòa vì đã hoạt động ở đây nhiều. Chân Đèo Cả là khu vực Cộng Sản thường hay tổ chức phục kích, đóng chốt nhất.

Theo lệnh Tướng Phú tôi phải đi Nha Trang để lo tái tổ chức lại đơn vị. Tướng Phú giao cho tôi tạm đồn trú ở Trại Nguyễn Văn Tân, đây cũng chính là Bộ Chỉ Huy Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta của tôi trước kia. Tôi lập tức tái trang bị cho Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân và điều động ra Đức Mỹ để phối hợp yểm trợ cho Lữ Đoàn 2 Dù, đã được tăng phái đến đây một hai ngày trước. Tôi vừa đưa Liên Đoàn đến nơi chưa kịp xuống xe thì có tin Lữ Đoàn 2 Dù đã bị "bể". Trung Tá Phát, Lữ Đoàn Trưởng, yêu cầu Quân Đoàn cho rút về Đèo Rù Rì để phòng thủ. Vậy là chẳng còn làm được gì nữa.

Anh Sơn còn nhớ tôi đã nói bỏ Pleiku thì cái lòng chảo Phú Bổn không thể nào giữ được, và trong 3 ngày thì Phú Yên, Tuy Hòa sẽ mất không? Hiện tại không còn phải là 3 ngày nữa, mà chỉ một ngày thôi. Tuy Hòa đã bị mất và Tướng Cẩm đã bị quân Bắc Cộng bắt tại đó. Tuy Hòa mất khiến Sư Đoàn 22 đang ở Qui Nhơn bị cô lập,

Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn bay vào Nha Trang rồi đi thẳng về Sài Gòn. Sư Đoàn 22 tại Qui Nhơn như rắn mất đầu.

Tỉnh Khánh Hòa, Nha Trang đang bị uy hiếp và sẽ mất nhanh chóng như quân cờ domino, cứ lần lượt đổ theo.

Tôi không cần đưa ra kết luận. Ai cũng có thể kết luận đối với chủ trương bỏ Pleiku - Kon Tum để tái chiếm Ban Mê Thuột. Phải chăng Tướng Phú mà người ta bình luận là không đủ sức khi được giao cho chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn II đã có cái nhìn thực tế hơn Tổng Thống Tổng Tư Lệnh? Dĩ nhiên tôi chỉ đề cập đến khía cạnh quân sự mà thôi, chứ không phải khía cạnh chính trị.

Có đáng buồn không???

Tác giả tìm gặp Đại Tá Lê Tất Biên tại tư gia của ông ở thành phố Westminster, California vào cuối tháng Bảy 2013, để tìm hiểu thêm về trận đánh đêm 18 tháng Ba 1975 tại Cheo Reo.

Đại Tá Lê Tất Biên là một Sĩ quan dạn dày kinh nghiệm chiến trường. Tốt nghiệp khóa 11 Võ Bị Đà Lạt, ông phục vụ qua các đơn vị:

- Sư Đoàn 1 Bộ Binh: Sĩ Quan Quân Báo.

- Lực Lượng Đặc Biệt: Đại Đội Trưởng Đại Đội 3 BCND, Chỉ Huy Trưởng B31 LLDB, Chỉ Huy Trưởng B16 LLDB.

- Biệt Động Quân: Tham Mưu Trưởng BCH/BĐQ/QK3, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 33 BĐQ, Tham Mưu Trưởng BCH/BĐQ/QK2, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 23 BĐQ.

Đại Tá Lê Tất Biên được ân thưởng nhiều huy chương cao quý Việt -Mỹ như: Đệ Tứ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương, The Bronze Star with V Device, The Air Medal with V Device ...

Đơn vị cuối cùng Đại Tá Lê Tất Biên chỉ huy là Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân, hậu thân của Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân, Liên Đoàn Tiếp Ứng duy nhất của Quân Khu 2 thời bấy giờ.

Tác giả: Thưa Đại Tá, Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân rút khỏi Pleiku vào lúc nào?

Đại Tá Biên: Trong Cuộc triệt Thoái Quân Đoàn II, lực lượng được chia ra làm 3 đoàn. Đoàn đầu khởi hành ngày 16 tháng Ba có nhiệm

vụ mở đường, sửa sang cầu cống. Đoàn thứ nhì có Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân của tôi tăng phái cho Lữ Đoàn 2 Ky Binh nhận nhiệm vụ giữ an ninh Cuộc Triệt Thoái do Chuẩn Tướng Cẩm chỉ huy tổng quát, rời Pleiku ngày 17. Đoàn thứ ba rời Pleiku ngày 18 do Chuẩn Tướng Tất chỉ huy.

Tác giả: Từ Pleiku về Cheo Reo, đoàn quân rút lui của Đại Tá có bị trục trặc gì không?

Đại Tá Biên: Đoàn quân ngoài Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh và Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân của tôi còn có các đơn vị làm việc trong Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II, lúc này chưa có dân chúng nhập vào, chỉ có thêm gia đình binh sĩ. Cuộc rút quân tới Cheo Reo rất an toàn, trật tự, tới Cheo Reo chiều 17, binh sĩ tổ chức ăn uống, nghỉ ngơi.

Tác giả: Tại sao không đi tiếp mà ngừng lại, thưa Đại Tá?

Đại Tá Biên: Chúng tôi chờ lệnh Chuẩn Tướng Cẩm.

Tác giả: Vậy khi nào thì dân chúng ùn ùn chạy theo?

Đại Tá Biên: Ngày 18 đoàn cuối cùng của Chuẩn Tướng Tất tới, bấy giờ đoàn dân chúng chạy theo đông lắm, ước chừng từ 100,000 đến 200,000 người, xe cộ vô số. Tình trạng coi như bắt đầu hỗn loạn.

Tác giả: Lúc nào thì quân Cộng Sản tiến đánh mình?

Đại Tá Biên: Họ bắt đầu pháo vào Cheo Reo lúc chiều tối hôm đó (ngày 18), ban đầu lai rai sau dồn dập lên khiến dân chúng hoảng hốt làm cho tình hình càng thêm hỗn loạn hơn. Tôi đang ở tại một trường Tiểu Học cạnh đường 7 với Tướng Cẩm và Đại Tá Lý, thấy địch pháo như vậy là biết họ giữ trò "tiền pháo hậu xung" liền, tôi vội vã trở về với Liên Đoàn.

Tác giả: Đại Tá dàn quân Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân như thế nào, thưa Đại Tá?

Đại Tá Biên: Tiểu Đoàn 11 của Đại Úy Nguyễn Lăn đóng tại đèo Tuna, Tiểu Đoàn 23 của Thiếu Tá Phạm Duy Ánh đóng tại đèo Tử Sĩ. Hai vị trí này ở phía Đông đường 7. Tiểu Đoàn 22 của Thiếu Tá Nguyễn Văn Để đóng ở phía Tây con đường.. Lúc này thì tôi nghe có lệnh Tướng Phú cho trực thăng đưa Tướng Cẩm và Đại Tá Lý bay về Tuy Hòa, lúc sau lại nghe được sẽ có phi cơ tới oanh tạc xe cộ, chiến cụ trên đường để không lọt vào tay Cộng quân. Hai tin này khiến binh sĩ rất hoang mang.

Tác giả: Bộ quân của Sư Đoàn 320 CSBV tiến đánh Đại Tá vào lúc nào?

Đại Tá Biên: À, lúc đó phi cơ sắp ngừng oanh tạc xe cộ, chiến cụ mình, bom đạn nổ lung tung, tôi cứ đình ninh lần này mình với Việt

Cộng chết chung rồi. Anh coi, quân nó đông hơn quân mình gấp 4 - 5 lần, dân thì lẫn lộn với lính mình nên khai hỏa rất khó, sợ trúng vào dân, còn phía Cộng sản thì cứ bắn xả láng, dân chết nhiều hơn lính. Tình trạng là không khai triển đội hình chiến đấu được. Chính tôi phải nhào lên làm xạ thủ M-79 thì anh biết tình hình bi đát cỡ nào. Đã vậy suốt đêm tôi liên lạc hoài mà Đại Tá Nguyễn Văn Đồng, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh, không trả lời. Lúc này tiếng súng phía Cộng Quân dội lại, tôi lo gom quân chờ đợi vì tôi biết thế nào họ cũng tấn công lại sáng sớm. Quả đúng vậy, trận tấn công lại vào buổi sáng sớm ác liệt hơn nữa, vì họ biết mình đã thiệt hại nhiều rồi, mặc dù quân Liên Đoàn 23 của tôi đã chiến đấu rất dũng mãnh nhưng số đông bao giờ cũng hơn mà. Cuối cùng thì chúng tôi hết đạn, không có pháo binh yểm trợ, xe tăng thì chúng tôi không liên lạc được với Đại Tá Đồng, tôi và một số anh em binh sĩ đành phải chịu cho địch bắt. Thiếu Tá Ánh, Đại Úy Lăn cũng bị địch bắt, tôi không thấy Thiếu Tá Để, sau này cũng không gặp trong tù, tôi nghĩ anh Để đã hy sinh đêm đó.

Tác giả: Sau khi đưa Tướng Cẩm về Tuy Hòa, trực thăng của Tướng Tất trở lại Cheo Reo bao vùng suốt đêm nhưng không liên lạc được với các đơn vị phía dưới. Đại Tá có nghe Tướng Tất gọi không?

Đại Tá Biên: Lúc đó tôi cố gắng liên lạc cho được với Đại Tá Đồng, Tư Lệnh Lữ Đoàn Lữ Đoàn 4 Kỵ Binh, liên lạc hoài mà không được thì đầu còn lòng dạ nào nữa. Phần thì Việt Cộng đánh rất, rượt sát theo mình chừng nào thì dân chúng càng bu cứng theo mình như thể họ cũng rượt mình luôn. Lốp thì phải hò hét trả lời các Tiểu Đoàn qua máy, còn nữa, pháo binh mà mình dội bom phá hủy nó nổ rầm trời đến 2 ngày sau vẫn còn nổ, tình cảnh tôi như vậy chắc ông Tất cũng thông cảm thôi.

CẢM NGHĨ VỀ VỤ MẤT VÙNG 2 CHIẾN THUẬT

Khi nói về vụ mất Vùng 2 Chiến Thuật, mọi người thường bị lôi cuốn ngay tới việc mất Ban Mê Thuột và cuộc triệt thoái thất bại của Quân Đoàn II, khiến không còn kịp nhìn thấy nguyên nhân thật và duy nhất:

Vùng 2 Chiến Thuật mất chính bởi chủ trương rút bỏ Kon Tum và Pleiku!

Ban Mê Thuột được xử dụng làm cái cớ, Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II trên Con Đường Số 7 chỉ là hậu quả phụ của chủ trương này.

Mất Ban Mê Thuột thì Vùng 2 mất 1 tỉnh. Nhưng mất Kon Tum - Pleiku thì không thể nào giữ được 2 tỉnh Phú Bổn - Phú Yên, và tiếp tới là Sư

Đoàn 22 ở thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định vùng Duyên Hải bị vô hiệu hóa, bị cô lập. Đường chuyển quân về phía Nam đã bị cắt đứt. Giả sử như Quân Đoàn II rút quân về Nha Trang thành công, lực lượng vẫn nguyên vẹn, thì Vùng 2 Chiến Thuật có mất không? Câu trả lời là vẫn mất! Vì trong lúc đó, có ai - có cái gì bắt buộc Cộng Quân phải ngồi yên phòng thủ trong 3 thành phố Ban Mê Thuột, Pleiku, Kon Tum? Họ vẫn bung quân ra chiếm các tỉnh Phú Bổn, Phú Yên, và cắt ngang quốc gia Việt Nam Cộng Hòa tới tận bờ biển Đông. Khi toán quân đầu tiên của Quân Đoàn II rời bỏ Pleiku, phải coi như lúc đó thì Vùng 2 Chiến Thuật đã mất!

Không có một chiến thuật nào trên chiến trường có thể cứu vãn sai lầm chiến lược bỏ Kon Tum - Pleiku của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cả. Nhưng tất cả lỗi lầm trút lên một mình cá nhân Tổng Thống Thiệu thì không công bình. Tác giả muốn nói tới Bộ Tổng Tham Mưu quân đội Việt Nam Cộng Hòa, trú đóng tại thủ đô Sài Gòn. Mà đã nói tới thì phải nhắc lại "trở ngại" giữa Đại Tướng Cao Văn Viên và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Người ta có thể cảm thông với sự bất mãn của Tướng Viên đối với Tổng Thống Thiệu vì ông Thiệu đã tước đi nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Tổng Tham Mưu mang về Dinh Độc Lập. Nhưng có lẽ ít ai, nhất là giới quân nhân, có thể cảm thông với Tướng Viên vì sự bất mãn này đã làm thiệt hại đến quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Thái độ lơ là của vị Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng đối với các đơn vị, với các chiến trường, là việc không thể chấp nhận được.

Trở lại thời gian trước khi quân Bắc Cộng tiến đánh Ban Mê Thuột. Quân Đoàn II chỉ có Sư Đoàn 23, 5 Liên Đoàn Biệt Động Quân, Lữ Đoàn 2 Kỵ

Binh để phòng thủ Kon Tum - Pleiku, Ban Mê Thuột và Quảng Đức. Bốn tỉnh của Vùng Cao Nguyên mà chỉ có xem như 2 Sư Đoàn thì vấn đề cơ động lực lượng đối với Quân Đoàn II/ Vùng 2 CT là vô cùng quan trọng. Pleiku có đường 19 dẫn về bờ Biển Đông, thành phố Qui Nhơn, nơi có Sư Đoàn 22 đang trú đóng và các cơ sở Tiếp Vận cho vùng Kon Tum - Pleiku. Ban Mê Thuột cũng có đường 21 dẫn xuống Biển Đông, Thị Xã Ninh Hòa, Nha Trang, nơi đặt bản doanh Bộ Tư Lệnh Quân Khu II và các cơ sở Tiếp Vận cho hai tỉnh Ban Mê Thuột và Quảng Đức. Với quân số quá ít so với quân Bắc Cộng, Tướng Phú chọn cách dồn nhiều quân ở Pleiku, và dựa vào ưu thế Không Quân để kịp thời chuyển quân nhanh chóng về Ban Mê Thuột một khi nơi này có dấu hiệu sắp bị tấn công. Và như đã nói ở đoạn trước, tác giả không tin Tướng Phú làm kế nghi binh mà chỉ vì phương tiện không vận như ông dự trù không còn nữa.

Trung Tá Trần Duy Hòa, Trưởng Phòng 2 của Tướng Tất, vài năm trước đã đề cập đến điều này khi nói chuyện với tác giả trên đài VOV, vùng Little Saigon.

Nói tóm tắt, Tướng Phú không chọn cách may rủi, ông quyết định phòng thủ vững chắc ở một đầu (Pleiku), và sẽ đổ quân sang cứu đầu kia (Ban Mê Thuột) kịp thời bằng phương tiện không vận. Phía quân Bắc Cộng có dùng kế nghi binh thật, nhưng nó chẳng ảnh hưởng gì đến quyết định dàn quân của Tướng Phú.

"Bàn Cờ" giữa Tướng Phạm Văn Phú và Tướng VC Văn Tiến Dũng được bày như sau:

Tướng VC Dũng ém dấu Sư Đoàn 320 CSBV trong khu vực cạnh đường 14 ở giữa Pleiku và Ban Mê Thuột, và sẽ dùng nó tiến về hướng Bắc hoặc hướng Nam tùy theo quyết định sẽ đánh Pleiku hay Ban Mê Thuột. Ông ta dùng Sư Đoàn 968 CSBV vừa xâm nhập mở ngay Mặt Trận Thanh An, Pleiku, giả như trận mở màn quyết chiếm lấy Pleiku để nghi binh. Đồng thời chờ Sư Đoàn 316 CSBV từ Miền Bắc đang bí mật di chuyển xuống khu vực phía Tây Ban Mê Thuột.

Tướng Phú không ngồi yên chờ đợi, ông đưa các toán trinh sát quần trong khu vực Buon Hô, giữa Pleiku và Ban Mê Thuột, tìm dấu vết địch quân, hầu kịp thời phản ứng. Frank Snapp là một ngôi sao sáng trong bộ phận phân tích tình báo chiến trường của cơ sở CIA ở Sài Gòn. Sau chiến tranh Việt Nam, anh ta trở về Mỹ, từ chức khỏi cơ quan CIA để có thể viết cuốn

sách nổi tiếng "Decent Interval" vào năm 1977, thuật lại về cuộc chiến. Frank Snapp viết trong "Decent Interval" một đoạn như sau:

"... .By the afternoon of 8 March, ARVN troops operating out of Buon Ho, north of BanMeThuot. Were still conducting reconnaissance operations and Dung decided he could no longer risk their stumbling across his own units. Therefore, he ordered the 320 nd NVA Division to move at once against the section of Route 14 between Buon Ho and Pleiku. Within a few hours the road was cut and ARVN troops in the southern highland found themselves isolated from the rest of Phu's army to the north.

It was then Phu saw the light. He immediately order yet anoter regiment to be airlifted from Pleiku to the Buon Ho - BanMeThuot sector. But only surveying his helicopter fleet he discovered that only one of his four giant CH-47s was in flyable condition. He anxiously petitioned Sai Gon for replacements, but none was available. The Embassy briefly considered mobilizing several Air America choppers on his behaft, but gave up the idea out of diference of the provisions of the Paris agreement ruling out renewed US involvement in the war."

Tác giả chuyển đoạn này sang Việt ngữ:

"... Vào xế trưa ngày 8 tháng Ba, các toán quân Việt Nam Cộng Hòa tiếp tục mở những cuộc hành quân thám sát trong khu vực Buôn Hồ, phía Bắc Ban Mê Thuột, Tướng VC Văn Tiến Dũng bèn quyết định là không thể để xảy ra tình trạng những toán quân này có cơ hội hành quân xuyên qua các đơn vị của ông ta. Dũng bèn ra lệnh cho Sư Đoàn 320 CSBV lập tức tấn công cắt đứt đường 14 ở khoảng giữa Buôn Hồ và Pleiku. Chỉ trong vài giờ, quân Việt Nam Cộng Hòa ở vùng Nam Cao Nguyên đã thấy mình bị ngăn hẳn ra với lực lượng Tướng Phạm Văn Phú đóng ở phía Bắc.

Bây giờ thì Tướng Phú đã nhìn thấy ánh sáng. Ông lập tức ra lệnh không vận một Trung Đoàn từ Pleiku xuống khu vực giữa Buôn Hồ và Ban Mê Thuột. Nhưng rồi ông phát hiện ra là 4 chiếc Chinook khổng lồ CH-47 thuộc phi đoàn trực thăng của ông chỉ có một chiếc duy nhất có thể sử dụng được. Ông ta vội vã liên lạc với Sài Gòn xin gửi máy bay thay thế, nhưng câu trả lời là không có sẵn. Phía Tòa

Đại Sứ Mỹ tỏ ý muốn dùng một số trực thăng của hãng Air America (của CIA ngụy trang) cho Tướng Phú sử dụng, nhưng rốt cuộc thì bỏ qua ý định này vì ngại vi phạm các điều khoản cấm của Hiệp Định Paris".

Không thể không vận quân mình xuống giữa Buôn Hồ và, tức ở ngay đằng sau Sư Đoàn 320 CSBV, ý định của Tướng Phú nhằm ngăn chặn không để Sư Đoàn này tiến về Ban Mê Thuột đã không thành hình.

Tác giả muốn dùng chuyện này để nêu thắc mắc về Bộ Tổng Tham Mưu do Đại Tướng Cao Văn Viên chỉ huy. Là tổ chức đầu não của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, nhưng chỉ có thể trả lời ngắn gọn " Không có sẵn " rồi thôi, thì thật là đáng buồn. Sao không có sáng kiến gom Chinook CH-47 của 3 Vùng Chiến Thuật còn lại để tăng phái cho Vùng 2 đang có nhu cầu cấp bách? Cũng có thể sử dụng C-130 đáp xuống phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột, sau đó khai triển đội hình bằng phương tiện khác. Hay chỉ có Tổng Thống Thiệu mới coi Ban Mê Thuột là quan yếu nhất Vùng 2 Chiến Thuật còn Bộ Tổng Tham Mưu của Tướng Viên thì không? Ngay chính Tòa Đại Sứ Mỹ cũng còn phải giả vờ, giả lả với câu chuyện "dỏm" muốn dùng trực thăng của hãng hàng không dân sự Air America rồi sau đó lấy Hiệp Định Paris ra viện cớ. Nói chuyện kiểuhuề tiền.

Sau này, các tài liệu Hoa Kỳ dùng cuộc chiến Việt Nam làm thí dụ để huấn luyện Sĩ Quan Mỹ đa số đều chê trách phía Việt Nam Cộng Hòa đã không biết tận dụng ưu thế Không Quân của mình cho Vùng 2 lúc đó. Tại sao Bộ Tổng Tham Mưu đã không chịu tập hợp sức mạnh Không Quân của cả 4

Vùng Chiến Thuật để đánh xuống quân Bắc Cộng?!

Câu hỏi của họ thật xác đáng? Không trả lời được, thật đáng buồn!

Và cũng xin nhắc lại một lần nữa về lực lượng Biệt Động Quân. Trong khi Ban Mê Thuột bị tấn công rồi thất thủ, Bộ Tổng Tham Mưu lần lượt gửi lên tăng phái cho Quân Đoàn II 3 Liên Đoàn Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị riêng lẻ. Tại sao không thể có sáng kiến gom 3 Liên Đoàn này lại thành 1 Đại Đơn Vị với quân số ngang cấp Sư Đoàn, lập một Bộ Chỉ Huy nhẹ, thống nhất chỉ huy để lực lượng tăng phái này có khả năng nhận trách nhiệm tấn công hay phòng thủ ở cấp Sư Đoàn?

Trong cuộc họp ở Cam Ranh, chính Đại Tướng Viên đã dùng câu trả lời "Không còn quân tăng phái" để thúc Tổng Thống Thiệu đóng cây đinh cuối cùng lên 6 tấm ván có tên là "Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II"!

Vì lý do gì mà Đại Tướng Viên không biết lúc bấy giờ Biệt Động Quân đang còn 3 Liên Đoàn Tổng Trừ Bị sẵn sàng ứng chiến? Đại Tướng đã có thể mạnh mẽ trả lời "Có" với Tổng Thống vì sẽ dễ nhớ hơn, bởi tượng hình hơn, nếu từ sau Trận Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, ông chịu khó thu xếp dù trong hoàn cảnh bị cắt giảm viện trợ để 6 Liên Đoàn Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị trở thành 1 hay 2 Sư Đoàn Biệt Động Quân. Cùng lắm thì biến họ thành các Chiến đoàn hay Binh Đoàn vẫn có khả năng tham chiến cao hơn so với việc xử dụng từng Liên Đoàn lẻ tẻ gửi đi tăng phái.

Bất cứ lúc nào tác giả mang chuyện này ra hỏi, Tướng Tất đều trả lời với giọng nuối tiếc. Tướng Tất cho rằng nại có thiếu phương tiện yểm trợ để từ chối, trì hoãn thành lập các Sư Đoàn Biệt Động Quân là không chính đáng. Ông nêu thí dụ, quan trọng nhất trong tiến trình thành lập Sư Đoàn là lực lượng Pháo Binh Sư Đoàn. Nếu lúc đó phía Mỹ bị ngăn cấm bởi Hiệp Định "Không Hòa Bình" Paris nên Bộ Tổng Tham Mưu không có đủ súng lớn để thành hình lực lượng Pháo Binh cho những Sư Đoàn Biệt Động Quân, thì tại sao không nhớ rằng trước đây mỗi Pháo Đội chỉ có 4 khẩu pháo, sau mới tăng lên 6 khẩu? Chỉ cần cắt bớt từ 6 xuống trở lại 4 khẩu, 2 khẩu pháo lấy từ mỗi Pháo Đội dư để thành hình các Pháo Đội trong tiến trình thành lập các Sư Đoàn Biệt Động Quân! (Nhất là vào lúc này trên toàn quốc chúng ta đang phải hạn chế đạn pháo binh hàng ngày cho mỗi khẩu pháo vì bị cắt giảm viện trợ).

Nói chung, nếu các Sư Đoàn Biệt Động Quân được thành lập thiếu các đơn vị yểm trợ cơ hữu, thì khi họ được gửi tới Vùng Chiến Thuật nào, Vùng đó sẽ có bốn phận phải cung cấp bù vào sự thiếu thốn của họ cho tới khi cuộc hành quân chấm dứt.

Sau Hiệp Định "Không Hòa Bình" Paris 1973, Tổng Thống Thiệu tuyên bố

từ đây Việt Nam Cộng Hòa phải "Đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo". Bộ Tham Mưu chắc là có nghe, nhưng đã không chịu khó nghiên cứu rồi đưa ra những sáng kiến đáp ứng lời kêu gọi của Tổng Thống. Lẽ nào Đại Tướng xem lời nói này của Tổng Thống là một lời nói khôi hài cho vui? Nguyên một Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị đồ sộ mà không tổ chức được những buổi hội thảo, học tập cho toàn quân các cấp để họ sẵn sàng chiến đấu quyết bảo vệ Miền Nam Tự Do trong khi không còn sự yểm trợ dồi dào của Mỹ như trước đây. Hình như Đại Tướng Viên chưa làm gì cả!

Tập tài liệu "The Fall of South Vietnam: An Analysis of The Campaigns" của bộ phận School of Advanced Military Studies thuộc trường United

States Army Command and General Staff College có đoạn viết:

"Due to the South Vietnamese's leadership inability to learn, anticipate, and adapt, they endure a catastrophic defeat".

Tác giả chuyển sang Việt ngữ:

"Vì giới lãnh đạo Nam Việt Nam không có khả năng học hỏi, tiên liệu, và thích ứng, nên họ phải cam chịu một cuộc thất trận thảm".

Bị "kẻ ù té chạy" bỏ rơi mình chê trách nặng nề, đồng thời ca tụng đối phương hết lời, thì thật là đau quá! Mặc dầu tác giả vẫn biết, "kẻ ù té chạy" kia luôn có nhu cầu làm như thế nhằm đánh bóng tô son cho cái danh dự không hề có của âm mưu đi đêm với Tàu Cộng, Việt Cộng, giao Miền Nam Tự Do cho Cộng Sản.

ooo

Về thái độ của người Mỹ sau Hiệp Định "Không Hòa Bình" Paris 1973, ngay từ đầu cuốn sách này tác giả đã trích dẫn ba câu tuyên bố của Ngoại trưởng Kissinger, Thượng Nghị Sĩ Kennedy, và Thượng Nghị Sĩ từng là Ủy viên Tổng Thống Mc Govern.

Mc Govern mơ giữa ban ngày "Sau khi quân Mỹ rút đi, Nam Việt Nam sẽ sụp đổ trong vòng 72 giờ đồng hồ". Câu nói cho thấy người muốn trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ chẳng hiểu gì về Cuộc Chiến Việt Nam! Cho dù bị cắt giảm viện trợ khiến tinh thần binh sĩ sa sút, quân đội Việt Nam Cộng Hòa vẫn tiếp tục chiến đấu dũng mãnh, không một thành phố hay tỉnh lỵ nào bị lọt vào tay Bắc Cộng cho đến Trận Phước Long cuối năm 1974. Phước Long chỉ mất vì Tổng Thống Thiệu muốn dùng nó để tìm hiểu phản ứng của người Mỹ. Ông Thiệu không chấp nhận đưa quân tới cứu Phước Long, chỉ để thấy phản ứng của người Mỹ là dăm ba câu hăm

dọa suông đối với Bắc Cộng.

Kisinger thì chắc chắn rành rẽ hơn Mc Govern, hẳn ta chính là đạo diễn của âm mưu giao Miền Nam Tự Do cho Tàu Cộng, Việt Cộng. Hẳn than vãn "Tại sao chúng không chết phứt đi cho rồi. Điều tệ hại nhất là chúng cứ sống dai dẳng hoài ". Kisinger phải tuôn ra một câu quá tồi tệ, hớ hênh, mặc dầu hẳn đứng đầu ngành ngoại giao của siêu cường Hoa Kỳ vì hẳn ta biết rằng quân đội Việt Nam Cộng Hòa không dễ dàng chịu khuất phục trước Cộng Sản theo sự dàn dựng quỷ quyệt của hẳn. (Lúc này Tổng

Thống Nixon đã ngậm ngùi giã biệt Tòa Bạch Ốc). Năm 1975 là thời điểm Nixon - Kissinger tính toán đã đủ để cho Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ mà Hoa Kỳ không bị mang tiếng phản trắc, lừa gạt. Vì vậy Frank Snepp mới đặt tựa quyển sách của anh là "Decent Interval", có nghĩa là " Khoảng Cách Thời Gian Hợp Lý".

Còn theo Thượng Nghị Sĩ Kennedy thì: "Viện trợ chỉ kéo dài thêm chiến tranh". Vậy chiến tranh sẽ chấm dứt nếu bên phía Việt Nam Cộng Hòa không còn nhận được viện trợ nữa. Khối Cộng Sản Quốc Tế vẫn tiếp tục viện trợ mạnh mẽ cho Miền Bắc Cộng Sản thì chiến tranh sẽ chấm dứt theo chiều hướng này.

Khoảng cách thời gian hợp lý là khoảng 2 năm, tính từ lúc Hiệp Định "Không Hòa Bình" Paris 1973 có hiệu lực (tháng Giêng 1973). Đến năm 1975 thì đã hơn 2 năm. Người Mỹ dàn dựng mọi chuyện nhằm cho sự tính toán của họ đạt được kết quả đúng thời hạn. Vậy thì, trong khi Quốc Hội Hoa Kỳ liên tục cắt giảm viện trợ Việt Nam Cộng Hòa, cơ quan DAO ở Sài Gòn do Tướng Murray cầm đầu cũng đệ trình tới Dinh Độc Lập một báo cáo ví von " Mất tiền cũng giống như mất đất". Bản báo cáo của Tướng Murray viết rõ, được viện trợ 1.4 tỷ đô la thì giữ được tất cả lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa hiện có, nhưng nếu chỉ là 1.1 tỉ thì phải bỏ Vùng 1 Chiến Thuật, nếu là 900 triệu thì phải bỏ cả Vùng 1 và Vùng 2, còn nếu là dưới 600 triệu thì chỉ còn có thể giữ thủ đô Sài Gòn và Vùng 4 mà thôi.

Có thể nói, tiến trình cắt giảm viện trợ từ Quốc Hội Hoa Kỳ song song với báo cáo ví "mất tiền cũng giống như mất đất" của Tướng Murray là cách thúc đẩy rất hiệu quả cho sự hình thành chiến lược mới "Đầu Teo Đít To" từ Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Nhưng từ thành hình chiến lược cho đến thi hành nó thì người Mỹ cũng sẽ.... phụ giúp cho Tổng Thống Thiệu!

Sự "phụ giúp" này được Quốc Hội Hoa Kỳ thể hiện ngày 10 tháng Ba qua biểu quyết không chấp thuận viện trợ bổ sung 300 triệu đô la cho Việt Nam Cộng Hòa. Phái đoàn cầu viện do Ngoại Trưởng Trần Văn Lãm cầm đầu từ

Hoa Kỳ về còn cho biết thêm, có thể sẽ bị cúp hẳn viện trợ. Hai ngày sau, 12 tháng Ba, Đại Sứ Martin thông báo viện trợ cho năm tới sẽ không được chuẩn chi vào tháng Sáu 1975 nữa. Có nghĩa là viện trợ đã bị cúp hẳn rồi.

Được người Mỹ "phụ giúp" mạnh mẽ như vậy, ông Thiệu hết cách!

Đừng quên là trong cuốn "Decent Interval", Frank Snepp đã thú nhận CIA cài được người nằm vùng ngay trong đầu não Đảng Cộng Sản Việt Nam ở Hà Nội. Vì thế Bắc Cộng lập Chiến Dịch Tây Nguyên khó lòng thoát khỏi con mắt của cơ quan tình báo Mỹ. Mục tiêu của Chiến Dịch là Ban Mê Thuột cũng vậy!

Có lẽ phía Mỹ đã không mấy hài lòng đối với Chiến Dịch này, phía Bắc Cộng chỉ dám dự trù (có thể) dứt điểm Miền Nam Tự Do vào năm 1976. Lúc này đầu não Cộng Sản ở Hà Nội vẫn chưa biết gì đến chiến lược "Đầu Teo Đít Teo" của ông Thiệu, nhưng không sao cả, nếu mục tiêu chiếm Ban Mê Thuột thành công thì họ sẽ biết ngay thôi. Chưa muộn!

Vậy, ông Đại Sứ Anh Quốc John Bushell bèn đáp xuống Kon Tum "thăm" Đại Tá Biệt Động Quân Phạm Duy Tất, Tư Lệnh Mặt Trận Kon Tum - Pleiku (cuối tháng Hai 1975).

Sau khi Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, ông John Bushell được chuyển sang Pakistan, một "ổ kiến lửa" khác đối với người Mỹ. Ông ta không phải là một ông Đại Sứ "bình thường".

Cuộc viếng thăm quá đặc biệt, quá lạ thường của một ông Đại Sứ Anh với một Đại Tá Việt Nam Cộng Hòa (ông Tất lúc này chưa thăng cấp Tướng) tại mặt trận làm nảy ra vài thắc mắc cho tác giả, và tác giả cũng đã cố gắng tự trả lời:

Tại sao thăm Kon Tum, tại sao gặp Đại Tá Tất?

Trả lời: Nếu Chiến Dịch Tây Nguyên của Bắc Cộng chọn mục tiêu tấn công là Kon Tum - Pleiku thì có lẽ ông Đại Sứ Anh John Bushell đã ghé thăm.... Ban Mê Thuột.

Đến Kon Tum tìm gặp Đại Tá Tất thay vì tìm gặp một vị Tư Lệnh khác là vì ai cũng biết mối thân tình giữa Đại Tá Tất và Thiếu Tướng Phú. Nội dung cuộc gặp gỡ chắc chắn sẽ được ông Tất báo cáo đầy đủ đến ông Phú. Và như vậy người Mỹ đạt được mục đích. Vì theo lời kể sau này của Tướng Tất với tác giả, cuộc gặp gỡ đã khiến ông có cảm tưởng người Mỹ muốn nói cho phía mình biết Kon Tum - Pleiku mới chính là mục tiêu của quân Bắc Cộng, và cũng nhấn nhủ xuyên qua ông Đại Sứ Anh rằng tuy hiện nay đạn dược - tiếp liệu ở Kon Tum - Pleiku có giới hạn nhưng trong

tương lai khi trận chiến bùng nổ tại đây thì người Mỹ sẽ giải quyết (chứ ông Đại Sứ Anh thì có cái gì trong tay mà hứa hẹn?).

Và nếu Vùng 2 có vụ Đại Sứ Anh, thì sau đó không lâu Vùng 1 có vụ Tổng Lãnh Sự Mỹ.

Dưới đây là vài đoạn trong một bài viết của Đại Tá Phạm Bá Hoa, Tham Muu Trưởng Tổng Cục Tiếp Vận, viết về vụ ông Tổng Lãnh Sự Mỹ trong lúc Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn I đang xảy ra:

"Ngày 14/1/1995, tôi gặp anh Nguyễn Thành Trí trong chợ HongKong ở Houston, bạn tôi. Anh là cựu Đại Tá, Tư Lệnh Phó Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, và Sư Đoàn này đặt dưới quyền xử dụng dài hạn của Quân Đoàn I từ sau trận chiến Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972. Dưới đây là lời thuật lại của cựu Đại Tá Trí về những ngày cuối tháng 3/1975, trong lúc anh và bộ chỉ huy hành quân Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến ở khu vực Non Nước, Đà Nẵng:

Khoảng 5 giờ chiều ngày 28 tháng 3 năm 1975, quân cộng sản tấn công vào Sư Đoàn 3 Bộ Binh ở sườn Tây Đà Nẵng, và chỉ vài giờ chống trả là Sư Đoàn rút lui, tạo khoảng trống bên sườn của Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, và các đơn vị co về bản doanh Sư Đoàn (Thủy Quân Lục Chiến). Tư Lệnh Phó Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, đã rời khỏi và lên chiến hạm của Hải Quân(Việt Nam) từ lúc chiều. Nhưng trước khi đi ông có đến gặp Trung Tướng Ngô Quang Trưởng xin quyết định vì tình hình rất nghiêm trọng, nhưng Trung Tướng Trưởng không nói gì cả. Lúc này bên cạnh Thiếu Tướng Bùi Thế Lân có ông Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Đà Nẵng, ông ta có mang theo máy vô tuyến cầm tay loại nhỏ và chốc chốc ông ta nói vị trí của ông với ai ở đâu đó, tôi (tức cựu Đại Tá Trí) không rõ. Thiếu Tướng Bùi Thế Lân nói với tôi rằng: Ông Tổng Lãnh Sự khuyên ổng (tức Thiếu Tướng Lân) nên bảo toàn lực lượng, nhưng Thiếu Tướng Lân không nói điều này với Trung Tướng Trưởng.

.....

Với lời thuật lại trên đây của cựu Đại Tá Trí, tôi nghĩ rằng: rất có thể là các vị Tư Lệnh tại Quân Đoàn I từ binh chủng Bộ Binh, Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, đến quân chủng Hải Quân, Không Quân và cũng ngay cả Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Quân Đoàn I, đã nhận được lời khuyên ""bảo toàn lực lượng" như Thiếu Tướng Bùi Thế Lân đã nhận của ông Tổng Lãnh Sự Hoa Kỳ tại Đà Nẵng cũng nên? Không chừng chiến hạm vào gần bờ để đón Thủy

Quân Lục Chiến cũng từ "lời khuyên" của ông Tổng Lãnh Sự nữa

chăng! Vì rõ ràng là cựu Đại Tá không hề biết luật xuất phát từ đâu mà. Và phải chăng với ""lời khuyên" đó đã dẫn đến các vị có quân có quyền trong tay lần lượt rời khỏi đơn vị hoặc chỉ huy đơn vị triệt thoái? Điều này tôi không rõ, nhưng có điều quý vị đều rõ là Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I và Đà Nẵng vào tay quân cộng sản quá dễ như khi vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II ở Pleiku vậy! "

"Lời hứa " của ông Đại Sứ Anh ở Vùng 2. "Lời khuyên " của ông Tổng Lãnh Sự Mỹ ở Vùng 1. Thật trùng hợp! "Lời khuyên" của ông Tổng Lãnh Sự Mỹ cho Tướng Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến Bùi Thế Lân "hãy bảo toàn lực lượng" không có nghĩa gì khác hơn là đừng đánh trả, ngăn chặn quân Bắc Cộng nữa. Hãy bỏ chạy! Tác giả cũng rất đồng ý với nghi vấn Đại Tá Phạm Bá Hoa đã nêu: Có thể các vị Tư Lệnh khác thuộc Quân Đoàn I cũng đã nhận được "lời khuyên" này.

Tuy vậy tác giả cũng có thắc mắc, và cũng đã tự trả lời:

-- Tại sao lại phải chịu khó xử dụng một nhà ngoại giao Anh ở Vùng 2 mà không là người Mỹ như ở Vùng 1?

Trả lời: Trận Ban Mê Thuột là cái cớ then chốt đẩy tới 2 cuộc triệt thoái, cần phải tinh vi, tỉ mỉ, hành động cẩn thận để tránh sai sót. Nhưng khi Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn I đã và đang diễn ra thì đâu còn cần tránh sự sỗ sàng nữa! Đó là cách hành động của người Mỹ lúc bấy giờ!

Chịu đi sâu vào vấn đề tình báo ở Vùng 2 lúc đó thì còn nhiều nghi vấn khác nữa.

Sư Đoàn 968 CSBV từ Miền Bắc chuyển quân vào vùng Tây Nguyên Việt Nam bằng quân xa, Tình báo Mỹ đã cho tin tức quá đầy đủ nên đã bị Không Thám Việt khám phá, sau đó bị phi cơ oanh tạc của Việt Nam Cộng Hòa không tập cho tởm. Nhưng khi Sư Đoàn 316 CSBV từ Nghệ Tĩnh chuyển quân xuống phía Tây Ban Mê Thuột cũng bằng một đoàn quân xa dài ngoằng thì Tình Báo Mỹ hoàn toàn không biết gì hết! Tại sao có sự khác biệt này? Rất tiếc, trong cuốn "Decent Interval" cựu chuyên viên phân tích tình báo chiến trường CIA Frank Snapp tuy công nhận lỗi lầm nhưng đã không nêu ra lý do.

Điều đáng tiếc nhất là những tin tình báo do Đại Tá Trịnh Tiểu, Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn II thu thập được. Sau này nó mới được coi là chính

xác, nhưng lúc đó người Mỹ kết luận không thể tin được, và vì vậy lúc đó Đại Tá Tiểu (vì sợ trách nhiệm) đã không dám tự mình quả quyết về mục tiêu thật sự của quân Bắc Cộng, trái ngược với lời kể sau này của ông ở hải ngoại. (đã chứng minh ở đoạn đầu sách).

Frank Snepp viết:

"In the midst of my labors, General Timmes dropped by my office and reminded me of the recent report from the defector pointing to the shift of the 320th NDA Division from Pleiku to Ban Me Thuot. I was, of course, intrigued and troubled by it, but like General Phu and his analysts, I finally dismissed it as false, principally because of the recurring radio intercepts that seemed to place the 320th in its normal operating area in Pleiku to the north. Unfortunately, all of us in the analytical business in Saigon had come to rely excessively on such electronically obtained intelligence, in lieu of human-source data, in fast-moving crisis situations. As I drew up my conclusions I thus ignored the one real clue to North Vietnamese plans. I then did what an intelligence analyst can do at great hazard: I guess at the adversary's intentions, and was dead wrong.

I was not alone, however. Assessments prepared by DAO and by my CIA colleagues back home also continued to focus on the traditional "threat areas" of Kon Tum and Pleiku Provinces, while glossing over Ban Me Thuot altogether".

Tác giả chuyển sang Việt ngữ:

"Trong khi tôi đang bù đầu với công việc, thì Tướng Timmes tạt qua văn phòng, nhắc nhở về việc một tù binh khai rằng Sư Đoàn 320 VC đang di chuyển từ Pleiku về Ban Mê Thuột. Tôi cũng đang thấy có vấn đề về việc này, nhưng cũng như Tướng Phú và các chuyên viên phân tích tình báo của ông ta, cuối cùng tôi đã kết luận khai bịa đặt, vì lúc bấy giờ qua độ thám truyền tin, điện đàm, thì Sư Đoàn 320 vẫn đang hoạt động bình thường ở Pleiku và về hướng Bắc. Thật là không may mắn tất cả chúng tôi trong công việc phân tích ở Sài Gòn đã tin vào máy móc do thám, bỏ qua nguồn tin của con người đưa tới, trong lúc tình hình biến chuyển xấu và dồn dập tới. Tôi tiếp tục phân tích theo chiều hướng bỏ qua dữ kiện có thật dính dấp tới các kế hoạch của Bắc Việt. Rồi thì tôi đã làm cái mà một chuyên

viên phân tích tình báo vẫn làm với đầy may rủi: Suy đoán dự tính của địch, và tôi đã làm chết người.

Nhưng không chỉ riêng tôi, cơ quan DAO và các đồng nghiệp của tôi ở bên Mỹ cũng tiếp tục coi Kon Tum, Pleiku là khu vực đang bị địch đe dọa mà không chú ý gì đến Ban Mê Thuột cả".

Sự sai lầm mà Frank Snepp đã kể lại với giọng văn đầy ân hận, mỉa mai

thay lại rất phù hợp với "lời hứa" của ông Đại Sứ Anh với Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất tại Kon Tum vào cuối tháng Hai 1975!

Tác giả có thể bị kết án là đã đổ lỗi cho người Mỹ mà không đưa ra được một chứng cứ cụ thể. Những người kết án có thể cho rằng "lời hứa" của ông Đại Sứ Anh chỉ là một lời nói xã giao, an ủi cho qua chuyện trong khi tình hình chiến sự bắt đầu sôi sục. Vâng, cũng có thể là vậy, tuy nhiên, đừng quên rằng từ khi người Mỹ đặt chân tới Miền Nam Tự Do, họ luôn luôn mượn tay cấp lãnh đạo người Việt thay họ thực hiện những điều xấu xa do chính họ chủ trương. Bằng các thủ đoạn dụ dỗ, hăm dọa, lừa gạt! Năm 1963 nếu Chính Phủ Kennedy không hứa hẹn sẽ tiếp tục viện trợ sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, thì sẽ có cuộc đảo chánh ngày 01-11-1963, đưa đến cái chết thảm của anh em cụ Diệm. Hiệp Định Paris 1973 sẽ không thành hình nếu Chính Phủ Nixon không hăm dọa Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu năm 1975, họ đã dùng viện trợ gây áp lực nặng nề, rồi đã lừa, cuối cùng ông Thiệu lọt bẫy.

Nói vậy nhưng không có nghĩa là phủ nhận rằng ông Thiệu hay các cấp lãnh đạo cao nhất của Việt Nam Cộng Hòa không có lỗi lầm. Nhưng tác giả chưa hề nghĩ tới việc Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cam tâm hăm hại quốc gia Việt Nam Cộng Hòa. Không! Ông ấy đã cố sức song song với những lầm lỗi của mình. Những vị lãnh đạo cao cấp quân sự khác cũng vậy, họ nhắm mắt để Tổng Thống Thiệu dẫn sâu vào sai lầm chẳng qua là có thể vì họ mơ mộng sẽ được thay thế ông Thiệu, điều hành quốc gia một cách hữu hiệu hơn. Nên họ cũng lọt bẫy!

Về chứng cứ cụ thể, thì xin nhắc vụ ám sát Kennedy. Không ngoa đâu nếu nói rằng đó chính là một cuộc hành quyết công khai. Vâng, nói nghe nặng quá, nhưng đó chính xác là một vụ hành quyết, xử tử! Tổng Thống Kennedy đã bị hành quyết bằng nhiều phát súng giữa ban ngày, trong khi đoàn xe của ông di chuyển giữa thành phố Dallas, Texas; với đông đảo dân chúng đứng hai bên đường chứng kiến. Quang cảnh thật không khác gì một

cuộc hành quyết thời Trung Cổ! Quá sức tệ hại, vậy mà đã bao nhiêu năm tháng trôi qua, bao nhiêu cuộc điều tra được thực hiện, nhưng mãi tới hôm nay những kẻ đứng đằng sau cuộc hành quyết công khai một ông Tổng Thống Mỹ là ai, dân chúng Mỹ vẫn chưa được biết.

Vậy thì việc đòi hỏi chứng cứ cụ thể về việc quân đội Việt Nam Cộng Hòa là một đạo quân bị ám sát (tức buộc họ phải thua trên chiến trường thay vì phải buông súng đầu hàng lúc đạn dược - tiếp liệu đã cạn), đến bao giờ mới có thể được đáp ứng?

ooo

Cuộc họp Cam Ranh ngày 13 tháng Ba 1975 giới hạn người tham dự, cấp chỉ huy ở Quân Khu 2 chỉ có Thiếu Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II, các Tướng Tá thuộc cấp sau đó chỉ được biết qua lời ông kể, hoặc xuyên qua những lệnh lạc của Tổng Thống do ông chuyển lại. nhưng không biết Frank Snepp có nguồn tin từ đâu mà đã viết như vậy:

"before returning to Pleiku, Phu conferred briefly with Vien's chief of operations. As a basic tactical guide they decided to rely on a little-known contingency plan for a logistics drawdown in the highland, which had been lying around the headquarters of the Joint General Staff in Saigon for months. The document seemed adaptable and adequate to Phu's new mission, except in one particular: it allowed for six months of preparation prior to the start of the operation.

Phu did not feel he had that long".

Tác giả chuyển sang Việt ngữ:

" Trước khi trở về Pleiku, Tướng Phú có cuộc họp nhanh với Trưởng Phòng Hành Quân của Tướng Viên. Trên phương diện chiến thuật căn bản, họ đồng ý dựa vào một kế hoạch ngẫu nhiên được soạn sẵn nhằm đối phó với một biến cố giả thuyết cho vùng cao nguyên, đã có tại Bộ Tổng Tham Mưu trong nhiều tháng qua, và ít người biết tới. Nó thích hợp và có thể áp dụng cho nhiệm vụ mới của Phú, chỉ trừ một điều: Kế hoạch này dành 6 tháng chuẩn bị trước cho cuộc rút quân.

Tướng Phú biết mình không có thời gian dài như vậy".

Hiện tại thì rất khó kiểm chứng để biết có "cuộc họp nhanh" như trên hay không, và có phải Tướng Phú đã xử dụng kế hoạch nói trên cho Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II hay không? Tuy nhiên, điều đáng chú ý là nếu đúng như vậy, thì một cuộc hành quân phải chuẩn bị trước 6 tháng, đã chỉ được chuẩn bị trong.... 3 ngày.

Tệ hại hơn nữa là việc không có Lệnh Hành Quân. Dĩ nhiên, nguyên nhân vì chỉ có được 3 ngày chuẩn bị. Lẽ ra Tướng Phú phải buộc Đại Tá Tham Mưu Trưởng Lê Khắc Lý dù thiếu thì giờ hay do vì phải giữ bí mật tuyệt đối, vẫn phải soạn cho bằng được một Lệnh Hành Quân giản lược. Thiếu nó, Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II không có được sự phối trí và phân nhiệm rõ ràng. Thiếu nó, khi biến cố xảy tới thì hệ thống chỉ huy được phân nhiệm bằng lệnh miệng đó đã nhanh chóng bị vô hiệu hóa. Ngày 17 tháng Ba Tướng Tất liên lạc không được với Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân, cho người đến tận nơi tìm thì mới biết Liên Đoàn đã rút đi theo lệnh Tướng Cẩm, là một chứng minh đầu tiên.

Và đây là một cuộc rút lui mà binh sĩ được lệnh giới hạn đạn dược mang theo, tinh thần của họ không phải là được chuẩn bị để tác chiến với quân Bắc Cộng. Thật ra, cho dù là như vậy, Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II vẫn có cơ hội thành công nếu đoàn quân triệt thoái không ngừng lại ở Cheo Reo quá lâu, và ở Sông Ba sau khi phác giác cát lún, xe không qua được thì đoàn quân phải chờ tới 3 ngày Công Binh mới cầu vỹ sắt PSP tới lót lên dòng sông cạn nước.

Một lý do khác hết sức quan trọng mà Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất đã kể trong phần phỏng vấn ông, là sự phân vân bất ngờ của Thiếu Tướng Phạm Văn Phú là không biết nên bỏ hay giữ Cheo Reo vì lệnh lạc lập lờ của Tổng Thống Thiệu. Tuy chỉ là sự phân vân, không phải lệnh, nhưng đã khiến các cấp chỉ huy tại chiến trường phân vân theo, không muốn đưa đơn vị lên đường để rồi có thể bị buộc phải chuyển quân đi ngược trở lại. Tình hình lúc này còn đang yên tĩnh.

Nhưng khi địch pháo xuống Cheo Reo đồng thời Sư Đoàn 320 CSBV ủa tới vào chiều tối 18 tháng Ba, Tướng Phú đã lập tức ra lệnh cho Không Quân thả bom tiêu hủy các chiến cụ nặng để khỏi bị lọt vào tay quân Bắc Cộng, trước đó lại yêu cầu Tướng Tất đưa Tướng Cẩm và Bộ Chỉ Huy về Tuy Hòa, khiến cả đoàn quân rút lui mất tinh thần. Binh sĩ tin rằng Quân Đoàn đã quyết định chạy chứ không đánh nữa. Không Quân đánh bom lằm vào 1 Tiểu Đoàn của Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân cũng góp thêm phần sa sút

tinh thần của các đơn vị. Chính vì vậy Đại Tá Nguyễn Văn Đồng đã bị địch bắt ngay trong đêm 18. Chính vì vậy Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân thiện chiến của Đại Tá Lê Tất Biên đã tan rã chỉ trong một đêm và từ đầu đến cuối trận đụng độ không liên lạc được với Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh. Chính vì vậy khi trực thăng của Tướng Tất từ Tuy Hòa quay trở lại Cheo Reo thì ông không còn liên lạc được đoàn quân phía dưới. Về các đơn vị vừa thoát khỏi Cheo Reo, họ im lặng vô tuyến vì không muốn nhận lệnh trở lại tham chiến. Nhưng khi cần thiết thì họ mới chịu liên lạc, như trường hợp một vị Trung Úy Đại Đội Trưởng đã kêu cho Tướng Tất, xin đáp xuống rước người vợ sắp sanh của anh.

Trận Cheo Reo coi như kết thúc vào trưa ngày 19 tháng Ba. Một phần của đoàn quân triệt thoái đã tan rã, số còn lại gồm cả quân và dân tháo chạy về Sông Ba để rồi lại bị kẹt cứng ở đó vì nạn cát lún trên dòng sông cạn.

Nếu đoàn quân thứ nhì rời khỏi Pleiku không dừng lại quá lâu ở Cheo Reo, ngoại trừ các đơn vị có trách nhiệm là Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh cùng Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân. Nếu đừng có chuyện Tướng Phú nửa chừng phân vân về lệnh của Tổng Thống Thiệu rút bỏ nhưng bỏ tới đâu. Thì trận Cheo Reo đã có thể đã khác đi. Theo tác giả, vào lúc ra lệnh cho Không Quân thả

bom phá bỏ chiến cụ nặng đồng thời đưa Chuẩn Tướng Cẩm - Đại Tá Lý về Tuy Hòa, là Tướng Phú đã ra dấu hiệu cho các đơn vị ở Cheo Reo toàn quyền tìm đường rút lui dựa theo sự nhận định tại chỗ của từng đơn vị trưởng.

Tại Sông Ba, tuy là lỗi của Công Binh đã không thám sát kỹ càng và không phản ứng kịp thời đối với sự cố cát lún trên lòng sông cạn, nhưng cũng không thể chối bỏ trách nhiệm liên đới của Tướng Phú, trong tư cách Tư Lệnh Quân Đoàn. Đứng ra Tướng Phú đã phải chỉ thị cho Tướng Cẩm hoặc Tướng Tất hay Đại Tá Lý đi thám sát cẩn thận suốt con đường số 7 trước, thì sẽ không xảy ra việc đáng tiếc ở Sông Ba.

Dựa vào lời kể của Tướng Tất, tác giả thấy rằng những hoạt động của lực lượng triệt thoái ở Sông Ba là tùy vào sáng kiến của từng đơn vị trưởng. Không ai đoan chắc có bao nhiêu đơn vị ở đó, và là những đơn vị nào. Phía trên không liên lạc được với phía dưới đất là do phía dưới chủ động. Tướng Tất bay phía trên liên lạc được với Chiến Đoàn Lô Hồ của Thiếu Tá Minh, còn gọi là Minh Đen cùng với Tiểu Đoàn Pháo Phòng Không của Quân Đoàn II, Tướng Tất đã dùng không yểm cho các đơn vị này về đến Tuy Hòa an toàn. Sau này Thiếu Tá Minh đã báo cáo với Bộ Tổng Tham

Mưu vị chỉ huy bay ở trên yểm trợ cho quân mình là Tướng Phú thay vì thật sự đó là Tướng Tất với danh hiệu truyền tin là Trường An mà Thiếu Tá Minh đã liên lạc được.

Tiếp theo, Tướng Tất liên lạc được với Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân của Thiếu Tá Trịnh Trân có 1 Chi Đoàn M113 tăng phái là cũng do... tình cờ họ gọi máy cho ông. Đây là một "tình cờ tốt đẹp", vì sau đó Thiếu Tá Trịnh Trân đã tuân lệnh Tướng Tất dẫn Biệt Động Quân và Thiết Kỳ tấn công lên ngọn đồi gần đó tiêu diệt một cụm cứ điểm mạnh của Việt Cộng đang liên tục pháo xuống đoàn quân Quân Đoàn II. Với thực tế lúc đó, tuân lệnh chỉ là tình nguyện hơn là bị bó buộc, nếu Thiếu Tá Trịnh Trân không tuân lệnh, thì đó sẽ chỉ là một "tình cờ xấu" mà thôi.

Lỗi lầm chiến lược bỏ Pleiku - KonTum của Tổng Thống Thiệu khiến cả Vùng 2 lọt vào tay địch. Lỗi lầm chiến thuật của Tướng Phú khiến Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II thất bại. Đa số vẫn lầm lộn giữa trách nhiệm làm mất Vùng 2 Chiến Thuật và trách nhiệm khiến Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II thất bại. Chính Tổng Thống Thiệu sau này tại Sài Gòn cũng đã lợi dụng sự lầm lộn này để đổ hết tội lên Thiếu Tướng Phạm Văn Phú.

Những người sau này phê phán rằng Thiếu Tướng Phạm Văn Phú chỉ có khả năng đủ "năm" Sư Đoàn, không thể làm Tư Lệnh Quân Đoàn được, là đã phê phán quá nặng nề và hiểu rất sai về Tướng Phú. Tác giả mạnh mẽ tin tưởng rằng Tướng Phú không phải là một chỉ huy thích dựa vào may

rủi!

Khi Tổng Thống Thiệu cho ông tự do quyết định trong Trận Ban Mê Thuột, để đối đầu với Tướng Việt Cộng Văn Tiến Dũng có quá nhiều quân trong tay với khả năng mở 2 mặt trận cùng một lúc, Tướng Phú đã không chấp nhận may rủi mà thủ chắc ở một đầu phía Bắc (Pleiku) với kế hoạch dự trữ hành quân bằng không vận giải cứu nếu Ban Mê Thuột bị tấn công. Chỉ tiếc là tới lúc đó thì phương tiện đã không còn nữa.

Nhưng khi Tổng Thống Thiệu tự mình quyết định cả Quân Đoàn II phải rút bỏ Kontum - Pleiku kèm theo lời hăm dọa cách chức và bỏ tù nếu ông không nghiêm chỉnh thi hành lệnh thì Tướng Phú đành chịu chấp nhận một cuộc hành quân dựa vào hai yếu tố "bất ngờ" và "rút nhanh" đầy may rủi. Tác giả tin rằng hai điều vừa nêu đã đủ để cho những người kia suy nghĩ lại.

ooo

Trước khi viết đoạn sau đây, về riêng cá nhân Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất, tác giả đoán biết trước vì bản thân từng là Tùy Viên của Tướng Tất nên rồi đây sẽ có một số người cho rằng tác giả không thể giữ cho ngòi bút khỏi nghiêng ngả. Cũng... hơi hơi đúng, nếu không có chuyện Tướng Phú đã bị chính những thuộc cấp trực tiếp viết bài đã phá ông sau này ở hải ngoại với cùng đề tài của cuốn sách này.

Tại sao hầu hết các bài, các sách đều nói rằng Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất là vị "ổng Chỉ Huy" hay đã "chỉ huy tổng quát" Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II?

Theo hệ thống quân giai của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, làm sao một tân Chuẩn Tướng lại có thể được chỉ định "chỉ huy tổng quát" một cuộc hành quân có sự hiện diện của một vị Chuẩn Tướng thâm niên hơn, nắm giữ chức vụ Tư Lệnh Phó Quân Đoàn cao hơn, đó là Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm?

Phía Bắc Cộng đã phổ biến lời khai của Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm như sau:

"Tướng Phú đòi buộc phải thực hiện cuộc triệt thoái nội trong 3 ngày kể từ ngày hôm sau. Ông và bộ tham mưu quân đoàn sẽ bay xuống Nha Trang để thiết lập bộ Tư lệnh tiền phương ngõ hầu điều nghiên kế hoạch đánh chiếm lại Ban Mê Thuột. Đoàn quân còn lại đặt dưới quyền chỉ huy của tôi và sẽ dùng đường bộ để rút lui ngày N. Cảnh quân thứ nhất gồm ba Liên đoàn Biệt Động Quân, một trung đoàn Thiết Giáp, một nhóm Công binh. Trách vụ của toán quân này là bảo

vệ Phú Bản và xây đắp con đường từ Phú Bản đến Tuy Hòa. Cánh quân thứ hai gồm phần còn lại của bộ chỉ huy Quân đoàn, ba Tiểu đoàn Pháo binh, Trung đoàn 21 Thiết Giáp trang bị toàn chiến xa M-48, hai đại đội cơ giới, và bộ binh. Cánh quân thứ ba gồm ba Liên đoàn Biệt động quân, một trung đoàn Thiết giáp, và Pháo binh yểm trợ. Không quân có kế hoạch riêng".

Đúng theo lời khai của Tướng Cẩm, thì Tổng Chỉ Huy là Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II Phạm Văn Phú, Chỉ Huy Tổng Quát cuộc triệt thoái là Tướng Tư Lệnh Phó Quân Đoàn Trần Văn Cẩm, và Chỉ Huy đoàn quân cuối cùng rời Pleiku là Tướng Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Quân Khu 2 Phạm Duy Tất.

Tướng Tất đã chấp nhận sự hiểu lầm này suốt 39 năm liền.

Còn đau hơn nữa cho là nhà báo Tây Pierre Darcourt đã thản nhiên kể như thật trong cuốn "Vietnam, Qu'as Tu Fait De Tes Fils? " một đoạn đầy hoang tưởng về cái gọi là "cuộc nói chuyện giữa Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam và Pierre Darcourt". Tác giả thú thực là chưa đọc nguyên tác của Pierre Darcourt mà chỉ đọc cuốn do ông Dương Hiếu Nghĩa dịch ra Việt ngữ với tựa "Mẹ Việt Nam ơi, Dân Ta Có Tội Tình Gì? ", như sau:

- Anh giải thích thế nào về sự sụp đổ đã xảy ra ở Miền Trung?

Tướng Nam chống tay lên thành ghế ông đang ngồi, và bực tức cắn nhai:

- Có rất nhiều lý do. Mà đầu tiên và trước hết là do ông Thiệu.

- Ở Tổng Tham Mưu Đại Tá Khôi nói với tôi người chịu trách nhiệm là Thiếu Tướng Phú.

- Không phải. Anh đã biết Tướng Phú còn hơn tôi nữa mà. Ông là một cấp chỉ huy có khả năng, bám trận địa như con rắn bám sát tóc vậy.

Không, ông không phải là loại người chuồn đi, bỏ lại cả một thành phố và toàn bộ chiến cụ nguyên vẹn như vậy. Trước khi đổ vỡ trách nhiệm cho cấp chỉ huy và cho lỗi lầm chính trị, có vài điểm kỹ thuật cần làm sáng tỏ: cuộc tổng tấn công của Bắc Cộng vào Vùng Cao nguyên đã được chờ đợi từ nhiều tuần lễ rồi. Nhưng vì thiếu tin tức chính xác về những cuộc điều quân hay di chuyển của các đơn vị cộng sản Bắc Việt xuyên qua rừng rậm, Tướng Phú nghĩ cũng đúng là nỗ lực chính của Cộng quân là phải nhắm vào Kontum hay Pleiku, nằm ngay ở phía Bắc, và ông ta đã tập trung phần lớn lực lượng

vào hai thành phố này. Xui cho ông, Bắc Việt lại tấn công vào Ban Mê Thuột, nơi mà quân trú phòng chỉ có một trung đoàn và vài Liên đoàn Biệt Động Quân mà phải đương đầu với cả 3 sư đoàn Cộng sản! Sau đó cộng sản cắt hết các con đường giao thông chính trên Cao Nguyên. Phản ứng đầu tiên của Tướng Phú là phản công. Ông ta cho trực thăng vận 300 binh sĩ Dù và một Liên đoàn Biệt Động Quân đổ xuống chiếm lại hai phi trường ở Ban Mê Thuột, và sau đó đã cố gắng vào được thành phố và tảo thanh thị trấn. Trong một vài giờ, Ban Mê Thuột đã biết được một không khí thật sự vui mừng, một cái gì mừng tượng như lúc thủ đô Ba Lê được giải phóng. Dân chúng vẫy cờ hoan hô các binh sĩ của Chánh Phủ. Các chủ vườn

cao su đem rượu cỏ nhác ra uống mừng chiến thắng. Nhưng sau đó, đùng một cái, theo lệnh từ Sài Gòn chuyển lên, lực lượng Miền Nam được lệnh rời thành phố. Hai sư đoàn Bắc Việt khép kín họ lại và đã tiêu diệt họ.

Còn ở Kontum và Pleiku: còn 2 trung đoàn thuộc Sư đoàn 23 Bộ binh. Pleiku là một căn cứ Không quân quan trọng của một Sư đoàn Không quân, không thiếu một thứ gì từ lương thực đến đạn dược. Tướng Phú đã quyết định đánh và kháng cự. Ông ta đã xác định với các sĩ quan của ông như vậy. Tuy nhiên ngày 14 tháng 3, Tổng Thống Thiệu gọi ông về Cam Ranh và cho lệnh ông phải lui quân. Bây giờ chúng tôi biết được là cuộc bàn cãi rất là sôi động đầy sóng gió. Tướng Phú đã từ chối không thi hành lệnh. Ông ta đã nói thẳng với Tổng Thống Thiệu: "Tôi đã đáng giặc đã 23 năm rồi, và tôi chưa bao giờ biết lui quân. Hãy tìm một người khác để chỉ huy "cuộc chạy trốn này". Nói xong ông vút khẩu súng lục của ông trên bàn và ra khỏi phòng họp, đóng sầm cửa lại. Và sau đó ông bay về Nha Trang, khai bệnh vào nằm bệnh viện. Chuyện đâu có khó khăn gì với ta đâu, vì anh cũng biết là ông ta luôn luôn bị khó chịu với hai lá phổi của ông.

- Đại Tá Khôi lại xác định với tôi là Tướng Phú đã bay về Pleiku và đã ra lệnh triệt thoái vài giờ sau đó.

- Đó là luận thuyết chính thức. Bộ Tổng Tham Mưu quả quyết là khi về đến Pleiku, Tướng Phú đã nói với Tư Lệnh phó của ông "tôi cho ông hay một bí mật lớn, là chúng ta sẽ phải sớm di tản hết các vị trí của chúng ta". Vị tư lệnh phó này lập tức báo tin cho các sĩ quan, và cuộc triệt thoái được thi hành ngay lúc đó. Tôi đã gặp Tướng Phú ở Sài Gòn ngày hôm kia, ông ta đã xác nhận với tôi là ông ta đã không bao giờ ra lệnh triệt thoái.

Dù sao thì giải pháp tốt đẹp duy nhất là nên giao cho Tướng Phú

một nhiệm vụ hy sinh bằng cách cho lệnh ông phải tử thủ tại chỗ để bảo vệ Pleiku, nhằm mục đích mua thời gian và để cho dân chúng và các Liên đoàn Biệt Động Quân rút đi trong vòng trật tự, như thế thì mới tránh được cái dịch hốt hoảng đã đầu độc cả nước.

- Như vậy thì ai ra người ra lệnh triệt thoái?

- Chính là ông Thiệu. Sau khi Tướng Phú đã từ chối không thi hành lệnh, Tổng Thống Thiệu đã báo động cho Đại Tá Tất, tư lệnh phó của ông Phú, một sĩ quan Biệt Động Quân và giao cho ông này chức vụ Tư lệnh Vùng.

Được Tổng Thống liên lạc thẳng, Tướng Tất đã sốt sắng thi hành lệnh, và cho bắt đầu ngay cuộc hành quân triệt thoái, mà không cho tiến hành phá hủy một kho tàng nào. Anh ta đã để lại nguyên vẹn sáu tháng lương thực, một nửa các khẩu pháo và nặng nhất là để nguyên lại 40 chiếc phi cơ và trực thăng còn tốt. Tổng Thống Thiệu đã phạm một lỗi về xét đoán nhân sự không thể nói được khi ông giao quyền chỉ huy cho Đại Tá Tất. Tôi biết anh này quá nhiều, ông ta là một sĩ quan can đảm, một chuyên về tác chiến lưu động, đột kích hay phá hoại, nhưng anh ta không được đào tạo hay huấn luyện một tí gì để có thể hướng dẫn một cuộc hành quân loại triệt thoái rất tế nhị và quan trọng này.

Tổng Thống Thiệu cũng phải gánh hoàn toàn trách nhiệm trong việc bỏ thành phố Huế và Vùng I Chiến Thuật. Tướng Trưởng có ba Sư đoàn ưu tú để lo phòng thủ Vùng này, Sư đoàn 1 Bộ binh, Sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến, và Sư đoàn Dù. Nhưng ngày 20 tháng 3, Tổng Thống Thiệu vì sợ bị đảo chánh, nên đã cho rút Sư đoàn Dù đưa ngay về Sài Gòn làm cho Tướng Trưởng đứng trước một lỗ hổng quá rộng trong hệ thống phòng thủ của ông. Vì chỉ với 2 Sư đoàn mà ông phải tái phối trí cho một tuyến phòng thủ dài 150 cây số ngàn. Do đó mà ông phải quyết định thu gọn lực lượng về tuyến phòng thủ Đà Nẵng, lực lượng quân sự ưu tiên lui về trước. Trong lúc các đơn vị đang trên đường di chuyển, Tổng Thống Thiệu lại cho lệnh phải rút lui trở lại Huế, nhưng Cộng sản Bắc Việt đã chặn đường trở lại Huế ở khoảng Đèo Hải Vân. Trước hết Sư đoàn 1 đã đánh một trận khốc liệt để tái chiếm Đèo Hải Vân và tái lập lưu thông trở lại. Nhưng vô phước là làn sóng dân chúng chạy loạn như nước vỡ bờ đã phá tan hàng ngũ của Sư đoàn 1. Có nhiều binh sĩ quá lo âu cho số phận gia đình mình nên đã bỏ hàng ngũ, còn một số khác thì đào ngũ hẳn. Vị tư lệnh Sư đoàn 1 ở Đà Nẵng đã cố gắng nắm lại Sư đoàn của mình nhưng đã bị một anh phản loạn đánh gục.

Thiếu Tướng Nam đứng dậy, vươn vai và đi vài bước trong phòng. Sau vài phút im lặng, ông lại ngồi xuống và tiếp tục:

- Tổng Thống Thiệu bị ám ảnh vì sự bỏ rơi hèn hạ của người Mỹ. Tôi tin chắc là ông ta muốn bi thảm hóa tình hình bất thần như vậy, hy vọng là Tổng Thống Ford sẽ vượt qua được một mức độ khó khăn nào đó để đi đến quyết định phải gửi các oanh tạc cơ hạng nặng qua giúp VNCH. Nhưng sự việc sau đó đã cho thấy là ông tính toán sai. Và chúng ta đã mất mát quá nhiều trong vấn đề đó. Biện pháp hữu hiệu nhất để thuyết phục Quốc Hội và Nhà Trắng, là chúng ta phải chiến đấu tại chỗ cho đến viên đạn cuối cùng. Chính bọn Cộng Sản Bắc Việt cũng không tin là chúng sẽ chiến thắng dễ dàng như vậy. Bằng chứng hùng hồn nhất là cả 4 sư đoàn trừ bị chiến lược của Miền Bắc chỉ mới vượt qua vĩ tuyến 17 trong tuần lễ vừa qua.

Tướng Nam nắm chặt lấy cánh tay tôi và nói thêm:

- Chúng tôi đã theo Tổng Thống Thiệu mười năm nay rồi. Nhưng bây giờ thì ông ta đã làm chúng tôi mất cả niềm tin rồi. Ông sống chui rúc trong Dinh Độc Lập và lấy quyết định một mình không chịu tham khảo với ai hết. Ông ta chỉ nghe có một mình Tướng Quang, cố vấn quân sự của ông ta, một con heo mập lúc nào cũng nịnh hót ông ta và không nói trái lời ông ta bao giờ. Tôi không tin là ông ta sẽ còn khả năng vượt qua được các biến cố. Các tướng lãnh đã nổi giận rồi và quân đội xấu hổ quá rồi.

- Bây giờ anh định làm gì? Lật đổ ông ta chăng?

- Dù gì cũng không phải tôi đâu. Tôi chỉ là một quân nhân. Nghề nghiệp của tôi là tác chiến và tôi tiếp tục tác chiến. Đối với tôi chính trị là một cái gì dơ bẩn, tôi không muốn phải lội vào đó".

Độc giả có tin được những lời đối thoại nói trên là của chính Tướng Nguyễn Khoa Nam không? Tác giả thì không tin chút nào hết, vì nó khác quá xa với thực tế. Theo câu chuyện trong sách dịch của ông Dương Hiếu Nghĩa, ngày 7 tháng Tư 1975 Pierre Darcourt đến Bộ Tham Mưu gặp Đại tá Khôi hỏi về Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II. Không hài lòng với cách trả lời của ông Khôi, Pierre Darcourt lại đi tìm Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn IV. Như vậy cuộc đối thoại nói trên (nếu có) thì phải xảy ra sau ngày 7 tháng Tư 1975, là lúc Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn

II đã kết thúc hơn 2 tuần lễ. Mọi người đã biết diễn tiến tổng quát của nó rồi, huống chi Tướng Nguyễn Khoa Nam?

Pierre Darcourt được giới thiệu là một cựu Nhảy Dù Pháp trong thời 1945 - 1954 ở Việt Nam. Ông ra đời tại Sài Gòn, tốt nghiệp Cao Đẳng Luật và Lịch Sử từ Đại Học Hà Nội, sau cùng là Phóng Viên của những tổ chức truyền thông có tầm vóc như l'Express, l'Aurore, Sud Ouest, Jiji Press v.v... Xuyên qua cuốn "Mẹ Việt Nam ơi, Dân Ta Có Tội Tình Gì" dịch từ nguyên tác "Vietnam, Qu'as Tu Fait De Tes Fils?" của ông, thì ông đã viết không những chỉ với sự hiểu biết mà còn với tấm chân tình sâu đậm của mình đối với Miền Nam Tự Do. Rất tiếc, chỉ một đoạn ngắn ở trên đã khiến tác giả phải suy nghĩ lại về nhiều chi tiết thuộc loại ít người biết mà ông đã đưa vào sách. Một vài người viết gốc Việt cũng đã vì muốn phản bác sự lên án oan nghiệt đối với Tướng Phú, đã dùng cách như Pierre Darcourt: Dùng Tướng Tất làm "dê tế thần" thay cho Tướng Phú! Nhưng trong trường hợp của Pierre Darcourt, ông ta còn làm tổn hại đến Tướng Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn IV.

Về Tướng Phú và Tướng Tất, hai ông Tướng này thân nhau gần như anh em ruột thịt. Tổng Thống Thiệu họa là loạn trí rồi mới gọi Tướng Tất cho thăng lên làm Tư Lệnh Quân Đoàn thay thế Tướng Phú chỉ huy cuộc triệt thoái! Và theo hệ thống quân giai thì Tướng Cẩm là vị chỉ huy cao thứ nhì của Quân Đoàn II, lúc đó Tướng Cẩm bị bốc hơi biến mất chẳng? Hơn nữa còn có Sư Đoàn 22 Bộ Binh do Thiếu Tướng Phan Đình Niệm làm Tư Lệnh, là Tướng 2 sao trên cả Chuẩn Tướng Cẩm.

Tướng Tất cũng cần rặng im lặng chịu đựng sự hiểu lầm do Pierre Darcourt gây ra trong 39 năm qua. Trong 39 năm này cũng không thiếu gì người đã trách Tướng Tất "nằm trong tay 8 Liên đoàn Biệt Động Quân", tức ngang với quân số của 2 Sư Đoàn Bộ Binh nhưng đã không làm gì được cho Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II khỏi thất bại.

Tác giả hỏi Tướng Tất, ông giải thích lúc đó Quân Khu 2 quả là có tới 8 Liên đoàn Biệt Động Quân hiện diện, gồm 5 Liên Đoàn cơ hữu và 3 Liên Đoàn Tổng Trừ Bị được Sài Gòn tặng phái cho Quân Đoàn II. Nhưng trước Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II thì Liên Đoàn 24 đã tặng phái cho tỉnh Quảng Đức, Liên Đoàn 21 thì đã tặng phái cho Sư Đoàn 23 Bộ Binh và vẫn còn đang kẹt trong Trận Ban Mê Thuột. Trong Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II, Liên Đoàn 6 mở đường với Công Binh do Quân Đoàn chỉ huy, Liên Đoàn 23 tặng phái cho Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh. Khi Bộ Tư Lệnh Tiền

Phương Quân Đoàn II di chuyển xuống Cheo Reo do Tướng Cẩm chỉ huy, cũng đã điều động Liên Đoàn 7 theo để trấn giữ Đèo Tuna.

Tướng Tất chỉ còn 3 Liên Đoàn 4, 22 và 25.

Riêng Liên Đoàn 25 với 2 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân mà quân số tham chiến chỉ khoảng 500 binh sĩ, nghĩa là chỉ bằng 1 Tiểu Đoàn Tiếp Ứng mà

phải chặn cả Sư Đoàn 968 CSBV tại Thanh An, nên bị thiệt hại chỉ còn lại khoảng nửa quân số (250 người). 1 Tiểu Đoàn còn lại của Liên Đoàn thì đang phải trấn thủ Trại Pleime.

Nghe tới 8 Liên đoàn Biệt Động Quân thì thấy quá sức mạnh mẽ, nhưng trên thực tế sức mạnh đó bị phân tán, vì vậy mới thấy rõ sự thiếu sót trong việc tạo lập thành Binh Đoàn là quan trọng. Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân đang đóng tại Kontum, Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân đang đối đầu với Trung Đoàn 95 B CSBV tại Suối Đồi, phía Đông Pleiku. Sau khi gom quân lại, Tướng Tất chỉ có trong tay 2 Liên Đoàn rưỡi.

Ba ngày đầu tiên trong kế hoạch rút quân, Tướng Tất lãnh nhiệm vụ trấn giữ Pleiku, không để cho quân Bắc Cộng từ 2 mặt trận phía Tây và Đông vượt qua được các đơn vị đã rút bằng cách đóng 1 cái chốt ngay Ngã Ba Hàm Rồng, chặn phía sau cho đoàn quân Quân Đoàn II rút an toàn về Cheo Reo. Ông ta đã hoàn thành được nhiệm vụ này. không được giao (hoặc chưa được giao) cho bất cứ nhiệm vụ gì từ Cheo Reo đến Củng Sơn, Sông Ba, cũng như từ Sông Ba về Tuy Hòa; ngoài nhiệm vụ dẫn đoàn quân của mình rút một mạch từ Pleiku về Tuy Hòa, rồi Nha Trang.

Đoàn quân cuối cùng rút khỏi Pleiku vào ngày 18 tháng Ba được Tướng Tất phối trí như sau: Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân từ Kontum xuống đi đầu, giữa là Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân cùng 1 đơn vị Thiết Kỳ, cuối cùng là Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân.

Lúc này phần đầu đoàn quân Tướng Cẩm chỉ huy gồm cả ngàn chiếc xe quân sự lẫn dân sự đã qua khỏi Cheo Reo, và đã bị một đơn vị nhỏ của Sư Đoàn 320 CSBV chặn đánh ở phía Tây Nam Cheo Reo vào cuối ngày 17 tháng Ba. Qua ngày 18 khi đoàn quân Tướng Tất tới Cheo Reo, thì cả Sư Đoàn 320 CSBV mới kịp tràn tới đây. Liên Đoàn 22 Biệt Động Quân đi đầu vừa vượt qua khỏi Cheo Reo, Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân chia thành 2 nhánh đang cố gắng đánh xuyên qua, Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân đi sau cùng với quân số chỉ còn khoảng phân nửa sau khi bị Trận Thanh An, thì kẹt hẳn ở phía sau.

Theo Tướng Cẩm:

" Vào 5 giờ chiều, Tướng Phú gọi điện thoại từ Nha Trang cho biết:" Không xong rồi. Các anh đừng có trì hoãn lại, nếu không sẽ bị tiêu diệt. Hãy tháo chạy cho mau. Hãy phá hủy xe cộ để dễ dàng tẩu thoát. " Ông ra lệnh cho tôi đem Bộ tham mưu tới Tuy Hòa và giao lại các đơn vị và xe cộ cho Chuẩn Tướng Tất. Lúc 6 giờ chiều một máy bay do Tướng Phú gửi tới chở tôi và 14 sĩ quan khác đi. Trong suốt cuộc hành trình phi cơ chúng tôi bị bắn theo không ngừng".

Tướng Tất cho biết, Tướng Cẩm là người sau cùng của Bộ Chỉ Huy Cuộc Triệt Thoái rời Cheo Reo, ông đã dùng trực thăng riêng của mình để bốc Tướng Cẩm đưa về Tuy Hòa. Và sau khi từ Tuy Hòa bay trở lại, Tướng Tất không còn liên lạc được với những đơn vị phía dưới! Tại sao?

Tác giả đã từng đặt câu hỏi "Tại sao" này với Tướng Tất, và ông đã trả lời một cách rất dè dặt là không thể trả lời thay các đơn vị trưởng ở phía dưới. Nhưng tác giả thì tự có câu trả lời cho riêng mình." Không xong rồi. Các anh đừng có trì hoãn lại, nếu không sẽ bị tiêu diệt. Hãy tháo chạy cho mau. Hãy phá hủy xe cộ để dễ dàng tẩu thoát.", với một lệnh như vậy thì có lẽ Tướng Phú đã chịu chấp nhận một thực tế đau lòng là đòn quân của ông tại Cheo Reo không đủ sức chống trả lại quân Bắc Cộng, và nếu đã như vậy thì ông chỉ còn mỗi cách: Không ra lệnh mà để cho các đơn vị trưởng ở chiến trường tự do quyết định dựa theo thực tế tại chỗ hầu cứu lấy binh sĩ thuộc quyền. Tướng Phú không còn muốn ràng buộc các đơn vị nữa mà áp dụng đúng theo câu nói bình dân" Bỏ của chạy lấy người"!

Vì vậy, không ngần ngại rút Tướng Cẩm và Bộ Chỉ Huy Cuộc Triệt Thoái ra khỏi Cheo Reo, đồng thời ra lệnh Không Quân tới oanh tạc phá hủy hết các chiến cụ nặng trên đường số 7. Các đơn vị trưởng chứng kiến hai sự kiện này, dù không trực tiếp nghe được lệnh của Tướng Phú cho Tướng Cẩm, thì vẫn hiểu được vị Tư Lệnh Quân Đoàn đã gián tiếp cho phép họ " Tháo chạy cho mau". Do đó lệnh "... đem Bộ tham mưu tới Tuy Hòa và giao lại các đơn vị và xe cộ cho Chuẩn Tướng Tất" chỉ hợp lý có phần nửa đầu, nửa sau đâu có nghĩa gì nữa?

Bộ Tham Mưu của Tướng Cẩm di chuyển về Tuy Hòa, chuyện này thực hiện dễ dàng với vài chiếc trực thăng, và đã xảy ra. Giao lại các đơn vị và xe cộ cho Chuẩn Tướng Tất, xe cộ thì ngay sau đó đã có những phi tuần tới bỏ bom tiêu hủy để khỏi lọt vào tay địch quân, nhưng còn các đơn vị thì

sao? Các đơn vị có nhiệm vụ tham chiến ở Cheo Reo (Lữ Đoàn 2 của Đại Tá Đồng và Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân của Đại Tá Biên) có nhận được lệnh từ Tướng Cẩm hay Tướng Phú là đơn vị của họ từ nay sẽ trực thuộc quyền chỉ huy của Tướng Tất không? Nếu không, việc họ không trả lời Tướng Tất có thể thông cảm được, vì đang chạm trán dữ dội với một lực lượng cấp Sư Đoàn của Bắc Cộng, tại sao phải chịu khó trả lời một vị Tướng mà đơn vị họ không thống thuộc? Đó là chưa kể Đại Tá Biên từ lúc chạm địch cho tới sáng hôm sau, 19 tháng Ba, đã không hề liên lạc được với Đại Tá Đồng, Tư Lệnh Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh, là đơn vị chỉ huy trực tiếp Liên Đoàn 23 Biệt Động Quân.

Hơn nữa tinh thần của 2 đơn vị nói trên như thế nào sau khi thấy Bộ Chỉ Huy của Tướng Cẩm đã rút đi, và đoàn xe cùng chiến cụ nặng vừa bị máy bay Việt Nam Cộng Hòa thả bom tiêu hủy? Ngồi sao gần trên cổ áo Tướng

Tất chẳng những đã không giúp được gì cho ông trong Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II, trái lại còn gây thành sự đổ kỵ! Tại sao Đại Tá Đồng tỏ ra khó chịu, không muốn tiếp Tướng Tất vài ngày trước, khi ông Tất đáp máy bay xuống thăm ông Đồng? Và rồi sau này ở Little Sài Gòn, California, Đại Tá Lê Khắc Lý Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn II cho rằng đáng lý ông phải được thăng chức Tướng trước cả Chuẩn Tướng Tất!

Sau trận Ban Mê Thuật, Quân Khu 2 chỉ còn lại hai lực lượng chính: Biệt Động Quân và Thiết Kỳ. Không phối hợp được 2 lực lượng này đã tạo thành một khiếm khuyết vô cùng lớn. Tướng Tất chấp nhận vì mình là Tướng Biệt Động Quân, không mang được lực lượng Biệt Động Quân an toàn về tới Nha Trang như dự định, thì đó là lỗi của ông rồi. Tuy nhiên, công bình mà nói thì, ông ta làm được gì lúc đó? Đơn vị cuối cùng tại Kon Tum là Biệt Động Quân: Liên Đoàn 22! Đơn vị cuối cùng tại Pleiku cũng là Biệt Động Quân: Liên Đoàn 25! Vị Tướng cuối cùng trấn thủ Pleiku cho Quân Đoàn II rút đi trước cũng thuộc binh chủng Biệt Động Quân: Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất!

Tướng Phú khi nghĩ đến tác chiến, ông ta nghĩ tới Tướng Tất trước nhất. Đó là lý do tại sao ở Cheo Reo chiều 18 tháng Ba, Tướng Phú ra lệnh cho Tướng Cẩm và Bộ Chỉ Huy của ông rút về Tuy Hòa, giao Cheo Reo lại cho Tướng Tất. Luôn giao việc nặng nề, nguy hiểm cho Tướng Tất, nhưng ông Phú cũng rất ưu ái ông Tất. Tướng Tất rất bức mình về việc đài phát thanh ở Sài Gòn "Cứ ra rả loan tin Tướng Tất đang chỉ huy đoàn quân rút khỏi Cao Nguyên". Theo ông, điều này không đúng sự thật và ông thì cứ lo ngại

vì vậy các vị ở Sài Gòn sẽ "gõ" đầu mình. Tác giả nghĩ, chỉ có chính Tướng Phú nói vậy thì đài phát thanh mới lập lại như vậy, và Tướng Phú nói vậy không ngoài mục đích muốn "đánh bóng" Tướng Tất, là người mà ông vừa yêu cầu Tổng Thống cho thăng cấp Tướng.

Sự ưu ái của Tướng Phú không ngờ sẽ thành một "gia tài oan nghiệt" cho Tướng Tất sau khi Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II bị thất bại. Tướng Tất đã phải ôm "gia tài oan nghiệt" này mãi đến ngày nay. Sau đêm 18 tháng Ba ở Cheo Reo, ngày nào Tướng Tất cũng dùng trực thăng bay trở lại những địa điểm từ Cheo Reo đến Sông Ba, từ Sông Ba về đến Tuy Hòa. Ông không nói ra nhưng tác giả hiểu Tướng Tất bay vì tinh thần trách nhiệm buộc ông không thể ngồi yên một chỗ, vả lại tánh ông trước giờ là phải di chuyển hoạt động bên ngoài, không thể ngồi yên một chỗ trong văn phòng, tuy nhiên ông có biết rõ mình phải làm gì hay không với tinh thần rồi bởi lúc bấy giờ? Chưa chắc. Ngoài việc gọi các phi tuần đánh bom "cover" cho những đơn vị còn lại phía dưới từ Sông Ba rút về Tuy Hòa. Cùng trận đánh cuối cùng của ông là đưa Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân và Chi Đoàn M113 đánh lên một ngọn đồi trong khu vực giữa Sông Ba và Tuy Hòa.

Kết quả của Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II chắc chắn là tệ hại, không cần phải bàn cãi tới lui gì. Một trong những tệ hại ấy là những thiệt hại về quân số mà chiếu theo các bản báo cáo, các bản tin truyền thông, của cả Việt lẫn Mỹ thì cao vô cùng.

Tướng Tất là một nhân vật trong cuộc, lại ở thượng tầng chỉ huy, nhưng sau khi cuộc triệt thoái kết thúc thì chẳng bao lâu sau đã đi tù Cộng Sản, ông không có dịp kiểm chứng lại cho chính xác. Mãi khi sang được Hoa Kỳ, sau thời gian "lao động tốt" để ổn định cuộc sống mới

cho gia đình trên xứ người, gần đây ông mới có dịp gặp lại một số chiến hữu Biệt Động Quân ngày xưa. Ông Tất kể, những vị từng chỉ huy các cấp Tiểu Đoàn, Liên Đoàn, trong vụ triệt thoái của Quân Đoàn II trước đây nhưng đơn vị không có đưng lớn đều xác nhận thiệt hại nhân sự không nhiều nhưng binh sĩ tập hợp lại thì ít. Khi làm báo cáo, làm tin tức, người ta chỉ ước lượng cấp số của các đơn vị rồi so sánh con số binh sĩ trình diện để tính thành tổng số tổn thất nhân sự. Do vậy đã có sự chênh lệch từ con số của bảng cấp số và con số nhân sự thật sự của các đơn vị trước khi cuộc

triệt thoái diễn ra. Chưa kể là không có mấy người để ý đến việc bảng cấp số binh sĩ của Liên Đoàn Biên Phòng thấp hơn Liên Đoàn Tiếp Ứng khá xa. Ông Tất cho biết, gặp lại và nghe anh em Biệt Động Quân kể chuyện, ông biết chắc con số tổn thất không đến nỗi cao như mọi người tưởng trước đây. Và ông rất mừng rỡ, đến nỗi quá nửa đêm còn bốc điện thoại gọi và kể ngay cho tác giả. Có lẽ đêm đó ông Tướng đã ngủ được một giấc ngon lành.

Một phần khác, đã có nói sơ sài ở một phần trên, là con số lính gốc thiếu số (người Thượng) của các Liên Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng ở Vùng 2. Có lẽ khỏi cần phải giải thích dông dài, ai cũng biết họ sẽ không bao giờ chấp nhận bỏ rừng núi để cùng đơn vị di chuyển vào một Vùng Chiến Thuật khác ở đồng bằng phía Nam. Con số này chắc chắn không nhỏ. Tác giả đặc biệt chú ý tới trường hợp của Thiếu Tá Trịnh Trân và Thiếu Tá Vương Mộng Long. Ông Trân đã mang được trọn vẹn Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân về đến Sông Ba, đơn vị của ông trở thành lực lượng chính tấn công lên ngọn đồi cạnh đó, thanh toán sạch sẽ một Đại Đội địch quân tấn kích xuống đoàn quân rút lui đang vượt sông phía dưới.

Riêng Tiểu Đoàn 82 của ông Long thì càng "dữ dằn" hơn nữa. Từ Quảng Đức băng rừng về tới Xuân Lộc nguyên vẹn, đã vậy còn nhập vào lực lượng của Tướng Lê Minh Đảo đánh những trận để đời tại đây. Thiếu Tá Trịnh Trân, Thiếu Tá Vương Mộng Long, chỉ với việc giữ được tất cả binh

sĩ nguyên vẹn với đơn vị, là đã chứng tỏ được khả năng chỉ huy "ngon lành" của mình rồi.

ooo

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu luôn kiên định với chủ trương "Bốn Không" trong đó có "Không nhường một tấc đất cho Cộng Sản"!

Chủ trương của Tổng Thống, nguy thay, dựa hoàn toàn vào sự duy trì viện trợ của người Mỹ và sự hứa hẹn của họ sẽ yểm trợ mạnh mẽ bằng Không Quân Mỹ nếu phía Cộng Sản không tuân thủ Hiệp Định "Không Hòa Bình" Paris, ngoài ra Tổng Thống không có một giải pháp phòng bị nào hết. Vì vậy, tác giả không hiểu Tổng Thống là một nhân vật làm chính trị hay Tổng Thống vẫn là một nhà quân sự đang nắm quyền lãnh đạo quốc gia?

Tổng Thống biết rất rõ người Mỹ đang thay đổi chính sách của họ đối với Việt Nam, dĩ nhiên cũng thay đổi luôn đối với Chính phủ Nguyễn Văn Thiệu, từ lúc Tổng Thống bị họ làm áp lực phải ký vào Hiệp Định "Không

Hòa Bình" Paris. Nhưng phía Việt Nam Cộng Hòa dưới quyền lãnh đạo của Tổng Thống thì vẫn chưa có chuẩn bị ngoài nỗ lực níu kéo họ.

Cuối năm 1974 quân Bắc Cộng đánh chiếm được tỉnh Phước Long. Họ đã có vùng đất rộng lớn làm cứ điểm để áp sát thủ đô Sài Gòn, nay thì họ cần con đường chuyển vận nhanh hơn nhằm đưa quân, chiến cụ, và tiếp liệu vào Miền Nam Tự Do bằng đường mòn Hồ Chí Minh nối vào quốc lộ 14 dẫn xuống Phước Long mà không cần phải đi qua lãnh thổ Kam Pu Chia. Việt Nam Cộng Hòa mất tỉnh Phước Long, Chính phủ Mỹ không phản ứng. Tổng Thống Thiệu cũng làm ngơ, không hề có ý định tổ chức hành quân tái chiếm. Như vậy chủ trương "Bốn Không" của Tổng Thống đã lung lay rồi, Tổng Thống dư biết âm mưu nói trên của Bắc Cộng nên vào dịp Tết 1975 khi Tổng Thống lên Tây Nguyên thị sát và ăn Tết cùng binh sĩ thì Tổng Thống đã nhấn mạnh đến điều này, đồng thời cổ vũ tinh thần cho họ quyết giữ vững tay súng, "Nếu Cộng sản đánh lớn chúng ta sẽ thắng lớn, tôi luôn sát cánh với anh em"!

Nhưng Tổng Thống và Bộ Tổng Tham Mưu sau đó đã làm gì để giúp cho binh sĩ chiến đấu ngoài tiền tuyến có đủ điều kiện tạo thành "thắng lớn", ngoại trừ kêu gọi và cổ vũ họ? Hai điều kiện cần và đủ là Tiếp Vận và lực lượng Tổng Trừ Bị. Tiếp Vận thì Bộ Tổng Tham Mưu đã sẵn sàng cho từ 2 đến 6 tháng, sau đó thì chưa biết được vì Mỹ cắt viện trợ.

Lực lượng Tổng Trừ Bị để sẵn sàng tiếp ứng, quân đội Việt Nam Cộng Hòa chỉ có 2 Sư Đoàn Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến, cả hai đều kẹt tại Vùng 1 Chiến Thuật. Tác giả được biết Bộ Tổng Tham Mưu đã nghĩ tới

những điều này: Thành lập thêm 1 Lữ Đoàn cho Sư Đoàn Nhảy Dù - Thành lập thêm các Liên Đoàn Biệt Động Quân cơ hữu cho các Vùng Chiến Thuật - Thành lập thêm các Liên Đoàn Tổng Trừ Bị - Chuẩn bị kết hợp Biệt Động Quân thành cấp Sư Đoàn.

Thành lập thêm 1 Lữ Đoàn Dù và các Liên Đoàn Biệt Động Quân thì đã được thực hiện. Đây là một điểm son của Bộ Tổng Tham Mưu. Nhưng từ năm 1973 đến 1975 chẳng thấy có Sư Đoàn Biệt Động Quân nào ra đời. Tác giả cũng biết thành lập Sư Đoàn cần có thời gian và nhiều điều kiện khác, nhưng cứ ngồi chờ người Mỹ duyệt bảng cấp số, tiếp vận, khí cụ, thì cũng ỷ lại quá đáng. Sao không thể du di trong phạm vi có sẵn của chúng ta và đi trước một bước? Các Liên Đoàn Biệt Động Quân đã có sẵn, tạm thời cũng rất dễ thành lập các Bộ Chỉ Huy Chiến Đoàn, Binh Đoàn để chỉ huy thống nhất các Liên Đoàn vẫn hữu hiệu hơn, tại sao không làm? Trong

3 năm không làm, nhưng sau khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức thì Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Việt Nam Cộng Hòa, đã tự thành lập được ngay 2 Sư Đoàn Biệt Động Quân 101 và 106 trong chỉ nội tháng Tư 1975. Phải chăng việc thành lập các Sư Đoàn Biệt Động Quân trước đó đã bị chính trị nội bộ Sài Gòn ảnh hưởng tới?

Tác giả vẫn luôn luôn nhớ rằng lý do chính yếu khiến Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ là vì người Mỹ cắt viện trợ, tuy nhiên luận tội phải dựa vào lẽ công bằng. Dinh Độc Lập và Bộ Tổng Tham Mưu đã có khi nào đưa ra được những sáng kiến nhằm chứng tỏ chúng ta sẽ lần hồi bớt dựa vào viện trợ của họ hay chưa? Hay phía chúng ta đã vẫn cứ trơ trơ ra, khiến người Mỹ thấy rằng họ phải tiếp tục có bổn phận viện trợ bất tận cho chúng ta? Tổng Thống tuyên bố "Chúng ta phải đánh giặc theo kiểu con nhà nghèo", đây chưa phải là sáng kiến. Lời tuyên bố thì vẫn cứ là tuyên bố suông! Tuyên bố rồi...thì thôi, không có một nỗ lực nào cụ thể để giải quyết vấn đề. Nếu có thì chỉ là bàn luận dai dẳng không đi tới đâu, những cuộc bàn bạc kéo dài sặc mùi quan liêu, đầy cộm tinh thần lệ thuộc chỉ biết trông ngóng viện trợ Mỹ, cho đến khi quân đội Việt Nam Cộng Hòa tan rã.

Câu hỏi mà Dinh Độc Lập và Bộ Tổng Tham Mưu cần phải trả lời là: Nếu không có viện trợ Mỹ thì Việt Nam Cộng Hòa sẽ thôi đánh giặc Cộng sản hay sao?! Tổng Thống và Đại Tướng đã trả lời không thông, anh em binh sĩ đành trở thành những chiến binh bại trận, nuốt ngậm oan hồn cho đến tận ngày vĩnh viễn ra đi. Khi đang viết cuốn sách này, tác giả giở lại tờ báo cũ Hồn Việt phát hành tại San Diego - California vào cuối năm 1976, đăng bài "Tài Liệu Bỏ Quên Trên Bàn Ông Đại Tướng" trong đó có bản tường trình của Thiếu Tướng Phạm Văn Phú về vụ Triệt Thoái Quân Đoàn II, xen lẫn những bút phê kết tội ông Phú của chính Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Đọc, thì nổi tức giận xưa cũ lại tràn về. Tổng Thống đã đặt rất nhiều câu hỏi "Tại sao" ghi xen đoạn lên bản tường trình của Tướng Phú, nhưng

tại sao Tổng Thống đã không hỏi "Tại sao" với chính mình, chẳng hạn như "Tại sao Tôi đã khẳng khái ra lệnh Quân Đoàn II phải triệt thoái khỏi Tây Nguyên?", và "Tại sao Tôi đã không thỏa nguyện cho Tướng Phú tử thủ và thà chết với binh sĩ ở Pleiku?". Và cuối cùng, tại hải ngoại, là "Tại sao Tôi đã đổ tội oan lên Tướng Phú để ông ta phải uất ức tự sát ở Sài Gòn?!!!!

Tờ Hồn Việt phát hành ở Hoa Kỳ, có thể Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng đã có cơ hội đọc nó. Đại Tướng có bao giờ nghĩ tới, đoái thương tới các Tướng Tá Vùng 1, Vùng 2 đã bị ghép tội oan ức hay không? Đại

Tướng đến Hoa Kỳ tham gia vào việc viết tài liệu chiến tranh cho người Mỹ, Đại Tướng đã có bao giờ viết rằng "Cấp lãnh đạo cao nhất của Việt Nam Cộng Hòa có lỗi rất lớn là đã tin và dựa vào các anh" hay không?

Tác giả biết mình rất vô duyên, đã đặt câu hỏi cho những người không còn nữa! Ở một đoạn trên, tác giả từng viết Tổng Thống Thiệu đã cố gắng hết sức mình song song với những lỗi lầm của ông. Cố gắng hết sức mình đó chỉ là cố níu kéo viện trợ của Mỹ, sức mạnh Không Quân Mỹ. Nghĩa là vẫn không trả lời được câu hỏi "Nếu không có viện trợ Mỹ thì Việt Nam Cộng Hòa sẽ thôi đánh giặc Cộng sản hay sao?". Nếu Tổng Thống mạnh dạn trả lời thỏa đáng câu hỏi này thì Tổng Thống đã ra lệnh tổ chức hành quân tái chiếm Phước Long, thay vì bỏ mặc nó cho quân Bắc Cộng. Vì nuốt trọn được Phước Long, Bắc Cộng phải quyết nuốt luôn Ban Mê Thuột ngay sau đó để thông đường tiếp vận chiếm luôn cả Miền Nam Tự Do.

Tướng Tá nào có thể cứu vãn được tình thế trước những quyết định quá sức tai hại của Tổng Thống, trong lúc Hội Đồng An Ninh Quốc Gia gồm Thủ Tướng - Tổng Tham Mưu Trưởng - và vị Tướng nắm hết các cơ cấu tình báo Việt Nam Cộng Hòa, nhất định giữ im lặng không lên tiếng can ngăn? Tất cả các vị đều cùng một tiếng nói với Tổng Thống, cùng một quan điểm bỏ Tây Nguyên! Trong buổi họp ở Cam Ranh ngày 13 tháng Ba 1975 chỉ có một tiếng nói khác biệt, từ Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II, xin tử thủ Pleiku rồi tổ chức hành quân giải cứu Ban Mê Thuột từ đó. Tiếc thay, Tướng Phú chỉ là một vị Tướng biên cương, đơn độc, nên đành phải tuân lệnh các Thượng Cấp để cuối cùng phải chọn cái chết cho trọn với Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm.

Không bỏ mặc Phước Long thì Cộng sản chưa nghĩ đến Ban Mê Thuột, sau khi Ban Mê Thuột mất nếu không bỏ Kontum - Pleiku thì Vùng 2 Chiến Thuật không mất. Tổng Thống vẫn có thể từ bỏ chủ trương "Bốn Không", vẫn có thể cắt đất trao lại cho Cộng Sản, nhưng Miền Nam Việt Nam tránh được vụ "30 tháng Tư 1975" hay nếu có xảy tới thì cũng không quá nhanh chóng để rơi vào thời điểm đó. Và nhất là Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa đã không bị đồng minh thừa dịp ám sát!

Quân đội chúng ta có thể tan rã vì phải buông súng đầu hàng khi đã hết đạn dược, tiếp liệu; nếu như vậy, anh em binh sĩ tránh được sự nhục nhã mà họ đang phải tiếp tục gồng gánh tới tận cuối đời! Xin đừng ai nói là quân đội Việt Nam Cộng Hòa không đủ quân để tái chiếm Phước Long. Quân Đoàn III có 3 Sư Đoàn 5,18, 25 lại còn có Chiến Đoàn 3 Xung Kích của Tướng

Trần Quang Khôi với những chiến thắng chưa phai tiếng vang, và còn có Biệt Động Quân Quân Khu 3 với các Liên Đoàn của Đại Tá Nguyễn Thành Chuẩn từng tham dự trận An Lộc khốc liệt. Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị cũng đang có 4 Liên Đoàn thiện chiến là các Liên Đoàn 4,5,6,7 và Liên Đoàn 8 tân lập. Phía Cộng Sản chỉ có Sư Đoàn 7 CSBV và Công Trường 9 Việt Cộng. Vậy mà Tổng Thống đã vội vã chịu khó khai phá sản cho chủ trương "Bốn Không" của ông trong lúc tình thế còn dư cơ hội như thế đấy!

Sau đó, tác giả không hiểu Thiếu Tướng Phạm Văn Phú đã dựa vào thế lực nào để được bổ nhiệm làm Tư Lệnh Quân Đoàn II, nhưng suy cho cùng chính Tổng Thống đã ký lệnh bổ nhiệm đó. Vậy tại sao Tổng Thống không "mở lượng khoan dung" cho ông ấy được tử thủ Kontum - Pleiku, cùng với binh sĩ của mình, chịu chết tại đây để tránh cho Vùng 2 Chiến Thuật khỏi lọt vào tay quân Bắc Cộng một cách quá nhục nhã? Bại nào cũng là bại, nhưng bại không nhục nhã vẫn là cách binh gia luôn muốn chọn! Những chiến binh trẻ nhất cũng chỉ kém tác giả vài tuổi, nghĩa là hiện nay tất cả chúng ta đang bước vào giai đoạn cuối đời. Những người lãnh đạo cao cấp nhất đã chết, không màng giải thích, không để lại câu trả lời nào. Nhưng chúng ta đang sống, với "sinh khoản" mỗi lúc mỗi ngắn dần, chúng ta có trách nhiệm phải trả lời kịp thời, không chỉ cho chính chúng ta, mà còn cho nhiều thế hệ mai sau của Miền Nam Tự Do khỏi sống trong mặc cảm như chúng ta đang gánh chịu. Con em cháu chắt của chiến binh phải có quyền ngẩng mặt lên trong dòng lịch sử nước Việt Nam!

Là con người, ai cũng biết chuyện đã qua thì không thể còn có hành động nào khiến làm khác đi được kết quả trước đó. Nhưng cũng vì là con người thì người ta vẫn cứ tiếc nuối, vẫn suy đi nghĩ lại về cái "khác đi" đó.

Tác giả là một trong số người này.

Ai dám nói quân đội Việt Nam Cộng Hòa không chịu đánh, không dám đánh? Hay tại vì Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu buộc rút, không cho đánh. Tổng Thống Dương Văn Minh cũng buộc buông súng, không cho đánh. Thật tội nghiệp cho một đạo quân đã quá tôn trọng kỷ luật quân đội. Nếu Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng đã tổ chức 6 Liên Đoàn Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị thành 2 Binh Đoàn với quân số tương đương 2 Sư Đoàn rồi trong khi Ban Mê Thuột đang bị tấn công, Đại Tướng trả lời "Tôi đang có lực lượng ngang 2 Sư Đoàn sẵn sàng tăng phái cho Quân Đoàn II" thì Tổng Thống đã khó mà từ chối lời thỉnh cầu rất hợp lý xin được tử thủ

Kontum - Pleiku của Tướng Phú. Rồi từ đây đổ quân tái chiếm Ban Mê

Thuột. Vì bấy giờ sau khi được tăng phái, Tướng Phú sẽ có lực lượng tương đương 4 Sư Đoàn, ngang với lực lượng của Tướng VC Văn Tiến Dũng. Chưa kể lực lượng Không Quân của Sư Đoàn 2 và Sư Đoàn 6.

Nếu lực lượng 2 Binh Đoàn Biệt Động Quân được gửi lên Vùng II kịp lúc quân Bắc Cộng chưa tấn công Ban Mê Thuột, thì 1 Trung Đoàn 53 của Sư Đoàn 23 đã không phải đơn độc chống trả với cả 12 Trung Đoàn CSBV có pháo binh, xe tăng yểm trợ hùng hậu, như chính Tướng VC Văn Tiến Dũng đã công nhận. Ông ta làm gì có cơ hội phối trí quân gọi là "tuyệt vời" như sau này người Mỹ tâng bốc và chính Cộng Sản Bắc Việt tự khoe khoang? Một Binh Đoàn Biệt Động Quân được đưa xuống Thuận Mẫn đối chiến Sư Đoàn 320 CSBV, một Binh Đoàn xuống Đức Lập đối chiến Sư Đoàn 316 CSBV, Tướng VC Văn Tiến Dũng có dám đưa khơi khơi Sư Đoàn 316 CSBV vừa chân ướt chân ráo từ miền Bắc xuống chui vào cái rọ Ban Mê Thuột không?

Nếu lực lượng 2 Binh Đoàn Biệt Động Quân được gửi lên Vùng II sau khi Ban Mê Thuột bị chiếm đóng, thì việc tái chiếm Ban Mê Thuột là chuyện không nằm ngoài tầm tay của Quân Đoàn II, và cái gọi là "thần kỳ" chiếm trọn được Vùng II cũng không thể xảy ra để cho người Mỹ tâng bốc, và Cộng Sản Bắc Việt khoe khoang. Xin đừng quên Sư Đoàn 316 CSBV được Trung Đoàn 95 B dẫn đường tiến vào Ban Mê Thuột rồi nhưng vẫn không đánh chiếm được phi trường Phụng Dực chỉ có một Tiểu Đoàn Bộ Binh và một Đại Đội Thám Báo của Việt Nam Cộng Hòa chống giữ. Phải đợi đến 18 ngày sau, Tướng VC Văn Tiến Dũng mới có thể vượt ngục thở phào. Trong 18 ngày đó, chuyện gì sẽ xảy ra nếu giữa chừng có sự xuất hiện bất ngờ của 2 Binh Đoàn Biệt Động Quân?

Và còn Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân Biên Phòng chỉ có 2 Tiểu Đoàn với quân số kém xa các Tiểu Đoàn Bộ Binh hay các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Tiếp Ứng, mà vẫn chặn đứng được cả Sư Đoàn 968 CSBV tại Thanh An. Dĩ nhiên phải thừa nhận Sư Đoàn 968 CSBV không phải là đơn vị thiện chiến của quân Bắc Cộng, và từng bị Không Quân Việt Nam Cộng Hòa đánh bom tới bời; nhưng nó vẫn là một Đại Đơn Vị so với Liên Đoàn 25 Biệt Động Quân chỉ có 2 Tiểu Đoàn với cấp số quân quá thấp. Nói chi đến việc chiếm được luôn cả Miền Nam Tự Do trong 55 ngày?!

Nếu hai chữ "nếu" dùng cho hai đoạn giả tưởng về "2 Binh Đoàn Biệt Động Quân" vừa viết ở trên không phải là "nếu", mà đã xảy ra thật như

vậy, thì Tổng Thống sau đó vẫn cứ có thể cắt đất cho Cộng Sản dựa theo con số viện trợ Mỹ, nhưng sẽ với tư thế đàng hoàng hơn chút xíu!

Bây giờ trở lại với thực tế đã xảy ra...

Tác giả mạo muội, cả gan thử đặt mình vào cương vị của Tướng Phú lúc đó. Sau khi thấy cá nhân mình và Tướng Trưởng ở Vùng I bị buộc phải rút lui cùng một lúc, ông đã biết quân mình không còn được cơ hội đánh trả, không có một chiến thắng nào đang chờ đợi cả. Trong tình trạng như vậy, ở cương vị chỉ huy một đại đơn vị cấp Quân Đoàn, Tướng Phú chỉ còn có thể làm được một chuyện trọng đại còn lại: bảo vệ sinh mạng binh sĩ dưới quyền, bảo Tướng Phú về các phương tiện chiến đấu. Vì vậy, ở Cheo Reo ngày 18 tháng Ba, khi thấy đại quân Cộng Sản đã rượt theo kịp đoàn quân rút lui, Tướng Phú không ngần ngại ra lệnh Tướng Cẩm bay về Tuy Hòa đồng thời cho thả bom phá hủy hết chiến cụ nặng trên con đường số 7. Mục đích của ông là: cứu lấy sinh mạng binh sĩ thuộc quyền bằng cách trao lại quyền tự do cho họ! Tướng Phú bấy giờ cũng chính là Đại Úy Nhảy Dù Phạm Văn Phú trong trận Điện Biên Phủ trước kia, người đã được quân đội Pháp khâm phục, nể trọng; và đã trở thành một trong những Sĩ quan đầu tiên nắm chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù. Những tác giả đã kết án Tướng Phú hèn nhát, không đủ khả năng nắm cấp Quân Đoàn mới chính là những kẻ hời hợt, bất công. Tướng Phú, theo cách nhìn của tác giả, cũng không còn màng đến việc binh sĩ ở Cheo Reo sẽ không chịu tập hợp đầy đủ lại ở Tuy Hòa, Nha Trang. Ông ta chỉ cầu mong họ sống còn, càng nhiều càng tốt, họ có bỏ ngũ trở về với gia đình thì cũng tốt! Bởi vì tình thế Miền Nam Tự Do và cung cách lãnh đạo ở Sài Gòn lúc đó đã cho thấy không còn có thể vượt qua khỏi tình trạng đen tối nhất.

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú

Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II, là một vị Tướng đờm lược và nhân hậu, nhưng cũng đầy bất hạnh! Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa đã bị ám sát bởi vũ khí cúp viện trợ của người Mỹ và bởi cấp lãnh đạo cao nhất của chúng ta! Tác giả "khâm phục" nhất là Ngoại Trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger, người được thế giới "tấn phong" thành "Siêu Điểm Quốc Tế", không những đã ấn định được thời điểm cái chết của Việt Nam Cộng Hòa mà hẳn còn khiến cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa phải tan rã trên chiến trường, không đánh chỉ rút chạy, không được đánh cho đến viên đạn cuối cùng. Trong "bàn cờ" bày ra đầu năm 1975, tay cờ Kissinger trội hơn tay cờ Nguyễn Văn Thiệu, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa. Các chiến binh Cộng Hòa có nhớ không, tự điển chúng ta có danh từ về cờ rất thảm: Chốt Thí!

ooo

Lệnh của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tức cũng là lệnh của Tổng Tư Lệnh Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, dĩ nhiên không thể cưỡng lại được!

Chính lệnh buộc bỏ Kontum - Pleiku của Tổng Thống Thiệu đã khiến mất Vùng 2 Chiến Thuật, sau đó mất luôn cả Miền Nam Tự Do. Đây là nguyên nhân duy nhất! Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II, bất kể thành công hay thất bại, cũng không thể cứu vãn được quyết định sai lầm quá trầm trọng của vị nguyên thủ quốc gia kiêm chỉ huy tối cao quân đội. Nhưng cũng sẽ có một số người nghĩ rằng, là một vị Tướng biên cương, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú cũng có quyền hạn để chọn lựa cách hành quân, xử dụng lực lượng, thời điểm, địa điểm cho cuộc hành quân triệt thoái này. Nếu không dùng

quyền hạn này, vị Tư Lệnh đã đánh mất đi quyền quyết định của mình cũng như sáng kiến. Đây cũng là ý nghĩ đã từng có của tác giả khi chưa bắt tay vào viết sách này, và cũng đã từng tiếc rằng Thiếu Tướng Phú thiếu cái Dũng của một vị Tướng biên cương.

Thế nhưng càng đọc thêm, tìm hiểu thêm để viết, thì tác giả thấy rằng trong hoàn cảnh lúc đó, Thiếu Tướng Phú không thể làm thế được, tuy nhiên chữ Dũng và chữ Nhân trong đạo làm Tướng của Thiếu Tướng Phú đã sáng rực lên tại Cheo Reo chiều ngày 18 tháng Ba 1975. Ở một quốc gia dân chủ thật sự, hai chữ "đảo chánh" hầu như đã bị loại bỏ khỏi tự điển. Chúng ta sống trên xứ Mỹ nhiều năm, đã có ai từng nghe dân Mỹ bàn tán đến "đảo chánh" để lật đổ chính phủ của họ không? Không. Chắc chắn như vậy. Vì dân Hoa Kỳ cứ 4 năm một lần dùng lá phiếu của mình để "đảo chánh" một chính phủ nếu họ thấy nó không còn có ích cho dân chúng nữa. Đảo chánh bằng quân sự không cần thiết. Việt Nam thì khác, ông Thiệu lúc đó sợ quân đội đảo chánh nên đã hành xử không thật thà chút nào đối với Thiếu Tướng Phạm Văn Phú. Thay vì nói thẳng rút bỏ Vùng 2 Chiến Thuật đúng như quyết tâm của ông, ông lại thêm thắt trò hề: "Chuyển quân" từ Kontum, Pleiku về Nha Trang, rồi chặn chính lại, mang ngược quân trở lại tái chiếm Ban Mê Thuột. Sở dĩ ông Tổng Tư Lệnh thêm thắt vụ "chuyển quân" là vì ông ấy sợ đảo chánh. Sợ rằng nếu Tướng Tư Lệnh Vùng 2 Chiến Thuật không phản kháng thì các Tướng ở Vùng 3, Vùng 4, cạnh Sài Gòn cũng sẽ mượn cớ, bất mãn sinh...đảo chánh!

Nếu Tướng Phú chứng tỏ cái Dũng không đúng lúc, chuyện gì sẽ xảy ra?

1/ Cưỡng lệnh Tổng Tư Lệnh Nguyễn Văn Thiệu, nhất định không rút quân, tổ chức cố thủ Kontum, Pleiku, đưa quân từ đây xuống tái chiếm Ban Mê Thuột. Tướng Phú làm như thế, nếu thành công, sẽ được đám đông coi là anh hùng. Nhưng đối với Tổng Thống Thiệu và Chính phủ ở Sài Gòn, ông Phú là một Tướng phản loạn, ông Thiệu chắc chắn sẽ có phản ứng mạnh, tình hình miền nam sẽ loạn hơn trong lúc đạn dưng, tiếp liệu sẽ cạn vào tháng Sáu 1975. Miền Nam cũng sẽ mất vào tay Cộng Sản, nhưng trong một tình thế khó coi hơn nữa!

2/ Trì hoãn cuộc triệt thoái để có chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, chẳng hạn một

việc rất hệ trọng là di tản các hậu cứ, khu gia binh về vùng an toàn trước; hầu binh sĩ Quân Đoàn II rảnh tay đối đầu với địch trong lúc triệt thoái. Nhưng chỉ một chuyện này thôi tác giả đã thấy rằng Tướng Phú hoàn toàn bị bó tay. Nếu muốn làm vậy thì Quân Đoàn II phải nhờ đến Bộ Tổng

Tham Mưu, vì chuyện tổ chức địa điểm, tổ chức di tản, tổ chức cuộc sống tạm hàng ngày cho gia đình binh sĩ; những việc này nằm ngoài tầm tay Tướng Phú. Vì phải huy động các lực lượng Không Quân, Tiếp Vận, Chiến Tranh Chính Trị, v.v..., vào cuộc.

Nhưng "trì hoãn cuộc triệt thoái" cũng là...cưỡng lệnh Tổng Thống kiêm Tổng Tư Lệnh Quân Đội! Liệu Đại Tướng Cao Văn Viên Tổng Tham Mưu Trưởng có can đảm để giúp Tướng Phú tiến hành các việc nói trên không? Theo quá trình làm việc của Tướng Viên vào thời đó, câu trả lời chắc chắn là không!

Cái khó của Tướng Phú ở Vùng 2 cũng là cái khó của Tướng Trưởng ở Vùng 1. Tuy Tướng Trưởng được dư luận cả nước coi trọng hơn Tướng Phú rất nhiều, ông đã đành bó tay trước lệnh của Tổng Thống Thiệu. Riêng Tướng Phú, chiều ngày 18 tháng Ba 1975, vì ông phân vân trước lệnh buộc rút bỏ Vùng 2 nhưng không nói rõ rút bỏ đến đâu của Tổng Thống Thiệu (ông Thiệu cố ý), ông Phú cho quân mình nấn ná lại ở Cheo Reo vì không muốn bỏ Phú Bổn. Nhưng khi nghe tin quân Bắc Cộng đã tiến tới Cheo Reo, Tướng Phú lập tức ra lệnh cho Tướng Cẩm và Bộ Chỉ Huy Cuộc Triệt Thoái bay về Tuy Hòa đồng thời ra lệnh máy bay tức khắc oanh tạc phá hủy hết xe cộ, chiến cụ còn kẹt tại đây. Chữ Dũng trong đạo làm Tướng của Tướng Phú bật sáng chói lên vào lúc này, phản ứng tức thì của ông có nghĩa là chấp nhận tất cả sự trừng phạt của Tổng Thống kiêm Tổng Tư Lệnh, và chỉ có một mình ông gánh chịu mà thôi! Qua lệnh vừa nói, ông gửi tín hiệu đến các vị chỉ huy đơn vị tham dự cuộc triệt thoái, tôi cho quý vị tự do quyết định tùy tình hình tại chỗ. Chữ Nhân đi liền theo chữ Dũng trong đạo làm Tướng của Tướng Phú, cá nhân tôi nhận lãnh hết trách nhiệm, miễn sao cứu được binh sĩ thuộc quyền trong một trận đánh không cân sức, và cũng quá - quá vô lý.

Tác giả xin cúi đầu trước anh linh Thiếu Tướng Phạm Văn Phú. ông đã không chọn chữ Dũng để xây đắp tên tuổi mình, mà dùng nó để cứu sinh mạng thuộc cấp. Tướng Phú là một vị Tướng cao cả của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa!

**BINH NGHIỆP của VỊ TƯỚNG
VIỆT NAM CỘNG HÒA CUỐI CÙNG**

Bước vào Lửa Đạn

Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất sinh năm 1933 tại Quảng Bình, (giấy khai sinh 1934 để được đi học). Trường lớp địa phương chỉ có hết bậc Tiểu Học, cậu thiếu niên 13 tuổi Phạm Duy Tất lần mò về thị xã Đồng Hới, tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Bình tìm anh là Phạm Vy, sau đó sớm phải một mình vào Huế để có thể tiếp tục học lên. Và cũng phải sớm hành nghề "gia sư", dạy kèm trẻ em để có tiền ăn học. (Người anh Phạm Vy sau này là Đại Tá Trưởng Phòng 4 Quân Đoàn 1 bị Cộng sản bắn rớt trực thăng cùng Đại Tá Cao Khắc Nhật Trưởng Phòng 3, tử trận tại Hạ Lào trong trận Lam Sơn 719, năm 1971).

Khi vui ông Tất tự trào, mình sinh năm con Gà nên phải tự kiếm ăn từ nhỏ, không được "sướng" như gà công nghiệp thời nay. Năm 1954 chiến trận Điện Biên Phủ đến hồi khốc liệt, chàng thanh niên Phạm Duy Tất đang cấp sách đi học thì nhận được lệnh động viên Sở Tuyển Binh. Phạm Duy Tất nhập ngũ khóa 4 (phụ) Trường Sĩ Quan Thủ Đức thụ huấn giai đoạn 1, vừa được gán Alpha thì có đoàn tuyển mộ đến trường tuyển Sĩ Quan tình nguyện cho binh chủng Nhảy Dù, SVSQ Phạm Duy Tất ghi tên và qua được kỳ khám sức khỏe.

Ngày 20 tháng Bảy 1954 Tàu Cộng, Việt Cộng thỏa thuận với Pháp cắt đôi nước Việt nam ở vĩ tuyến 17 bằng Hiệp Định Genève, mặc dù Phái đoàn Việt Nam do ông Trần Văn Đổ cầm đầu đã phản đối kịch liệt. Khi mãn khóa học thì việc được bổ nhiệm về binh chủng Nhảy Dù không còn được nhắc nhở tới nữa, tân Thiếu Úy Phạm Duy Tất tình nguyện về Quân Khu 2, đồn trú tại Huế. Lúc bấy giờ, Quân Đội Quốc Gia Việt Nam chưa thành lập cấp Sư Đoàn, Trung Đoàn, Thiếu Úy Tất được bổ sung về Tiểu Đoàn 12 vừa từ Đồng Hới tỉnh Quảng Bình rút vào đóng quân tại Đông Hà tỉnh Quảng Trị. Ông bước vào nghiệp lính tác chiến với chức vụ Trung Đội Trưởng cũng là lúc quê hương Quảng Bình của vị Sĩ quan trẻ đã thuộc về phía Cộng Sản.

Tháng Năm 1955 Thiếu Úy Tất thuyền chuyển về Tiểu Đoàn 7, tham gia chiến dịch Đình Tiên Hoàng do Đại Tá Dương Văn Đức làm Tư Lệnh. Đây là chiến dịch nhằm trừ khử Ba Cụt, không nhằm tới tôn giáo Hòa Hảo.

Xong chiến dịch này, Tiểu Đoàn 7 trở về Miền Trung, bấy giờ Quân chủng Bộ binh của Quân Đội Việt Nam bắt đầu thành lập cấp Trung Đoàn, Thiếu Úy Tất trở thành một Đại Đội Trưởng. Cùng năm, ông được gởi đi thụ huấn Khóa Dẫn Đạo Chỉ Huy ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. dịp này Phạm Duy Tất đã gặp Đại Úy Nhảy Dù Phạm Văn Phú cũng đang thụ huấn tại đây. Ông Tất kể, Đại Úy Phú rất được anh em ngưỡng mộ vì tính cách anh hùng của ông ta trong trận Điện Biên Phủ, hằng đêm ông Tất la cà đi tìm ông Phú để hỏi về trận đánh này, cũng như về Cộng Sản. Thiếu Úy Tất mong muốn học hỏi được tài lãnh đạo chỉ huy từ vị Sĩ quan đàn anh. Ông diễn tả Đại Úy Phú người nhỏ thó, đen thui, nhưng có lối kể

chuyện rất hấp dẫn. Thiếu Úy Tất và Đại Úy Phú thân nhau từ lúc này.

Sau khóa huấn luyện, Thiếu Úy Tất trở về Tiểu Đoàn 7, nghe tin Đại Úy Phú không trở về binh chủng Nhảy Dù vì lý do "tế nhị", ông đã từng là Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù, chức vụ lúc bấy giờ rất ít Sĩ quan Nhảy Dù từng được đảm nhiệm. Sau này Thiếu Úy Tất mới biết Đại Úy Phú đi làm Tỉnh Đoàn Trưởng Bảo An tỉnh Kiến Phong (Cao Lãnh) dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Long, Tỉnh Trưởng, cùng Khóa 8 Võ Bị Đà Lạt với ông. Qua năm 1956, Quân Chủng Bộ Binh của quân đội Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu thành lập cấp Sư Đoàn thì Thiếu Úy Tất nhận lệnh rời Tiểu Đoàn 7 chuyển về làm Huấn Luyện Viên dạy các Khóa Dẫn Đạo Chỉ Huy tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, Tháng Mười cùng năm ông được thăng cấp Trung Úy.

Lực Lượng Đặc Biệt.

Đầu năm 1957 Trung Úy Phạm Duy Tất nhận lệnh tham gia "Khóa Đặc Biệt", lúc đó mọi người không biết khóa này huấn luyện gì, thuộc ngành nào. Đầu tiên ông được đưa ra Vũng Tàu học Truyền Tin để có khả năng như một Hiệu Thính Viên, sau đó chuyển tới Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù tham dự Khóa 5 Nhảy Dù. Trước sau thì ông Tất cũng được nhảy dù như sở nguyện. Nhưng "Khóa Đặc Biệt", vẫn chưa hết, Trung Úy Tất được đưa ra Nha Trang học thêm hai khóa Huấn Luyện Biệt Động Đội (Biệt Động Quân sau này) và Lực Lượng Đặc Biệt.

Sau khi mãn khóa thì Trung Úy Tất được chuyển về Liên Đội Quan Sát số 1, là đơn vị đầu tiên của binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt. Ông kể, đã được liên tục huấn luyện thêm về cứu thương, phá hoại, và vũ khí kể cả các loại thuộc khối Cộng Sản. Trung Úy Tất trở thành Trưởng Toán A, rồi Trưởng Toán B của Liên Đội Quan Sát số 1. Tại đây ông bất ngờ gặp lại

ông Phú cũng về học khóa Lực Lượng Đặc Biệt, vẫn còn mang lon Đại Úy, coi bộ nghèo xơ xác với vợ và hai con. Cuộc tái ngộ khiến hai gia đình càng thân thiết, khăng khít hơn. Ông Tất bù ngùi kể, lúc đó nghèo xơ xác nhưng mà vui, tôi đưa gia đình ông về tạm trú chen chúc với gia đình tôi, hàng ngày đèo nhau trên chiếc Vespa cà tàng của tôi vào trại. Ông Phú mãn khóa thì lại chia tay một lần nữa. Trung Úy Tất được gửi đi học khóa LLDB tại Hoa Kỳ Ford Bragg năm 1959.

Năm 1960 Liên Đội Quan Sát số 1 chuyển về đồn trú tại Sài Gòn, Trung Úy Tất được thăng cấp Đại Úy và được cử đi học Khóa Chiến Tranh Chính Trị đầu tiên do các Sĩ Quan Đài Loan sang huấn luyện. Liên Đội Quan Sát số 1 được phát triển thành Liên Đoàn 77 Lực Lượng Đặc Biệt, Đại Úy mãn khóa học trở về đơn vị thì được bổ nhiệm làm Chỉ Huy Phó dưới quyền chỉ huy của ông Phú, lúc bấy giờ đã thăng Thiếu Tá, Chỉ Huy Trưởng Liên

Đoàn. Đây là lần thứ ba ông Tất - ông Phú gặp nhau xuyên qua binh nghiệp.

Năm 1963 Lực Lượng Đặc Biệt thành lập thêm Liên Đoàn 31, sau đổi thành Liên Đoàn 111, Đại Úy Phạm Duy Tất được cử làm Liên Đoàn Trưởng. Tháng 11 năm 1963 xảy tới cuộc đảo chánh lật đổ Ngô Đình Diệm, vì Lực Lượng Đặc Biệt bị coi là "Lính của Diệm - Nhu", cả hai ông Tất - Phú những tưởng tới đây là xong đời, không đi tù cũng bị xuất ngũ đi tu, nào ngờ may mắn cùng thoát nạn. Sự may mắn này là do các Tướng đảo chánh cũng thấy tầm quan trọng cần thiết của Lực Lượng Đặc Biệt, đặc biệt là các Tướng Lê Văn Nghiêm, Trần Thiện Khiêm, Tôn Thất Đính. Sau đảo chánh, Liên Đoàn 111 di chuyển ra đồn trú tại căn cứ cũ của Thủy Quân Lục Chiến là Đồng Bà Thìn, Cam Ranh. Đại Úy Tất được Tướng Khiêm (Tham Mưu Trưởng Bộ Tổng Tham Mưu) ký nghị định thăng cấp Thiếu Tá.

Tướng Lam Sơn là Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt đầu tiên sau đảo chánh. Thiếu Tá Phạm Duy Tất vừa là Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 111 kiêm Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 1 Chiến Thuật (C1). Thiếu Tá Nguyễn Thành Chuẩn làm Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 2 Chiến Thuật (C2). Thiếu Tá Phạm Văn Phú vừa là Liên Đoàn Trưởng 320 kiêm Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 3 Chiến Thuật (C3). Thiếu Tá Nguyễn Đình Vinh (chồng Nghệ Sĩ Phụng Liên) làm Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 4 Chiến Thuật (C4).

Mọi người, cả quân lẫn dân Miền Nam, mỗi khi nghe nhắc đến Lực Lượng Đặc Biệt thì liên tưởng ngay đến "nhảy toán". Cũng gần đúng, và như vậy thì quân số của Lực Lượng Đặc Biệt rất ít so với các binh chủng khác, lúc đó được tổ chức như sau:

Cao nhất là Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt, kể đến là 2 Liên Đoàn 111 và 320 (cải danh từ 31 và 77). Liên Đoàn 111 chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 1 và Vùng 2. Liên Đoàn 320 chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 3 và Vùng 4. Đứng đầu mỗi Vùng Chiến Thuật là các Toán C (C1, C2, C3, C4), mỗi Toán C chỉ huy các toán B, mỗi Toán B chỉ huy các toán A.

Ông Tất kể, đang chuẩn bị khăn gói lên đường nhận nhiệm sở mới thì thành linh có lệnh hủy bỏ, giao chức vụ Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 1 Chiến Thuật lại cho Đại Úy Nguyễn Đức Khoái đang là Trưởng Ban 3 của Bộ Chỉ Huy Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 1 Chiến Thuật. Đối lại Tướng Lam Sơn giao cho Thiếu Tá Tất tiếp tục chỉ huy Liên Đoàn 111 đồng thời chỉ huy luôn C1 và C2. Một sự "đổi lại" mà tác giả nghĩ thấy "mùi" lạ lùng, nhưng ông Tất đã ngưng kể. Im lảng vô tuyến trăm phần trăm.

Cá tính Tướng Lam Sơn thì khó làm việc lâu bền bên cạnh người Mỹ, nên chẳng bao lâu sau Đại Tá Đoàn Văn Quảng đã về thay ông làm Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt. Đại Tá Quảng về Lực Lượng Đặc Biệt thì được thăng cấp Tướng, đã đưa Thiếu Tá Phạm Văn Phú về làm Tham mưu Trưởng, thăng cấp Trung Tá, sau đó thăng Đại Tá. Trong khi đó Thiếu Tá Phạm Duy Tất bước vào thời tuột dốc và nghiệt ngã nhất, nhưng nhờ vậy, ông có cơ hội phát triển một khả năng khác của mình.

Phần Thiếu Tá/ Trung Tá/ Đại Tá Phạm Văn Phú đi lên được là vì uy tín của ông trong toàn binh chủng, rất thích hợp với vai trò Tham mưu Trưởng giúp vị Tân Tư Lệnh "bình định" được "lãnh thổ" mới mẻ của mình. Khi cuộc bình định của Tư Lệnh đã hoàn tất, ông Phú gặp nạn lớn. Ông Tất kể, một đêm ông trở về Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt ở Nha Trang tìm thăm ông Phú thì xảy tới một biến cố: Sài Gòn lại có "tiểu cách mạng", Tướng Thiệu đang dùng máy bay C-47 bay ra Nha Trang trốn sự truy nã của Tướng Khánh. Tướng Quảng đi đón, che chở cho Tướng Thiệu, và nói (không biết giỡn hay thiệt) là Đại Tá Phú đang dẫn quân đi tìm bắt ông Thiệu. Vài ngày sau Sài Gòn ổn định lại, Tướng Khánh phải "ôm một nắm đất ra đi" (đi Mỹ), Tướng Khiêm cũng phải lãnh chức Đại Sứ sang Đài Loan. Tướng Thiệu, Tướng Kỳ bắt đầu nổi. Ông Thiệu trở thành Chủ Tịch

Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, Tướng Kỳ là Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương.

Thế là chẳng bao lâu sau Đại Tá Phạm Văn Phú bị lột lon Đại Tá, giáng trở xuống cấp Trung Tá. Tới đây tác giả nêu thắc mắc về vai nhân vật, nhưng ông Tất đã ngưng kể. Lại im lặng vô tuyến trăm phần trăm. Theo các tài liệu về cá nhân Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, sau khi bị giáng cấp, ông "được" chuyển ra Sư Đoàn 2 ở Quảng Ngãi, làm Phụ tá Hành Quân cho Tư Lệnh Sư Đoàn. Tướng Lãm là Tư Lệnh Sư Đoàn 2 kiêm Tư Lệnh Quân Đoàn I, vì vậy Trung Tá Phú buộc phải theo Sư Đoàn trong tất cả các cuộc hành quân. Trong cái rủi có cái may, sau một cuộc hành quân thắng lớn của Sư Đoàn 2, Tướng Kỳ bay ra thăm chiến trường đã thăng cấp đặc cách cho Trung Tá Phú lên Đại Tá. Vậy là thoát được bản án bị lột lon. Nhưng vẫn không được tin tưởng giao cho chức Tư Lệnh Sư Đoàn 2 đang phải do Tướng Lãm Tư Lệnh Quân Đoàn kiêm nhiệm. Sau khi Sư Đoàn II có tân Tư Lệnh là Đại Tá Nguyễn Văn Toàn vừa thụ huấn từ Mỹ về, thì Đại Tá Phạm Văn Phú chuyển đến Sư Đoàn 1 làm Tư Lệnh Phó dưới quyền chỉ huy của Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh Sư Đoàn.

Trở lại với Thiếu Tá Phạm Duy Tất, vào lúc Tướng Khánh quyết định các Sĩ quan đang mang cấp bậc thấp hơn cấp bậc bảng cấp số quy định cho chức vụ sẽ được thăng lên đúng cấp bậc đó, thì Thiếu Tá Tất bỗng dưng nhận lệnh phải rời khỏi chức vụ Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 111 Lực Lượng Đặc Biệt để nhận nhiệm vụ đi thành lập Trung Tâm Huấn Luyện

Lực Lượng Đặc Biệt.

Ở Cam Ranh, Thiếu Tá Tất cùng một số Sĩ quan trẻ cấp Úy nỗ lực với phương tiện tại chỗ, đã tạo được một trung tâm với đầy đủ phòng ốc, bãi tập, và chương trình cùng tài liệu huấn luyện đúng tiêu chuẩn cho các khóa huấn luyện Lực Lượng Đặc Biệt. Trung Tâm Huấn Luyện Lực Lượng Đặc Biệt thành hình, hoạt động đi vào nề nếp được khoảng sáu tháng thì nhận được nghị định chính thức thành lập, cũng là lúc Thiếu Tá Tất nhận được lệnh đi nhận nhiệm vụ khác. Ông tâm sự, nhưng cũng nhờ vậy mà đời binh nghiệp của tôi đi vào khúc rẽ quan trọng. Lúc này tôi nung nấu một quyết chí, phải xông pha để trở thành một Tướng lãnh, không phải để trả thù ai, nhưng chính là muốn chứng tỏ cho "họ" biết những Sĩ quan không vây cánh vẫn có thể dùng máu - mồ hôi - nước mắt của chính mình để đi đến thành công trên con đường binh nghiệp!

Project Delta

Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện

Và Hành Quân Delta

Vào thời Tướng Lam Sơn làm Tư Lệnh, ông lập ra trại Đàng Vân tuyển các nhân viên Lực Lượng Đặc Biệt về đây gia nhập vào các "Toán nhảy ngoại biên". Toán đầu tiên đã thất bại rất thảm, không một người nào trở về. Sau Tướng Lam Sơn, Tướng Quảng tổ chức một cuộc "nhảy toán ngoại biên" thứ nhì, trở về được 6 người và cũng đem về được một số tin tức. Nhưng cũng bị coi là thất bại.. Vì vậy, kế hoạch này bị hủy bỏ và chuyển qua một kế hoạch mới Project Delta. Quân của Project Delta cũng tiếp tục là quân của trại Đàng Vân sau khi trại này bị giải tán. Sĩ quan chỉ huy Toán B Đặc Biệt tham dự các cuộc hành quân của Project Delta (từ nay sẽ gọi là Hành Quân Delta) là Thiếu Tá Xuân, thường gọi là Xuân Thọ, từ Nhảy Dù chuyển qua. Toán B Đặc Biệt và Tiểu Đoàn 91 Biệt Cách Dù làm thành lực lượng hành quân Delta. Mỗi cuộc hành quân chính Tướng Quảng phải đi theo giám sát.

Thiếu Tá Phạm Duy Tất mất chức Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Lực Lượng Đặc Biệt trở về Bộ Tư Lệnh trình diện thì bị cự nự, giao nhiệm vụ đi theo ông giám sát các cuộc hành quân Delta. Sau vài cuộc hành quân, Tướng Quảng giao luôn nhiệm vụ đi theo giám sát hành quân Delta cho một mình Thiếu Tá Tất.

Trong lần đi giám sát một mình đầu tiên xảy ra ở biên giới tỉnh Pleiku. Đơn vị vừa đổ quân xuống phi trường thì các toán viên đã...biến mất, chỉ còn lại Ban Tham Mưu. Đến lúc bắt đầu cuộc hành quân Thiếu Tá Xuân phải cho xe chạy ra phố "lợm" từng toán viên một chở về trại, lại còn rắc rối chuyện đoàn viên toán này nhất định không chịu đổi sang toán khác nếu

Thiếu Tá Xuân "lượm" không đủ toán viên. Thiếu Tá Xuân phải quỳ xuống năn nỉ toán viên để được đủ quân số. Cuộc hành quân kết thúc, trở về gặp Tướng Quảng, Thiếu Tá Tất xin thôi vì nản quá. Nhưng ông Tướng không chấp nhận, ông nổi nóng bất thành linh buộc Thiếu Tá Tất phải nhận làm Trưởng Toán B Đặc Biệt thay Thiếu Tá Xuân. Đây là trường hợp bị hạ cấp nặng nề, dù gì ông Tất cũng đã là Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 111 tức là cấp chỉ huy của các toán C, B, A. Có lẽ hiểu như vậy nên Tướng Quảng lại bổ nhiệm cho ông kiêm nhiệm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 91 Biệt Cách Dù.

Cũng như trường hợp "trong cái rủi có cái may" của Trung Tá Phú lúc ở Sư Đoàn 2, Thiếu Tá Tất nói rằng đây là bước đầu đi lên của ông, thời gian ông học được rất nhiều về kinh nghiệm chiến trường, thuật lãnh đạo, và rất nhiều điều khác mà một cấp chỉ huy tác chiến cần có. Lệnh của Tướng Quảng là Thiếu Tá Phạm Duy Tất kết hợp Tiểu Đoàn 91 Biệt Cách Dù và Toán B Đặc Biệt lại rồi thành lập ra Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta. Đó là lý do tại sao tác giả đưa ra nhận định ở một đoạn trên, Thiếu Tá Tất "còn có một khả năng khác".

Thông thường, một đơn vị tác chiến thì chỉ lo tác chiến, khi cấp trên nhận thấy đơn vị cần phải được "hấp lại", tức là cần phải được tái huấn luyện, thì đơn vị trưởng chỉ việc dẫn đơn vị về một trung tâm huấn luyện đã được chỉ định. Trường hợp Thiếu Tá Tất, cái tên Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta đã cho thấy ông có cả hai nhiệm vụ tác chiến và huấn luyện cùng một lúc. Theo tác giả, đơn vị này đã làm cho Thiếu Tá Phạm Duy Tất toại nguyện, đặc ý nhất trong suốt đời binh nghiệp của ông. Họ từng là những chiến binh mất hết nhuệ khí, tinh thần sa sút, Thiếu Tá Tất đã xây dựng, rèn luyện họ lại để trở thành một đơn vị kỷ luật và nổi tiếng thiện chiến của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Một đơn vị có thể chiến đấu trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện, từ hành quân cấp Toán cho đến cấp Liên Đoàn.

Xuống cũng do ông Quảng, lên cũng do ông Quảng, Chuẩn Tướng Tất bây giờ khi nhắc về Tướng Quảng thì ông nói như vậy: có thể nói Tướng Đoàn Văn Quảng cũng đã có lúc thấy được khả năng của tôi và đã "cưng" tôi lắm, ngược lại tôi cũng đã đánh giặc hết mình, tạo công trạng để đền đáp lại cho ông ta. Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta của Thiếu Tá Tất rất ngon lành. Ông có một chiếc C-47 không số, 1 phi đội H-34 gồm 4 chiếc, và các phi công thì thuộc hàng lão luyện nhất, đóng luôn trong căn cứ của ông, gần như là "lực lượng cơ hữu" của đơn vị ông. Một thời gian sau thì ông phải trả họ về lại cho Không Quân Việt Nam, nhưng phía Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ đã kịp thời thay thế tặng phái cho ông một Đại Đội Trực Thăng và một chiếc máy bay 6 chỗ ngồi được quyền sử dụng như phương tiện cơ hữu. Mỗi lần hành quân nếu cần thì có cả C-123 hay C-130 chở cả xe cộ. Thiếu Tá Tất kể: Bầu đoàn thể tử xôm tụ lắm, còn hơn một

đại đơn vị nữa, "gánh hát" của tôi "lưu diễn" khắp 3 Vùng Chiến Thuật, chỉ trừ Vùng 4 địa thế không phải là đất dụng võ cho gánh. Cuộc "lưu diễn" tiếp tục hết tháng này sang tháng khác, mỗi cuộc hành quân thường kéo dài

khoảng một tháng, đôi khi 2 tháng, sau đó trở về căn cứ nghỉ một tuần lễ. Ngày đầu của tuần lễ nghỉ là tổ chức liên hoan, hôm sau binh sĩ được về sum họp gia đình, những ngày còn lại thì tham dự huấn luyện chuẩn bị cho cuộc hành quân sắp tới.

Lần hồi tự nhiên Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta biến thành đơn vị Tổng Trừ Bị của Bộ Tổng Tham Mưu. Tùy theo tin tức từ các Quân Đoàn và các Đại Đơn Vị Hoa Kỳ, Bộ Tổng Tham Mưu, ra lệnh cho đơn vị Thiếu Tá Tất mở các cuộc hành quân: Khe Sanh, Lao Bảo, biên giới Lào Việt, Miên Việt, thung lũng AShau, A Lưới, mật khu Đố Xá, thung lũng An Lão, vùng rừng núi Tây Nguyên, chiến khu D, Dương Minh Châu. Từ nhiệm vụ truy lùng các đại đơn vị Cộng Sản, đến truy lùng các địa điểm tình nghi có giam giữ tù binh Mỹ. Không có cuộc hành quân nào mà không có đụng trận, ở những nơi có thể dùng Không Quân thì sẽ có Không Quân đem máy bay đến oanh tạc, kể cả B-52, đơn vị không cần trực tiếp tấn công. Các cuộc hành quân đầu tiên, chỉ cho mang theo các toán Lực Lượng Đặc Biệt, có lẽ vì Tướng Quảng hơi "hà tiện" hoặc ngại Thiếu Tá Tất có thêm Biệt Cách Dù đi theo sẽ hăng máu thường xuyên tổ chức đánh luôn vào các đơn vị địch quân. Mặc dù Tiểu Đoàn 91 Biệt Cách Dù có đến 5 Đại Đội tác chiến, nhưng yêu cầu mãi Tướng Quảng mới dần dà chấp thuận cho mang theo 1 Đại Đội Biệt Cách Dù, rồi 2... Thiếu Tá Tất công nhận mục tiêu của ông lúc đó là luyện tập cho Toán Lực Lượng Đặc Biệt phối hợp hành quân với Trung Đội Biệt Cách Dù, rồi Toán với Đại Đội, sau cùng là Toán với Tiểu Đoàn; để tất cả toán viên Lực Lượng Đặc Biệt cùng binh sĩ Biệt Cách Dù tự tin hơn về các cuộc Hành Quân Delta. Hành quân truy tìm địch nếu chỉ có Toán thì rất dễ rút lui vì các Toán không chủ trương đụng trận, nhưng nếu có thêm đơn vị Biệt Cách Dù giữa rừng rậm lại trở nên đông đảo, không thể lẫn tránh, phải đụng trận thôi. Phải rèn luyện từ từ thì mới tạo được sự tự tin.

Khoảng tháng Mười 1965 đơn vị của Thiếu Tá Phạm Duy Tất đang hành quân truy lùng Sư Đoàn 2 CSBV trong thung lũng An Lão thì có lệnh tập trung lại, chuẩn bị rút quân. Lực lượng của Thiếu Tá Tất trong cuộc hành quân này có các Toán Lực Lượng Đặc Biệt và 2 Đại Đội Biệt Cách Dù. Lệnh mới là phải đưa quân về phi trường Pleiku bằng phương tiện cơ hữu, sau đó trình diện Quân Đoàn nhận mục tiêu mới. Tới nơi, Trung Tâm Hành Quân tổ chức thuyết trình cho Thiếu Tá Tất, mục tiêu mới là Trại Pleime đang bị địch tấn công nặng, nhưng Phòng 2 Quân Đoàn không có tin tức gì

ngoại trừ Quân Đoàn II đã gửi 1 Thiết Đoàn Kỵ Binh và 1 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân hành quân giải cứu, giữa đoạn đường 14 cây số từ Pleiku vào

Pleime thì lực lượng giải cứu bị chặn đánh, thiệt hại nặng, chưa thể tiếp tục tiến. Chưa biết địch quân là cấp nào, đơn vị nào, từ đâu đến. Nhiệm vụ của Thiếu Tá Tất là đưa quân vào bắt tay được với trại Pleime để giữ vững tinh thần quân đồn trú, đồng thời tìm hiểu về đơn vị địch để Quân Đoàn có biện pháp thích ứng.

Trận Pleime 1965

Thiếu Tá Tất sau khi nghe thuyết trình từ Quân Đoàn, đã quyết định sử dụng 2 Toán Delta và 2 Đại Đội Biệt Cách Dù do đích thân ông chỉ huy hành quân vào Pleime. Phần còn lại sẽ ở lại Pleiku lo việc hậu cứ. Quân Đoàn chịu trách nhiệm phương tiện cho cuộc trực thăng vận, nhưng Cố Vấn Mỹ tìm mãi vẫn không đủ số trực thăng vì đang kẹt ở các chiến trường khác, cuối cùng phải mang cả các trực thăng đang tu bổ ra sử dụng. Được 4 chiếc đổ quân và 2 chiếc võ trang yểm trợ.

Thiếu Tá Tất kể, sáng hôm sau tôi và Cố Vấn Mỹ bay thám sát chọn LZ (bãi đổ quân), vừa bay đến núi Hàm Rồng thì 1 trực thăng võ trang hư máy, rớt ở chân núi, phi hành đoàn không một ai sống sót. Chiếc C&C (trực thăng chỉ huy) của tôi tìm ra LZ và bắt đầu đổ quân, lực lượng khoảng 300 quân của tôi mà phải mất một ngày mới xong. Mặc dù tình hình tại bãi đổ quân rất yên tĩnh, nhưng tôi đã ngửi được mùi nguy hiểm ngay lúc đó, khoảng cách thời gian giữa "lift đầu" (lần đổ quân đầu) với lift thứ nhì quá xa, khiến tôi sốt ruột quá sức. Tuy nhiên đã không có bất trắc xảy ra cho đến khi cuộc đổ quân hoàn tất. Tôi quyết định không dùng trực lộ, lệnh cho đơn vị cắt băng ngang rừng suốt đêm đến trại Pleime. Tôi muốn tránh đụng độ để quân Delta sớm tới mục tiêu, nhờ vậy trong đêm chỉ có 2 lần chạm địch lẻ tẻ và 2 toán quân Cộng Sản đã bị quân Delta tiêu diệt nhanh, gọn. Xuyên rừng là "nghề" của đơn vị tôi, nhưng phía Cố Vấn Mỹ thì khổ sở lắm, đó là chưa kể đến đám phóng viên đủ thứ quốc tịch bám theo đoàn quân để làm phóng sự. Ban đầu tôi quyết định không cho đám phóng viên theo, nhưng Cố Vấn Mỹ năn nỉ quá. Di chuyển trong đêm tối mù mịt giữa rừng già, nhiều khi phải bò sát đất mới qua được một số vị trí, linh kính đám phóng viên bám theo thì hết sức nguy hiểm vì sợ bị địch phát giác, lại còn có một nỗi sợ hơn nữa là bị máy bay Mỹ ngộ nhận mình là địch quân. Trời tối mù thả bom làm là chuyện rất dễ xảy ra. Cố Vấn Mỹ liên lạc trực

tiếp nhưng không thể chấm tọa độ vị trí quân mình chính xác, mà làm dấu hiệu đèn trong đêm tối thì không được cho phép.

Tờ mờ sáng đơn vị hành quân Delta đã đến được sát rào trại Pleime. Liên lạc qua máy truyền tin, bên trong trại mừng rỡ vô cùng, nhưng cũng không có tin tức gì cho chúng tôi. Ngay cả 1 khẩu đại liên của địch đặt sát rào, cách đường vào cổng trại 100 thước nhưng họ cũng không biết để báo cho chúng tôi. Tôi suýt mất mạng vì khẩu đại liên này. Tôi dẫn đầu, Chuẩn Úy

Bảy và 2 Toán viên theo sát phía sau, loạt đạn đại liên vừa nổ về phía đơn vị tôi thì anh Bảy đã gục ngã ngay bên cạnh tôi, trúng đạn chết tức khắc. Tiếng hô báo động của tôi chưa dứt thì loạt đạn thứ nhì đã hạ gục đám phóng viên, chết và bị thương trên 10 người. Đồng lúc đó trên ngọn đồi phía Bắc trại Pleime một giàn đại liên phòng không địch bắt đầu khai hỏa dữ dội. Chỉ sau khi tôi gọi các phi tuần vào vùng, nó mới chịu im tiếng, bị diệt gọn. Tôi định tung đơn vị hành quân lục soát diệt địch xung quanh trại trước, vì vào rồi trở ra thì nguy hiểm hơn; nhưng phía Cố Vấn Mỹ đề nghị phải vào trại ngay, để lập tức giúp nâng cao tinh thần binh sĩ đồn trú. Cũng có lý, chúng tôi di chuyển vào bên trong.

Hỏi han một lúc, tôi khai thác được một số tin tức, như các hướng tấn công của địch, và hướng nào an toàn. Xuyên qua lời kể của quân đồn trú, tôi độ chừng đơn vị địch đánh trại Pleime là cấp Trung Đoàn, đâu biết rằng đó chính là cả một Sư Đoàn 320 CSBV với các loại vũ khí mới lần đầu tiên được sử dụng ở chiến trường miền Nam. Khi kéo quân trở ra ngoài, mục đích để giải tỏa khu vực sát vòng rào trại Pleime, không ngờ quân Delta đã đụng với toàn quân chính quy Bắc Cộng, vũ khí họ sử dụng nghe liên thanh bắn rất giòn. Tôi nghĩ thầm, không lẽ bọn này được cho sử dụng toàn trung liên, đại liên? Tôi chưa biết đó là súng AK-47. Lực lượng Delta đã là một đơn vị tinh nhuệ mà chỉ được trang bị súng Carbin M-2, bắn tự động, được coi là vũ khí tối tân nhất của quân lực mình. Với những tin tức vừa có, tôi gọi máy báo cáo về Quân Đoàn. Cả hai phía Việt - Mỹ đều mừng vì đã nắm được khá chính xác tình hình trận đánh. Phải tản thương cho nhanh trước khi tung đơn vị trở vào trận, tôi cho tổ chức bãi đáp, gọi và đích thân hướng dẫn hướng bay cho các trực thăng H-34 của đơn vị tôi bay vào an toàn. Phải ca ngợi rằng, các trực thăng đáp được xuống trại Pleime là một chuyện rất tuyệt vời, chưa từng thấy phi công nào giỏi và can đảm như những phi công này. Khi bay vừa đến bên trên trại, họ làm "auto" (tạm ngừng di chuyển) và cho rơi xuống một khoảng nhỏ bên trong

trại đã được đánh dấu, nhận thương binh xong lấy hướng bốc lên đi liền. Hai chiếc trực thăng H-34 của đơn vị tôi đã phải bay suốt một tuần mới có thể bốc hết thương binh quân đồn trú và quân đơn vị ra khỏi trại Pleime.

Phải rất lâu tôi mới định được vị trí địch đặt khẩu đại liên đã khiến tôi suýt mất mạng. Tên xạ thủ bị xiềng chân dính vào súng, và chỉ còn vồn vện 3 viên đạn và một nắm cơm vắt chưa kịp ăn,

khi bị quân Delta thanh toán. Trận đánh thật khốc liệt, xác chết và vũ khí địch chúng tôi bước tới đâu cũng đụng phải. Ngày hôm sau lực lượng tăng viện của Quân Đoàn cũng đã tới, phía mình mở rộng vòng đai tấn công, xác chết và vũ khí địch càng đầy đầy lên. Bây giờ thì đã có thể xác định các vị trí của địch rất rõ ràng, nên Cố Vấn Mỹ yêu cầu oanh tạc rất chính xác. Cuối cùng, vì bị tổn thất quá nặng, phải tháo chạy, rút về sát biên giới

Việt - Miên. Có lẽ năm 1965 là "năm kỵ" của Sư Đoàn 320 CSBV. Họ rút khỏi Pleime đúng vào lúc Sư Đoàn 1 Không Kỳ Hoa Kỳ vừa tới Việt Nam, đồn trú tại Lai Khê. Sư Đoàn này quyết định rượt theo Sư Đoàn 320 CSBV, trận Ia Drang mở màn. Ia tiếng người Thượng là sông, còn Drang là tên con sông. Tham dự trận có Tiểu Đoàn 1 do Trung Tá Hal Moore chỉ huy, sau này đã lên đến cấp Trung Tướng, viết sách chung với nhà báo Joseph Galloway cũng có mặt tại trận địa, thuật lại trận đánh trong thung lũng Ia Drang. Cuốn phim "We Are Soldier Once... And Young" nổi tiếng lập tức và Hollywood đã dựng thành phim "The Soldiers". Hai phía trong trận Ia Drang đều bị thiệt hại rất nặng.

Điều không biết nên buồn hay nên cười là, tài tử Đơn Dương thủ vai Trung Tá VC Nguyễn Hữu An chỉ huy lực lượng quân Bắc Cộng trong trận Ia Drang, đã bị đảng và nhà cầm quyền Bắc Cộng trừ dập vì đã "xuôi theo bọn phản động Hollywood, không thể hiện được tin thần "kách mệnh" của...ta". Trong khi đó, ngay trong phần mở đầu của cuốn "We Are Soldier Once... And Young" Trung Tướng Moore đã viết về lực lượng địch quân như vầy:

They, too, fought and died bravely. They were a worthy enemy. We who killed them pray that their bones were recovered from that wild, desolate place where we left them, and take home for decent and honorable burial. This is our story and theirs. For we were soldiers once, and young.

Tác giả chuyển sang Việt ngữ:

Họ, cũng vậy, đã chiến đấu và chết một cách can trường. Họ là một địch thủ đáng giá. Chúng tôi, những người giết họ, cầu nguyện cho xương cốt của họ được tìm thấy tại vùng đất hoang sơ và đổ nát đó, được mang trở về nhà và được nghiêm trang an táng trong danh dự. Đây là câu chuyện của chúng tôi và của cả họ. Những người đã từng một thời làm lính, và trẻ tuổi.

Tác giả xúc động khi đọc lại đoạn viết đầy tính mã thượng của Trung Tướng Hal Moore, một người Mỹ. Và cũng nhớ lại, sau này ở hải ngoại mình đã có dịp nói chuyện với nhiều vị từng mặc áo lính Việt Nam Cộng Hòa, từng chọn những danh hiệu truyền tin nghe thật dữ dằn, đã nói rằng bộ đội Cộng sản thì cũng như anh em mình ở miền Nam; sinh ra ở đâu thì đi lính ở đó thôi, đâu có sự chọn lựa nào khác. Tính mã thượng của lính Cộng Hòa là như vậy.

Và cũng gần đây, tác giả có dịp tiếp xúc với các nhân viên ngoại giao trẻ tuổi của Việt Nam Cộng Sản, của thế hệ không dính dáng tới cuộc chiến năm xưa. Những người trẻ có ăn học đàng hoàng ấy, khi biết tác giả vốn từng là Sĩ quan, thì thường đặt chung một câu hỏi "Anh có đi 'cải tạo' "

không?". Những ánh mắt ngại ngùng cho tác giả biết rằng họ không chấp nhận cách cư xử "bỏ tù, bỏ đói" để khủng bố, trả thù quân nhân - công chức miền Nam Tự Do sau khi cuộc chiến kết thúc. Vì vậy tác giả độ chừng rằng, chỉ khi nào đảng Cộng Sản Việt Nam mất quyền độc trị đất nước, khi nào họ chỉ còn là một trong nhiều đảng phái trong sinh hoạt chính trị của nước Việt Nam, thì người Việt mới có thể phục hồi phong độ mã thượng do ông cha mình từ ngàn xưa truyền lại. Các anh hùng tiền nhân mình đã chẳng những tha cho các Tướng Tàu xâm lược được trở về phương Bắc, mà còn cung cấp cả phương tiện cho họ nữa đó sao!...

Trận Pleime kết thúc, Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia từ Sài Gòn bay ra quan sát tình hình và ủy lạo chiến sĩ. Thiếu Tá Phạm Duy Tất, Đại Úy Từ Vấn, Đại Úy Trần Văn Nhàn, Thiếu Úy Nguyễn Nghi được gán Bảo Quốc Huân Chương với Hành Dương Liễu. Đơn vị hành quân Delta rút về căn cứ ở Nha Trang. Về tới đây Thiếu Tá Tất nghe được một tin đồn đả thuộc loại tin... tức ngực. Trước khi vào thăm Pleime, Tướng Vĩnh Lộc đã có ý định thăng Thiếu Tá Tất lên Trung Tá, bổ nhiệm làm Tỉnh Trưởng Pleiku; nhưng Tướng Quảng không đồng ý. Thay vào đó, Thiếu Tá Lâm Quang Phòng, Chỉ Huy Trưởng C2 Lực Lượng Đặc Biệt, đã trở thành Trung Tá Tỉnh Trưởng Pleiku.

Ông Tất tâm sự, tôi không buồn lắm đâu vì tôi chưa bao giờ ham chức Tỉnh Trưởng, cấp bậc Trung Tá có khiến tôi hơi buồn buồn một chút, nhưng tôi biết là số của mình chưa tới. Trong suốt 3 năm sau đó tham dự không biết bao nhiêu trận, không hề có một ngày nghỉ phép, nhưng tôi hăng say, thích thú là khác. Tôi thật sự thích thú vì đã được chỉ huy một đơn vị rất thiện chiến do chính mình xây dựng, đào tạo. Giờ đây các toán viên thuộc 12 Toán Delta, 10 Toán Thám Kích Dân Sự Chiến Đấu, cùng toàn thể binh sĩ của Tiểu Đoàn 91 Biệt Cách Dù đã rất tự tin vào những cuộc Hành Quân Delta. Sự kết hợp hành quân giữa Toán và Trung Đội, Toán và Đại Đội, đã thể hiện thành công qua trận Pleime. Tôi vô cùng phấn khởi vì biết rằng nỗ lực của mình đã có kết quả.

Theo tác giả, Tướng Đoàn Văn Quảng tuy có nhiều lần bắt công với Thiếu Tá Phạm Duy Tất, nhưng chính ông cũng là người đã nhìn ra được các khả năng đặc biệt của ông Tất và đã khai thác đúng. Công trận riêng của Thiếu Tá Tất và Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta cũng là công trận chung của Lực Lượng Đặc Biệt và Tướng Quảng. Con đường từ những Toán Đặc Biệt không quan tâm đến kỷ luật, một Tiểu Đoàn Biệt Cách Dù vốn được mọi người ngưỡng mộ như huyền thoại khiến họ sinh hoạt gần như là kiêu binh, nhưng trên thực tế cả hai lại thiếu tự tin khi cùng tham dự vào Project Delta; cho đến khi Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta trở thành một đơn vị thiện chiến nhất nhì của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, con đường này không dễ gì xây đắp.

Trong giai đoạn đầu, họ được đối đãi như... lính Lê Dương Pháp, phụ cấp hành quân - rượu chè - gái gú - cờ bạc đã được sử dụng để họ bán mạng mình. Muốn biến họ trở thành một đơn vị đúng nghĩa của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, ông Tất kể cho tác giả biết ông phải dùng rất nhiều thời gian tái huấn luyện họ, cả về tâm lý và khả năng tác chiến. Với hiện trạng người lính được đối xử như lính đánh thuê, chuyên ra tay thanh toán luôn Sĩ quan chỉ huy có thể sẽ xảy tới nếu không làm vừa lòng họ. Bãi bỏ phụ cấp hành quân, không còn được miễn phí rượu chè - gái gú, đó không phải là một quyết định dễ hay chỉ trong vài ngày là có kết quả. Thật ra, sự khó khăn nằm ở chỗ ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu, người đã ứng dụng quan niệm Chiến Tranh Ngoại Lệ vào Việt Nam, đã bị ám sát chết. Đại Tá Lê Quang Tung, Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt cũng đã bị ám sát cùng lúc. Ít còn ai thông suốt được quan niệm Chiến Tranh Ngoại Lệ với cái nhìn chiến lược của ông Nhu. Khi hai ông còn sống, các Toán viên nhảy toán được tuyển

mộ rất tỉ mỉ, cẩn thận. Ngoài gốc gác miền Bắc, thành thạo địa hình ngoài đó, họ còn được huấn luyện để trở thành những chiến sĩ có tinh thần Quốc Gia, Dân Tộc rất cao, hiểu rõ bản chất độc hại của Cộng Sản. Họ ra đi, chiến đấu quyết tử với tinh thần này. Chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa cáo chung rồi, quan niệm Chiến Tranh Ngoại Lệ đứng đắn cũng chết theo. Giờ đây tuyển mộ được đặt theo nguyên tắc dụ dỗ "Cho hưởng thụ tối đa để đền mạng trước", chiến binh các Toán Lực Lượng Đặc Biệt được đối xử theo kiểu Commando của Pháp trước kia. Thiếu Tá Phạm Duy Tất làm lì thay đổi nó, bất kể cấp trên có đồng quan niệm không. Lại khổ thân là ông ta không biết chút gì đến "nghệ thuật trình diễn gõ trống đánh phèng la".

Cũng trong thời gian thành lập Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta, Thiếu Tá Phạm Duy Tất đã bị Tướng Đỗ Cao Trí "quất" cho 30 "củ" Trọng Cấm, về tội binh sĩ quậy phá các "bar" ở Nha Trang. Nghe ông Tất kể, tác giả lại nhớ đến Trung Tá Biệt Động Quân Lê Bảo Toàn lúc ở Vùng 4 đã vì tác giả mà bị sếp lớn "khiến" khá nặng, và còn vài vị chỉ huy quen biết khác cũng "lãnh thọ" như trường hợp ông Tất, các quan nói đây là nạn "Trên bảo dưới không nghe". Đời lính gặp khi nghiệt ngã mà không biết tự điều thì khó sống lắm.

Hành Quân Truy Lùng Cộng Sản

Hành quân liên miên, chi tiết trận đánh còn nhớ, chi tiết thời gian coi như... huề, ông Tất nói vậy. Khoảng cuối năm 1966 đầu 1967, có lẽ vậy, nhớ không chính xác lắm đâu, có tin Sư Đoàn 7 CSBV vừa từ biên giới Miền xâm nhập Tỉnh Phước Long, đơn vị Delta của Thiếu Tá Tất được Bộ Tổng Tham Mưu tăng phái cho Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, lãnh nhiệm vụ phải truy tìm cho ra tung tích Sư Đoàn này.

Thiếu Tá Tất kể, chỉ trong một thời gian ngắn là đơn vị Delta của tôi đã

tìm ra được vị trí của Sư Đoàn 7 CSBV. Phải nói là quân của họ đông đến hàng hàng lớp lớp, nên là mục tiêu ngon lành cho máy bay oanh tạc. Tôi gọi máy bay Mỹ, họ cho cả B-52 tới, Sư Đoàn 7 CSBV đã bị một vỏ tòn thất tàn khốc ngay khi vừa bước chân vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III báo cáo Sư Đoàn này coi như tạm xóa sổ, phải vài năm sau Bắc Cộng mới xử dụng trở lại. Nhưng phải chờ đến một năm sau thì Đại Tá Công Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn III mới tổng kết được thiệt hại chính xác quân và vũ khí Cộng sản đã tổn thất, vì vậy một năm sau Thiếu Tá Tất mới được ân thưởng Biệt Công Bội Tinh, huy chương cao nhất dành cho ngành hoạt động đặc biệt.

Qua năm 1968, đơn vị Delta hành quân tăng phái cho Quân Đoàn I trong vùng Ashau - A Lưới, phát hiện ra Cộng sản đang mở một con đường từ Lào vào thung lũng Ashau đi xuống A Lưới đâm xuống cả Thường Đức, phía Tây phi trường Đà Nẵng. Họ còn làm một con đường từ Ashau đi về hướng phi trường Phú Bài, Huế. Nghe Thiếu Tá Tất báo cáo, Tướng Lãm Tư Lệnh Quân Đoàn giật mình luôn, vì không phải Cộng Sản Bắc Việt làm một con đường đi bộ, họ đã xử dụng xe ủi đất làm một con đường lớn cho xe vận tải có thể di chuyển, và làm... giữa ban ngày. Ông Tất kể, trời đất, tôi gọi không biết bao nhiêu phi tuần đánh xuống ầm ầm, vậy mà ngày hôm sau tung quân đi thám sát thì con đường đã trơn tru lại như cũ, đâu vào đó.

Cùng năm, Thiếu Tá Phạm Duy Tất nhận lệnh bàn giao đơn vị cho Thiếu Tá Phan Văn Huấn, Chỉ Huy Phó. Thiếu Tá Tất được thăng chức vụ, trở thành Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 3 Chiến Thuật (C3). Ông Tất kể: Thiếu Tá Huấn và tôi cùng thời vào Lực Lượng Đặc Biệt. Ông Huấn đang là Chỉ Huy Trưởng B16 ở Tây Ninh thì bị mất chức, chuyển về Delta năm 1967. Nguyên tắc của tôi, muốn trở thành lính Delta dù bất cứ cấp bậc gì cũng phải làm toán viên đi hành quân ít nhất một hai lần, sau đó sẽ tự lựa chọn ở lại hay ra đi. Thiếu Tá Huấn cũng không ngoại lệ. Tác giả đoán rằng, nếu ông Tất được cho quyền chọn lựa thì ông đã chọn ở lại với lực lượng Delta, mặc dù chuyển đi chỉ huy C3 là được thăng chức, và được mở ra con đường tiến về phía trước, vì đồng thời ông cũng được thăng cấp Trung Tá. Lúc này tổ chức của Lực Lượng Đặc Biệt đã thay đổi, 2 liên Đoàn 111 và 320 đã bị giải tán. Các C1, C2, C3, C4 đã trực tiếp đứng dưới Bộ Tư Lệnh, chỉ huy toàn hoạt động của Lực Lượng Đặc Biệt trong vùng lãnh thổ trách nhiệm của mình.

Thiếu tá Tất về chỉ huy C3 nhưng vẫn luôn ngóng tin từ lực lượng Delta. Ông nói, tôi hãnh diện quá chừng khi nghe Thiếu Tá Huấn sau đó đã chỉ huy đơn vị Delta phục kích đánh tan một đoàn công voa Bắc Cộng đang di chuyển từ Ashau đi về hướng phi trường Phú Bài, phải nói là diệt gọn luôn. Sau đó ông Huấn cùng đơn vị Delta tấn công trúng phóc vào kho tiếp liệu của Bắc Cộng vừa xây dựng ở phía Nam A Lưới.

Cũng trong năm này trận Tết Mậu Thân đã xảy tới. Đây là thời điểm chứng minh sự hiện hữu của lực lượng Delta, không những trong rừng già mà còn giữa thành phố với các toán quân nhỏ thiện chiến. Lực lượng Delta đã giải tỏa rất nhanh, gọn tại Đài Phát thanh Nha Trang và Tiểu Khu Khánh Hòa

mà không cần đến trực thăng võ trang hay pháo binh yểm trợ. tránh được sự tổn thất nhân mạng, nhà cửa của dân chúng. Nhưng đổi lại, Tiểu Đoàn 91 Biệt Cách Dù đã mất đi Thiếu tá Tiểu Đoàn Trưởng Lê Như Tú. Ông Tất mất đi một người bạn, một cộng tác viên thân thiết nhất. Từ miền Trung, lực lượng Delta được điều động về Sài Gòn, được giao nhiệm vụ giải tỏa khu vực Cây Thị - Cây Quáo thuộc Gia Định đang bị một đơn vị cấp Trung Đoàn Việt Cộng chiếm giữ. Lực lượng Delta đã nổi tiếng với trận đánh này, với cách đánh của Delta, nhà cửa, vật chất của dân chúng đã không bị thiệt hại, còn khiến Thiếu tá VC Lê Xuân Chuyên dẫn nguyên 1 Đại Đội Việt Cộng ra chiêu hồi - trong đó có hai ca sĩ nổi tiếng là Đoàn Chính và Bùi Thiện. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thăng cấp Trung Tá cho ông Lê Xuân Chuyên, và tiếp tục xử dụng. Sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, Lê Xuân Chuyên bị Bắc Cộng xử tử.

Lực lượng Delta do ông Tất tạo dựng chính là tiền thân của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù / Lực Lượng Đặc Biệt do Đại Tá Phan Văn Huấn liên tục chỉ huy đến ngày cuối cùng của Miền Nam Tự Do. Nghe trong giọng nói của ông có vẻ tiếc, tác giả tung chiêu "gãi đúng chỗ ngứa": Vậy thì Chuẩn Tướng đã xây dựng và Đại Tá Huấn tạo thành kỳ tích cho lực lượng Delta. Thật vậy, ông Tất liền gặt gù, mỉm cười thoải mái lắm.

Tháng Năm 1968, Việt Cộng mở tiếp trận Tết Mậu Thân Đợt 2. Tại sao thủ đô Sài Gòn hoàn toàn không hề bị pháo kích? Vì muốn tránh làm thiệt hại nhân mạng, vật chất của dân chúng chăng? Còn lâu lắm. Đó là vì Trung Tá Tất cùng Thiếu Tá Thạch Tiên, Chỉ Huy Trưởng B 17, đã kịp tung quân vào vùng Đức Hòa vây bắt được một đoàn xuồng Việt Cộng chở đầy hỏa tiễn 122 ly. Đây là lần đầu tiên phía Việt Nam Cộng Hòa tịch thu được loại hỏa tiễn này đem về trưng bày tại Quân Đoàn III.

Sĩ Quan Việt
Cố Vấn Mỹ

Khác với các binh chủng bạn, Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam Cộng Hòa hoạt động song song và thường xuyên phối hợp với Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ. Ngay cả đơn vị nhỏ nhất là Toán A Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam cũng có cố vấn Mỹ đi theo hành quân. Nói chung, Sĩ quan Việt thường có thâm niên tác chiến và rành địa hình chiến trường hơn, còn phía cố vấn Mỹ thì lâu thông lý thuyết chiến đấu và có khả năng gọi và điều hợp hỏa lực yểm trợ hơn. Những ưu điểm của hai bên, tuy vậy, sẽ biến thành khuyết

điểm nếu hai phía không hiểu nhau nảy sinh bất hợp tác. Tướng Tất phân tích về phía Sĩ quan Việt. Trường hợp đầu tiên là mình cứ chạy theo cái người Mỹ muốn làm, mà không đưa ra được sáng kiến gì, mãi như vậy thì khiến phía Cố vấn Mỹ nghĩ Sĩ quan Việt yếu kém, thiếu khả năng. Thứ nhì là, mình cứ làm theo cách của mình, không thèm đếm xỉa đến cách làm, cách nghĩ của Cố vấn Mỹ, không thèm phối hợp chặt chẽ, lâu ngày sinh bất hòa, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. Là công dân của một trong hai siêu cường thời bấy giờ, quân nhân Mỹ có tính kiêu ngạo; là một công dân của một tiểu quốc đang trông cậy vào Hoa Kỳ, quân nhân Việt mang mặc cảm coi thường ngược lại. Còn nhiều, còn rất nhiều những trường hợp khác nữa, mà tựu trung vì thiếu hiểu biết lẫn nhau, khiến cho kế hoạch thất bại hay ít nhất cũng không thể thành công mỹ mãn.

Ông Tất kể, có thời gian tôi làm việc chung với Cố vấn Mỹ rất dài, có lúc với cả nhân viên CIA, nhưng thường là với thành viên của Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ. Tôi với họ cộng tác nhau rất chặt chẽ, vì tôi biết họ có những ý kiến hay, kế hoạch cũng tốt nhưng đại đa số là làm theo sách vở học được ở các trung tâm huấn luyện, còn kinh nghiệm thực tế thì họ chưa có. Tuy vậy, nhưng họ cũng chịu khó học hỏi, và đặc biệt còn rất mù mờ đối với chiến trường Việt Nam. Tôi chọn cách là mình luôn luôn chủ động đi trước Cố vấn Mỹ một bước trong việc thảo kế hoạch, chọn mục tiêu, cách hành động thích ứng, cách xử dụng quân phù hợp với mục tiêu hai bên đã cùng đề ra. Thông thường thì Cố vấn Mỹ sẽ hợp tác ngay khi thấy hợp lý, thành ra họ thường cứ theo mình vì họ cũng cần hoàn thành công tác của họ. Cũng có trường hợp gặp vài tay ngang ngược, kiêu ngạo, tôi sẽ trình bày sau. Tôi lặng lẽ nhưng không bao giờ để họ lấn áp mình. Nói vậy không có nghĩa là mình không lắng nghe các ý kiến hợp lý của phía

họ. Thường như vậy thì kết quả bao giờ cũng đạt đến kết quả tối đa vì sự yểm trợ của Mỹ sẽ tối đa, hết mình. Và khi báo cáo lên cấp trên của họ, nếu có cơ hội họ sẽ báo cáo tốt về mình để phù hợp với báo cáo tốt cho chính họ. Những cuộc hành quân Delta tôi đã kể với anh, có thể lấy đó làm thí dụ. Hành quân Delta tôi chưa bao giờ bị họ phản đối điều gì khi tôi khoanh vùng hành quân, đưa ra kế hoạch, cũng như cách xử dụng quân, kể cả lúc tôi thực hành kế hoạch Toán kết hợp với Trung Đội, Đại Đội Biệt Cách Dù. Vì sao? Vì những thành quả sau đó họ sẽ dùng để báo cáo là công lao của họ cũng có trong đó.

Chỉ có một lần, tôi đụng phải anh chàng Thiếu Tá Charlie Beckwith, anh ta đi theo tôi trong trận Pleime. Là gốc Phòng 2, anh chàng này rất tự cao, tự đại, đã có vài ý kiến ngược lại với tôi, nhưng so thấy cũng hợp lý, tôi ưng thuận thì xảy ra chuyện khoảng 10 nhà báo đủ mọi quốc tịch bị thương, chết. Đến cuộc hành quân ở thung lũng An Lão, chúng tôi không truy tìm được tung tích của đơn vị quân Bắc Cộng, hết thời hạn hành quân tôi cho lệnh rút về, thì Thiếu Tá Charlie Beckwith phản đối, đòi phải tiếp tục. Dĩ

nhiên là tôi vẫn rút quân, nhưng Beckwith nhất định buộc quân Mỹ phải ở lại kéo dài cuộc hành quân. Tôi biết thế nào cũng có chuyện, nhưng anh chàng này cần có một bài học để chừa. Hậu quả là anh ta vừa thả xuống "lift" đầu đã có địch chờ sẵn phía dưới, Beckwith thoát chết trong gang tấc, được trực thăng bốc về Bệnh viện Quy Nhơn. Anh ta kể Toán anh ta bị du kích bu vào làm thịt, suýt nữa anh ta mất mạng tại chỗ nếu Toán giải cứu không đến kịp lúc. Tôi hành quân ghét nhất là bị du kích bám theo, họ không nhiều, không thiện chiến nên không đáng đánh, nhưng ngược lại dễ làm mình bị lộ và bị thiệt hại. Mà mục tiêu chính của các cuộc hành quân Delta là truy tìm tung tích các Đại đơn vị địch quân. Những điều như vậy rất khó giải thích với các tay như Charlie Beckwith, chỉ còn cách để cho anh ta tự lãnh lấy một bài học. Nhưng tôi nghĩ cho tới bây giờ Mỹ vẫn chưa rút ra được bài học đó cho chiến trường A Phú Hãn. Mặc dù tôi thấy Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ đã dựa vào kinh nghiệm từ lực lượng Delta, họ cũng dùng danh từ "Delta Team", Đơn vị Ranger cho các toán, các cuộc hành quân, và cũng đã áp dụng cách phối hợp các toán hành quân với Trung Đội, Đại Đội, Tiểu Đoàn... Theo cá nhân tôi, xuyên qua cuộc chiến, mình có học từ người Mỹ, thì người Mỹ cũng có học từ mình. Chỉ có điều, nếu Mỹ chịu khó huấn luyện quân cho nhiều về cách xử sự trước khi đến giúp một quốc gia khác, thì họ sẽ được quý trọng, thay vì giúp mà vẫn bị ghét bỏ như thường xảy ra.

Tác giả thì đặc biệt chú trọng đến đoạn nói "... Tôi luôn luôn chủ động đi trước Cố vấn Mỹ một bước trong việc chuẩn bị kế hoạch..." của Tướng Tất. Nếu Bộ Tham Mưu cũng chủ động như vậy thì đỡ quá!

Chỉ Huy Trưởng C3 Lực Lượng Đặc Biệt

Tuy rời khỏi lực lượng Delta mà tiếc, nhưng Trung Tá Phạm Duy Tất cũng công nhận việc chỉ huy C3 Lực Lượng Đặc Biệt là dịp cho ông học hỏi, phát huy thêm khả năng chỉ huy của mình. Ở Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, Trung Tá Tất thân với Tướng Nguyễn Thanh Hoàng, Tư lệnh Phó Quân Đoàn, đặc biệt ông mừng rỡ vì được gặp lại Trung Tá John G. Hayes từng là cố vấn Delta của ông, nay đang là Chỉ Huy Trưởng Đại Đội D Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ thuộc Vùng 3 Chiến Thuật. (Ngang cấp với Chỉ Huy Trưởng C của Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam).

Nhờ những năm tháng chỉ huy hành quân Delta khắp các Vùng Chiến Thuật, Trung Tá Tất đã có cái nhìn rất chính xác về các trại Lực Lượng Đặc Biệt / Dân Sự Chiến Đấu Biên Phòng dọc theo biên giới, các đơn vị Mike Force (Biệt kích Quân Tiếp Ứng). Trại Lực Lượng Đặc Biệt / Dân Sự Chiến Đấu Biên Phòng có quân số cấp Tiểu Đoàn gồm 3 đến 4 Đại Đội Biệt kích Quân, do một toán A Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ và Việt Nam chỉ huy, nhiệm vụ của họ là theo dõi mọi hoạt động xâm nhập của Cộng Sản trong vùng lãnh thổ trách nhiệm. Tổ chức thám sát, phục kích, đánh tiêu

diệt nếu hoàn cảnh và khả năng cho phép, sau đó báo cáo tin tức lên cấp trên. Nhiệm vụ như vậy thì các Trại đã hoàn thành tốt đẹp, nhưng không ngăn chặn được triệt để các cuộc xâm nhập. Địa thế các Vùng Chiến Thuật 1, 2, 3 đều là núi rừng, quân của các Trại Biên Phòng tuy có gây tổn thất đáng kể cho các lực lượng xâm nhập của đối phương, nhưng khi những toán thuộc đoàn xâm nhập này đã thoát qua khỏi khu vực trách nhiệm của Trại, thì kể như đã an toàn. Trại không có trách nhiệm, cũng không có khả năng hành quân ra ngoài khu vực để truy đuổi, tiêu diệt bộ phận xâm nhập. Trách nhiệm của Trại là báo cáo lên trên, việc kế tiếp là trách nhiệm của Quân Đoàn - Quân Khu, nhưng tới lúc đó thì việc tìm diệt địch đã trở nên khó khăn, không còn kịp thời.

Lực Lượng Đặc Biệt Việt - Mỹ có tổ chức mỗi Vùng Chiến Thuật 1 đơn vị Mike Force gọi là Lực Lượng Quân Tiếp Ứng, cấp Liên Đoàn. Tại Nha Trang, nơi Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam và Bộ chỉ huy Liên Đoàn 5 Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ đồn trú còn có 1 Liên Đoàn Biệt kích Quân Tiếp Ứng Tổng Trừ Bị. Quan niệm lập ra những Lực Lượng Tiếp

Ứng và Tổng Trừ Bị này không phải là để hành quân khai thác tin tức của các Trại thu thập được nhằm tiêu diệt địch. Mục đích chỉ để sẵn sàng tiếp ứng, giải vây cho các Trại nếu bị địch tấn công, trong lúc Quân Đoàn / Quân Khu hay các Đại đơn vị Mỹ không thể phản ứng kịp thời. Chính Lực Lượng Đặc Biệt phải tự cứu nhau trước. Quan niệm này đã được thực nghiệm tốt đẹp khi Trại Dak San ở Vùng 2 Chiến Thuật bị quân Bắc Cộng tấn công, Liên Đoàn Mike Force Tổng Trừ Bị tại Nha Trang đã kịp thời cứu viện, đánh tan lực lượng Cộng Sản tấn công. Liên Đoàn Tiếp Ứng (Mike Force) tại Nha Trang được tổ chức chặt chẽ, trang bị và huấn luyện đầy đủ, binh sĩ đều được huấn luyện nhảy dù, không thua kém bất cứ đơn vị nào, nhất là những Tiểu Đoàn tham chiến có quân số từ 500 đến 700. Liên Đoàn này nhờ tham dự hành quân thường xuyên nên có kinh nghiệm tác chiến. Trái lại, các Liên Đoàn Tiếp Ứng (Mike Force) của các Quân Đoàn / Quân Khu thì ít hoạt động, không tổ chức hành quân nên không có kinh nghiệm tác chiến.

Nhìn thấy những hạn chế này, có một lực lượng trong tay mà để nằm không, hay đã làm quá ít, Trung Tá Tất khi về nhận chức vụ chỉ huy C3 Lực Lượng Đặc Biệt đã hình thành trong đầu một quan niệm khác về phòng thủ biên giới và ngăn chặn xâm nhập của Cộng Sản. Tình hình chiến sự đã và đang thay đổi, nhưng nhiệm vụ biên phòng của các Toán A, B, C của các Vùng Chiến Thuật vẫn duy trì như cũ. Ông Tất cho rằng thời kỳ xâm nhập lẻ tẻ của Cộng sản không còn nữa. Tuy bị tổn thất nặng nề trong thời kỳ này nhưng Cộng Sản không vì thế mà chùn bước, họ tiếp tục mạnh hơn, những cuộc xâm nhập nay được tổ chức thành đoàn, thành đơn vị, thành đại đơn vị. Ông Tất tự hỏi, ta phải làm gì để được hữu hiệu hơn, đáp ứng với tình hình mới? Ta có quân nhưng các Trại vẫn đánh kiểu lẻ tẻ,

không tác chiến được cấp Đại Đội, Tiểu Đoàn, đừng nói chi đến tác chiến cấp Chiến Đoàn. Chưa ai đưa ra sáng kiến tận dụng các Trại (tương đương cấp Tiểu Đoàn) để hỗ trợ nhau trong thế liên hoàn, lực lượng tiếp ứng cũng phải được xử dụng đặc lực hơn. Trung Tá Tất liền bắt tay vào việc rèn luyện cho đơn vị tiếp ứng cơ hữu của Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 3 Chiến Thuật để có thể xử dụng hữu hiệu.

Do vậy, Trung Tá Tất và Trung Tá Hayes hợp tác tổ chức ngay những cuộc hành quân cơ động Lực Lượng Đặc Biệt, xử dụng quân của 3 Tiểu Đoàn Biệt kích Quân Tiếp Ứng đóng tại Long Hải, Vũng Tàu. Nhưng không có trận nào lớn, chỉ đụng lẻ tẻ, mục đích là rèn luyện quân. Ông Tất và Cố

Vấn còn tung 1 Đại Đội Biệt kích Quân Tiếp Ứng di chuyển xuyên qua Chiến Khu Dương Minh Châu, Chiến Khu D. Phát xuất từ Sóc Con Trăng, Trại Tổng Lê Chân, di chuyển băng rừng và sẽ được đón tại Trảng Sụp, Tây Ninh. Đại Đội này tuyệt đối tránh chạm địch vì dễ bị tiêu diệt, mục đích là rèn luyện cho đơn vị tự tin, và làm quen với rừng núi. Không ngờ anh Đại Đội Trưởng lại là em vợ của Trung Tá Tất. Ba tuần lễ trôi qua trong hồi hộp, cuối cùng Đại Đội cũng đã đến được Trảng Sụp, Tây Ninh an toàn. Khi Ông Tất thuyên chuyển về Vùng 4 Chiến Thuật nhưng người em vẫn ở lại Vùng 3, không bao lâu sau nghe tin người em đã tử trận. Ông Tất về nhận xác em mà ghen ngào không biết nói thế nào với gia đình bên vợ.

Thời gian ở C3 chỉ là mới bắt đầu thực nghiệm quan niệm mới của mình, thì đã có thay đổi, tất cả chỉ để lại trong trí nhớ ông Tất một cách sâu đậm là khả năng và sự tận tụy của một vị Bác Sĩ người Mỹ.

Trong một cuộc hành quân chạm địch, phía mình có vài Biệt Kích Quân bị thương, trong đó có anh Biệt Kích Quân bị trúng đạn B40 nát cả khuôn mặt. Vì Biệt Kích Quân là Dân Sự Chiến Đấu nên không thể vào Tổng Y Viện Cộng Hòa chữa trị, Trung Tá Tất phải đưa anh Biệt Kích Quân mà ông cứ tưởng thế nào cũng phải chết về Bệnh xá cơ hữu của C3. Ở đây có một Bác Sĩ Mỹ, Y Tá là các Biệt Kích Quân đã được huấn luyện cứu thương. Sáng nào ông Tất cũng ghé thăm anh Biệt Kích Quân, chỉ khoảng một tháng sau thì anh ta đã khỏe mạnh, gương mặt còn có vẻ đẹp trai ra thêm, chỉ cái mũi xẹp nguyên thủy thì chưa được Bác Sĩ Mc Donald làm... giải phẫu thẩm mỹ. Trung Tá Tất khen, ông Bác Sĩ này vừa giỏi, lại rất tận tâm, đã đắp vá gương mặt anh Biệt Kích Quân thật tỉ mỉ, hoàn chỉnh.

Cũng ông ta đã cứu Đại Úy Phan Văn Ninh, Trưởng Trại Trảng Sụp, Tây Ninh. Ông Ninh thuộc khóa 17 Đà Lạt, trước đó cũng là Trưởng Toán Delta thuộc quyền ông Tất. Đại Úy Phan Văn Ninh đưa quân Trại Trảng Sụp đánh vào Chiến Khu D, bị trúng đạn bể xương chậu. Đại Úy Bác Sĩ Mc Donald kiên nhẫn gọi hết các bệnh viện của Mỹ tại Việt Nam và cả bên

Hoa Kỳ để tìm cho ra bằng được khung sắt thích hợp ráp, gắn xương cho Đại Úy Ninh. Nếu không, có lẽ Đại Úy Phan Văn Ninh sẽ phải nằm một chỗ suốt đời.

Sau Tết Mậu Thân, Tướng Đỗ Cao Trí về thay Tướng Lê Nguyên Khang làm Tư Lệnh Quân Đoàn III. Trung Tá Phạm Duy Tất bèn có cảm tưởng số phận long đong sẽ tiếp tục bám theo mình, nghĩ rằng Tướng Trí vẫn có

thành kiến xấu với mình, tuy vậy ông vẫn giữ bình thản, vẫn tổ chức hành quân và báo cáo đầy đủ cho Quân Đoàn. Một hôm, Tướng Trí gọi Trung Tá Tất trình diện, ông tiếp ông Tất rất vui vẻ. Ông Tất nói, ông không bao giờ quên câu nói cuối cùng của Tướng Trí với ông: Anh hành quân tốt lắm, tôi không ghét bỏ gì anh hết, nhưng tôi muốn hoán đổi anh với anh Chuẩn (Chỉ Huy Trưởng C4) để anh Chuẩn về làm việc với tôi. Tôi quen biết anh Chuẩn lâu rồi, từng làm việc với nhau nên muốn để anh Chuẩn về gần bên tôi cho vui. Nghe Sếp lớn nói vậy, Trung Tá Tất "Yes, Sir" ọ. Và lại, ông Tướng đã rất thẳng thắn, ông không phủ nhận khả năng của ông Tất, mà chỉ muốn có ông Chuẩn về kế bên... cho vui thôi.

Vậy là Trung Tá Phạm Duy Tất một lần nữa khăn gói bọc bị lên đường. Đi về Vùng 4 Chiến Thuật. Kỳ vọng trở thành một vị Tướng Việt Nam Cộng Hòa càng lúc càng lớn, càng mạnh mẽ hơn trong ông.

Chỉ Huy Trưởng C4 Lực Lượng Đặc Biệt

Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân

Quân Khu 4

Một lần nữa, "trong cái rủi có cái may", Trung Tá Nguyễn Thành Chuẩn đổi lên Vùng 3 gặp Tướng Trí thì Trung Tá Phạm Duy Tất đổi xuống Vùng 4 gặp Tướng Nguyễn Viết Thanh, rồi cũng sẽ gặp lại ông Phú, sắp làm Tư Lệnh Biệt Khu 44 và sắp được thăng Chuẩn Tướng. Trung Tá Tất khi còn mang lon Đại Úy vào những năm 1961 - 1962 đã có cơ hội gặp và quen biết với Trung Tá Thanh khi đó là Tỉnh Trưởng Long An. Trung Tá Tất tới thời điểm này vẫn chỉ quen thuộc tác chiến với các địa thế rừng, núi; sẽ có dịp khám phá vùng đồng bằng sinh lầy cũng là nơi ông ta có thể vùng vẫy ngang dọc. Lực Lượng Đặc Biệt Vùng 4 chủ yếu tập trung vào các Trại Lực Lượng Đặc Biệt / Dân Sự Chiến Đấu nằm dọc biên giới Việt - Miên. Cũng có vài trại nằm sâu trong nội địa như Trại Kinh Quận 2, nhưng cũng là nằm chặn trên trục xâm nhập của Cộng Sản.

Tổ chức lãnh thổ thì có Biệt Khu 44 chịu trách nhiệm 3 tỉnh Kiến Tường, Kiến Phong và Châu Đốc. Nói về tổ chức Biệt Khu thì các Vùng khác cũng

có Biệt Khu, như Vùng 1 có Biệt Khu Quảng Đà chịu trách nhiệm tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Vùng 2 có Biệt Khu 24 chịu trách nhiệm 2 tỉnh Pleiku - Kontum. Các Biệt Khu được thành lập, rồi giải tán, rồi thành lập lại tùy theo tình hình chiến sự. Chỉ riêng Biệt Khu 44 của Vùng 4 là được duy trì mãi, lâu nhất. Nhưng Biệt Khu thì không có quân cơ hữu. Trung Tá

Phạm Duy Tất chỉ huy Bộ Chỉ Huy C4 Lực Lượng Đặc Biệt trú đóng tại Cần Thơ. Trực thuộc có B19 là lực lượng Mike Force (Biệt Kích Quân Tiếp Ứng) cũng đóng quân ở Cần Thơ, B18 đóng tại Mộc Hóa, Kiến Tường chỉ huy các Trại Dân Sự Chiến Đấu trong 2 tỉnh Kiến Tường, Kiến Phong, B20 đóng tại Chi Lăng, Thất Sơn chỉ huy các Trại trong 2 tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên.

Tuy vậy, trên nguyên tắc Bộ Chỉ Huy C4 ở Cần Thơ trực thuộc thẳng Quân Đoàn - Quân Khu, không có liên quan gì đến Bộ Tư Lệnh Biệt Khu 44. Các Bộ Chỉ Huy B và các Trại A đều có trách nhiệm rõ ràng. Mỗi Trại đều đã được giao cho một khu vực riêng, chịu trách nhiệm theo dõi hoạt động xâm nhập của Cộng Sản từ Miền qua, sau đó báo cáo về Biệt Khu 44 để Biệt Khu có những biện pháp kế tiếp. Các Trại tung quân ra phục kích, do thám, hành quân trong phạm vi trách nhiệm. Chủ trương khi chạm địch là gây tiêu hao, gây khó khăn cho địch, nhưng không thể chặn đứng triệt để. Nhiệm vụ biên phòng không khác gì với các Quân Khu khác. Còn với các đoàn xâm nhập của Cộng Sản thì nếu có lỡ chạm trán các toán này, họ cũng không muốn đánh, mà rút cho nhanh về an toàn khu. Chính ở chỗ này Trung Tá Tất nhận ra là sau khi các Trại báo cáo về Biệt Khu hay Quân Đoàn thì lực lượng xâm nhập của Cộng Sản đã di chuyển đi mất rồi, chẳng kịp khai thác được kết quả phát hiện. Chuyện như thế đã kéo dài nhiều năm, chưa ai thấy để thay đổi. Nhiệm vụ này được giao trong những năm CSBV còn xâm nhập với những bộ phận nhỏ. Tình hình chiến sự đổi thay mà nhiệm vụ biên phòng vẫn giữ nguyên.

Trung Tá Tất, nhờ những kinh nghiệm hành quân Delta biết rằng Cộng Sản đã không còn xâm nhập bằng những toán nhỏ, khởi đầu là để bổ sung cán bộ, tiếp liệu, vũ khí. Sau trận Mậu Thân thì họ xâm nhập từng đoàn gồm cả 100 người nhằm bổ sung quân số. Họ đã và sẽ mang cả Đại đơn vị vào miền Nam. Thí dụ như Sư Đoàn 320 CSBV đã xâm nhập Vùng 2 hay Sư Đoàn 7 ở Vùng 3 như đã kể. Theo Trung Tá Tất, ở Vùng 4 phía Tây Nam với con kinh Vĩnh Tế chạy dài từ Châu Đốc đến Hà Tiên, quân Bắc Cộng có 3 đường xâm nhập chính. Từ bên Miền vượt được Trại Tô Châu, Hà Tiên rồi kéo thẳng xuống U Minh, nhưng con đường này phải xuyên qua nhiều khu vực đông dân cư, nên không phải ưu tiên một cho Cộng Sản chọn. Trái lại, ở phía Châu Đốc, chỉ cần vượt qua được bờ kinh Vĩnh Tế, vượt qua Trại Vĩnh Gia hay Trại Ba Xoài thì họ đã nhanh chóng lọt được vào vùng núi Thất Sơn, hoặc rừng Tràm Trà Tiên, thì coi như phía mình đã

mất dấu họ. Vì vậy, tuy đã về đến vùng đồng bằng sinh lầy, trận đầu tiên Trung Tá Phạm Duy Tất thử lửa lại là một trận đánh trên núi.

Núi Cô Tô.

Châu Đốc có Thất Sơn vẫn được coi là một vùng huyền bí, nên dân chúng Vùng 4 khi nhắc đến, họ thường gọi nhập chung là Thất Sơn Huyền Bí. Huyền bí nhất của Thất Sơn là núi Cô Tô, nơi có đồi và hang Tức Chụp được coi như bất khả xâm phạm, vì do một nhân vật huyền bí không kém là Châu Kem trấn thủ, anh này là Việt gốc Miên, vốn được dân địa phương "phong thần" với các phép tàng hình, đạn bắn không lủng, v.v... Từ lúc Cộng Sản nổi lên ở Miền Nam Tự Do cho đến đầu năm 1969, quân Việt Nam Cộng Hòa tiến lên Cô Tô nhiều lần, đánh tới đánh lui mãi, nhưng vẫn không chiếm được ngọn đồi này, đồi và hang Tức Chụp với Châu Kem vẫn tiếp tục là bất khả xâm phạm.

Bây giờ... cuối mùa Xuân 1969, Phạm Duy Tất đụng Châu Kem.

Trận Núi Cô Tô, Hang Tức Chụp.

Ghế Chỉ Huy Trưởng C4 ngồi chưa kịp nóng, với nhận định tình hình như kể trên, Trung Tá Tất vội vã mang là lực lượng B19 Mike Force của Thiếu Tá Từ Hải Phượng lên Thất Sơn.

Con đường xâm nhập của Cộng Sản vào Vùng 4, xuống mật khu U Minh, thì dãy núi Thất Sơn là nơi dừng chân nhanh nhất, an toàn nhất, lại có hang Tức Chụp trên núi Cô Tô có thể tạm cất giấu vũ khí, tiếp liệu kiên cố. Chiếm và bình định khu vực này, Trung Tá Tất có thể cô lập và hạn chế đường xâm nhập của địch, sau đó có thể tổ chức hành quân diệt lực lượng xâm nhập của Cộng Sản một cách triệt để. Mặc dù biết Liên Đoàn Mike Force của mình còn yếu, chưa có kinh nghiệm chiến trường, nhưng Trung Tá Phạm Duy Tất cũng quyết xử dụng họ để lấy kinh nghiệm, đồng thời chiếm lĩnh Thất Sơn. Mục tiêu đầu tiên là núi Dài với hang Ma Thiên Lãnh, cũng nổi tiếng huyền bí không kém hang Tức Chụp bên Cô Tô, nhưng không hiểm trở bằng. Có một hẻm núi ở giữa chia núi Dài ra làm hai, hang Ma Thiên Lãnh nằm lưng chừng trên triền phía Tây, hướng Bắc của hẻm núi, với độ dốc đứng khó lòng bò lên bò xuống, miễn nói đến đi thẳng người. B19 vào trận 1 tuần lễ, đã chiếm giữ gần hết cả núi Dài, nhưng dùng đủ cách, kể cả chong súng 105 ly bắn trực xạ vào miệng hang Ma Thiên Lãnh, cũng chẳng nhằm nhò gì. Miệng hang được che chở một cách tự nhiên bởi những tảng đá khổng lồ, "chê" cả đạn pháo binh.

Trung Tá Tất thấy không cần phải chiếm giữ hoàn toàn núi Dài, sau khi đã

yêu cầu Cố Vấn Mỹ trái bom bi lên khắp sườn núi phía Bắc, đối diện với kinh Vĩnh Tế, ngăn chặn không cho quân Bắc Cộng dùng làm đường xâm nhập nữa, quân Việt Cộng cũng không thể xử dụng được núi Dài, phải dồn hết về Cô Tô. Một đơn vị Biệt kích Quân được để lại án ngữ ở khu vực này. Liên Đoàn Mike Force được tung sang núi Cô Tô, là vị trí chính của Thất Sơn. Nhiệm vụ: Thanh toán hang Túc Chụp. Địa thế tại đây khó khăn hơn bên núi Dài, núi tuy nhỏ nhưng đầy những tảng đá lớn, không có cây cối, khiến đồi và hang Túc Chụp kiên cố một cách tự nhiên. Lực lượng Mike Force gồm 2 Tiểu Đoàn quân thảo với quân Bắc Cộng cả tuần lễ vẫn chưa thể tiến lên đồi, chiếm hang để tiêu diệt địch.

Vào lúc đó thì Đại Tá Micheal Healey, Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 5 Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ, đáo trực thăng xuống thăm Trung Tá Tất. Là "bồ bịch" lâu năm với nhau trong Lực Lượng Đặc Biệt, Đại Tá Healey muốn tặng phái quân của ông ta cho Trung Tá Tất "đánh chơi một trận", trở thành nhân vật đầu tiên chiếm được hang Túc Chụp. Lực lượng tặng phái của Đại Tá Healey là một Liên Đoàn Biệt Kích Quân Mike Force Tổng Trừ Bị gồm 3 Tiểu Đoàn, mỗi Tiểu Đoàn tham chiến tới 700 quân được trang bị "tới tận răng", do Thiếu Tá Trần Kim Đại chỉ huy ((sau này là Đại Tá Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 1 Biệt Động Quân). Là đơn vị thiện chiến, có kinh nghiệm chiến trường, nhất là đang sung sức, thêm lâm trận.

Hai bên Phạm Duy Tất - Micheal Healey bèn thỏa thuận lập kế hoạch mới, dàn đội hình hàng ngang mà tiến. Tiểu Đoàn dàn hàng ngang phía trước có Không quân yểm trợ, trái bom Napalm, binh sĩ tiến lên phải nhìn thấy nhau, chiếm từng tảng đá một, không được bỏ trống khoảng nào để cho Việt Cộng có thể len lỏi qua. Chiếm tới đâu thì "bàn giao đá" lại cho Tiểu đoàn phía sau chiếm lĩnh vị trí, không cho quân Bắc Cộng luồn lách bợ ra phía sau bắn vào lưng quân ta. Tiểu Đoàn sau cùng có nhiệm vụ làm an ninh, tiếp tế, tản thương. Cứ như thế Biệt Kích Quân đã đẩy lui quân Việt Cộng vào hang, chiếm toàn bộ hòn núi không bỏ sót một tảng đá, góc ngách nào. Dự tính lúc đó là chừa một khoảng trống phẳng trước miệng hang để cho chúng có một "lối thoát" (giăng bẫy chặn bắt lỏng). Cuộc chiến tới đây đã kéo dài một tuần lễ. Cuối cùng, Biệt kích Quân được lệnh chiếm luôn khoảng phẳng trước miệng hang. Quân Việt Cộng bên trong không thể nhô ra bắn vào quân ta, nhưng ngược lại quân ta cũng không thể xông lên tiến vào hang.

Hai bên ghìm nhau như vậy trong một ngày trời thì viên Cố Vấn Mỹ của Thiếu Tá Trần Kim Đại đã nản. Trời sẩm tối, Trung Tá Tất lên thăm Thiếu Tá Đại đang đặt Bộ Chỉ Huy ở...dưới gầm cầu, cách miệng hang chừng 300 thước. Ông Đại với lối chọn địa điểm đóng Bộ Chỉ Huy kiểu này nên khi lên Trung Tá thì anh em dưới quyền tặng luôn cho biệt hiệu "Anh Năm Ruộng", tức ông quan năm chuyên đóng ngoài ruộng. Thiếu Tá Đại cho

Trung Tá Tất biết ý nghĩ của Cố Vấn Mỹ, đòi rút quân vào sáng hôm sau. Nghe tin, Trung Tá Tất đâm hoảng, bao nhiêu công sức đã đổ vào, không lẽ thành "dã tràng xe cát biển Đông"? Trung Tá Tất bàn riêng với Thiếu Tá Đại, đêm nay anh cứ làm "vầy nè vầy nè"...Ông Tất kể, hôm rày cứ đánh theo kiểu quy ước mãi không được, bây giờ tôi quyết định chuyển sang lối đánh kiểu "du kích trị du kích" của Lực Lượng Đặc Biệt!

Đêm đó Thiếu Tá Đại chia Biệt Kích Quân thành nhiều toán nhỏ, trang bị toàn lựu đạn, không súng ống chi cả, lợi dụng lúc Việt Cộng đang mệt mỏi, đang ngủ, bò từ từ lên sát miệng hang tung lựu đạn tới tấp vào hang, càng nhiều càng tốt, và xúm nhau hô xung phong cho thiệt to. Tờ mờ sáng, ông Đại gọi cho ông Tất báo cáo, tôi đã lọt vào trong hang rồi, tụi nó "ăn" lựu đạn máu me tùm lum, thần "Châu Kem" chắc chắn đã được mời "quy tiên" luôn rồi! Đây là lần đầu tiên quân mình đặt chân được vào hang Tức Chụp. Nó quá to, mát mẻ, ngoài sự kiên cố còn có một dòng suối nước ngọt ngào mát rượi chảy quanh năm suốt tháng. Súng - đạn - thuốc men - lương khô chất đầy ắp. Chính Việt Cộng khoe rằng họ vẫn dùng nó làm hội trường rất an toàn, tiện nghi, dư sức chứa 150 đảng viên về tham dự. Sẵn trốn, Trung Tá Tất, Thiếu Tá Đại dẫn quân sang "chơi luôn" Núi Két, ngọn núi thấp nằm cạnh khoảng giữa con đường đất (độc đạo cho xe cộ) nối liền Châu Đốc - Chi Lăng. Dân chúng mừng quá trời quá đất, và kể từ đó người dân quanh Chợ Nhà Bàn mới có thể yên ổn "màn ăn". Toàn vùng Thất Sơn không còn bóng dáng Việt Cộng, dân chúng tha hồ đi lại đêm ngày không còn lo sợ phục kích, gài mìn trên đường nữa. Ông Tất về trình diện, báo cáo với Tướng Thanh, ông Thanh liền nói đề nghị cho ông Tất lên Đại Tá. Rất tiếc, lúc đó Trung Tá Tất chỉ mới nhiệm chức, chỉ xin huy chương thôi.

Tướng Nguyễn Viết Thanh nghe tin cũng mừng không thua gì dân chúng, tháp tùng phái đoàn Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa bay liền vào Thất Sơn, nhưng người đứng ra thuyết trình trận chiến lại là...Đại Tá Võ Hữu Hạnh, Tư Lệnh Biệt Khu 44. Tới đây thì tác giả há hốc nhìn Tướng Tất, trời đất,

vừa phải thôi ghen. Nhưng ổng bình thản lắc đầu nói, không sao đâu mà. Tướng Tất kể, ông ngồi nghe thuyết trình mà cứ thấy Đại Tướng Cao Văn Viên tùm tùm cười nhìn qua Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, còn Tướng Thanh thì cứ nhìn vào Trung Tá Tất lắc đầu. Cái "Không sao" của Trung Tá Tất là việc ngay sau đó thì Đại Tá Phạm Văn Phú đã về thay Đại Tá Võ Hữu Hạnh làm Tư Lệnh Biệt Khu 44. Trận Cô Tô vừa xong nhưng chưa chấm dứt... Chỉ là màn mở đầu thực hiện quan niệm phòng thủ biên giới và dùng quân trong phạm vi mình có sao cho hữu hiệu của Trung Tá Phạm Duy Tất. Vì vậy, từ ngày ông Tất tới Vùng 4 cho đến lúc ông ra đi, tình hình biên giới Việt - Miên đã từng bước thay đổi trông rất rõ, các vị Tư Lệnh Quân Đoàn IV và Tư Lệnh Biệt Khu đã không còn phải lo lắng nhiều

về vấn đề địch xâm nhập.

Trận Rừng Tràm Trà Tiên.

Được gắn huy chương nhưng đồng thời Trung Tá Tất cũng được Tư Lệnh Quân Đoàn IV gắn thêm cho một tin tình báo mới toanh: Đoàn xâm nhập lớn của Cộng Sản gồm 1 Tiểu Đoàn Đặc Công và 1 Tiểu Đoàn Phòng Không, gọi chung là Đơn vị G16, đang từ Vùng 3 di chuyển xuống Vùng 4. Trung Tá Tất lật đật bay trở lại Thất Sơn. Sáng sớm đang ở căn cứ B20 Lực Lượng Đặc Biệt của Thiếu Tá Ngô Hữu Âu tại Chi Lăng thì trực thăng của Đại Tá Phạm Văn Phú, tân Tư Lệnh Biệt Khu 44 cũng đáp xuống. Chỉ vừa xong màn tay bắt mặt mừng ông Phú đã lập tức yêu cầu ông Tất phải truy lùng cho bằng được tung tích của thẳng G16. Từ chức vụ Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Lực Lượng Đặc Biệt Vùng, không có nhiệm vụ tác chiến, Trung Tá Phạm Duy Tất đã tự đặt mình vào vai trò chỉ huy một đơn vị có quân nhiều (như một đại đơn vị), chấp nhận phối hợp chặt chẽ với Biệt Khu 44 để thực hành quan niệm mới của mình.

Trung Tá Tất thấy đây là một cơ hội tốt, dãy Thất Sơn đã không còn là nơi trú chân của các đơn vị xâm nhập Bắc Cộng nữa, nếu địa điểm cuối cùng họ muốn tới là mật khu U Minh thì chỉ còn một con đường duy nhất Trung Tá Tất đã "chừa lại" cho họ là chui luôn vào Rừng Tràm Trà Tiên sau khi đã vượt qua con kinh Vĩnh Tế (khu vực Trại Vĩnh Gia). Lệnh của Trung Tá Tất: Thiếu Tá Âu phải ra lệnh lập tức cho Trại Vĩnh Gia tung ngay nhiều toán phục kích nằm đợi. Thiếu Tá Từ Hải Phương cho Liên Đoàn B19 Tiếp Ứng ứng trực. Chính cá nhân ông thì liên lạc với Cố Vấn Mỹ yêu cầu chuẩn bị sẵn sàng yểm trợ Không Quân. Hai ngày sau, nửa đêm ở Cần Thơ Trung Tá Tất nhận tin cấp báo: Quân phục kích của Trại Vĩnh Gia đã chạm

súng với một toán quân lớn nói toàn tiếng Bắc. Ông ta ra lệnh phải bám chắc trận địa, nhất định không nhả toán nói tiếng Bắc ra, đưa thêm quân tăng cường chặn ngang kinh Vĩnh Tế, chẳng những vậy, sẽ có thêm quân tăng cường khác được đưa tới quyết bám đánh tới cùng.

Đơn vị Cộng Sản này vẫn coi thường, như thường lệ, cho rằng đã vượt qua được quân trú phòng là an toàn di chuyển, không cần phải gấp gáp. Hơn nữa Rừng Tràm Trà Tiên sinh lầy, đơn vị của họ lại đông, di chuyển tập trung không thể đi nhanh được. Giữa bầu trời tờ mờ sáng, đoàn trực thăng của Trung Tá Tất gồm cả trực thăng chuyển quân và trực thăng võ trang yểm trợ, xoành xoạch bay về hướng Thất Sơn, nơi Thiếu Tá Âu, Chỉ Huy Trưởng B20 đang đi tới đi lui chờ đợi. Thiếu Tá Âu trình bày, đúng y chang là thẳng em đã vượt Trại Vĩnh Gia, lọt vào được Rừng Tràm Trà Tiên nhưng đã đụng quân phục kích và vì sinh lầy nên chỉ loay hoay chưa đi xa, cũng không dám đâm vào dãy Thất Sơn vì núi Cô Tô đã lọt vào tay

quân Việt Nam Cộng Hòa. Không kịp gọi báo cáo với Đại Tá Phạm Văn Phú, Trung Tá Tất lập tức thả một Tiểu Đoàn Biệt Kích Quân Tiếp Ứng xuống phía Nam Rừng Tràm Trà Tiên, nơi đây là một khu vực khô ráo. Đồng thời ra lệnh toàn quân Trại Vĩnh Gia xuất trại dàn trận ở phía Bắc nhất quyết không cho đơn vị G16 CSBV có cơ hội rút ngược về đất Miên. Hai chiếc trực thăng LOH (loại giống như con nòng nọc) được lệnh bay sát ngọn, thổi rạp những cây tràm xuống đồng thời thả lựu đạn khói màu đánh dấu, sau đó là các phi đoàn Cobra xạ kích, bắn rocket, kế đến là các phi đoàn oanh tạc liên tiếp ập tới. Phía dưới G16 chỉ còn biết trăn mình chịu trận.

Rừng Tràm Trà Tiên rộng lớn, cây tràm thấp, quân CSBV phân tán ra trốn tránh nhưng không thể thoát khỏi sự tìm kiếm của hai trực thăng LOH. Trung Tá Tất quyết định không cho quân bộ vào xáp chiến vì không quân hữu hiệu hơn, lại tránh được tổn thất. Suốt một ngày không quân quân thảo không ngừng nghỉ. Ngày hôm sau lại tiếp tục lùng sục, oanh tạc, xạ kích. Chuẩn Tướng Tất bây giờ đã tuổi 80, chớp chớp mắt khi kể đến đây, giờ nghĩ lại sao chiến tranh lại tàn nhẫn, tàn khốc quá, 2 chiếc nòng nọc liên tục báo cáo xác người phía dưới nổi lênh bênh, chỗ nào cũng thấy, súng ống vương vãi khắp mọi nơi. Ông Tất lắc đầu, bấy giờ mình quá hăng, nhất quyết không cho hai lực lượng của mình ở hai phía Bắc - Nam nhả gọng kìm ra.

Hệ thống truyền tin của Lực Lượng Đặc Biệt Việt - Mỹ hoạt động rất nhanh chóng. Chỉ sang ngày hôm sau Đại Tá Micheal Healey đã nhận được tin, ông ta xách máy bay bay một mạch tới Thất Sơn kiếm ông Tất. Trong lúc Biệt kích Quân được tung vào thu dọn chiến trường, Đại Tá Micheal Healey lên trực thăng C&C (chỉ huy) của Trung Tá Tất bay phía trên quan sát. Phía 2 chiếc LOH vẫn tiếp tục lùng sục, chiếc L-19 vẫn tiếp tục hướng dẫn các phi tuần oanh tạc nếu tìm ra dấu tích địch. (Sau này, Healey thăng cấp Thiếu Tướng, Chỉ Huy Trưởng Trường John Kennedy Institute For Special Warfare ở Hoa Kỳ). Chuẩn Tướng Tất nói, không hiểu lúc đó Healey nghĩ gì, riêng ông nhìn xuống phía dưới im lìm không một chuyển động sao mà thê lương quá, một ý nghĩ chợt bật lên... ôi, họ cũng là người Việt Nam như mình... Nhưng chiến tranh mà, sao CSBV đang tâm đẩy thanh niên Việt Nam vào đây "sinh Bắc tử Nam"? Còn phía mình phục vụ đâu phải là phía gây chiến.

Hai chiếc LOH chuyển hướng, quần sang khu núi Cô Tô, theo linh tính "nghề" Lực Lượng Đặc Biệt, xem có đám quân nào cố sống chết chạy thoát sang đây trong đêm không? Đúng như dự đoán, một toán thuộc G-16 đã chạy dạt được sang cuối phía Nam ngọn núi, họ đã đào xong hầm trú ẩn, tự tin (hoặc cùng đường) bắn luôn lên trực thăng. Hai chiếc LOH đã dùng đại liên, rồi cả lựu đạn tọng xuống, khi 2 chiếc này phải bay đi nhận thêm

nhiên liệu ở phi trường Chi Lăng thì trực thăng C&C của Trung Tá Tất và Đại Tá Healey vào vùng ném lựu đạn khói cho L-19 hướng dẫn các phi tuần, vì phi công L-19 không thể bay sát xuống quan sát được. Tiếng súng đã hoàn toàn im bật, hãm hố tước lên hết. Trận chiến đã thật sự tàn. Trước đó không bao lâu, Trung Tá Tất suýt mất mạng một lần nữa. Lúc chiếc C&C của ông Tất trở về phi trường Chi Lăng đổ xăng, ông Tất thừa dịp nhảy xuống kiểm chỗ giải tỏa cái bụng đầy ắp nước, khi trở lại thì thấy một anh chàng Mỹ xách máy PRC-25 chui vào trước. Đằng sau phi công là hai ghế đầu lưng vào nhau, dành cho cấp chỉ huy ngồi nhìn ra ngang hông rất dễ quan sát trận địa phía dưới khi phi công cho trực thăng lắc nghiêng sang một bên. Anh chàng này là Ban 3 của Toán B Mỹ, hăng quá cũng muốn nhào lên trực thăng bay đi xem. Vốn quen làm lý, ông Tất bỏ mặc, lên ngồi hàng ghế ngang phía sau. Lúc toán tàn quân G16 ở cuối phía Nam núi Cô Tô khai hỏa, một tràng AK ghim thẳng vào anh chàng Mỹ này, 1 viên chui đúng vào tim. Chở người chết thay mình về Bệnh viện Châu Đốc, bay trở lại thì có 1 chiếc L-19 bất ngờ rớt xuống Rừng Tràm Trà Tiên,

không rõ bị hư máy hay bị bắn. Nhưng chiếc C&C của tôi đã kịp thời nhào xuống cứu thoát viên phi công.

Chuẩn Tướng Tất kể xong, lắc đầu chơi một câu lính Cộng Hòa vẫn thường dùng để tự trấn an mình, "Ôi, đạn nó... tránh mình, chớ mình làm sao mà tránh nó, hả Đồ Sơn"? Tác giả chỉ biết cười trừ, đâu có câu trả lời nào "chính" được cái câu "huề tiền" đó. Chỉ có anh Đại Úy Mỹ này là người duy nhất tử trận. Vài tháng sau Phòng 2 Quân Đoàn 4 cho biết 1 tù binh đã khai đơn vị G-16 bị tiêu diệt hoàn toàn, chỉ còn lại 7 người sống sót trong đó đã có 4 bị thương. Phía Mỹ trao tặng Trung Tá Tất huy chương Silver Star. Chiến thắng lớn, thật lớn nên đích thân Phó Tổng Thống Trần Văn Hương bay xuống Cao Lãnh, nơi đặt Bộ Tư lệnh Biệt Khu 44, cũng là nơi đang triển lãm hàng đồng đồng cao hơn đầu người số vũ khí tịch thu được trong trận Rừng Tràm Trà Tiên, kể cả đại liên phòng không, đủ thứ đại liên, súng cối 82 ly... Có Tướng Nguyễn Viết Thanh, Tư Lệnh Quân Đoàn IV tháp tùng.

Không biết đã dự định trước hay vì choáng váng trước chiến thắng quá lớn, Cụ Hương đột nhiên ra lệnh gấn sao Chuẩn Tướng cho Đại Tá Phạm Văn Phú. Sao đâu giữa lúc này? Tướng Thanh như sợ mất dịp thăng cấp đặc cách của thuộc cấp, vội vã lột lon của mình là 2 sao, bẻ đôi ra giao cho Cụ Hương gấn lên hai bên cổ áo tân Chuẩn Tướng Phạm Văn Phú. Dĩ nhiên ông Tất cũng mừng rơn lên cho người bạn nối khố của mình. Nhưng kể tới đây thì đột nhiên Chuẩn Tướng Tất dậm ra... dị đoan ngang xương, ông trầm ngâm có lẽ vì cái vụ "bẻ sao" là... điểm rụng sao, nên Tướng Thanh không bao lâu thì tử trận giữa lúc chỉ huy hành quân. Tác giả hỏi ông Tất: "Nếu Tướng Thanh chưa mất thì tương lai của Trung Tá Tất sẽ như thế

nào? Có thể được thăng cấp, thay ông Phú sau khi ông rời Biệt Khu 44 đi làm Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt không? Ông Tất chếp miệng, trả lời không do dự: Tướng Thanh chứng kiến những cuộc thắng trận của tôi, ông đang ưu ái tôi, tôi thường xuyên gặp ông trong thời kỳ này. Những chuyện Đỗ Sơn hỏi rất có khả năng xảy tới lắm.

Tới đây, tác giả phải nhìn nhận một điều: Tác giả vốn phục vụ 3 năm liền ở Thất Sơn, quen địa thế, lại làm việc với Ban 3 nên có cơ hội theo dõi diễn tiến những trận đánh đã xảy ra. nhưng theo dõi diễn tiến này chỉ là theo dõi suông, mà không nhìn ra điều gì, chỉ thấy biết sau khi nghe Tướng Tất kể chuyện: Mở ra trận Cô Tô là nhằm chuẩn bị cho Trận Rừng Tràm Trà Tiên, là lừa địch vào chiến trường do Trung Tá Tất chọn sẵn. Lệnh cho quân Trại

Vĩnh Gia phải quyết bám sát địch là tạo cho địch một bất ngờ lớn. Vì trước đây theo thói quen các tổ phục kích của trại mỗi khi chạm địch, diệt được vài tên, lấy được vài khẩu súng đã cho là lập được chiến công rồi rút về báo cáo tin tức, nghỉ ngơi, chưa bao giờ bám theo địch đánh tiếp hay truy kích tiếp. Ở trận này mọi chuyện ngược lại hết, còn bung quân ra thêm để chặn địch khiến họ không dám nghĩ tới chuyện rút ngược về đất Miên.

Sở dĩ có thắng lớn là do đã tạo được sự bất ngờ đối với lực lượng xâm nhập G16 CSBV. Cắt đứt con đường xâm nhập an toàn nhất của quân Bắc Cộng (dãy Thất Sơn), đổ thêm quân cấp kỳ, chặn họ ở cả hai đầu và tạo ra một mặt trận tiêu diệt là những sự kiện họ không thể ngờ tới. Ông Tất là một Sĩ quan thiện chiến vừa là một Sĩ quan rất giỏi về tham mưu! Đồng thời tác giả cũng nhớ lại nhận định chung của phía Sĩ quan cao cấp Mỹ tham chiến Việt Nam trong khoảng thời gian này: lúc các Sĩ quan VNCH cấp Trung Đoàn Trưởng đã gia nhập được vào hàng ngũ chỉ huy cao cấp quân đội thì chiến cuộc sẽ thay đổi theo chiều hướng thuận lợi về phía họ. Chẳng bao lâu sau, Trung Tá Phạm Duy Tất vinh thăng Đại Tá.

Trận Mộc Hóa

Thời gian cuối năm 1969, Phòng 2 Quân Đoàn IV báo tin có một Sư Đoàn CSBV đang lảng vảng bên phần đất Miên đối diện với Trại Thạnh Trị, có thể chuẩn bị xâm nhập. Trung Tá Tất ra lệnh cho Thiếu Tá Vũ Dương Kiểm, Chỉ Huy Trưởng B18 Lực Lượng Đặc Biệt tại Mộc Hóa phải tích cực theo dõi, tổ chức phục kích ngày đêm.

Đường xâm nhập của Cộng Sản qua vùng này để đưa quân và vũ khí xuống Tiền Giang và không giống như đường xâm nhập xuống mật khu U Minh. Con đường này dân cư nhiều, địa thế tuy khô ráo nhưng phải di chuyển rất xa và không có những trạm dừng quân an toàn. Họ chỉ lợi dụng những con kinh rậm rạp để ẩn náu, khi họ đã lọt qua được biên giới và di chuyển thì

bên ta cũng mất nhiều thời gian để phát hiện được họ đang ở khúc sông, rạch vùng nào đó...Tết Âm Lịch 1970, Chuẩn Tướng Tất kể, ông đã mang gia đình từ Sài Gòn xuống Cần Thơ rồi từ Cần Thơ xuống Chi Lăng, Thất Sơn, cùng ăn Tết. Nhưng chưa đến giờ giao thừa thì Thiếu Tá Kiểm từ Mộc Hóa gọi qua báo cáo đơn vị của ông ta đang đụng địch. Kể từ sau vụ Việt Cộng lợi dụng hưu chiến tấn công khắp Miền Nam ngay trong 3 ngày Tết Mậu Thân, Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa mỗi khi Tết đến chỉ ra lệnh cho Quân đội hưu chiến 1 ngày Mùng 1 mà thôi. Nghe ông Kiểm báo cáo, ông Tất biết ngay lực lượng CSBV lợi dụng hưu chiến để xâm nhập. Vì Phòng 2 Quân Đoàn từng cho biết lực lượng này là cấp Sư Đoàn 88 CSBV, thật ra, đó là cấp Trung Đoàn, Trung Đoàn 88 thuộc Sư Đoàn 1 CSBV.

Đây là một Đại đơn vị khác của Cộng sản muốn xâm nhập vào đồng bằng sông Cửu Long, nối tiếp Sư Đoàn 320 CSBV ở Vùng 2 Chiến Thuật, Sư Đoàn 7 CSBV ở Vùng 3. Nay đến lượt Vùng 4. Thiếu Tá Kiểm cho biết những tổ phục kích của ông đã tiêu diệt được một số quân Bắc Cộng, nhưng đơn vị của họ khá đông, ông xin rút quân. Ông Tất giữa đêm giao thừa lên trực thăng bay ngay sang Mộc Hóa, gia đình thì phải về lại Cần Thơ ngày hôm sau, thế là mất một dịp ăn Tết sum họp với vợ con. Vào đúng ngày hưu chiến, Trung Tá Tất ra lệnh cho Thiếu Tá Kiểm vẫn cứ đánh, phải bám trận địa, vì địch vi phạm lệnh hưu chiến trước, họ chuyển quân xâm nhập ngay trong ngày Mùng Một. Trung Tá Tất gọi Cố Vấn Mỹ yêu cầu xin trực thăng đổ quân, Cố Vấn Mỹ của ông gọi, nhưng phía Cố Vấn Quân Đoàn từ chối: phía Mỹ chỉ có thể tham chiến sau 12 giờ đêm Mùng Một, lúc lệnh hưu chiến không còn hiệu lực nữa. Biết không thể

thuyết phục được để đổ quân tham chiến, nhưng Ông Tất vẫn quyết định không bỏ qua để cho đơn vị Cộng sản rời Mộc Hóa một cách an toàn. Ông lại bàn với Cố Vấn của mình, yêu cầu cho đổ quân tăng cường xa về phía Nam Mộc Hóa chặn không cho đơn vị địch vượt qua. Cố Vấn của Ông Tất nghe hợp lý (không vi phạm lệnh hưu chiến), gọi lại cho Tướng George Eckhardt, Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn IV, ông này chấp thuận. Tuy vậy cũng phải sau 12 giờ đêm phía Mỹ mới cung cấp trực thăng đổ quân.

Quan niệm của Ông Tất lúc bấy giờ là phải cơ động hóa quân các Trại (ngang với cấp Tiểu Đoàn) để họ làm quen với chiến trường lớn hơn, huấn luyện cho họ có khả năng đánh cấp Tiểu Đoàn rồi dần dà đánh cấp Liên Đoàn. Thiếu Tá Kiểm dùng quân Trại Bình Thạnh Thôn. Trưởng Trại là Thiếu Tá Tạ Thành Lộc, Ông Tất vốn rất thích lối đánh giặc của Thiếu Tá Lộc, từ lâu đã đặt biệt danh ông này là Paul Húc. Lúc này lực lượng xâm nhập của địch, mà phía mình vẫn định ninh là cấp Sư Đoàn, đã vượt qua khỏi khu vực Mộc Hóa, nương theo con rạch phía Tây thị xã. Sông không rộng, hai bên bờ cây cối rậm rạp nhưng không cao, bên ngoài là đồng ruộng, quân Bắc Cộng cứ men theo rặng cây dọc bờ sông để đi. Đúng 12

giờ 1 phút (không biết đồng hồ Trung Tá Tất có chỉnh đúng theo giờ quốc tế không?), một Đại đội được trực thăng bắt đầu đổ quân. Ông Tất quyết định đổ quân xa về phía Nam chặn địch, chờ sáng thì bắt đầu tấn công. Cuộc đổ quân ban đêm, Ông Tất kể, cảnh tượng thật là đẹp vô cùng, và cũng là lần đầu tiên Trung Tá Tất được chứng kiến về sự phối hợp hành quân trực thăng vận đêm vô cùng chặt chẽ. Trực thăng chia thành nhiều tầng trên không trung. Hai chiếc trực thăng trên tầng cao nhất liên tục thả hỏa châu soi sáng bãi đáp và mục tiêu. Hai chiếc khác ở tầng thấp hơn thì xử dụng đèn pha dưới bụng chiếu sáng. Các trực thăng võ trang ở tầng thứ ba quần thảo, xạ kích, chuẩn bị bãi đáp. Tầng cuối là đoàn trực thăng đổ quân xuống. Phải mất 3 "lift" mới đổ xong quân Trại Bình Thạnh Thôn. Bãi đáp rất trống trải nhưng không phải là đất khô ráo. Biệt Kích Quân Bình Thạnh Thôn đã phải chịu ướt đầm suốt đêm dàn đội hình chặn địch.

Chuẩn Tướng Tất giải thích, bây giờ vẫn định ninh địch là cấp Sư Đoàn nhưng tôi vẫn quyết định đánh là vì: 1/ Tin vào phản ứng nhanh chóng của phía Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ. 2/ Tin rằng lực lượng xâm nhập không có ý định chiến đấu. Và tôi cũng nghĩ đến cơ cấu chỉ huy của họ. Thủ Trưởng và Chính Ủy của họ thì Thủ Trưởng chỉ huy tác chiến, nhưng quyền quyết định lại nằm trong tay Chính Ủy. Nói chung ở chiến trường miền Nam,

CSBV đa số trường hợp là ở trong thế chọn chiến trường, họ nghiên cứu địa hình trước, chuẩn bị trận địa, phối trí quân cho học tập cách chiến đấu trước, rồi mới chọc cho quân Việt Nam Cộng Hòa vào. Trường hợp muốn tấn công một cơ sở của chúng ta, họ dành thời gian điều nghiên kỹ lưỡng trước, rồi lập sa bàn, học tập chiến đấu. Chính Ủy chấp thuận và phân chia nhiệm vụ thì các Thủ Trưởng cứ vậy mà thi hành, không quyết định thay đổi được, không xử lý ngay được khi tình huống đổi khác. Đang chuyển quân thì họ không thể triển khai đội hình khác với lệnh đã ban ra. Hơn nữa di chuyển dọc kênh rạch thì chẳng thể nào có đội hình mà triển khai.

Chỉ có điều trong trận này, vì cứ tưởng địch là cấp Sư Đoàn quá đông so với lực lượng cơ hữu của B18 Lực Lượng Đặc Biệt, nên Ông Tất đành chịu không cho tổ chức dàn quân ở mặt Bắc nhằm ngăn không cho địch rút ngược về đất Miên. Khác với Trận Rừng Tràm Trà Tiên.

Trời vừa sáng Trung Tá Tất ra lệnh tấn công, cắt khúc sông thành những đoạn nhỏ đánh vào đối phương. Quả nhiên họ không sẵn sàng chiến đấu, bị chia cắt nên các Thủ Trưởng không thể phối hợp chiến đấu, nên đã nhanh chóng tan rã trước lối tấn công lãn xả của Biệt Kích Quân và toán trực thăng thì xạ kích không ngừng. Theo dõi cuộc chiến quá ngoạn mục, lực lượng Địa Phương Quân tỉnh Kiến Tường cũng hăng máu lên, gọi máy xin nhập trận tiếp chiến, chính họ cũng đã tịch thu được vài chục vũ khí địch, kể cả trung liên. Một bộ phận của CSBV chạy ngược được về đất Miên,

một bộ phận nhỏ khác chạy về vùng Kinh Quận 2, rồi cũng bị Biệt Kích Quân Trại Kinh Quận 2 dưới quyền Đại Úy Nguyễn Ngọc Giang và Địa Phương Quân tại đây chặn đánh tan tác.

Lại thêm một chiến thắng lớn.

Một buổi trưa thứ Bảy cuối tháng Tám 2013, tác giả tìm gặp Thiếu Tá "Paul Húc" Tạ Thành Lộc tại Thành Phố Garden Grove, California. Lúc này hai anh em chúng tôi mới có dịp cùng nhau ôn lại chuyện cũ, khoảng thời gian còn trai trẻ. Bây giờ Thiếu Tá Lộc đã vào tuổi già, nhưng vẫn còn phong độ của "Paul Húc", một tay chơi Nam Bộ nhưng cũng là một tay đánh giặc khét tiếng, một Tiểu Đoàn Trưởng tự tay bỏ ném lựu đạn vào địch quân.

Thiếu Tá Lộc: Đang cùng anh em ăn Tết trong Trại Bình Thạnh Thôn, nghe ông Tất bay xuống Mộc Hóa là tôi biết coi bộ cái vụ ăn Tết hết còn ngon trớn rồi. Thiệt vậy, đâu có lâu lắc gì thì Thiếu Tá

Kiểm Chỉ Huy Trưởng B18 gọi máy kêu tôi phải chuẩn bị sẵn sàng, còn dặn là sắp đánh một trận lớn. Các Sếp chúc Tết kiểu này, tôi nghĩ nguyên cả năm Trại Bình Thạnh Thôn sẽ được "lội" mệt xỉu luôn.

Tác giả: Ông Tất kể đêm Mừng Một Tết anh và quân nằm chơi dưới nước chờ sáng hả anh Lộc?

Thiếu Tá Lộc(cười):Còn gì nữa, Việt Cộng nó hại mình, nó lợi dụng hưu chiến nên mình bị thả xuống phía Nam nằm chặn, Ông Tất sợ tụi nó chạy mất. Tới sáng sớm thì trực thăng bốc tụi tôi một lần nữa từ phía Nam đổ thẳng xuống khu Bằng Lăng - Phụng Thốt. Kiểu đổ quân của Ông Tất thì Đổ Sơn rành quá rồi, quân của tôi vừa nhảy xuống trực thăng thì chỉ cách Việt Cộng chừng 30 thước (đưa tay chỉ...tấm vách tường trước mặt). Vậy mà trực thăng không bị bắn rớt mới tài, nói nào ngay đám trực thăng võ trang bắn che cho quân mình cũng nổ dữ dẫn lắm. Con rạch thì cái ngang cái dọc, tụi nó hết đường chạy. Nghe báo cáo có mấy binh sĩ vừa xuống là bị đạn trúng thương liền, vì tiếng trực thăng ồn quá đâu có nghe nổ từ đâu. Cố Vấn của tôi gọi lên trực thăng cự nự tụi Phi công "Tây", sao tụi bây bắn xuống trúng lính tao? Tụi "Tây" cự lại rùm beng, VC bắn quân mày chứ tụi tao đâu có... "crazy". Như thường lệ, tôi vác lựu đạn chạy dẫn đầu, quân Bình Thạnh Thôn ào ào theo sau, la hét rân trời, bắn tới tấp vào đám địch quân đang núp trong lùm bụi cạnh bờ rạch.

Tác giả: Tại sao anh phải cầm lựu đạn dẫn đầu?

Thiếu Tá Lộc(cười rất đã):Ừa, cái này là lính Bình Thạnh Thôn quen thấy vậy rồi, tôi mà quên thì mấy thằng em... mất hứng liền.Vậy đó. Như vụ Núi Cọp sau này bên Rạch Giá, tôi cầm lựu đạn dẫn đầu nhào xuống khỏi trục thăng thì Việt Cộng nó chần dần trước mặt rồi, tôi vừa tung trái lựu đạn đầu tiên thì nó ria liền vào ruột tôi một loạt AK nhưng...hổng hề hấn gì, lòi chút ruột thôi, lính tôi lòi ra phía sau tản thương nhưng lúc đó tụi nó bắn rát quá đầu xuống được. May phước lúc đưa về bệnh viện mấy cha bác sĩ nói trể chừng nửa tiếng thì tôi theo ông bà rồi. (Lại cười hề hề). Mấy thằng em tôi đâu có vừa gì, bắn thì bắn

còn tung lựu đạn thì cứ tung. Kết thúc thật đẹp, chưa tới một tiếng đồng hồ.

Tác giả: Vậy kết quả trận Mộc Hóa thì sao?

Thiếu Tá Lộc: Phải nói đây là một trận để đời của Trại Bình Thạnh Thôn. Đánh cấp Tiểu Đoàn nha, đụng nguyên một Trung Đoàn, chừng 4 tiếng sau thì phía Việt Cộng im tiếng súng, để lại chừng 50 xác chết, nhưng vũ khí mình thu được hơn 100 đủ loại, chắc một mớ xác chìm xuống rạch cũng hổng chừng. Quên nữa, gần cuối trận thì Địa Phương Quân xin ông Tất nhập trận, ổng OK, vậy mà họ cũng tịch thu được mười mấy khẩu chớ đâu có ít.

Tác giả: Theo anh thì trận Mộc Hóa này có ảnh hưởng gì đến các Trại Biên Phòng của mình?

Thiếu Tá Lộc:Có chớ sao không? Quân Bình Thạnh Thôn tự tin hơn, mấy Trại khác cũng vậy. Xưa nay tụi tôi chuyên làm ăn lẻ, phục kích đêm gặp tụi nó vừa sức thì nổ kiếm chút cháo, nó đông hơn thì mình lạng lẽ bò về Trại gọi báo cáo liền cho mấy lực lượng lớn hơn chặn đánh tụi nó. Tôi thì chỉ tiếc lúc đó là hưu chiến ông Tất phải làm gấp, chớ nếu ổng có thì giờ kiếm thêm được một mớ quân chặn ở phía Bắc đường rút về biên giới thì còn lâu tụi Sư Đoàn 1 mới đủ sức kéo trở lại đánh Mộc Hóa sau này.

Trung Đoàn 88 CSBV đã tưởng rằng có được một đêm và một ngày trong thời gian hưu chiến là đã đủ để di chuyển an toàn đại quân của họ xuống Tiền Giang, không ngờ nguyên tắc phòng thủ đã thay đổi theo lệnh Trung

Tá Tất khiến cho đại đơn vị lâm nạn lớn. Nguyên một Trung Đoàn 88 tan nát chỉ bởi 1 Trại Biệt Kích Quân và những đơn vị Địa Phương Quân. Sư Đoàn 1 CSBV nổi khùng lên, sau một thời gian ngắn gom tàn quân, chỉnh đốn lại đơn vị, đã tung toàn lực lượng xuống đánh Mộc Hóa. Khổ cho họ, lần này là Sư Đoàn 7 Việt Nam Cộng Hòa, đích thân Tướng Nguyễn Khoa Nam đưa 2 Trung Đoàn vào Mộc Hóa "trần trọng tiếp kiến" họ. Trung Tá Tất cũng từ Chi Lăng bay đến Mộc Hóa, nhưng Quân Đoàn IV đã phản ứng quá lẹ, Sư Đoàn 1 CSBV vừa vượt qua biên giới thì lúc trời nhá nhem tối Tướng Nam và Sư Đoàn 7 của ông đã có mặt tại sân bay Mộc Hóa, khai

triển chiến đấu ngay lập tức. Kết quả trận này y như trận trước: Cộng quân lại phải chạy ngược về đất Miên.

Cuộc chiến Việt Nam đang rẽ vào một khúc ngoặc quan trọng: Việt Nam hóa chiến tranh. năm 1970 Việt Nam Cộng Hòa mở chiến dịch vượt biên truy diệt các Đại đơn vị CSBV, những khu an toàn, kho lương thực tiếp vận của họ trên đất Chùa Tháp. Tướng Đỗ Cao Trí Tư Lệnh Quân Đoàn III và Tướng Nguyễn Viết Thanh Tư Lệnh Quân Đoàn IV đang chuẩn bị đơn vị, tiếp liệu, v.v... Nhiệm vụ của Tướng Trí là san bằng mật khu Mỏ Vẹt, tiến thẳng lên DamBe, Snoul, Chup. Tướng Thanh dẫn 4 Chiến Đoàn Bộ Binh phối hợp Thiết Giáp từ phía Nam đánh lên. nhưng nhân dịp vừa đập cho Sư Đoàn 1 CSBV một trận đích đáng khiến họ phải quay đầu chạy ngược qua bên kia biên giới, Tư Lệnh Quân Đoàn IV Nguyễn Viết Thanh không còn kịp chờ lệnh Bộ Tổng Tham Mưu nữa, cũng không chờ Quân Đoàn III vượt biên đồng bộ, ông xua quân đánh luôn qua Kampuchia. Cái khổ của quân Việt Nam Cộng Hòa khi tiến sang đất Miên đánh địch, không được vào sâu hơn 30 cây số. Không Lực Hoa Kỳ cũng bị hạn chế, chỉ có thể yểm trợ cho quân Việt Nam Cộng Hòa trong phạm vi này mà thôi. Vì vậy các đơn vị Bắc Cộng chỉ cần chạy thoát về hướng Bắc, vượt qua khỏi giới hạn đó, thì kể như họ thoát nạn. Trung Tá Tất gọi "giới hạn 30 cây số" là chủ trương "No Win War", là trận giặc phía ta không được cho phép thắng!

Hai Quân Đoàn III và IV tiến quân sang Kampuchia là một trận thắng lớn, nhưng đã khiến cho Việt Nam Cộng Hòa mất hai vị Tướng tài. Đầu tháng Năm 1970, ngay trong ngày đầu tiên, chiếc C&C của Tướng Nguyễn Viết Thanh đã bị một trực thăng Cobra đụng phải, ông tử nạn. Mười tháng sau, tháng Hai 1971, vẫn đang chỉ huy cuộc hành quân ngoại biên, Tướng Đỗ Cao Trí cũng tử nạn trực thăng tại tây Ninh. Sau khi Tướng Thanh tử nạn, Tướng Trần Bá Di vẫn bình tĩnh điều động Sư Đoàn 9 BB làm mũi đột phá chính của Quân Đoàn IV, mang lại chiến thắng cho Quân Đoàn. Trung Tá Tất, với 3 chiến thắng lớn liên tiếp, chứng tỏ được khả năng tự chọn chiến trường, khả năng điều quân nhanh chóng, đạt kết quả lớn, dù chỉ là Biệt Kích Quân giới hạn cả về quân số lẫn kinh nghiệm tác chiến. Tướng Nguyễn Viết Thanh chứng kiến và hiểu rõ hơn ai hết. Cái chết của Tướng

Thanh không những Quốc gia và Quân đội mất đi một trong những cấp chỉ huy tài giỏi, mà ông Tất còn mất cơ hội riêng của cá nhân mình.

Kể từ lúc về năm C4 Lực Lượng Đặc Biệt ở Vùng 4 Chiến Thuật, Trung Tá Phạm Duy Tất đã làm xáo trộn, lật tung những con đường quân Bắc Cộng

xâm nhập từ đất Miên sang lãnh thổ trách nhiệm thuộc Vùng 4 Chiến Thuật. Hai Trung Đoàn CSBV đã "lãnh búa" quá nặng ở Rừng Tràm Trà Tiên phía Tây, và Mộc Hóa ở phía Đông. Phía Cộng Sản giờ đây tiến hóa lưỡng nan trong việc chọn đường xâm nhập, đã phải liều lĩnh chọn phía Tây, vì dù sao địa thế ở đó cũng không trống trải như con đường xuyên qua hai tỉnh Kiến Phong - Kiến Tường để về Tiền Giang. Đó là lý do vào đầu năm 1972, lúc này tác giả đã về làm Tùy Viên cho Đại Tá Phạm Duy Tất được một thời gian, khi đi bay vẫn thường phát hiện các toán quân chính quy Bắc Cộng di chuyển dọc bờ kinh Vĩnh Tế phía đất Miên, từ hướng Đông sang Tây. Nhưng trước khi đề cập đến trận KamPong Trach 1972, xin nói sơ lược qua về những thay đổi ở Quân Khu 4.

Tướng Nguyễn Viết Thanh tử trận, người về thay ông trong chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn IV là Tướng Ngô Dzu. Ông Tất kể chuyện "ngày xưa ngày xưa", ông đã quen với ông Ngô Dzu từ khi ông Tướng còn mang lon Trung Úy ngoài Huế, lúc đó ông Tất là một cậu học sinh Trung học. Tướng Ngô Dzu về tiếp nối Tướng Nguyễn Viết Thanh đánh sang Kampuchia. Tướng Phạm Văn Phú thì rời khỏi Biệt Khu 44 đi làm Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt thay Tướng Lam Sơn. Tướng Lam Sơn đã trở về Lực Lượng Đặc Biệt thay thế Tướng Đoàn Văn Quảng, nhưng chỉ giữ được chức vụ không đầy sáu tháng. Nội bộ Lực Lượng Đặc Biệt, anh em đang chờ xem Tướng Phú báo đáp "nợ giang hồ" với Tướng Quảng như thế nào, món nợ bị ông Thiệu lật lon Đại Tá xuống Trung Tá. Rồi anh em cũng rất ngạc nhiên thấy ông Phú ân cần đi thăm ông Quảng, cung cách đối đãi rất thân mật, như không từng có chuyện gì xảy ra. Tướng Quảng tuy không còn là Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt nhưng vì chưa có nhiệm sở mới nên vẫn tiếp tục ở lại Nha Trang. Tác giả hỏi ông Tất, ông xác nhận là đúng như vậy, và nói ông đã học được tính khiêm nhường, nhân ái của ông Phú qua vụ này. Không lâu sau thì Lực Lượng Đặc Biệt giải tán, Tướng Phú đã tìm gặp Đại Tá Tất, hỏi ông Tất có muốn về làm Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt hay không? Đại Tá Tất từ chối, vì thấy cái vô lý, thiếu sáng suốt trong quyết định sẽ giải tán Lực Lượng Đặc Biệt và ông Tất cũng nghĩ rằng ông không thể thuyết phục được Đại Tướng duy trì và cải tổ binh chủng này. Theo Đại Tá Tất, các cấp lãnh đạo quân sự thời bấy giờ hiểu biết rất hạn chế về chiến tranh ngoại lệ, chiến tranh không quy ước, cũng như về tính cách đa dạng, linh hoạt của Lực Lượng Đặc Biệt. Thật ra, hoạt động của Lực Lượng Đặc Biệt không chỉ đơn thuần là hành quân nhảy toán. Vì chỉ quan niệm như vậy, nên sau khi giải tán Lực Lượng Đặc Biệt là Bộ Tổng Tham Mưu gom một

số quân nhân thuộc binh chủng này về Nha Kỹ Thuật và lập ra những đơn vị chỉ để nhảy toán. Cũng còn may mắn là Bộ Tổng Tham Mưu đã giữ lại đơn vị Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta cải biến thành Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù/ Lực Lượng Đặc Biệt. Đại Tá Phan Văn Huấn được duy trì ở chức vụ Liên Đoàn Trưởng, ông đã phải tranh đấu rất cật lực mới có thể giữ lại chiếc mũ xanh Lực Lượng Đặc Biệt cho đơn vị của ông. Thử hỏi, quân nhân của Nha Kỹ Thuật thuộc binh chủng nào với chiếc mũ đỏ của Nhảy Dù? Hay họ vẫn tiếp tục nhận mình là Lực Lượng Đặc Biệt đúng như thực chất của họ, bởi họ sẽ tiếp tục hành quân, hoạt động như Lực Lượng Đặc Biệt trước đây?

Chuyện cần nhắc lại là vào khoảng 1966 -1967, khi còn chỉ huy Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta, Thiếu Tá Phạm Duy Tất đã cùng Ban Tham Mưu làm bản đề nghị xin biến cải đơn vị thành một Liên Đoàn. Bản đề nghị kèm đầy đủ phúc trình về mục đích thành lập, sơ đồ tổ chức, quân số, cờ, phù hiệu, v.v... Tư Lệnh Đoàn Văn Quảng im lặng không trả lời, chắc chắn cũng không lập bản đề nghị gửi về Bộ Tổng Tham Mưu. Vậy nhưng đến năm 1970 khi Lực Lượng Đặc Biệt giải tán, Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta cải biến thành Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù/ Lực Lượng Đặc Biệt thì toàn bộ kế hoạch đề nghị trước kia đã được đem ra xử dụng. Kể cả phù hiệu ông Tất đã từng giao cho Trung Úy Vũ Xuân Thông (sau lên đến cấp Trung Tá) vẽ cũng được đem ra xử dụng cho đến tháng Tư 1975. Tướng Tất có vẻ cay đắng khi thuật lại chuyện này.

Lực Lượng Đặc Biệt giải tán, các trại Lực Lượng Đặc Biệt/Dân Sự Chiến Đấu dọc biên giới được cải tuyển thành những Tiểu Đoàn Biên Phòng. C4 trở thành Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Khu 4, B18 là Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 41 Biệt Động Quân Biên Phòng, B 20 là Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn 42. Trung Tá Phạm Duy Tất là Chỉ Huy Trưởng, chỉ huy 2 Biên Phòng nói trên, và Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân Tiếp Ứng. B19 Biệt Kích Quân Tiếp Ứng thì bị giải tán. Theo lệnh Tướng Ngô Dzu, Liên Đoàn 41 Biệt Động Quân Biên Phòng được tăng phái cho Thiết Đoàn 16 Kỵ Binh của Trung Tá Hà Mai Việt. Liên Đoàn 42 Biệt Động Quân Biên Phòng từ biên giới đánh lên hướng tỉnh Tà Keo, cắt quốc lộ 4 nối liền Cảng Kompong Som và Thủ đô Phnom Penh.

Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân Tiếp Ứng tiến thẳng từ hướng Trại Thạnh Trị lên hướng Bắc.

Quân Bắc Cộng, trước giờ vẫn yên ổn trên đất Miên, thích đóng quân ở các địa điểm khô ráo, thường cũng trống trải, vừa nghe quân Việt Nam Cộng Hòa từ Vùng IV tiến qua là vọt thẳng lên phía Bắc. Chạy cho thiệt nhanh để lọt ra được khỏi vùng 30 cây số tính từ biên giới, là giới hạn của quân

Việt Nam Cộng Hòa như đã nói. Vì vậy đưng trận liên miên nhưng chỉ lẻ tẻ, vì các đại đơn vị Bắc Cộng đã rút chạy "siêu tốc". Tướng Tất kể, quân của tôi theo sông tiến lên hướng Bắc, đã phát hiện ra những thuyền đầy ắp vũ khí đang neo tại chỗ. Vì vậy tuy không có đánh lớn, nhưng số vũ khí tịch thu được thì quá lớn. Hết chiến dịch, Tướng Ngô Dzu làm hồ sơ đề nghị Trung Tá thăng cấp Đại Tá. Ông Tất cho biết, lúc bấy giờ điều kiện về huy chương ông dư nhiều lắm, cả về điều kiện chỉ huy đơn vị cũng thừa, nhưng cấp bậc Trung Tá thực thụ của ông còn thiếu 3 tháng mới đủ. Bộ Tổng Tham Mưu quyết định cứ thăng cấp cho ông, dựa vào những chiến công lớn. Ông Tất nói, lúc Tướng Ngô Dzu gán cấp bậc Đại Tá cho ông, phía Cố Vấn Mỹ giật mình luôn vì nghĩ ông quá trẻ so với cấp bậc mới. Tác giả hỏi, lập chiến công lớn và liên tục như vậy đáng lẽ lúc bấy giờ Chuẩn Tướng phải được lên lon nhanh mới phải chứ? Tướng Tất cười, giải thích: Quân đội mình chủ trương xử dụng lớp Sĩ quan trẻ năng động, nhiều sáng kiến, thích ứng kịp theo sự thay đổi của chiến trường, nhưng cũng phải tuân theo những nguyên tắc, điều kiện; đặc biệt là thăng cấp đặc cách tại mặt trận. Từ Đại Úy trở lên, mỗi cấp đều có 2 trật: nhiệm chức rồi thực thụ. Tôi lên như vậy trong quân đội là đã khá nhanh rồi và cũng không trẻ, tôi thăng cấp Đại Tá lúc đã 37 tuổi. Nếu mỗi chiến công đều lên một cấp thì tôi lên Tướng lâu rồi (cười). Cố Vấn Mỹ của tôi lúc ấy là Trung Tá Bayshore xuất thân West Point, chỉ lên tới Trung Tá là về nhà đuổi gà cho vợ, không thể lên Đại Tá. Anh ta còn theo quan niệm của quân đội Mỹ lúc đó nên mới cho là tôi còn trẻ với cấp bậc Đại Tá, vì các Đại Tá Mỹ thường tròm trèm ở tuổi 50. Sau chiến tranh Việt Nam, người rút ra nhiều kinh nghiệm lắm, kể cả việc thăng cấp, anh thấy bây giờ Tướng Tá Mỹ trẻ măng mà.

Tướng Trần Văn Hai về làm Tư Lệnh Biệt Khu 44, Đại Tá Phạm Duy Tất đã hợp tác chặt chẽ với Tướng Hai trong nhiệm vụ phòng thủ biên giới Việt - Miên thuộc lãnh thổ trách nhiệm của Quân Đoàn IV/Quân Khu 4. Ông Tất cho biết, hai người đã biết nhau từ trước, Ông Tất đã gặp ông Hai rất nhiều lần khi ông Hai còn là Trung Tá Tỉnh Trưởng Phú Yên, Tuy Hòa, và ông Tất là

Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện và Hành Quân Delta. Các Trại Lực Lượng Đặc Biệt đã trở thành những Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng, Đại Tá Tất càng không ngừng có sáng kiến để có thể nâng cao kinh nghiệm tác chiến của họ, đồng thời huấn luyện cho những Tiểu Đoàn này có thêm khả năng tham dự tác chiến cấp Liên Đoàn. Ngày tác giả cùng 2 Sĩ quan khác theo Trung Tá Nguyễn Văn Hòa đi thành lập Bộ Chỉ Huy 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân gồm 4 Tiểu Đoàn 66, 85, 93, 94 Biệt Động Quân Biên Phòng, tác giả cứ tưởng Bộ Tổng Tham Mưu và Quân Đoàn IV chính thức ra lệnh thành lập các Liên Đoàn này. Không phải. Đây là sáng kiến và là quyết định của cá nhân Đại Tá Tất. Bây giờ

ông giải thích, tôi đi trước Bộ Tổng Tham Mưu và Quân Đoàn một bước, Bộ Chỉ Huy kèm theo hai chữ "Chiến Thuật", có nghĩa là hành quân, tác chiến, thay đổi nhiệm vụ, không còn như Biệt Kích Quân thời Lực Lượng Đặc Biệt. Bộ Chỉ Huy Chiến Thuật xem như Chiến Đoàn, tổ chức Bộ Chỉ Huy Chiến Thuật sẽ linh hoạt thay đổi tùy tình hình chiến sự. Tôi chỉ cần báo cáo cho Quân Đoàn sự hiện diện của hai Chiến Đoàn 41 và 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng thì họ chấp thuận ngay. Tự nhiên có để xử dụng, tại sao không?

Sau khi các Lực Lượng Đặc Biệt/Dân Sự Chiến Đấu cải tuyền thành các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng, chỉ có Vùng 4 Chiến Thuật lần đầu tiên đã áp dụng mô thức Liên Đoàn Chiến Thuật của Đại Tá Phạm Duy Tất. Mãi đến năm 1973, Bộ Tổng Tham Mưu mới quyết định chính thức thành lập các Liên Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng. Cuối năm 1971, Trung Tá Trần Kim Đại thay Trung Tá Nguyễn Văn Hòa trong chức vụ Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 42 Chiến Thuật, Trung Tá Nguyễn Văn Hòa được thăng Đại Tá về Cần Thơ làm Phó cho Đại Tá Phạm Duy Tất, đã dẫn Liên Đoàn 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng hành quân dài dài trên đất Miên. Quan niệm của Đại Tá Tất đã đạt kết quả. Các Trại Biên Phòng vẫn duy trì dọc biên giới, nhưng các Tiểu Đoàn thì đã cơ động hóa, họ đã có khả năng hành quân cấp Tiểu Đoàn và Liên Đoàn. Đây cũng là giai đoạn phía Bắc Cộng chuẩn bị những trận đánh lớn cấp đại đơn vị.

Trung Tá Trần Kim Đại là một Sĩ quan cần mẫn, điềm đạm, can đảm, nhất là chịu khó học hỏi, triệt để tuân mệnh lệnh. Ông Tất "chấm" ông Đại nên sau khi Lực Lượng Đặc Biệt giải tán, đã mang Thiếu Tá Đại về làm Tham Mưu Trưởng dưới quyền, dẫn dắt kỹ lưỡng, nên không bao lâu sau Trung Tá Trần Kim Đại "lọt vào mắt xanh" của Tướng Ngô Quang Trưởng.

Trận Kampong Trach 1972

Khoảng gần cuối năm 1971, sau khi chiến dịch ngoại biên chấm dứt. Biệt Động Quân Quân Khu 4 được giao nhiệm vụ phòng thủ biên giới như cũ. Nhưng lần này nhận thêm khu vực Sway Riêng vốn thuộc trách nhiệm của Quân Đoàn III. Nhiệm vụ là phòng thủ biên giới, nhưng nhiệm vụ thật sự trên đất Miên là Biệt Động Quân tiếp trợ cho quân đội Chính Phủ Kampuchia đánh quân Khờ Me Đỏ. Những cuộc phối hợp giữa Liên Đoàn 42 Biệt Động Quân Biên Phòng và quân đội Miên ở tỉnh Tà Keo đã khiến Trung Tá Liên Đoàn Trưởng Trần Kim Đại nổi tiếng khắp nước Kampuchia. Lúc này Tướng Ngô Quang Trưởng đã về thay Tướng Ngô Dzu làm Tư Lệnh Quân Đoàn IV.

Chuẩn Tướng Tất kể: Nội vụ bắt đầu từ Chiến Dịch Ngoại Biên, các giới chức Miên luôn than phiền về sự phá phách của quân Việt Nam

Cộng Hòa. Sau này họ trực tiếp yêu cầu tôi và Trung Tá Đại hãy cố lấy lại lòng tin của dân chúng Miên trong lúc hai bên hợp tác đánh quân Khờ Me Đỏ là đám Cộng Sản đang bị dân Miên thù ghét. Tôi bàn với ông Đại không để cho binh sĩ Biệt Động Quân đụng đến bất cứ thứ gì của dân chúng, dù là vật nhỏ nhất. Một Chi Đoàn M113 tăng phái cho Liên Đoàn 42 Biệt Động Quân Biên Phòng cũng nhận lệnh không được băng qua các ruộng lúa đang sắp tới mùa gặt. Điều đặc biệt ở đây rất đáng được ghi nhận và ca ngợi là các binh sĩ Biệt Động Quân, Kỵ Binh đã chấp hành lệnh phải nói là 100% luôn. Do vậy mặt trận tâm lý chiến bắt đầu có kết quả: Lời ca ngợi của dân chúng tỉnh Tà Keo vang tới giới truyền thông đị phương. Những bài phóng sự điều tra ở địa phương bắt đầu xuất hiện, ca ngợi Biệt Động Quân và Kỵ Binh dưới quyền Trung Tá Trần Kim Đại. Tiếng vang lên tận thủ đô Phnom - Penh, giới truyền thông ở đó đổ về Tà Keo làm phóng sự, tiếng tăm của Trung Tá Việt Nam Cộng Hòa Trần Kim Đại vang dội khắp nước, các giới chức Miên cũng lên tiếng ca ngợi ông Đại. Mỗi ngày tôi gặp Tướng Trần Văn Hai ở căn cứ Chi Lăng, chúng tôi rất vui vẻ về chuyện này. Tướng Ngô Quang Trưởng cũng vậy, ông theo dõi cá nhân Trung Tá Đại từ đây, vì vậy khi chuyển ra làm Tư Lệnh Quân Đoàn I, Tướng Trưởng đã mang theo Trung Tá Đại, giao cho ông Liên Đoàn 1 Biệt Động Quân Tiếp Ứng, là đơn vị xung kích của Quân Đoàn. Theo tôi, ông Đại đã

thăng cấp thì cái ghế Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Vùng 1 Tướng Trưởng trước sau cũng giao cho ông Đại, nếu không có ngày 30 tháng Tư 1975... Tướng Trưởng chọn Đại Tá Trần Kim Đại không chỉ nhằm tới khả năng của ông ta mà chính là muốn qua Đại Tá Đại thay đổi quan niệm xử dụng Biệt Động Quân Vùng 1 Chiến Thuật.

Đó là việc về sau, bây giờ xin trở lại với thời gian đầu 1972 tại vùng biên giới cận Tây của Quân Khu 4. Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa nuôi cả Miền Nam Tự Do, bình định nông thôn là một phần nhiệm tối quan trọng không thua kém phần nhiệm quân sự. Mà muốn được như vậy thì biên giới Việt - Miên phải được khóa cho thật chặt, không để quân Bắc Cộng xâm nhập được. Biên giới khá dài so với lực lượng của Biệt Động Quân, trong khi tin tình báo cho thấy Sư Đoàn 1 CSBV rục rịch chuẩn bị đưa quân xuyên biên giới vào Vùng 4 phá rối trị an, có lẽ họ muốn chuẩn bị kèm chân quân Việt Nam Cộng Hòa ở Vùng 4 trước khi cho nổ ra trận đánh kinh hoàng ở phía Bắc, sau này chúng ta vẫn gọi là Mùa Hè Đỏ Lửa (tựa phóng sự chiến trường của nhà văn quân đội Phan Nhật Nam). Tướng Ngô Quang Trưởng quyết định chia biên giới Việt - Miên ra thành hai phần lãnh thổ trách nhiệm:

Tướng Trần Văn Hai, Tư Lệnh Biệt Khu 44, chỉ huy cả hai lực lượng Biệt

Động Quân và Ky Binh trấn giữ biên giới.

- Từ Châu Đốc chạy dài tới Sway Rieng là trách nhiệm của Biệt Động Quân Khu 4. Đại Tá Phạm Duy Tất đặt Bộ Chỉ Huy Hành Quân tại Chi Lăng, Thất Sơn.

Đại Tá Tất giao cho Đại Tá Nguyễn Văn Hòa, Chỉ Huy Phó lập Bộ Chỉ Huy Nhẹ ở Neak Lương, gồm các Tiểu Đoàn thuộc Liên Đoàn 41 Biệt Động Quân Biên Phòng, trông coi các hoạt động yểm trợ cho khu vực Sway Rieng.

- Từ Châu Đốc theo hướng Tây về đến Hà Tiên sẽ do Lữ Đoàn 4 Ky Binh chịu trách nhiệm. Đại tá Vũ Quốc Gia, Tư Lệnh Lữ Đoàn 4 Ky Binh đặt Bộ Chỉ Huy Hành Quân ở Tô Châu, Hà Tiên.

- Đại Tá Gia chỉ định Thiết Đoàn 12 Ky Binh thành lập căn cứ Kampong Trach cách biên giới Việt - Miên 14 cây số, để chặn địch từ xa. Căn cứ này được dựng khá sơ sài, lại nằm ngoài tầm pháo yểm trợ từ nội địa, Pháo Binh bên này biên giới bắn không tới Kampong Trach.

Dưới đây là bài viết sau này ở hải ngoại của Tướng Ngô Quang Trưởng về trận Kampong Trach 1972 (Tướng Trưởng viết bằng Anh ngữ, người dịch ra Việt ngữ tác giả không biết tên):

Vào khoảng đầu năm 1972 lực lượng phòng vệ biên giới của Quân Đoàn IV được giao phó cho Biệt Khu 44 với các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng và lực lượng Thiết Giáp tạo thành một hàng rào phòng thủ dọc theo biên giới Cam Bốt từ Mỏ Vẹt đến Vịnh Thái Lan. Ngoài trách nhiệm phòng thủ trong nội địa, Biệt Khu 44 còn điều hành và chỉ huy hai căn cứ hành quân ngoại biên trên lãnh thổ Cam Bốt, gồm Neak Luong, một bến phà trên quốc lộ 1 qua sông Cửu Long và Kampong Trach khoảng 20 cây số về hướng Bắc của Hà Tiên. Cả hai căn cứ đều được BĐQ/QĐ IV bảo vệ. Khi đó Sư Đoàn 9 Bộ Binh đang thực hiện các cuộc hành quân trên vùng U Minh Thượng và tại tỉnh Chương Thiện, trong khi Sư Đoàn 21BB hoạt động tại vùng U Minh Hạ và phần phía Nam mũi Cà Mau. Cùng lúc đó SĐ 7 BB chịu trách nhiệm lãnh thổ tại 2 tỉnh Định Tường và Kiến Hòa, cùng những tỉnh nằm giữa sông Tiền và sông Hậu.

Chiến trường Kampong Trach được xem như đã ảnh hưởng vào tình hình quân sự trên vùng đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian còn lại trong năm 1972. Chiến trận bùng nổ vào ngày 22 tháng 3, 1972 với trận giao tranh xảy ra giữa các đơn vị của Liên Đoàn 42 và Trung Đoàn 101D Cộng Sản Bắc Việt và đã không giảm bớt cường

độ cho đến cuối tháng 4, 1972. Kampong Trach là một thị trấn nhỏ nằm gần giao lộ giữa một vùng rừng cây về hướng bắc thành phố Hà Tiên, khoảng 15 cây số phía bắc biên giới Cambốt. Quân Đoàn IV tiếp tục duy trì căn cứ hành quân tại nơi đây để kiểm soát một trong những trục lộ chuyển vận quan trọng của CSBV từ Cambốt xâm nhập vào vùng Hậu Giang. Điều rõ ràng trận đánh đã không được Cộng quân chọn lựa cho một chiến trường quan trọng vào lúc này. Dù sao thì trận giao tranh đầu tiên đã khai triển thành một chiến trường rộng lớn khi những lực lượng tăng viện được tiếp tục đổ vào từ cả hai bên. Chiến trận đã trở thành mãnh liệt và dữ dội. Về phía QLVNCH, một lực lượng hùng hậu được tung vào chiến trường gồm 4 Thiết Đoàn Kỵ Binh, trong đó có cả Thiết Đoàn cơ hữu của SĐ 7 BB, được điều động xuyên qua QĐ IV từ vùng đông bắc kéo dài hơn trăm cây số; cùng với 6 Tiểu Đoàn BĐQ có nhiều

đơn vị pháo binh và công binh yểm trợ. Địch quân lúc đầu chỉ có Trung Đoàn 101D với các thành phần yểm trợ của bộ chỉ huy Công Trường (Sư Đoàn) 1 CSBV. Sau đó địch quân bắt buộc phải nhanh chóng đưa thêm hai Trung Đoàn nữa vào chiến trường: TrĐ 52 và E 44.

Mặc dù cả hai bên đều bị thiệt hại nặng nề và sự thật là QLVNCH cuối cùng phải triệt thoái khỏi Kampong Trach, mặt trận này đã cho thấy kết quả sự thất bại to lớn về phía địch quân. Điều hiển nhiên Công Trường 1 là một Sư Đoàn CSBV độc nhất tại vùng đồng bằng sông Cửu Long vào lúc đó, đã bị bắt buộc phải tung ra tất cả tiềm lực chiến đấu trên đất Cambốt, trong khi nhiệm vụ chánh của họ là phải thực hiện một chiến dịch quan trọng bên trong nội địa của QĐ IV để hòa đồng phối hợp với những trận tấn công khác trên toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Giao tranh tại chiến trường ngoại biên, Cộng quân đã không phá hoại gây rối được trong nội địa, thực hiện mục tiêu chính yếu của họ, mà chỉ gây thiệt hại nhẹ từ phía ngoại vi. Nói khác đi, nhiệm vụ của họ là phá hoại kế hoạch bình định và phát triển của QĐ IV đã không thành công, mà chỉ làm đình trệ đôi chút. Ngay cả thế, cái giá mà họ phải trả quá đắt. Những tổn thất to lớn gây ra cho Cộng quân do hỏa lực của Thiết giáp và những trận oanh kích dữ dội của KQVN và Hoa Kỳ đã hữu hiệu chống trả các cuộc tấn công biển người, và cuối cùng cắt xé Công Trường 1 CSBV thành một đơn vị không còn giá trị chiến đấu cho đến cuối trận chiến của Mùa Hè Đỏ Lửa.

Chiến trường Kampong Trach xảy ra trên một vùng khá xa cho những trục tiếp vận bình thường của QLVNCH. Những đường lộ và thủy vận dẫn vào chiến trường đã bị giới hạn. Do đó, QĐ IV đã gặp

phải khó khăn trong sự chuyển quân và tiếp liệu để yểm trợ cho những hoạt động, nỗ lực của những đơn vị tham chiến tại đây. Thật ra chỉ là những trận chiến tiêu hao quân sự mà không làm thiệt hại sinh mạng và tài sản của người dân trong lãnh thổ các tỉnh miền Tây.

Lúc bấy giờ Liên Đoàn 42 Biệt Động Quân Biên Phòng của Trung Tá Trần Kim Đại được gửi tăng phái cho Lữ Đoàn 4 Kỵ Binh. Theo những tài liệu anh em Kỵ Binh đã viết lại, Lữ Đoàn 4 Kỵ Binh phối trí quân như sau: Thiết đoàn 12 được tăng cường Tiểu Đoàn 66 Biệt Động Quân Biên Phòng

tùng thiết. Thiết đoàn 16 được tăng cường Tiểu Đoàn 93. Trung Tá Trần Kim Đại, Liên Đoàn trưởng Liên Đoàn 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân trực tiếp chỉ huy Tiểu Đoàn 94 được tăng phái 1 Chi Đoàn của Thiết Đoàn 12.

Nhìn chung, cách phối trí quân của Đại tá Vũ Quốc Gia hợp lý, Lữ Đoàn có 3 cánh quân. Thực tế cho thấy Trung Tá Trần Kim Đại Liên Đoàn trưởng chỉ còn chỉ huy 1 Tiểu Đoàn của mình mà thôi, không còn quyền điều động các Tiểu Đoàn cơ hữu khác, không thể phối hợp tác chiến ở cấp Liên Đoàn. Trong tác chiến khi đụng trận, ông Đại chỉ là 1 Tiểu Đoàn Trưởng không hơn kém, rõ ràng là ông không thể phát huy hiệu năng cấp Liên Đoàn của mình. Lẽ ra Vũ Quốc Gia nên để Trung Tá Trần Kim Đại ở bên cạnh Lữ Đoàn để đôn đốc Biệt Động Quân, hướng dẫn phối hợp Biệt Động Quân và Thiết Kỵ. Cũng có thể để 1 Tiểu Đoàn làm trừ bị trong khi 2 Tiểu Đoàn kia tăng phái cho 2 Thiết Đoàn chỉ huy trực tiếp. Đây không phải là nhận xét hay phê bình Đại tá Gia, tác giả thấy được Đại tá Gia rất khó xử khi xử dụng quân Biệt Động Quân và Thiết Giáp đều là cấp ngang nhau (Thiết Đoàn Trưởng Kỵ Binh và Liên Đoàn Trưởng Biệt Động Quân) nên mới nảy ra ý kiến thế thôi. Khi giao Liên Đoàn 42 Biệt Động Quân Biên Phòng cho Lữ Đoàn 4 Kỵ Binh, mục đích của Tướng Trưởng là muốn tạo cho Đại Tá Vũ Quốc Gia cơ hội để tiến tới việc thành lập một đơn vị xung kích Thiết Giáp như Chiến Đoàn 3 Xung Kích của Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi ở Vùng 3 Chiến Thuật, gồm Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh được tăng phái thêm Liên Đoàn 33 Biệt Động Quân Biên Phòng của Trung Tá Lê Tất Biên. Tướng Khôi và Chiến Đoàn 3 Xung Kích đã tạo nên những chiến công vang lừng. Nhưng mong muốn của Tướng Trưởng đã không thành.

Ngày 22 tháng Ba 1972, Liên Đoàn 42 Biệt Động Quân Biên Phòng gồm Tiểu Đoàn 94 và Chi Đoàn 2/12 Kỵ Binh "tao ngộ chiến" với một lực lượng quân Bắc Cộng đông hơn gấp nhiều lần, gồm Trung Đoàn 88 - Trung Đoàn 40 Pháo Binh - Đoàn 195 Vận Tải thuộc Sư Đoàn 1 CSBV. Đây là một cánh quân bộ binh mũi nhọn đầu tiên đụng địch, Trung Tá Đại rõ ràng mất hẳn khả năng điều quân phối hợp cấp Liên Đoàn để đối phó hữu hiệu.

Tuy vậy, cánh quân nhỏ nhoi của Trung Tá Đại đã hạ tại chỗ Thiếu Tá VC Bả Mạnh, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 88 CSBV, và Sáu Chi, Trưởng Đoàn 195 Vận Tải. Quân Bắc Cộng đang chuyển quân và tiếp liệu về phía biên giới Miên - Việt, chuẩn bị tiến đánh Hà Tiên.

Mỗi lần nhắc tới các Liên Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng thì Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất luôn luôn nhắc tới sự khác biệt giữa Liên Đoàn Biên Phòng và Liên Đoàn Tiếp Ứng. Biên Phòng kém xa Tiếp Ứng về quân số, kinh nghiệm chiến trường cũng kém hơn. Các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng làm nhiệm vụ từng thiết, phối hợp chiến đấu với Ky Binh vẫn chỉ là bước đầu. Nếu đụng trận lớn và bị thiệt hại nặng thì rất nhiều trường hợp phía các Tiểu Đoàn Biên Phòng không còn đủ khả năng tham chiến nữa. Thiết Đoàn 12 và 16 là những đơn vị thiện chiến, dày dặn kinh nghiệm chiến trường, hỏa lực mạnh, di chuyển nhanh. Nhưng đơn vị từng thiết cho họ (BĐQ) thì khả năng còn rất hạn chế, thiếu kinh nghiệm, chưa quen tác chiến phối hợp bộ binh và thiết giáp, quân số cũng ít. Nhất là không được chỉ huy chiến đấu bởi chính Liên Đoàn Trưởng của mình. Đụng trận nặng như trong trường hợp Kampong Trach, lẽ tất nhiên tổn thất phải cao cho cả hai bên và Thiết Ky. Nếu bộ binh từng thiết là một đơn vị Biệt Động Quân Tiếp Ứng chắc chắn diễn biến đã khác đi nhiều, Thiết Đoàn điều động tác chiến, phản ứng theo tình hình cũng linh hoạt hơn, tất nhiên kết quả hữu hiệu hơn.

Tại Thất Sơn, Chuẩn Tướng Hai và Đại Tá Tất khi nhận tin đụng trận vừa nói thì lo âu vô cùng.. Ông Hai lo căn cứ Kampong Trach bị bẻ, ông Tất thì lo cho Liên Đoàn 42 Biệt Động Quân Biên Phòng. Đại Tá Tư Lệnh Lữ Đoàn 4 Ky Binh thì vì một vấn đề cá nhân nào đó đã cương quyết từ chối bay vào chỉ huy mặt trận như Tướng Hai mong đợi. Tướng Tất kể, thấy tâm trạng lúc đó của Tướng Hai bất an, cứ đi tới đi lui mà chưa biết phải giải quyết ra sao cho kịp thời, tình hình chiến sự tại Kampong Trach chính xác như thế nào chưa rõ. Tướng Hai thì không thể mở miệng yêu cầu ông điều gì vì Kampong Trach không thuộc trách nhiệm của tôi.

Sau khi tính toán thấy rằng mặt trận phía Đông của Biệt Động Quân vẫn đang yên ổn và trong tương lai gần như không thể xảy tới một mặt trận nặng như Kampong Trach, Đại Tá Tất quyết định giải quyết giùm Tướng Hai, tình nguyện vào Kampong Trach để xem xét tình hình cụ thể. Tướng Hai thở phào nhẹ nhõm, giao cho Đại Tá Tất trực tiếp chỉ huy căn cứ Kampong Trach và điều động thêm Đại Tá Cửa, Tư Lệnh Phó Lữ Đoàn 4 Ky Binh, làm phụ tá cho Đại Tá Tất, trực tiếp chỉ huy điều động quân Ky Binh. Trong khi Liên Đoàn 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng đụng địch khoảng 6 cây số về hướng Bắc căn cứ Kampong Trach, thì Chi Đoàn 1/12 lo thiết lập hệ thống phòng thủ cho căn cứ. Đêm đó 4 Tiểu Đoàn

CSBV từ hướng Bắc đánh vào căn cứ Kampong Trach, có khả năng tràn ngập vào vị trí Pháo binh. Vì liên lạc với Đại tá Vũ Quốc Gia không được (Bộ Chỉ Huy Hành Quân đóng tại Tô Châu), Chi Đoàn Trưởng ra lệnh phá hủy 2 khẩu 105 ly còn lại. Trận này khiến 4 chiếc M-113 bị bắn cháy, một số binh sĩ Chi Đoàn 1/12 bị thương và tử trận. Sáng hôm sau, Chi Đoàn 1/12 còn phải cho 5 chiếc M-113 đưa toán Phát Ngân Viên phát lương cho phần còn lại của Tiểu Đoàn 66 Biệt Động Quân Biên Phòng đang đóng tại đó về Ton Hon. trên đường trở về căn cứ bị 1 Tiểu Đoàn CSBV phục kích trong một ngôi làng xông ra đánh, thêm 4 chiếc M-113 bị bắn cháy, 12 binh sĩ tử thương.

Trước tình hình mỗi ngày một trầm trọng thêm, ngày 24 tháng Ba, Tướng Hai đưa Đại Tá Phạm Duy Tất vào Kampong Trach. Đại Tá Tất đi một mình với vài người tùy tùng, không mang theo Bộ Chỉ Huy Hành Quân của Biệt Động Quân. lệnh của Tướng Hai là lệnh miệng trong lúc khẩn cấp, lực lượng chính ở đây là Ky Binh, vì rất hiểu Đại Tá Tất nên tác giả biết ông không muốn nhân việc này mà xen vào quyền chỉ huy của Đại Tá Gia. Ông Tất chỉ muốn xuyên qua Đại Tá Của mà giải quyết tình hình chiến sự. Trực thăng vừa đáp xuống căn cứ thì lãnh ngay loạt pháo của quân Bắc Cộng khiến 1 binh sĩ đi theo bị thương. Tướng Hai yêu cầu Đại Tá Tất củng cố tinh thần binh sĩ, tử thủ căn cứ Kampong Trach bằng mọi giá, ông sẽ điều động quân tới tăng cường sau. Cùng ngày, Đại Tá Nguyễn Văn Của Tư Lệnh Phó Lữ Đoàn 4 Ky Binh, cũng vào tới, mang theo 8 chiếc M-113 thay thế cho 8 chiếc của Chi Đoàn 1/12 vừa bị thiệt hại. Trung Tá Trần Kim Đại và quân của ông cũng vừa rút về. Đại Tá Phạm Duy Tất kiểm tra tại chỗ thì thấy không còn khả năng mở cuộc tấn công, chỉ cương quyết giữ cho căn cứ Kampong Trach khỏi bị "over-run" cũng là một điều khá đáng lo ngại. Theo tác giả, những người biết và theo dõi trận Kampong Trach đều hy vọng rằng: Đại Tá Tất rất có duyên với Sư Đoàn 1 Bắc Cộng qua trận Mộc Hóa, sau 2 trận Cô Tô và Rừng Tràm Trà Tiên, vì vậy ai cũng mong mỗi sẽ có thêm một trận chiến thắng lớn.

Nhưng lần này Ông Tất phải đụng địch trong thế thủ, hết còn công được rồi.

Phía Sư Đoàn 1 CSBV, đây là lần đầu tiên họ được trang bị Pháo binh vô cùng hùng hậu, cả Phòng Không cũng thế. Họ sẽ tận dụng tối đa sức mạnh mới của mình, pháo cày nát căn cứ Kampong Trach và các dàn Phòng Không bắn tối đa ngăn chặn trực thăng - máy bay Việt - Mỹ tiếp tế cho căn

cứ. Trước Đại Tá Tất một ngày, Tướng Trưởng đã bay vào Kampong Trach xem xét tình hình. Cũng như Tướng Hai, Tướng Trưởng đồng ý để Đại Tá Tất trấn thủ căn cứ Kampong Trach, ngay sau đó ông ra lệnh tức khắc lập Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn IV tại Tô Châu, Hà Tiên, để điều

động quân đánh giải tỏa áp lực địch đang đè nặng lên căn cứ. Xem ra không những Tướng Hai mà cả Tướng Trưởng cũng lo lắng sợ mặt trận này bị bể thì Quân Đoàn IV/ Vùng 4 Chiến Thuật sẽ gặp khó khăn bội phần. Quân Đoàn IV đã tăng cường cho mặt trận An Lộc nguyên Sư Đoàn 21 BB cộng 1 Trung Đoàn của Sư Đoàn 9 BB. Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân Tiếp Ứng thì đã gửi ra Vùng 1 Chiến Thuật. Quân Đoàn IV nay chỉ còn Sư Đoàn 7 BB ở Tiền Giang, Sư Đoàn 9 BB chỉ còn 2 Trung Đoàn để cơ động cho cả Vùng 4 Chiến Thuật, quân bộ còn có thể xử dụng được là Biệt Động Quân Biên Phòng khả năng hạn chế và lực lượng Kỵ Binh mà thôi.

Tướng Tất kể, vào tới đó tôi thấy khó khăn lắm, Tiểu Đoàn 94 Biệt Động Quân và Kỵ Binh không còn đủ khả năng để mở trận tấn công, Pháo đội của mình thì đã bị pháo địch bắn sụm, chỉ còn có thể bắn trực xạ mà thôi, nhưng kho đạn đã bị nổ tung rồi. Tình trạng của tôi và căn cứ Kampong Trach lúc này không khác gì An Lộc, Kontum, phía trong phải thủ thành cho bằng được, dùng phương tiện Không Quân oanh tạc, xử dụng quân mình đang có tại chỗ chặn và diệt địch. Mọi điều động từ bên ngoài đều do Biệt Khu 44 và Quân Đoàn IV. Mỗi ngày địch đều tổ chức tấn công dứt điểm căn cứ, thường buổi sáng và trước khi trời tối một lần, nhưng lần nào cũng bị quân trấn thủ đẩy lui. Giữ vững căn cứ chính là nhờ tinh thần binh sĩ không nao núng trước những đợt xung phong của địch. Thật sự quân trấn thủ đang thiếu đạn dược, lương thực, nhất là quân số mỗi ngày một hao hụt thêm vì pháo của địch liên tục, không ngớt.

Đại Tá Tất và Đại Tá Đại cùng gốc Lực Lượng Đặc Biệt, trong hoàn cảnh thiếu quân, bèn giở chiến thuật quen thuộc chia quân thành những nhóm nhỏ, đánh tiêu hao, tiêu diệt, thám sát nơi đóng quân đối phương và cứ thế gọi các phi tuần oanh tạc ngày đêm. Một lợi điểm trong lúc này là dân Miên vì căm ghét Cộng Sản đã cung cấp được những tin tức tình báo về địch quân rất chính xác. Trung Tá Đại chấm tọa độ rồi gọi cho phi cơ thám sát loại A-10 để xin oanh tạc. Lối đánh này hữu hiệu, phía địch bị thiệt hại vì oanh tạc khá lớn, đánh trúng cả Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn địch khiến cả 1 Trung Đoàn Trưởng và 1 Chính Ủy tử trận và bị thương. Biết được những

tin tức này là nhờ rà lán sóng của địch quân. Đối đầu với Sư Đoàn 1 CSBV có 3 Trung Đoàn lại được tăng phái thêm 1 Trung Đoàn của Sư Đoàn 9 CSBV, chưa kể các đơn vị Pháo Binh, Đặc Công... tình trạng căn cứ Kampong Trach chỉ có thể nói là "sống qua ngày".

Đêm 5 tháng Tư 1972, Trung Đoàn E44 Đặc Công, chủ lực của Quân Khu 9 CSBV tấn công vào căn cứ Kampong Trach. Chẳng những không thành công, Trung Đoàn phó là Đại Úy VC Nguyễn Trí tự Tư Trí bị quân trấn thủ hạ tại chỗ bằng súng M79. Mặt trận nổ ra quá lớn, bên CSBV đã tung ra

toàn bộ lực lượng của mình nên Tướng Hai và Tướng Trưởng cũng tung hết lực lượng của Lữ Đoàn 4 Kỵ Binh đang có là Thiết Đoàn 12 và 16, nhưng hai lực lượng này đều tổn thất khá nặng từ vòng ngoài. Tướng Trưởng phải điều động thêm Thiết Đoàn 9 Kỵ Binh vào khu vực giao tranh, nhưng ngay trong đêm đầu tiên đã chạm địch khá nặng trong khu "vườn tiêu", khiến cả Thiết Đoàn chỉ còn lại 21 chiếc. Ngày hôm sau Thiết Đoàn 9 nhận lệnh trở về biên giới.

Tướng Tất kể, lực lượng do Biệt Khu 44 điều động tăng viện tuy không đến được vào căn cứ nhưng áp lực địch đè nặng lên căn cứ đã giảm xuống đúng theo dự tính của Tướng Trưởng. Ngược lại, Sư Đoàn 1 CSBV cũng đã quá "oải" căn cứ Kampong Trach, một cái "hàng rào" khó nhỡ, nên đã cho quân bọc vòng, tránh căn cứ Kampong Trach, di chuyển về phía Nam nhằm thanh toán điểm của mặt trận của họ là thị xã Hà Tiên. Tính toán của họ có liên quan đến cái Hiệp Định thổ tả Paris sắp thành hình vào đầu năm tới, trong đó có điều khoản "quân ai đang có mặt ở đâu thì coi như là đất của phe đó". Với tin này, Tướng Trưởng quyết định tung Thiết Đoàn 2 Kỵ Binh cùng Tiểu Đoàn 58 Biệt Động Quân Tiếp Ứng, là 1 Tiểu Đoàn thuộc Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân Tiếp Ứng đang được thành lập tại Cao Lãnh, vào con đường 14 cây số từ Hà Tiên lên Kampong Trach, dọn đường chuẩn bị cho lực lượng bên trong căn cứ Kampong Trach rút về Việt Nam. Lệnh rút là ngày 30 tháng Tư 1972. Trận chiến Kampong Trach kéo dài đúng 1 tháng 10 ngày. Thêm một trận thư hùng khốc liệt giữa hai bên trên con đường này, cả hai cùng thiệt hại nặng. Ngoài lực lượng Thiết Đoàn 2 Kỵ Binh cùng Tiểu Đoàn 58 Biệt Động Quân, Đại Tá Chamberlain Cố Vấn Trưởng Biệt Khu 44 đã liên tục bay trên vùng phối hợp yểm trợ không quân oanh tạc và đánh chặn dọc suốt theo con đường không cho quân CSBV bôn tập áp sát vào đoàn quân rút lui. Chính nhờ sự yểm trợ này mà đoàn quân trở về an toàn.

Nhìn lại rõ ràng Tướng Trưởng đã không còn quân bộ binh xung trận nên đã chỉ sử dụng Thiết Kỵ. Không đủ quân nhưng Tư Lệnh Quân Đoàn IV đã quyết rằng phải tử thủ căn cứ Kampong Trach rồi sau đó cũng ra lệnh rút bỏ nhanh chóng, khiến cho một số ít nhà bình luận quân sự cho rằng tử thủ căn cứ Kampong Trach là không cần thiết và phí phạm nhân lực. Chận địch, tiêu diệt địch ngoài lãnh thổ nước mình thì cấp chỉ huy quân sự nào, Tướng lãnh nào cũng muốn thực hiện (Mỹ là quốc gia đứng đầu về quan niệm này), Tướng Trưởng làm việc này có tính chiến thuật, chiến lược rõ ràng lắm. Căn cứ Kampong Trach lập ra và rút bỏ linh hoạt tùy theo tình hình. Rút bỏ Kampong Trach khi thấy Sư Đoàn 1 CSBV không còn khả năng, mất hết nhuệ khí của lúc mới ra quân, Sư Đoàn không còn nguyên vẹn để xâm nhập vào lãnh thổ Vùng 3 Chiến Thuật. Hơn nữa kéo dài sự hiện diện của căn cứ này sẽ gây bất lợi cho phía mình trong tương lai. Khác với An Lộc, Kontum là lãnh thổ của ta, thành phố của ta, ta phải giữ

đến cùng. Cũng như Quảng Trị đã mất thì phải chiếm lại bằng mọi giá. Cuối cùng Đại Tá Phạm Duy Tất đã dẫn đoàn quân tham dự trận Kampong Trach về tới Hà Tiên.

Phía quân Bắc Cộng, những thành phần còn lại của Trung Đoàn 101D nhập vào Trung Đoàn 52D Chủ Lực Miền (Cộng Sản địa phương) tập trung tấn công chiếm giữ hăng xi măng Hà Tiên. Sự thật không thể chối cãi là Sư Đoàn 1 CSBV đã hoàn toàn thất bại trong nhiệm vụ đưa đại quân của mình xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hai lần thất bại tại Mộc Hóa khi muốn dùng con đường này để tràn xuống khu vực Tiền Giang. Nay cố gắng thử dùng con đường Hà Tiên xuống Rạch Giá rồi xuống U Minh, tự tin xử dụng cả Sư Đoàn thì không dễ gì bị ngăn chặn, nhưng đã bị quân Việt Nam Cộng Hòa đón đánh từ ngoại biên và bị tổn thất nặng nề. Quân Khu 9 Việt Cộng không hoàn thành được trách nhiệm "hiệp đồng" cho các mặt trận khác trên toàn cõi miền Nam Việt Nam, đành phải vớt vát lấy danh nghĩa Sư Đoàn 1 CSBV nhưng thực chất là cố gắng lần chót xử dụng quân địa phương cùng tàn quân của Trung Đoàn 101D tấn chiếm cơ sở Xi Măng Hà Tiên với hy vọng lật ngược thế cờ, đồng thời kiếm chút tiếng vang hầu che dấu sự thất bại của chính mình.

Liên Đoàn 42 Biệt Động Quân Biên Phòng lập tức được bổ sung quân số, tiếp liệu, tăng phái cho Sư Đoàn 9 BB, và được giao trách nhiệm giải tỏa khu vực Xi Măng Hà Tiên. Đại Tá Tất một lần nữa vẫn không chịu ngồi yên mặc dù không phải là vùng trách nhiệm của mình. Với sự đồng ý của

Tướng Trần Bá Di, Tư Lệnh Sư Đoàn 9 BB, ông Tất mang Tiểu Đoàn 86 Biệt Động Quân Biên Phòng của Thiếu Tá "Paul Húc" Tạ Thành Lộc từ Mộc Hóa qua, trực thăng vận vào sát sào huyết địch trên núi Cọp, nhằm làm giảm khả năng địch quân, yểm trợ cho trận đánh của Trung Tá Đại ở khu Xi Măng Hà Tiên.

Tác giả: Đã có Sư Đoàn 9 BB của Tướng Trần Bá Di, tại sao lúc đó Chuẩn Tướng lại mang quân Tiểu Đoàn 86 đánh vào núi Cọp làm gì?

Tướng Tất: Tôi làm sao ngồi yên ở Chi lǎng được, Còn đánh dọc theo biên giới là tôi còn quan tâm, hơn nữa Liên Đoàn 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân là đơn vị của tôi, tôi phải lo cho họ trong khả năng của mình.

Tác giả: Thưa Chuẩn Tướng, bài học gì mình thu được xuyên qua trận Kampong Trach?

Tướng Tất: Bất cứ trận nào tôi cũng rút ra được những bài học cho

chính mình. Quan niệm biên phòng và xử dụng quân đã thành nề nếp và đạt hiệu quả. Nhưng chính là Liên Đoàn 42 Chiến Thuật và các Tiểu Đoàn Biên Phòng trực thuộc mới học được một bài học lớn, kinh nghiệm lớn, tuy phải trả giá khá đắt. Không ngờ trận đầu lại quá nặng như thế, với một đấu thủ đông gấp mấy lần mình, trang bị cũng vượt hơn mình nhiều lần. Vậy mà cũng đạt được kết quả khá tốt, anh thấy họ rất đáng khen chớ.

Theo tác giả, Tướng Tất có khả năng thiên về thể công nhiều hơn. Sáng kiến mang Tiểu Đoàn 86 Biệt Động Quân Biên Phòng của Thiếu Tá "Paul Húc" Tạ Thành Lộc nhảy xuống núi Cọp cho thấy sự nhạy bén của ông ta. Có thể ví như ông đã dùng Thiếu Tá Lộc ở núi Cọp là chốt ngang xương sống con rắn, để giúp Trung Tá Đại "xử lý" đầu rắn tại khu Xi Măng Hà Tiên thật nhanh chóng. Nhanh đến nỗi vì quá bất ngờ nên cũng có người cho rằng trận Xi Măng Hà Tiên...không đáng gọi là một trận đánh thật sự (?). Ở đây cũng phải "ca" cho Tướng Tất một câu công bình, là thay vì ngồi ở Chi Lăng, Thất Sơn nghỉ xả hơi sau hơn một tháng nằm cứng chịu pháo trong căn cứ Kampong Trach, ông ta lại tiếp tục tình nguyện xông vào chỗ không thuộc trách nhiệm được cấp trên giao phó. Hình như vì dư luận không công bình sau đó của một số Sĩ quan trẻ thuộc binh chủng bạn nên ở trận Cheo Reo trong cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II Tướng Tất đã dè

dặt khi Lữ Đoàn 2 Kỵ Binh của Đại Tá Nguyễn Văn Đồng đụng trận. Tác giả buồn cười là dù ổng dè dặt tới đâu thì những câu chuyện thêu dệt đồn thổi bêu xấu cũng rượt theo ổng tới đó thôi.

Khu vực Xi Măng Hà Tiên được Liên Đoàn 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng của Trung Tá Trần Kim Đại "dọn dẹp sạch sẽ". Núi Cọp cũng được Tiểu Đoàn 86 Biệt Động Quân Biên Phòng làm "tổng vệ sinh" gọn ghẽ, tất cả kho tàng của quân Bắc Cộng gồm vũ khí, thuốc men, lương thực lọt hết vào tay Biệt Động Quân. Một Bác sĩ VC tên Khiêm bị hạ tại chỗ. Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 6 thuộc Trung Đoàn 46 CSBV là Đại Úy Hiến ra đầu hàng tại Hà Tiên sau khi toàn bộ Tiểu Đoàn 6 CSBV bị tiêu diệt. Trang mạng hiện nay của Quân Khu 9 CSBV (phần Hà Tiên) hẳn học gọi Đại Úy VC Hiến là... tên Hiến. Trận Kampong Trach 1972 bắt đầu từ cuộc giao chiến ở khoảng 6 cây số phía Bắc căn cứ Kampong Trach, và chấm dứt bằng một cuộc giao chiến khác ở phía Nam căn cứ Kampong Trach khoảng 18 cây số, bên phần đất Việt Nam. Cả hai trận đều do Liên Đoàn 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng tham chiến. Tướng Ngô Quang Trưởng đạt được mục đích: Giữ vững trị an Vùng 4 Chiến Thuật trong Mùa Hè Đỏ Lửa, chẳng những vậy ông còn có thể yểm trợ cho các mặt trận ở những Vùng Chiến Thuật khác. Sau này phía Bắc Cộng thú nhận Sư Đoàn 1 CSBV bị thiệt hại quá nặng nề qua trận Kampong Trach 1972 khiến Cục R đã phải gom góp hết quân trừ bị để bổ sung quân số cho nó.

Kampong Trach chính là một nốt nhạc trật chĩa khiến "dòng nhạc Mùa Hè Đỏ Lửa" của Bắc Cộng bị lỗi nhịp. Một "Operational Art"! Cho nên Hà Nội không còn nhắc nhở tới Sư Đoàn này lần nào nữa, như thể nó chưa từng hiện diện trên cõi đời này. Quân Việt Nam Cộng Hòa đã không cho phép có "một bến cảng ở Hà Tiên" dựa theo "Hiệp Định thổ tả Paris" mà quân Bắc Cộng mơ ước. Có hai điều tác giả không quên được qua trận Kampong Trach 1972:

Một: Ở phi trường Hà Tiên, hàng mấy dãy dài trực thăng của Mỹ - Việt đậu ngay hàng thẳng lối, các phi công căng võng nằm chờ tới phiên mình bay vào Kampong Trach. Phi công Việt ít tiền, tới buổi ăn trưa thì một gói xôi hoặc thối kền (nhai bánh mì). Phi công Mỹ giàu có, mỗi anh nửa con gà nướng trông thiệt đã. Nhưng khi bay, hai bên đã cùng vào Kampong Trach thật can đảm, bay liều lĩnh nhưng điệu nghệ nhất. Nhưng chỉ có cái khác là nhìn trực thăng Việt Nam đôi khi phải giật mình vì... không thấy anh phi công đâu cả. Anh quá nhỏ con so với phòng lái.

Hai: Các binh sĩ Tiểu Đoàn 94 Biệt Động Quân Biên Phòng sau khi về tới Thất Sơn đều nói rằng quân Bắc Cộng bị cho uống... thuốc điên. Trời đất, có chuyện này thiệt sao? Anh em kể rằng mỗi khi quân Bắc Cộng xuất trận, đều có một thiếu nữ dẫn đầu chạy phía trước, vừa chạy vừa hô: Tiến lên các đồng chí, chết trẻ hơn chết già, chết hôm nay, ngày mai khỏi chết!

Không bị cho uống thuốc điên thì tại sao hô hào khùng điên xuẩn động quá mức vậy? Năm 2011 tác giả có viết một bài về trận Kampong Trach 1972, sau đó nhận được một lá thư từ Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất viết góp thêm về trận này. Lá thư của Tướng Tất cũng đã được đưa tới những nơi từng đăng bài của tác giả nhằm cho độc giả có thêm dữ kiện, như sau:

Anh Đỗ Sơn,

Tôi đã đọc bài Kampong Trach 1972 anh viết, bồi hồi nhớ lại một đoạn khó quên trong quãng đời chiến binh của mình. Gửi cho anh thêm một vài chi tiết có thể anh không rõ, không nhớ, hoặc anh chưa từng nghĩ đến về trận Kampong Trach. Chắc anh còn nhớ tôi đã trả lời với các phóng viên ở Nam California nhân dịp về tham dự Đại Hội Biệt Động Quân: Là bại tướng thì nói gì cũng là bại tướng. Nhưng được anh gợi hồi tưởng lại trận Kampong Trach thì tôi lại muốn nói, nói những lời chưa có cơ hội nói.

Cho đến giờ này hẳn chưa ai quên Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, mỗi khi nhắc đến không ai khỏi chạnh lòng, ngậm ngùi về sự khốc liệt của chiến tranh. Năm 1972 là năm cuộc chiến Nam - Bắc đã đến hồi cực điểm. Tổng Bí thư Lê Duẩn và Đảng Cộng Sản Việt Nam thật vô

cùng tàn ác đẩy hàng vạn vạn người dân Việt Nam của cả hai miền vào cảnh chết chóc chưa từng thấy. Họ mơ ước, nôn nóng nhuộm đỏ cả nước Việt Nam càng sớm càng tốt để dâng công lên quan thầy. Giữa hai lực đối trọng to lớn là Liên Xô và Trung Cộng, Đảng Cộng Sản Việt Nam chơi trò đu dây và khiến nhân dân miền Bắc lầm tưởng nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là "Độc Lập" qua khẩu hiệu "Chống Mỹ Cứu Nước". Quá bất ngờ đến bàng hoàng cho toàn đảng Cộng Sản Việt Nam khi hệ thống Xã Hội Chủ Nghĩa Liên Xô sụp đổ, biến dạng trên địa cầu. Nhưng thật không may, một nước Cộng Sản to lớn, Trung Cộng, vẫn còn tồn tại. Dần dần Đảng Cộng Sản Việt Nam muốn thoát hiểm thì phải bám víu vào họ, vô hình chung lọt vào cái lưới thiên la địa võng của Trung Cộng mà cả nước Việt Nam ngày nay đang giãy dụa.

Trở lại với Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, nói đến trận chiến khốc liệt này mọi người liên tưởng ngay đến 3 mặt trận lớn là An Lộc, Kontum, và Quảng Trị. Chưa đủ, còn một mặt trận nữa là chiến trường Kampong Trach - Hà Tiên do BĐQ và KB của QĐ IV/QK IV chiến đấu. Tôi không nghiên cứu để hiểu 4 mặt trận đâu là chính đâu là diện. Kampong Trach là một địa danh xa lạ, một thị trấn quá nhỏ bé nằm trên đất Kampuchia cách Hà Tiên về phía Đông Bắc khoảng 14 cây số. Trận chiến Kampong Trach cũng khá khốc liệt về cường độ. Lực lượng tham chiến có Liên Đoàn 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân được tăng phái một Chi đoàn thiết quân vận M113 đối đầu với một sư đoàn chính quy Cộng Sản Bắc Việt. Có thể nói bên ta 1 chọi 5. Khởi đầu mặt trận này do Đại Tá Vũ Quốc Gia, Tư Lệnh Lữ Đoàn IV Kỵ Binh chỉ huy, Bộ Chỉ Huy Hành quân đóng tại Tô Châu, Hà Tiên. Biệt Động Quân QK IV có Bộ Chỉ Huy Hành Quân đóng tại Trại Chi Lăng (vùng Thất Sơn, Châu Đốc), có Bộ Chỉ Huy Hành Quân nhẹ đóng tại bến phà Neak Luong trên đất Kampuchia chịu trách nhiệm vùng biên giới từ tỉnh Kiến Tường (Mộc Hóa) đến tỉnh Kiến Phong (Cao Lãnh). Hai lực lượng BĐQ và KB đều dưới quyền chỉ huy của Tướng Trần Văn Hai, Tư Lệnh Biệt Khu 44. Tôi được Tướng Hai đưa vào Kampong Trach khi chiến trận đã lên đến cao điểm và nắm quyền chỉ huy.

Đề cập đến tương quan lực lượng thì tôi xin nói rõ về lực lượng và khả năng của Biệt Động Quân Biên Phòng một chút để thấy sức chiến đấu và tinh thần chiến đấu của anh em chiến sĩ Biệt Động Quân rất kiên cường trong trận Kampong Trach. Nói đến Biệt Động Quân hầu như ai ai cũng có ý nghĩ đây là những đơn vị thiện chiến, mũi nhọn, đầu sóng ngọn gió. BĐQ luôn luôn là tuyến đầu xung trận. Quả đúng như thế! Đó là BĐQ ở các Liên Đoàn 1, 2, 3, 4, 5 đã dày dạn chiến trận mấy chục năm qua. Biệt Động Quân Biên Phòng thì

khác. Là những đơn vị vừa được cải tuyền thành BĐQ từ năm 1970. Họ là những Biệt Kích Quân Dân Sự Chiến Đấu ở các trại Biên Phòng / Lực lượng Đặc Biệt. Họ chưa từng được tổ chức thành Tiểu Đoàn, chỉ hành quân nhỏ, phục kích, thám sát, chặn đứng và tiêu diệt những cuộc xâm nhập nhỏ xuyên biên giới, từng đoàn ít người trong phạm vi vùng trách nhiệm của trại. Họ chưa có kinh nghiệm đánh cấp đại đội, tiểu đoàn, nói chi tới liên đoàn, từng thiết phối hợp

với thiết quân vận thì rõ ràng xa lạ, trang bị của họ cũng rất nhẹ nhàng.

Từ cuối năm 1970, ý thức được tình hình đã biến đổi, Cộng Sản Bắc Việt không còn xâm nhập từng toán nhỏ vài chục người hoặc đông hơn khoảng 100 người. Bắc Việt nay xâm nhập cấp trung đoàn, sư đoàn cho nên tôi đã cơ động hóa các tiểu đoàn biên phòng để vừa hành quân vừa học hỏi kinh nghiệm đánh cấp đại đội, tiểu đoàn, và nếu cần có thể đánh cấp liên đoàn. Các tiểu đoàn này chưa được gửi đi huấn luyện bổ túc tại Trung Tâm Huấn Luyện BĐQ/ Dục Mỹ để chính quy hóa. Vì vậy mà có LĐ 42 BĐQ/CT để tham chiến mặt trận Kampong Trach, tăng phái cho Lữ đoàn 4 Kỵ Binh. Nói về quân số cũng là một vấn đề. Tiểu đoàn thuộc các Liên Đoàn 1, 2, 3, 4, 5 đều có cấp số 800 thì khả năng tham chiến mới được 500. Ngược lại cấp số Tiểu đoàn Biên Phòng chỉ là 500 thì khả năng hành quân không hơn không kém 300 và chỉ trang bị nhẹ. Với tương quan như vậy mà LĐ 42 BĐQ/ Chiến Thuật đã tạo được thành tích có thể nói là "thần kỳ". Liên đoàn đã không bị đánh tan và không bị tiêu diệt, ngược lại đã gây tổn thất nặng nề cho Sư Đoàn 1 CSBV, chặn đứng họ tại Kampong Trach, bẻ gãy kế hoạch của họ làm tiêu tan mục tiêu của Bắc Việt đề ra, đánh chiếm Hà Tiên Kiên Lương để xây một bến cảng cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Do tình hình các mặt trận trên toàn cõi Việt Nam Cộng Hòa tương đối lắng dịu, quân ta đã làm chủ được trận địa, Sư Đoàn 1 CSBV tại Kampong Trach cũng đã yếu thế, không còn khả năng tấn công mạnh nên Quân Đoàn IV đã cho lệnh rút lui lực lượng khỏi Kampuchia.

Thấy quân ta rút lui, Sư Đoàn 1 CSBV tuy đã yếu thế nhưng cố vọt vát tiến chiếm Kiên Lương, cơ sở Xi Măng Hà Tiên. Liên Đoàn 42 BĐQ/CT vừa trở về chưa được dưỡng quân thì lập tức nhận lệnh tăng phái cho Sư Đoàn 9 BB dưới quyền Tướng Trần Bá Di, rồi được điều động đến Kiên Lương để giải tỏa khu vực này. Trung Tá Trần Kim Đại cùng với Liên Đoàn nhanh chóng đến đến Kiên Lương lâm trận. Bản thân tôi và Bộ Chỉ Huy nhẹ không còn trách nhiệm gì trên mặt trận này, nên trở về Bộ Chỉ Huy Hành Quân ở Thất Sơn với trách nhiệm, nhiệm vụ cũ trước đây. Có lẽ Tướng Di hiểu quá rõ khả

năng và sở trường của Biệt Động Quân Biên Phòng nên đã ra một lệnh cho Trung Tá Đại vô cùng khắc nghiệt tưởng chừng như khó

thực hiện được, hay ít nhất cũng phải chấp nhận một tổn thất cao. Ấy thế mà Trung Tá Đại đã bình tĩnh, tự tin là khác. Lệnh ban ra là: BĐQ phải tái chiếm hãng Xi Măng Hà Tiên nguyên vẹn không được làm hư hại bất cứ thứ gì, có nghĩa là Trung Tá Đại không được sử dụng Pháo binh, không được gọi Không quân yểm trợ, không được sử dụng vũ khí nặng. Ấy vậy mà Trung Tá Đại và Liên Đoàn 42 BĐQ/CT tạo được một chiến công "thần kỳ" thứ hai. Chỉ vỏn vẹn trong vài ngày ngắn ngủi, đã chiếm được lại hoàn toàn cơ sở Xi Măng Hà Tiên, đánh tan lực lượng CS khiến họ phải tháo chạy về biên giới.

Thật ra các Tiểu đoàn BĐQ/Biên Phòng còn thiếu kinh nghiệm về lối đánh trận địa chiến nhưng lại có quá nhiều kinh nghiệm về đánh đêm, đánh biệt kích. Đó chính là sở trường của họ mà Tướng Di đã phát huy. Trung Tá Đại đã hoàn thành mệnh lệnh của Tướng Di thật hoàn hảo, xuất sắc. Tuy tôi không có trách nhiệm trong trận chiến này nhưng vùng biên giới vốn là trách nhiệm thường xuyên của tôi trong nhiều năm qua nên địa hình, địa vật trong khu vực này tôi quen thuộc lắm. Sau khi Trung Tá Đại nhận lệnh từ Tướng Di, ông liền cấp tốc báo cáo cho tôi. Trung Tá Đại thì có vẻ tự tin nhưng tôi không thể không lo cho quân của mình dù đã tăng phái. Phản ứng thật nhanh, tôi yêu cầu Sư Đoàn 9 BB chấp thuận cho tôi điều động Tiểu đoàn 86 BĐQ/Biên Phòng thuộc trại Bình Thạnh Thôn do Thiếu tá Tạ Thành Lộc chỉ huy thuộc LĐ 41 BĐQ/CT đóng tại Mộc Hóa trực thăng vận chợp nhóang vào chiếm lĩnh núi Hòn Cọp. Gọi là núi nhưng thật sự là một ngọn đồi thấp nằm chặn giữa con đường Kiên Lương đến Hà Tiên. Nơi đây là cơ sở chỉ huy trạm xá tiền phương, tiếp vận, giao liên, con đường tiến thoái của đối phương. Cuộc đổ quân bất ngờ và táo bạo của Tiểu đoàn 86 BĐQ/Biên Phòng, Thiếu tá "Paul Húc" Tạ Thành Lộc và quân của ông ta chỉ xoải có chục bước đã chiếm lĩnh ngay ngọn đồi này, đánh tan tàn quân CS.

Cũng phải nói thêm, Trung Tá Đại, nhờ sự hỗ trợ rất tích cực của "Paul Húc" Tạ Thành Lộc và Tiểu đoàn 86 BĐQ/BP, đã kết thúc hoàn toàn trận chiến Kampong Trach một cách nhanh chóng vẻ vang. Có thể nói rằng dân chúng miền Tây vẫn được vui hưởng thái bình vào lúc đó là nhờ vào trận Kampong Trach trong khi các mặt trận khác tuy bề ngoài có vẻ lắng dịu nhưng thực tế thì vẫn rất căng

thẳng. Thật là một điều không vui cho quân dân miền Tây nói chung và BĐQ nói riêng, vì sự thay đổi bất ngờ của hệ thống chỉ huy QĐ

IV /QK IV. Tướng Trưởng được điều động ra làm Tư Lệnh QĐ I /QK I, Tướng Trần Văn Hai rời BK 44, Trung Tá Trần Kim Đại đi nhận chức Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 1 BĐQ ở Quân Khu I. Riêng tôi đi nhận chức vụ Chỉ Huy Trưởng BĐQ /QK II, tại đây lập tức tham chiến vào mặt trận Kontum, BĐQ /QK II chịu trách nhiệm mở đường Quốc lộ 14, giải toả cụm chốt tại núi Chu Pao. Cùng Liên Đoàn 21 BĐQ/BP do Trung Tá Nguyễn Văn Lang chỉ huy và Tiểu đoàn 62 BĐQ/BP của Đại Úy Phong đã khai thông Quốc lộ 14 mở đường cho chuyển tiếp vận đầu tiên từ Peiku vào Kontum bằng đường bộ. Vào thời điểm này năm xưa, BĐQ /QK IV, đặc biệt là Liên Đoàn 42 BĐQ/CT - Tiểu đoàn 58 BĐQ - và Tiểu đoàn 86 BĐQ/BP, tôi không biết các anh em này nghĩ gì nhưng chắc rằng họ bị hụt hẫng đôi chút. Chẳng còn ai nhắc nhở đến trận chiến khốc liệt tại Kampong Trach, không ai đề cập đến những chiến sĩ hy sinh còn nằm lại trên vùng đất lạnh của xứ Chùa Tháp, nhưng anh em chiến sĩ đã anh dũng chiến đấu tại chiến trường này may mắn còn sống sót. Chiến trường Kampong Trach đã bị lãng quên không phải bây giờ mà ngay từ dạo ấy... Hình như Biệt Động Quân muôn thuở là vậy đó. Họ chưa có một tiếng nói mặc dù BĐQ là một đại đơn vị, một binh chủng lớn. Họ chiến đấu và tiếp tục chiến đấu cho đến khi lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh ban ra. Thôi thì hãy gióng lên tiếng than "Ôi"... Không biết anh em BĐQ có đồng tình như vậy không?

Gần 40 năm qua không ai nhắc đến danh từ Kampong Trach nhưng tôi chắc chắn những người lính Kỳ Binh - Không Quân - Pháo Binh - Công Binh - Biệt Động Quân... đã từng tham chiến ở đó không thể quên, thân nhân bao chiến sĩ đã hy sinh, thân xác còn nằm lại nơi xứ người không bao giờ quên. Chúng ta thì chưa làm được gì cho họ trong lúc này. Ngậm ngùi thay. Đúng là không thể quên cho nên thật bất ngờ, ông bạn KB Điền Đông Phương đã gọi lại Kampong Trach. Tôi không hiểu ông bạn KB Điền Đông Phương suy nghĩ gì, ý tưởng của ông ta ra sao khi viết về trận chiến. Tuy vậy, tôi rất chân thành và vô cùng cảm ơn ông bạn KB Điền Đông Phương đã nhắc lại khiến BĐQ Đỗ Như Quyên, BĐQ Trần Duy Hòa, và BĐQ Đỗ Sơn chạnh lòng, có động cơ để nhớ lại, nghiên cứu, tham khảo thêm mà

viết lại cho tương đối hoàn chỉnh hầu giúp cho Quân Sử QLVNCH không bị bỏ sót.

May mắn thay. Đáng lý ra Đỗ Sơn đã phải viết đến từ lâu lắm rồi khi Tướng Trưởng còn sinh thời. Tôi biết Tướng Trưởng rất muốn viết về Kampong Trach. Sau thời gian tôi đến được Hoa Kỳ (1993) tôi đã có dịp gặp Tướng Trưởng nhiều lần. Lần nào gặp tôi, Ông cũng nhắc nhở trận Kampong Trach và nói cảm ơn tôi về sự có mặt của tôi ở

đó. Không phải một lần mà lần nào cũng vậy. Tướng Trưởng nói và tôi ngồi suy tư. Tôi thật tình không muốn tìm hiểu Ông đang suy nghĩ gì, nhưng phải chăng Tướng Trưởng đang ân hận mình đã rời chức vụ QĐ/QK IV quá đột ngột nên có điều chưa làm được của một vị Tư Lệnh đối với anh em chiến hữu??

Linh Cơ

Chú thích của tác giả: Linh Cơ là danh hiệu truyền tin của Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất lúc còn là Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Vùng 4 Chiến Thuật.

Theo tác giả, với công trận tại Vùng 4 Chiến Thuật, tính đến sau trận Kampong Trach, Đại Tá Phạm Duy Tất đã xứng đáng để được thăng cấp. Nhưng có lẽ ông Tất vẫn cứ...chưa tới số. Vừa lập được công lao ở Thất Sơn và Mộc Hóa thì Tướng Nguyễn Viết Thanh tử trận, còn trận Kampong Trach được Tướng Ngô Quang Trưởng khen nức nở thì vừa khen xong ông Trưởng đã lập tức đổi ra Vùng 1. Quả thật, Tướng Tất thường nói mình tuổi con gà nên cứ phải tự mình đi kiếm thóc mà ăn, nhưng tác giả thì nghĩ rằng ông Tất có số...con rệp (xin lỗi ông Tướng liền ở đây). Năm 2011 sau khi tác giả viết bài Kampong Trach 1972, Tướng Tất liền viết email cho tác giả, trong đoạn cuối có kể Tướng Trưởng mỗi lần gặp ông đều nhắc đến trận Kampong Trach, nên ông Tất tự hỏi "Phải chăng Tướng Trưởng ân hận vì phải đột ngột rời Vùng 4 nên có điều chưa làm xong với anh em chiến hữu". Lúc đó tác giả không hiểu ông Tất muốn nói cái gì.

Bây giờ bắt tay viết cuốn sách này, Tướng Tất giúp phân tích lại từng trận đánh của ông ở Vùng 4, thì tác giả mới hiểu. Hiểu nên thường chọc ông sếp cũ của mình không biết "đánh trống, gõ phèng la".

Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy
Biệt Động Quân Vùng 2 Chiến Thuật

Tháng 5 năm 1972 Đại Tá Phạm Duy Tất rời Vùng 4 lên Vùng 2 Chiến Thuật nhận chức vụ Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Quân Khu 2. Tại sao các Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân ở các Vùng lại có thêm ba chữ "Bộ Chỉ Huy" đằng sau chức Chỉ Huy Trưởng của mình?

Tướng Tất giải thích: Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Vùng chứ không phải Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Vùng. Nhưng ai không chú ý kỹ thì tưởng không có gì khác biệt. Bộ Tổng Tham Mưu khi lập bảng cấp số đã dùng từ hay cụm từ rất chính xác cho hợp với quan điểm xử dụng, Tôi lấy một thí dụ này thì anh dễ hiểu hơn: Về binh chủng Thiết Giáp, tại Quân Khu chức vụ của đơn vị Thiết Giáp là Tư Lệnh

Lữ Đoàn Kỵ Binh, nhưng ở Trung Ương thì chức vụ vẫn là Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp; trách nhiệm chỉ huy trực tiếp đơn vị tác chiến rõ ràng bởi hai chữ "Tur Lệnh Lữ Đoàn". Phía Biệt Động Quân, Bộ Chỉ Huy Trung Ương hay Bộ Chỉ Huy Vùng đều giống nhau, là trách nhiệm, tinh thần, hành chánh, tiếp vận, giám sát, đôn đốc, giúp các Tur Lệnh Vùng trong việc xử dụng Biệt Động Quân hữu hiệu. Bộ Chỉ Huy cũng có đủ thành phần, cơ cấu tham mưu, nhưng quân số rất hạn chế. Các Chỉ Huy Trưởng không có nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy các đơn vị tác chiến. Mỗi Tiểu Đoàn đều có Trại Biên Phòng trách nhiệm, mang tính cách lãnh thổ, mà lãnh thổ thì có các Tur Lệnh Khu Chiến Thuật, Biệt Khu. Quan niệm tổ chức như vậy đã có từ thời Lực Lượng Đặc Biệt. Từ khi tôi bắt đầu chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt Vùng, tôi đã chủ trương thay đổi quan niệm này như anh đã chứng kiến. Tôi cứ tự động thực hiện chủ trương này theo quan điểm của mình mà không thể trình bày cho Tur Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt hay Tur Lệnh Vùng được. Nếu các vị này nghe tôi trình bày về một quan niệm mới ắt quý vị ấy sẽ lúng túng, khó quyết định. Cũng có thể họ sẽ bác bỏ ngay ý định của tôi. Cho nên tôi cứ từ từ thực hiện và từ từ tham chiến. Nói chính xác là tôi lẳng lặng giành quyền chỉ huy trực tiếp quân của mình trong nhiệm vụ tác chiến. Việc làm của tôi có kết quả cụ thể, hữu hiệu thì chẳng ai khiển trách tôi được, lẽ dĩ nhiên cũng không ai khuyến khích, và cũng không ai bắt buộc tôi phải chấm dứt việc làm này. Thật tình mà

nói, chỉ có tôi tự muốn tìm cái khổ cực, vất vả cho mình. Ngày tôi còn là Chỉ Huy Trưởng Lực lượng Delta tôi cũng tự động hành quân kết hợp Toán và Đại Đội, Tiểu Đoàn, tôi cũng không trình bày cho Tướng Quảng vì tôi biết ông ta sẽ không cho phép. Tôi cũng biết nếu thất bại thì tôi sẽ lãnh đủ, nhưng tôi tự tin mình sẽ thành công. Tôi luôn cho rằng phải có sáng kiến và luôn thay đổi thì mới tiến, bắt kịp tình hình thay đổi. Nếu không làm thì sao biết được có thành công hay không? Anh cứ nói rằng tôi không biết "đánh trống, gõ phèng la" cũng vì vậy đó. Thời kỳ tôi ở Vùng 4 Chiến Thuật chính là thời kỳ quan điểm của tôi đã trở thành hiện thực và đạt được kết quả tối đa, muốn thay đổi ngược trở lại cũng không được. Tất nhiên không ai thấy rằng tôi đã thực hiện nó trong một thời gian tương đối dài, từ năm 1968 cho đến 1972. Tôi cũng không thể vỗ ngực tự khoe đó là công lao của mình. Đương nhiên là các Tur Lệnh mà tôi đã phục vụ dưới quyền hiểu rất rõ, nhưng ở ngoài đời hay trong quân ngũ đều vậy, lời khen thì hiếm mà lời chê thiếu gì, phải không anh Đỗ Sơn?

Tác giả: Bây giờ thì tôi hiểu, nhưng... vẫn còn thắc mắc, tại sao cấp

trên lại thuyền chuyển Chuẩn Tướng sau một thời gian Biệt Động Quân Quân Khu 4 đạt được nhiều thành quả như vậy?

Tướng Tất: Chấm dứt trận Kampong Trach tôi trở về Bộ Chỉ Huy ở

Cần Thơ, tôi đã biết có người muốn nhắm vào cái ghế của tôi, nhưng Tướng Trưởng nhất quyết từ chối không thay tôi, chuyện này tôi đã kể cho anh nghe rồi. Tư Lệnh Quân Đoàn bất ngờ ra đi quá vội vã, binh sĩ còn bị lãng quên thì tôi có đáng gì. Khi tôi còn ở Lực Lượng Đặc Biệt tôi đã từng bị như vậy vài lần rồi mà, nên tôi mới đi chỉ huy Lực lượng Delta; lúc đó tôi vui lắm vì biết chắc, đâu có ai muốn tranh giành gì, cực quá và rất nguy hiểm nên tôi đã được yên thân tới 3 năm. Năm 1970 cải tuyến sang Biệt Động Quân, tôi cũng đã chuẩn bị sẵn sàng ra đi. Lúc đó tôi đã đủ lông đủ cánh, huy chương Việt - Mỹ đầy mình tôi đâu có ngán bất cứ chỗ nào. Nhưng chuyện gì đến thì trước sau cũng đến, giữa năm 1972 Tướng Ngô Quang Trưởng rời Vùng 4, Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi về thay thế. Đâu phải tôi không quen Tướng Nghi, tôi biết ông ta hồi còn là Đại Tá Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn I / Quân Khu I, nhưng lúc này ông Nghi mới nhậm chức Tư Lệnh Quân Đoàn IV và vì lý do tế nhị

nên tôi đành phải ra đi. Lúc bấy giờ tôi thật sự muốn đi học Chỉ Huy Tham Mưu vì đó là điều kiện bắt buộc và cũng là tương lai. Anh chắc còn nhớ, tôi đã từng xin Tướng Quảng cho tôi được đi học khi tôi phải rời chức Chỉ Huy Trưởng Liên Đoàn 111, rời Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Đặc Biệt. Tướng Quảng tưởng tôi bất mãn, trợn mắt thẳng thừng nói với tôi "Anh muốn đi học thì hãy để cái lon Thiếu Tá lại đây rồi đi". Tôi tắt tiếng, chỉ biết ngậm ngùi đưa tay chào rồi quay gót trở ra.

Tác giả xen vào: Lời nói là của Tướng Quảng, nhưng ý thì của ông

Trời, Chuẩn Tướng ơi...

Tướng Tất cười: Ừ, cứ cho là vậy đi. Trở lại chuyện đang nói ở Vùng

4 thì trước khi bàn giao chức vụ, Tướng Nghi gặp tôi và nói "Thôi anh cứ ở lại đây với tôi, tôi sẽ sắp xếp cho". Làm gì mà tôi không biết nếu tôi muốn một chức hành chánh thì sẽ có thôi, nhưng tôi chưa bao giờ có ý định làm chức vụ này nên tôi nói với ông là muốn được xin nghỉ ngơi một thời gian và đi học, xin để tôi rời Vùng 4 Chiến Thuật. Tôi chưa về trình diện Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Sài Gòn thì Đại Tá Trần Công Liễu, Chỉ Huy Trưởng, đã xuống tận Cần Thơ bảo tôi đi nhận Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Quân Khu 2.

Tôi từ chối ngay vì không muốn mang tiếng giành chỗ của người khác. Đại Tá Liễu biết không thuyết phục được tôi nên bày một kế khác khiến tôi mắc bẫy. Tôi khăn gói về Sài Gòn trình diện thì ông Liễu rủ tôi đi Pleiku chơi và nhân tiện thăm Tướng Ngô Dzu luôn. Tôi và Đại Tá Liễu đến Pleiku vào gặp chào Tướng Ngô Dzu, vừa thấy mặt tôi ông Dzu nói ngay "Mi lên đây làm việc với tau". Tôi nghẹn họng chỉ biết trả lời "Dạ". Thế là tôi chính thức trở thành Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Quân Khu 2. Tôi muốn kể thêm với anh chuyện này, tôi đã sắp xếp chuyện đi học, sau đó là kiếm cái chức Trung Đoàn Trưởng ở Vùng nào nguy hiểm nhất.. Tôi đã liên lạc với Tướng Phú đang là Tư Lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh cho tôi về lại Sư Đoàn 1, đơn vị đầu đời lính của tôi; nhưng Tướng Phú cản và còn nói là nhân sự tại Huế phức tạp lắm. Sở dĩ tôi muốn vậy là vì trong thâm tâm tôi đang hình thành một ý tưởng, mình ở Biệt Động Quân tuy đã chỉ huy đơn vị tương đương cấp Sư Đoàn, lãnh thổ trách nhiệm cũng vậy, nhưng Biệt Động Quân yếu thế, chẳng có tiếng nói; tôi chuẩn bị và quyết phải đi theo con đường chính quy.

Phần tác giả, vì "hạ phong thủy" với sông nước, đã không đi theo Đại Tá Tất tới vùng rừng núi, ông Tất cũng giận nhưng không nói cho mãi tới sau này gặp nhau lại tại Hoa Kỳ. Lúc đó, Đại Tá Tất một thân một mình lên Pleiku, chắc lúc đó càng giận "cái thằng em không tình nghĩa" này. Sẵn dịp cũng xin độc giả cho phép được tâm sự lai rai, vì ở lại tác giả có dịp làm việc với Trung Tá Lê Bảo Toàn, một vị Sĩ quan tác giả kính phục như Tướng Tất. Tình nghĩa của lính thì thương mến chưa đủ, phải có thêm sự kính phục, thiếu kính phục thì... chưa trọn gói. Sau cơn hoạn nạn mất nước rồi đi tù Cộng Sản, Trung Tá Lê Bảo Toàn tới Orange County, nơi tác giả đang "lâm trận" báo - đài. Mỗi lần tác giả đùng nặng đều có sự xuất hiện của ông Toàn, ở hoàn cảnh mới thì ông cũng đâu làm gì được hơn, chỉ một cái vỗ vai, chỉ một câu "Ráng lên, Sơn" nghe thiệt là... tình. Tình lính!

Không có tác giả đi theo, khi lên Vùng 2 Đại Tá Tất đã xử dụng lại Tuy Viên của Đại Tá Dương vừa rời nhiệm sở. Ông Tất thường nói với tác giả Thiếu Úy Mạch Thiệu Hùng chịu cực khổ - nguy hiểm với tôi nhiều lần hơn anh ở Vùng 4, lúc đó tôi vẫn muốn làm cho anh ta một việc gì đó để đền đáp, nhưng chưa có dịp thì đã xảy ra chuyện "sập trời". Những ngày đầu của Đại Tá Phạm Duy Tất ở Quân Khu 2 trong khi trận Mùa Hè Đỏ Lửa vẫn còn âm ỷ chưa tàn cuộc, Ông Tất nói mình điên đầu luôn vì hết Tiểu Đoàn này bị đánh tan, Trại Biên Phòng kia bị địch tràn ngập...

Hỏi thì Tướng Tất lắc đầu: Tại Bộ Chỉ Huy mà chỗ nào cũng thấy lính, chỗ nào cũng thấy gia đình binh sĩ, tôi chẳng còn suy nghĩ được điều gì ngoài việc cố gắng ngày đêm ổn định tình hình, tái lập đơn vị, bổ sung quân số, sắp xếp nơi đồn trú mới... Có lẽ thấy tôi đến nhận

nhiệm sở một thân một mình nên Ban Tham Mưu ai cũng cố gắng hăng say làm việc. Chỉ một thời gian ngắn thì mọi việc đâu vào đấy, trật tự vẫn hồi, các đơn vị bắt đầu có lại sinh khí. Tôi đang suy nghĩ mình phải làm thế nào với Vùng 2 đây, rõ ràng là hoàn toàn khác với Vùng 4, tôi chưa kịp gặp lại Tướng Ngô Dzu thì nghe tin có sự thay đổi. Tướng Ngô Dzu phải rời Quân Đoàn II vì bất đồng với Cố Vấn Trưởng John Pauul Van, Nguyễn Văn Toàn về thay thế.

Tác giả: Chuẩn Tướng đã từng quen biết với Tướng Toàn không? Đây là 1 vị Tướng được khá nhiều Sĩ quan sau này viết bài ca ngợi là mạnh mẽ, cương quyết?

Tướng Tất: Chưa. Tướng Toàn với tôi thật xa lạ. Thấy đoàn tùy tùng

của ông ta thật hùng hậu, tự nhiên tôi cảm nhận sự lạc lõng của mình. Tôi vào trình diện ông Tướng mà hai bên chỉ quan sát lẫn nhau, nhìn tôi với đôi mắt đầy nghi ngờ, không hỏi tôi bất cứ điều gì, không hỏi đến cả các đơn vị Biệt Động Quân ra sao. Tình hình chiến sự tuy đã có phần lắng dịu nhưng Sư Đoàn 23 còn kẹt tại Kontum, Quân CSBV vẫn còn áp sát, pháo kích vẫn tiếp tục, con đường bộ tiếp tế cho Kontum từ Pleiku còn bị chốt ở rặng núi Chu Pao, chỉ cách Kontum khoảng hơn 1 cây số. Tại đây Thiếu Tá Nguyễn Văn Lang đang chỉ huy 3 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng được điều động từ Ban Mê Thuật lên tăng cường, đang cố gắng phá chốt, giải tỏa đường. Tôi đến Pleiku thì Đại Tá Nguyễn Văn Đương lên máy bay theo Đại Tá Liễu về Sài Gòn nên tôi không rõ đơn vị Biệt Động Quân này thống thuộc ai, Đại Tá Đương có chỉ huy trực tiếp đơn vị này không. Tôi không có thì giờ và cũng không muốn hỏi, tôi đến gặp Thiếu Tá Lang tại địa điểm hành quân, thăm hỏi và xem xét tình hình.

Thiếu Tá Lang người nhỏ thó, đen thui đen thui, cái đầu trọc lóc nên có biệt danh là Lang trọc. Ông ta cùng khóa Thủ Đức với tôi, từ ngày rời quân trường tới nay mới gặp lại. Tay bắt mặt mừng, ôm nhau khăng khít, tôi thì "mày tao" với ông ta, nhưng có lẽ ông ta ngại cái lon Đại Tá của tôi nên đành phải xưng hô cho đúng phép. Tôi biết ông Lang lúc còn là Đại Úy từng là Đại Đội Trưởng Biệt Động Quân Biệt Lập, dày dạn trận mạc với núi rừng Tây Nguyên, đánh giặc rất giỏi nhưng ba gai, say sưa, phá làng phá xóm nên đã bị Tướng Đỗ Cao Trí cho vào ngòi quân lao Nha Trang nghỉ mát một thời gian tương đối dài, mới được ra tù đưa về Ban Mê Thuật chỉ huy 3 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng tại đây. Mùa Hè Đỏ Lửa ông Lang đã lập được chiến công nên vừa được đặc cách lên Thiếu Tá. Tôi theo dõi đơn vị của Thiếu Tá Lang đang phá chốt tại

Chu Pao và gọi luôn đơn vị của ông là Liên Đoàn 21 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng như tôi đã gọi các Liên Đoàn tại Vùng 4 Chiến Thuật vậy. Thế là danh xưng đó đã dính liền với đơn vị cho đến 1975. Nhưng trong mấy ngày liền mà Liên Đoàn 21 vẫn chưa giải tỏa được con đường, Tướng Toàn gọi tôi vào trình diện, to tiếng trách mắng rồi giao cho tôi trách nhiệm mở đường. Càng ngày tôi càng thấy được phương pháp chỉ huy của Tướng Toàn, là một vị chỉ

huy ngắn gọn, không biết ông có rõ về lực lượng trong tay mình không, cứ ra lệnh coi mình có làm xong không rồi mới... tính.

Lúc đó tôi đâu có quyền xử dụng Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân Tiếp Ứng, tôi chỉ có trong tay Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân Biên Phòng, và Tiểu Đoàn 62 vừa tái tổ chức lại sau khi tan hàng. Coi như chỉ có 1 Liên Đoàn +. Ban đầu tôi cứ để Liên Đoàn này đánh theo kiểu chiến tranh quy ước phá chốt, mở đường. Ngày nào họp Tham Mưu Quân Đoàn, Tướng Toàn cũng la lối om sòm, đòi tôi phải bắt tay được với lực lượng trên Kontum cho sớm. Tôi suy nghĩ đánh theo kiểu này chắc không xong, liền gọi Thiếu Tá Lang về gặp. Và cũng gọi luôn Đại Úy Phong, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 62. Đại Úy Phong xuất thân Đà Lạt, vừa gặp; vừa gặp là tôi thích liền, con người dễ mến, năng động. Tôi thấy cần phải thay đổi cách đánh phá chốt theo chiến thuật của Lực Lượng Đặc Biệt. Lệnh mới của tôi là Tiểu Đoàn 62 thay Liên Đoàn 21 tiến theo trục lộ 14 phá chốt, ông Lang sẽ dẫn Liên Đoàn 21 xuất phát từ trại Plei Mrong của Tiểu Đoàn 63, hành quân đêm xuyên rừng. Tôi hướng dẫn cho Thiếu Tá Lang phải di chuyển suốt đêm, tránh chạm địch càng tốt, sáng hôm sau phải có mặt tại Kontum bắt tay với Sư Đoàn 23 BB. Ý của tôi là muốn cắt ngang con đường giữa những cái chốt và Bộ chỉ huy chốt của địch quân, tạo một bất ngờ mà địch chưa từng gặp phải.

Thiếu Tá Lang dẫn Liên Đoàn hành quân đêm, đi ào ào một mạch tới Kontum, sáng hôm sau đã bắt tay được với Sư Đoàn 23 BB. Đúng là bất ngờ, vì sau khi việc này xảy ra quân CSBV rút lui hết, bỏ chốt trên đường 14. Đại Tá Phạm Duy Tất không tốn viên đạn nào hết mà đã thành công. Báo cáo với Tướng Toàn đường 14 đã khai thông, đoàn công voa lần đầu tiên ồ ạt chở đồ tiếp tế cho Kontum và Sư Đoàn 23 BB. Dân ai ai cũng vui mừng, xe dân sự chạy tấp nập. Tướng Tất kể, nghe tôi báo cáo, nét mặt đã thay đổi, xem ra địa vị của tôi trong lòng Tướng Toàn đã có chút uy tín, tin tưởng. Ông thưởng công tôi bằng cách... giao luôn mặt trận Kontum cho tôi, rút toàn bộ Sư Đoàn 23 BB về dưỡng quân. Xem như đây là công đầu của tôi tại Vùng 2 Chiến Thuật.

Tướng Tất nói: Nhận trách nhiệm trấn thủ Kontum với chỉ 4 Tiểu

Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng, mà 1 Tiểu Đoàn đã phải giữ đường ở khúc Chu Pao để duy trì tiếp vận đường bộ, thành tôi cũng hơi run. Nhưng nhiệm vụ là nhiệm vụ, run hay không run thì cũng

phải thi hành, có bao nhiêu chơi bấy nhiêu chớ xin quân ở đâu ra!! Phải chi Tướng Toàn giao cho tôi thêm Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân Tiếp Ứng thì tôi cảm thấy ấm áp hơn, khổ là Liên Đoàn này vẫn tiếp tục tăng phái cho Quân Khu 1 để hành quân giải tỏa quận Đức Phổ, Quảng Ngãi. Trước khi làm Tư Lệnh Quân Đoàn II, Tướng Toàn là Tư Lệnh Sư Đoàn 2 ắt biết rõ Chỉ Huy Trưởng Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Quân Khu I chỉ làm đúng theo bảng cấp số, nghĩa là không cần trực tiếp chỉ huy tác chiến các đơn vị Biệt Động Quân. Tôi thì khác, tôi luôn luôn muốn chỉ huy trực tiếp các đơn vị của mình, không muốn họ phải đi tăng phái. Tướng Toàn có nghiên cứu hồ sơ của tôi không, tôi không thể xác nhận, nhưng tôi tin là có, bởi vì nếu không thì ông sẽ không bao giờ liều lĩnh giao cho tôi một nhiệm vụ như thế này. Tôi suy nghĩ, lực lượng CSBV tấn công vào không mạnh như tại An Lộc, Quảng Trị và đã tổn thất nặng nên phải rút lui, không thể quay lại tấn công lần nữa. Chắc chắn Tướng Toàn cũng đã thấy được như vậy nên mới dám lệnh cho tôi cầm một lực lượng ít ỏi để bảo vệ Kontum. Thật ra thì Tướng Toàn cũng không còn quân để tăng phái cho tôi. Hai Sư Đoàn BB thì đều đã từng được sử dụng ở Tân Cảnh và Kontum trước đây, giờ thì phải dưỡng quân và tái tổ chức cho họ. Dù quân của tôi ít ỏi, kém chất lượng, tôi cũng phải bung ra nới rộng vòng đai phòng thủ. Tôi thắc mắc vì lý do gì mà các Trại Biên Phòng vùng Ban Mê Thuật rút bỏ tất cả để có 3 Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng mà vị chỉ huy tiền nhiệm của tôi là Đại Tá Dương đã tập trung lại sử dụng như một Chiến Đoàn cơ động..

Với thành tích mở lại đường tiếp vận từ Pleiku lên Kontum, tôi đề nghị cho Thiếu Tá Lang lên Trung Tá, trước là giúp bạn đồng khóa, sau nữa là thử phản ứng của Tướng Toàn. Bước đầu tôi đã gây được ấn tượng tốt, nay tôi muốn thử đo lường trọng lượng tiếng nói của mình. Thật nhanh, ông Lang Trọc của tôi đã là Trung Tá Liên Đoàn Trưởng. Mùa Hè Đỏ Lửa mà, Phòng Tổng Quản Trị Bộ Tổng Tham Mưu làm thăng cấp mệch nghĩ.

Có thể nói, đối với các thượng cấp chỉ muốn yên ổn qua ngày thì Đại Tá Phạm Duy Tất chính là ... siêu quậy. Ông Tất nói, nay đã có chút thì giờ thì tôi lại nghĩ đến vấn đề Biên Phòng của Vùng 2. Nhìn lại Biên Phòng Vùng 4, có thể nói cho tới giữa 1972 thì ông Tất đã giúp khóa lại biên giới Việt -

Miên. Vị trí chiến lược Thất Sơn đã bị phía mình chiếm giữ, bất cứ Đại

đơn vị Cộng Sản nào vượt qua Rừng Tràm Trà Tiên bị ta phát hiện kịp thời ắt sẽ bị tiêu diệt. Phía Bắc Cộng cũng biết vậy nên cố gắng tái chiếm Thất Sơn đang do Địa Phương Quân trấn giữ, Tướng Trưởng đã đưa Sư Đoàn 9 BB vào khu vực để chiếm lại một lần nữa. Thế là phía Bắc Cộng chuyển sang con đường Mộc Hóa bên phía Đông, cũng bị Biệt Động Quân Biên Phòng truy quét. Họ đưa nguyên Sư Đoàn 1 CSBV vào Mộc Hóa thì Tướng Trưởng đưa Sư Đoàn 7 BB tới đối chiến, địch thảm bại không còn dám manh nha đưa đại quân vào đồng bằng sông Cửu Long nữa.

Đột nhiên, Ông Tất đổi "tông" tâm sự: Tôi đang ở Kontum mà cứ miên

man nghĩ về số phận long đong của mình. Người ta chỉ dự một trận Mùa Hè đỏ lửa thì đủ nhớ đời về sự khốc liệt của nó, còn tôi cùng anh em binh sĩ sau Cô Tô, Rừng Tràm Trà Tiên, Mộc Hóa, thì hơn tháng trời co mình trong căn cứ Kampong Trach chịu pháo địch với cường độ ác liệt chưa từng có ở Vùng 4. Nhiều lần nhìn Trung Úy Thạch Kiệt, Sĩ Quan Công Vụ Liên Đoàn 42, chỉ huy đào cuốc chôn cất anh em tử sĩ thuộc tất cả các binh chủng trấn thủ căn cứ, tôi cố dẫn nhưng không ngăn được nước mắt cứ tuôn xuống, nước mắt tiếc thương thuộc cấp của mình nhưng cũng là nước mắt uất ức vì mình không đủ quân và phương tiện đáp trả lại địch quân. Lại nghĩ đến vợ lính, con lính khi nhận được tin dữ của chồng - cha, và còn những người lính phải gửi nắm xương tàn trên đất người không được trở lại với quê hương. Giữa tiếng pháo địch ầm ầm mà tai như đang nghe được dòng nhạc "Ngày mai đi nhận xác chồng...", ôi, cái buồn dâng đến tận bậc cuối não nề thấm thía, buồn tới nẫu người. Tôi cũng như những người lính khác thôi, tôi chỉ biết hết mình phục vụ Quốc Gia, Quân Đội, nhưng sao tôi cứ long đong mãi như vậy? Nhưng rồi cũng tự nhủ, mình tình nguyện đi vào Kampong Trach thì tự mình phải chấp nhận, trách móc chờ đợi gì ai. Tôi biết ít ra mình còn may mắn hơn nhiều đồng đội là.... tôi còn sống. Ừ, còn sống!

Tác giả nghe giọng đều đều của Tướng Tất, giọng của một "ông Tất khác", cái "ông Tất khác" đó đã được Tướng Tất dấu kỹ trong những ngày tháng binh đao, thời đó "ông Tất khác" chỉ có thể xuất hiện khi "ông Tất này" ngả lưng xuống cái ghế bố nhà binh mỗi tối. Nhưng chiến tranh mà, chiến tranh bất kể buồn vui, chiến tranh bất kể đau thương chết chóc, chiến tranh thúc người lính chạy tới, phải bóp cò, phải hô xung phong, phải quên tất cả

chỉ được nhớ tới sách lược mưu tính; bởi nếu địch không chết thì ta chết, khổ hơn nữa là không chỉ ta, mà còn gia đình ta, thân quyến ta, láng giềng ta và cả Miền Nam Tự Do của chúng ta.

"Ông Tất này" trở lại: Ở Vùng 2, mất căn cứ Tân Cảnh phía Bắc

Kontum, Sư Đoàn 22 BB tổn thất nặng nề, thì tôi thấy hệ thống Biên Phòng tại đây hoàn toàn bị tê liệt và sẽ phải bỏ ngỏ. Thời kỳ chỉ huy lực lượng Delta tôi đã thấy, phía Tây Đà Nẵng, ở Vùng 1 Chiến Thuật là 1 vị trí chiến lược quan trọng vì nó là điểm khởi đầu nối đường mòn Hồ Chí Minh vào quốc lộ 14 để địch tràn xuống miền Nam. Tôi nhớ lúc đó có lần bay vào Trại Khâm Đức, tôi đã hành quân ra vào trại này nhiều lần, nhưng lần đó nguy hiểm vô cùng, không phải vì địch mà vì thời tiết. Tôi vừa đổ quân xong ở biên giới Lào - Việt đang bay trở về thì trời đổ cơn mưa tầm tã, lớn như mưa bão, trời đất mịt mù không còn thấy gì cả, trực thăng có thể vướng cây rừng cao rậm rạp hay đụng vào vách núi không biết lúc nào. Anh Thiếu Tá phi công Mỹ lái chiếc C&C chở tôi và Cố vấn bị Vertigo, đang bay bình phi, tự nhiên tôi thấy anh ta nhấc mũi trực thăng bay thẳng lên trời, qua ánh đèn trực thăng nhìn lại phía sau tôi thấy nguyên đoàn phi cơ cũng làm theo. Tôi đập vai anh Cố vấn, anh ta lập tức đánh mạnh vào gáy anh Phi công, anh này giật mình lấy lại bình phi. Sau đó lòng vòng tìm mãi không thấy Trại Khâm Đức để đáp tạt, thật là chết dễ như chơi. May lắm, vào lúc cả đoàn trực thăng đang lúng túng, phải nói là sợ hãi mới phải, thì Trại đã đột sáng lên cả dãy đèn phi trường, chúng tôi mới thấy mà đáp xuống. Thì ra chúng tôi đang ở ngay phía trên trại mà không biết, đáp xuống được mọi người ôm nhau mừng hết biết luôn.

Sau "Việt Nam hóa chiến tranh", Trại Khâm Đức bị rút bỏ, thì Biên Phòng Vùng 2 Chiến Thuật nhất định sẽ bị lâm nguy. Căn cứ Tân Cảnh cũng vậy, còn thì các Trại Biên Phòng Tây Nguyên mới còn hy vọng, Tướng Toàn nhiều lần muốn tái chiếm Tân Cảnh nhưng không đủ quân. Tôi đang là người chỉ huy Biệt Động Quân của Vùng 2, thấy tình hình Biên Phòng Tây Nguyên kể như vô vọng, tôi muốn nỗ lực như đã làm ở Vùng 4, nhưng tôi biết đây là vấn đề lớn, ngoài tầm tay của mình. Chỉ còn có thể cố gắng lo lắng cho các Trại, các Tiểu Đoàn Biên Phòng còn nằm dọc theo biên giới hẻo lánh xa xôi chẳng khác gì những ngọn đèn trước gió.

Sau khi các Trại Biên Phòng toàn quốc cải tuyến sang Biệt Động Quân, nhìn chung thì Binh chủng Biệt Động Quân rất phấn khởi, đột nhiên quân số tăng lên cái ào, trở thành 1 Binh chủng lớn nhất trong Quân Đội. Nhưng cái thế vẫn là yếu nhất. Tướng Đỗ Kế Giai về thay Đại Tá Trần Công Liễu thật hợp tình hợp lý. Nhưng với chức vụ quá mới mẻ, Tướng Giai có kịp thấy các Tiểu Đoàn Biên Phòng của mình đang trong cơn hấp hối không?

Tướng Tất: Về phần Kontum, tuy bị tổn thất nặng trong trận tấn công

vừa qua, nhưng quân Bắc Cộng đã lấy lại sức tương đối nhanh, bắt đầu dòm ngó tới hệ thống Biên Phòng tại Kontum. Khởi đầu là Trại Dak San của Tiểu Đoàn 90 Biệt Động Quân Biên Phòng. Trước đây quân Bắc Cộng đã đánh Trại nhiều lần, nhưng đều lãnh đủ thất bại. Bây giờ thì khác, không yếm bị hạn chế, quân tăng viện không có, cuối cùng Trại Dak San lọt vào tay Cộng Sản. Tiểu Đoàn 90 đành phải rút đi, tôi có thêm 1 Tiểu Đoàn cơ động mà không vui mừng chút nào. Tôi tự hỏi mình, vì phía ta không có kế hoạch tốt về các Trại Biên Phòng Vùng 1, 2, 3 Chiến Thuật hay vì quân Mỹ đã để lại cho quân đội Việt Nam một gánh nặng không thể giải quyết? Tôi nghĩ, lý do là vì...ta, chúng ta không có một kế hoạch cụ thể, một cố gắng nào. Tôi nhớ câu tục ngữ "Bỏ thì thương, vương thì tội", các Tướng Lãnh có trách nhiệm, các cấp lãnh đạo quân sự đều biết duy trì các Trại Biên Phòng ở Vùng 1, 2, 3 Chiến Thuật là quá khó khăn, nhưng rút bỏ để bảo toàn lực lượng cũng không thể, mặc nhiên chấp nhận đến khi bị đánh chiếm mất thì phải chịu mất thôi, tôi cảm thấy buồn vô hạn. Trại Biên Phòng cuối cùng của Vùng 2 bị mất là Trại Ben Het, từ Trại nhìn xuống là quốc lộ 14, quân Bắc Cộng đã có được một vùng đất rộng lớn ở phía Tây và Bắc Kontum. Mất Trại Ben Het không quan trọng, bởi ta đã đếm từng ngày một, và ngày nào Trại Ben Het cũng lãnh pháo địch. Quan trọng nằm ở chỗ Cộng Sản đã nối liền đường mòn Hồ Chí Minh vào quốc lộ 14, từ Khâm Đức chạy dài xuống phía Tây Kontum. Họ ngang nhiên hoạt động tu bổ cầu cống, nới rộng đường sá công khai giữa ban ngày bằng phương tiện cơ giới. Tôi và Tướng Healey ngày nào cũng có mặt trên vùng trời Trại để yểm trợ phi pháo. Năm 1972 các trại thuộc lãnh thổ Pleiku cũng bị mất, chỉ còn 2 trại là Pleime nằm phía Tây do Tiểu Đoàn 82 trấn giữ, và Trại Plei Mrong của Tiểu Đoàn 63 nằm phía Tây Bắc. Ta cương quyết giữ 2 trại này vì là vòng đai phòng thủ Pleiku, nằm cách Pleiku chỉ trong vòng 20 cây số. Có lẽ phía

Bắc Cộng cũng hiểu được chuyện này nên vì không muốn bị tổn thất, họ tạm để cho Trại Pleime và Plei Mrong tạm yên ổn.

Quân Đoàn II / Quân Khu 2 rõ ràng đã mất thế chủ động. Ta không thể mở chiến dịch đánh lớn, cũng không thể hành quân "tìm và diệt" nữa. Trái lại quân Bắc Cộng thì có thể, nếu họ muốn. Tình hình tạm yên ổn là vì quân Bắc Cộng đã rút sâu về phía Tây, chỉ còn tổ chức quấy rối lẻ tẻ, thường xuyên chốt chặn các trục lộ giao thông, đánh phá các quận lỵ, pháo kích vào phi trường và Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn. Thế phòng ngự của Quân Đoàn II ở Cao nguyên với một Sư Đoàn 23 BB mà phải trải mỏng trên lãnh thổ của 4 tỉnh từ Kontum đến Quảng Đức.

Trở về phần Đại Tá Tất, "trận ngộ nghĩnh" nói ở một đoạn trên, phá chốt giải tỏa đường bắt tay Sư Đoàn 23 không phải là "trận ngộ nghĩnh" duy nhất. Tướng Tất kể rằng, núi Chu Pao và đường 14 giữa Pleiku - Kontum, Cộng Sản chốt chặn rất nhiều lần, đơn vị quân Bắc Cộng này rút đi thì đơn vị khác lại tới đóng chốt tiếp. Lần nào Tướng Toàn cũng hỏi Đại Tá Tất phải giải tỏa gấp. Có một lần Tiểu Đoàn của Đại Tá Tất đánh liên miên cả tuần lễ mà không phá chốt được. Ông nói hạp Tham Mưu, Tướng Toàn chửi như tát nước vào mặt tôi. Ông Tất buồn quá lúi thủi đi ra thì Tướng Healey chạy theo rồi ông đi bay. Bấy giờ ông Healey đã lên Tướng, thuyền chuyển ra Vùng 2 làm Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn. Bay lên Vùng hành quân Đại Tá Tất chỉ cho Tướng Healey tình hình dưới đất, ông ta chẳng nói lời nào. Khi trực thăng đáp xuống, Tướng Healey lôi trong túi áo ra cái nón bê rê xanh cầm dí dí vào mặt Đại Tá Tất rồi bỏ đi mất. Tướng Tất kể, lúc đó tôi tự hỏi cha nay làm cái trò gì vậy. Từ khi chỉ huy Biệt Động Quân tôi đã quên hẳn tôi gốc Lực Lượng Đặc Biệt. Là Biệt Động Quân nên cứ để đơn vị mình đánh theo quy ước, quên hẳn màn đánh đêm là nghề của mình. Từ phi trường ông Tất lái xe chạy thẳng lên mặt trận, gọi Tiểu Đoàn Trưởng đừng cố đánh gì nữa, chỉ cho binh sĩ nhấp nhủ để xác nhận địa điểm các chốt địch, đợi đêm tối tới thì làm như vậy...

Đêm đó Tiểu Đoàn 90 Biệt Động Quân Biên Phòng do Đại Úy Phan Bát Giác chỉ huy đã tổ chức những toán cảm tử, cầm toàn lựu đạn bò sát tung xối xả vào chốt địch đồng thời hô xung phong vang trời, rồi...rút về. Vậy mà sáng hôm sau Tiểu Đoàn nhấp tới thì thấy quá yên tĩnh Quân CSBV đã rút toàn bộ, đường lại khai thông. Tướng Tất kể và cười, lần thứ nhì tôi không đánh gì cả mà thành: Tướng Healey, ông bạn lâu năm nhất của

tôi, ông ta hơn tôi khoảng 10 tuổi nhưng luôn luôn nói "You are my son" (Mày là con trai của tao). Hành động dí dí chiếc mũ bê rê xanh của Tướng Healey vào tôi chẳng những đã khiến tôi điều khiển Tiểu Đoàn 90 BĐQ Biên Phòng giải tỏa chốt địch nhanh chóng, khai thông con đường, mà còn làm tôi tỉnh ngộ về vai trò của mình ở Vùng 2.

Quan Niệm Mới Về Biên Phòng
Vùng 2 Chiến Thuật

Tác giả: Chuẩn Tướng lại có sáng kiến?

Tướng Tất: Anh Đỗ Sơn cần biết điều này, các đơn vị tôi chỉ huy hồi trước bên Lực Lượng Đặc Biệt, các Đại Đội, Tiểu Đoàn Biệt Cách Dù, Trung Tâm Huấn Luyện - Hành Quân Delta tiền thân của Liên Đoàn Biệt Cách Nhảy Dù; mình gọi gì thì gọi chứ Mỹ thì họ gọi chung là những đơn vị Airborne Ranger. Chứ Ranger đó, mình chuyển dịch là Biệt Động Quân, Biệt Kích, Biệt Cách, đủ thứ danh

xưng nhưng mẫu số chung của nó chỉ có một: quan niệm sử dụng. Nếu ta tổ chức tốt, huấn luyện tốt, vận dụng tốt thì chẳng phải đơn vị Biệt Động Quân là một đơn vị hoạt động rất đa dạng, rất linh hoạt, rất thiện chiến hay sao? Đơn vị có khả năng chiến đấu trong mọi tình huống: đánh ngày cũng được mà đánh đêm cũng xong. Đánh cấp nhỏ, du kích, biệt kích thám sát hữu hiệu mà đánh cấp đơn vị tập trung càng hữu hiệu hơn, nhất định không thua kém ai. Hành quân rừng núi là sở trường mà hành quân vùng đồng bằng, trong thành phố, càng được phát huy mạnh. Hãy nhớ lại quan niệm tiên khởi khi thành lập Biệt Động Quân, với những Đại Đội Biệt Động Quân Biệt Lập, không phải là điều tôi từng nói hay sao?

Dù thành lập ở cấp nào: Đại Đội, Tiểu Đoàn, Liên Đoàn, thậm chí Sư Đoàn thì Biệt Động Quân vẫn là một đơn vị thiện chiến, tinh nhuệ, đa năng đa dụng. Theo tôi, các Tư Lệnh Quân Đoàn / Quân Khu đã sử dụng lực lượng này với một quan niệm duy nhất là lực lượng xung kích, mũi nhọn trong vai trò trừ bị của Quân Khu. Để đáp ứng vai trò mới này của Biệt Động Quân nên Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân cũng đi xa dần với mục tiêu lúc ban đầu. Cho dù các Trại Biên Phòng thuộc Vùng 1, 2, 3 không còn, một dãy dài biên giới đã thuộc về CSBV, nhưng nếu lực lượng Biệt Động Quân được sử dụng đúng quan niệm, huấn luyện tốt, ta vẫn có thể gây khốn đốn cho quân Bắc Cộng. Biệt Động Quân có thể phân tán ra, và có thể nhanh chóng tập trung lại, có thể hoạt động lâu hơn trong rừng, ngày cũng như đêm, không cần pháo yểm hay không yểm dõ dào vì các điều này ta không còn, nhưng Biệt Động Quân vẫn đủ

khả năng đánh phá con đường Hồ Chí Minh mà CSBV đã nối vào quốc lộ 14. Chúng ta sẽ không để cho họ tự do đi lại dễ dàng, con đường dài muốn bảo vệ hữu hiệu thì họ sẽ phải đổ vào đó bao nhiêu quân? Ta sẽ chốt chặn khiến cho họ mất ăn mất ngủ như họ đã chốt chặn các trục lộ của chúng ta. Chúng ta phải biết "liệu cơm gắp mắm" nhưng nhất quyết không để CSBV yên ổn như họ mong muốn. Năm 1973 Tổng Tham Mưu bắt đầu tính đến cách giải quyết về lực lượng Tổng Trừ Bị cho quân đội, họ gom các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng lại lập thành các Liên Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng như tôi đã làm một cách không chính thức ở Vùng 4 năm 1970. Ý niệm thành lập các Sư Đoàn Biệt Động Quân như mình đã nói tới nói lui nhiều lần thì đã có, nhưng vẫn tiếp tục là ý niệm đang nằm ở Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Trung Ương.

Tôi nhận Biệt Động Quân Vùng 2, cao nguyên núi rừng, tôi mang hoài bão, tìm một sáng kiến xây dựng một quan điểm mới khác với

những gì tôi đã thực hiện ở Vùng 4. Healey đã khiến cho tôi thấy được tôi phải làm gì, thay đổi gì. Bây giờ tôi đang suy nghĩ tôi có thời gian hay không? Đó là ước nguyện của tôi nếu được mang cấp Tướng. Phải ở cấp Tướng thì tiếng nói mới đủ mạnh để đưa ra quan niệm Biên Phòng và thực hiện nó đối với Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn. Tôi không còn là cấp Tiểu Đoàn Trưởng, Liên Đoàn Trưởng để trực tiếp rèn luyện các Sĩ quan, binh sĩ của mình. Nhưng tôi không có quyền tự chọn lựa các Liên Đoàn Trưởng của mình, và biết rõ mình không dễ dàng gì thuyết phục được cấp trên. Vì vậy trong quá khứ tôi cứ lẳng lặng thực hiện trước. Nhưng lần này quy mô lớn hơn, đơn vị lớn hơn, thời gian lâu dài hơn, khó khăn nhất và cũng là cốt lõi, là quyền tự bổ nhiệm các Liên Đoàn Trưởng, nhưng tôi biết đâu thể vượt qua các nguyên tắc của Tướng Giai ở Bộ Chỉ Huy Trung Ương. Chỉ có những Liên Đoàn Trưởng trẻ, năng động, dám nghĩ dám làm, do tôi bổ nhiệm thì mới tích cực, có nhiều sáng kiến ứng dụng cho quan điểm của tôi. Nhưng vị trí của tôi thì quá nhỏ so với quan niệm tổ chức quá lớn đó, một phần nữa có liên quan tới vị Tư Lệnh Quân Đoàn tôi đang phục vụ dưới quyền. Mặc dù tôi có uy tín với Tướng Toàn, hàng ngày ông đối xử với tôi rất tốt, thân thiện, tử tế, nhưng tôi vẫn không nằm trong "băng" của ông, và thật ra tôi cũng chưa từng cố gắng để được như vậy. Tướng Toàn theo tôi hiểu

là một vị chỉ huy luôn muốn thấy kết quả nhanh chóng. Mà thời gian để thực hiện điều tôi muốn, cứ xét theo kinh nghiệm trong quá khứ, đâu phải ngày một ngày hai là thành? Do vậy tôi đành chấp nhận "cuốn theo chiều gió" bằng cách nào có lợi nhất cho lực lượng dưới quyền mình thôi.

Cuối năm 1972 sau khi Trại Ben Het mất thì tôi có thêm Tiểu Đoàn 95, từ đó tôi thành lập thêm Liên Đoàn 22 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng, theo sau Liên Đoàn 21 của Trung Tá Lang Trọc, đúng theo "sách cũ" của tôi ở Vùng 4. Liên Đoàn 21 đồn trú tại Ban Mê Thuột và Liên Đoàn 22 ở Kontum. Tôi mặc nhiên chịu trách nhiệm giữ Kontum và Pleiku. Bộ Chỉ Huy Hành Quân của tôi khi thì đóng tại Kontum nếu có tin quân Bắc Cộng rục rịch áp sát lấn chiếm. Khi thì đóng tại phía tây Pleiku hành quân chống pháo kích. Lúc lại dời về Thanh An khi địch di chuyển quân muốn đánh chiếm quận lỵ này. Nhìn chung, cũng như 2 Sư Đoàn 22 BB và 23 BB, mặt trận Tây Nguyên và Duyên Hải không có những trận đụng độ lớn trong lúc đó.. Năm 1973, sau Hiệp Định Paris thì các Trại Biên Phòng thuộc Vùng 1, 2, 3 không còn, hệ thống Biên Phòng coi như đã phá sản. Duy chỉ Vùng 4 thì các Trại Biên Phòng vẫn còn nguyên vẹn, nhưng các Trại được duy trì để xử dụng làm doanh trại của đơn vị, 2 Liên Đoàn 41 và 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân không còn

cần phải hành quân dọc theo biên giới nữa, Quân Đoàn IV đã xử dụng họ như các lực lượng cơ động hành quân khắp Vùng 4 Chiến Thuật. Chính trong thời gian này Bộ Tổng Tham Mưu mới có sáng kiến kết hợp các Tiểu Đoàn lại thành Liên Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng. Tôi tự hỏi tại sao vẫn duy trì hai chữ "Biên Phòng" trong lúc nhiệm vụ trấn giữ biên giới của họ đã không còn? Việc chính thức tổ chức thành Liên Đoàn đã quá chậm, phải mất tới 3 năm Bộ Tổng Tham Mưu mới có thể có sáng kiến này nhưng cũng không thể có thêm sáng kiến bỏ đi hai chữ "Biên Phòng" như tôi vừa nói, để làm rõ nhiệm vụ mới của họ cũng như để tránh sự phân biệt giữa Biệt Động Quân với nhau. Chưa hết, quân số cũng là một vấn đề. Sau khi cải tuyển, các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân đóng ở các Trại Biên Phòng mang tính phòng thủ và chỉ hành quân cấp nhỏ nên có bảng cấp số là 500 quân. Có thể chấp nhận được. Nhưng nay họ đã được tập hợp lại thành Liên Đoàn, tham dự hành quân cơ động, mà 1 Liên Đoàn Biên Phòng khi tham chiến chỉ đạt được quân số từ 800

tới 1000 là tối đa, tương đương với 1 Tiểu Đoàn bạn, thì thử hỏi với tình hình chiến sự đã thay đổi, các mặt trận nổ ra đều là trận địa chiến mang tính quy ước phải đối đầu với các Đại đơn vị CSBV, thì các Liên Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng với quân số chỉ tròm trèm như một Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Tiếp Ứng thì sẽ cầm cự được bao lâu trước khi bị coi là đã bị loại ra khỏi vòng chiến? Tôi muốn nói tổn thất nhanh chóng khiến phải được rút ra khỏi vòng chiến để bổ sung, tái lập. Nếu việc này lập đi lập lại vài lần, tiếng tăm của Liên Đoàn sẽ bị thiệt hại nặng nề, kéo theo tinh thần binh sĩ. Hệ thống chỉ huy cũng là một vấn đề lớn mà Bộ Tổng Tham Mưu không để ý đến, cả Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Trung Ương cũng không lên tiếng...

Bộ Tổng Tham Mưu có hay không có quan niệm mới về Biên Phòng? Nếu có thì các Tư Lệnh Quân Đoàn / Quân Khu có biết không? Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Trung Ương có biết không? Nếu còn hai chữ "Biên Phòng" thì chắc Bộ Tổng Tham Mưu đã không thể bỏ trống cả một dải biên giới cho CSBV thao túng. Tôi là Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân

Quân Khu mà chẳng nghe ai quan tâm đến hai chữ "Biên Phòng" này. Biệt Động Quân đang dần dần được xử dụng như những Đại đơn vị Bộ Binh trong trận chiến quy ước. Mà nếu là như vậy thì phải thay đổi tổ chức và cả hệ thống chỉ huy... Chính vì vậy mà Đại Tướng đã chọn bổ nhiệm Tướng Giai trong chức vụ Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Trung Ương. Tôi biết Trung Ương vẫn đang thảo luận để thay đổi, nhưng thật quá chậm. Chậm đến nỗi cho tới tháng

Tư 1975, tháng cuối cùng của miền Nam Tự Do, thì mới xảy ra.

Tác giả: Tại Chuẩn Tướng nghĩ và làm quá xa thôi, chứ nếu họ chỉ nghĩ Biệt Động Quân là để cho tăng phái thôi, một đơn vị phụ thuộc, một thứ "con nuôi" thì suy tính thay đổi hệ thống chỉ huy để làm gì?

Tướng Tất lắc đầu lia lịa: Anh Đỗ Sơn ơi là Đỗ Sơn, bộ không phải chính anh đã nhìn thấy tôi tự thành lập 2 Liên Đoàn 41 và 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng ngay sau khi cải tuyến ở Vùng 4 à? Đại Tá Nguyễn Thành Chuẩn ở Vùng 3 thấy vậy cũng tập trung các Tiểu Đoàn Biên Phòng lại, tự chỉ huy tác chiến đó. Rồi tôi lên Vùng 2 thì cũng lập lại chuyện đã từng làm ở Vùng 4 nên Tướng

Toàn mới giao Kontum - Pleiku cho tôi chịu trách nhiệm chứ đâu phải tự nhiên ổng khơi khơi giao đại cho tôi? Tôi buồn bực nói ra đây là vì quý vị ở Sài Gòn phải đợi cho tới khi các Tiểu Đoàn Biên Phòng bị đánh tan tác rồi mới chịu nghĩ tới việc thành lập Liên Đoàn cho họ, anh thấy có quá trễ không? Lúc đó chỉ còn Vùng 1 có 2 Liên Đoàn Biên Phòng, 1 Liên Đoàn Tiếp Ứng nhưng Bộ Chỉ Huy Quân Khu 1 không có chủ trương tự chỉ huy tác chiến nên khi Tướng Trưởng ra đây ông đã có ý và đã làm rồi là thăng cấp Đại Tá cho Trung Tá Trần Kim Đại và bổ nhiệm ông làm Quyền Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân nhằm muốn Biệt Động Quân Vùng 1 sẽ được ông Đại chuyển cải lại như các Vùng kia. Bảng cấp số chỉ định mình không trực tiếp chỉ huy tác chiến, nhưng nếu mình yêu mến binh chủng Biệt Động Quân của mình, cũng là đóng góp cho quân đội mình, thì tại sao mình không tình nguyện đi trước một bước? Ước gì các thượng cấp ở Sài Gòn còn đi trước mình nữa, thì hay biết mấy.

Tướng Tất có cái lý của ông, buồn bực cũng phải thôi. Khóa chặt được biên giới Vùng 4 là một thành công cụ thể, từ thành công này lực lượng Biệt Động Quân không còn cần thiết ở đây nữa, cũng là một chứng minh cụ thể thứ nhì. Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân Tiếp Ứng được Bộ Tổng Tham Mưu xung vào lực lượng Tổng Trừ Bị. Đại Tá Tất thì được nhận thêm 2 Liên Đoàn 41 và 42 Chiến Thuật Biệt Động Quân Biên Phòng từ Vùng 4, đổi lại thành Liên Đoàn 24 và 25 do chính ông thành lập nay được đưa lên cao nguyên phục vụ dưới quyền chỉ huy của người xưa. Nói vậy thì tác giả lại nhớ đến cựu Chỉ Huy Trưởng Trần Công Liễu, một vị chỉ huy được coi là giàu khả năng tham mưu, giỏi tổ chức, lại có nhiều sáng kiến cống hiến cho binh chủng Biệt Động Quân. Chính Đại Tá Trần Công Liễu là vị Chỉ Huy Trưởng từ năm 1970 đã nhìn thấy Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân Tiếp Ứng có đến 5 Tiểu Đoàn cơ hữu, vì vậy ông lấy bớt Tiểu Đoàn 32, 58 kết hợp với Tiểu Đoàn 85 Biên Phòng để thành lập Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị do Đại Tá Nguyễn Kim Tây chỉ huy gửi đi tăng

phải khắp các chiến trường. Lẽ ra Đại Tá Trần Công Liễu đã lên Tướng, vì quân đội không chỉ cần Sĩ quan giỏi tác chiến mà còn rất cần các vị giỏi tổ chức trong giai đoạn "Việt Nam hóa chiến tranh", nhưng có lẽ vì... chưa tới số, nên Đại Tá Liễu kẹt vào một tình huống đặc biệt có thể đặt tên là "lên lộn xuống", một vấn nạn có thật trong quân đội chúng ta.

Với 5 Liên Đoàn Biệt Động Quân đã được tập hợp lại dưới quyền, lực lượng Biệt Động Quân Vùng 2 của Đại Tá Tất trở thành 1 Đại đơn vị tương đương với Sư Đoàn 22 và 23 BB. Có thể nói Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn II Nguyễn Văn Toàn đã giao 1 "Sư Đoàn Biệt Động Quân" đầu tiên cho Đại Tá Phạm Duy Tất chỉ huy. Đồng thời, tương tự như vậy, chẳng giấy tờ lệnh lạc, Tướng Toàn từ lâu đã giao hẳn mặt trận Kontum - Pleiku cho Đại Tá Tất. Đúng ra Bộ Tổng Tham Mưu đã phải nâng cấp và thay đổi hệ thống chỉ huy đủ khả năng hơn, hữu hiệu hơn. Chỉ đến khi Tướng Phú về thay Tướng Toàn thì Đại Tá Tất mới có lệnh chính thức trở thành Tư Lệnh Mặt Trận Kontum - Pleiku, rời từ chức vụ này Đại Tá Tất mới bước vào hàng ngũ Tướng Lãnh Việt Nam Cộng Hòa. Thật vậy, các cuộc hành quân trong 2 khu vực này đều do lực lượng Biệt Động Quân của Đại Tá Tất đảm nhiệm, nên Tướng Toàn mới có thể cơ động 2 Sư Đoàn 22 và 23 BB. Rất buồn mà nói rằng Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân Trung Ương đã làm việc theo phương pháp tiệm tiến, không có hoặc không dám có hành động đột phá để theo kịp tình hình chiến sự đã và đang nhanh chóng thay đổi.

Tướng Tất: Muốn làm được việc thay đổi như tôi đã trình bày ở trên, tôi không thể lặng lẽ tự mình làm như trước. Tôi phải được cấp trên đồng ý và hỗ trợ cho mình trên nhiều phương diện, yểm trợ nhiều mặt và che chắn cho mình với thượng cấp cao hơn. Phải có được một vị Tư Lệnh Quân Đoàn mà mình có thể dễ dàng trình bày sáng kiến - quan điểm, và ông ấy cũng thoải mái bàn luận với mình mới được. Khi Tướng Phú về Vùng 2, tôi thấy chớm lên một cơ hội, nhưng đã quá trễ. Quá trễ rồi!

Tác giả: Chuẩn Tướng nghĩ vậy quá đúng, tôi thấy việc này khen thưởng thì khó thấy, chớ... tù đĩ như chơi. Tôi đâu có ở Vùng 2 mà đi...thăm nuôi Chuẩn Tướng (cười).

Tướng Tất ném về phía tác giả một cái nhìn xa xôi, nhìn người nhưng có lẽ chỉ thấy chập chùng rừng xưa núi cũ. Ông Tướng thở dài thườn thượt...

Tác giả: Khi chúng ta giải tán các Trại Biên Phòng nhưng không có một giải pháp, một kế hoạch thay thế, thì có phải chúng ta đã chấp nhận giao biên giới lại cho quân Bắc Cộng không, thưa Chuẩn Tướng?

Tướng Tất chồm hẳn người dậy, giọng ông sôi nổi trở lại: Thiết lập một

chuỗi trại theo chiều dài biên giới, tưởng như đã khóa chặt biên giới trong chủ trương phòng thủ Miền Nam, thực tế cho thấy không ngăn chặn triệt để sự xâm nhập của CSBV, đường mòn HCM vẫn tiếp tục nối dài. Năm 1972, các Trại hoàn toàn không còn, ta tự ý rút bỏ hay bị đánh chiếm. Một dãy dài biên giới đã thuộc về Cộng Sản Bắc Việt. Nhưng cũng vì thế nay quân Bắc Cộng đã có cái phải giữ, phải phòng thủ, vị thế của ta cũng đã đổi khác, ta từ thế thủ chuyển sang thế công. Nếu ta cơ động hóa được lực lượng Biệt Động Quân Biên Phòng, ta sẽ tìm đánh, tiêu diệt địch. Điều trước tiên phải làm là huấn luyện đơn vị, binh sĩ không còn ngại rừng núi, không còn nghĩ rừng núi là thuộc của địch, lợi thế của địch. Tôi muốn nhắc đến việc tôi đã làm ở Vùng 3 trước kia, là đưa một Đại đội Biệt Kích Dân Sự Chiến Đấu trong 3 tuần liền không cần nhận tiếp tế, hành quân xuyên rừng Chiến Khu D và Chiến Khu Dương Minh Châu, nhưng tránh chạm địch, mục đích chỉ để binh sĩ không còn sợ rừng núi, sợ sự cô đơn. Áp dụng phương cách huấn luyện này cho Biệt Động Quân Biên Phòng Vùng 2 Chiến Thuật, tôi tin tưởng ta sẽ đủ khả năng để khuấy động con đường 14 (đường mòn HCM) và những cơ sở tiếp liệu - tiếp vận của địch dọc theo con đường này. Nhưng không cần phải dựa vào pháo yểm, không yểm thì chỉ cần một cách hạn chế. Nếu vậy, chúng ta sẽ giam được một phần lớn lực lượng quân Bắc Cộng vùng Tây Nguyên. Một khi ta thành công về Biên Phòng ở Vùng 2, có lẽ các Vùng khác sẽ thực hiện được như vậy. Tóm lại, Trại Biên Phòng thì giải tán nhưng chủ trương Biên Phòng vẫn tiếp tục, và hiệu quả hơn!

Trận Pleime (thứ nhì) 1974

Trại Biên Phòng thời Lực Lượng Đặc Biệt tuy quân là Dân sự Chiến Đấu nhưng nhờ phương tiện đầy đủ, yểm trợ từ Không Quân dồi dào, quân tăng viện sẵn sàng, nên quân Bắc Cộng khó đánh chiếm được. Khi cải tuyền thành Biệt Động Quân Biên Phòng thì các thứ vừa kể coi như giảm xuống tối thiểu nếu không nói là mất hẳn. Trại Biên Phòng bấy giờ, vẫn nằm cô lập ở những nơi đèo heo hút gió, giữa núi rừng trùng điệp, nhất là ở các Vùng 1, 2, 3 Chiến Thuật, vì vậy lâm vào tình trạng hiểm nguy vô cùng. Quân Bắc Cộng có thể dễ dàng đánh chiếm khi họ muốn. Nhưng đóng trại rồi rút bỏ trại đồng nghĩa với giao đất cho địch, điều mà Chủ trương 4 Không của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cương quyết không chấp nhận, thì không chỉ huy nào muốn giải quyết tận gốc vấn đề hiểm nguy này của các Trại Biên Phòng. Chẳng thà chờ khi nào địch tấn công thì ta cố sức đánh giải tỏa, nếu không được, có bị mất luôn cũng còn... nhẹ tội hơn.

Tướng Tất chỉ huy Biệt Động Quân Vùng 2, lại là gốc Lực Lượng Đặc Biệt, chứng kiến các Trại Biên Phòng Vùng 1-2- 3 lần lượt mất hết, ông Tất than thở với tác giả, buồn đứt ruột Đỗ Sơn Ơi. Bây giờ Tướng Tất chỉ còn nhớ được hai vụ, Trại Ben Het và Trại Pleime.

Trại Ben Het của Tiểu Đoàn 95 Biệt Động Quân Biên Phòng, vì nằm quá sát đường 14 nên quân Bắc Cộng bỏ qua trong khi họ đang nỗ lực mở rộng con đường, nhưng khi nó đã hoàn thành để họ tải chiến cụ, tiếp liệu thì chắc chắn Trại này sẽ bị thanh toán. Lúc quân Bắc Cộng mở trận tấn công Trại Ben Het, ngày nào Tướng Healey cũng cùng bay lên với Đại Tá Tất để yểm trợ Không Quân cho Trại. Tướng Tất kể, ngày nào Trại cũng bị pháo kích liên miên, CSBV không muốn Trại Ben Het đưa quân ra quấy rối công tác làm đường của họ. Hai chúng tôi trên cao nhìn xuống thấy khẩu pháo đặt bắn vào Trại rất rõ. Khẩu pháo này nguyên là của chúng ta đã bị địch quân lấy vào lúc Tân Cảnh mất, nó vẫn tiếp tục để tại chỗ, dùng súng ta bắn quân ta. Đánh vài phi tuần mà chẳng ăn nhằm gì cả, Tướng Healey nói cần phải dùng tia Laser mới triệt hạ được. Ông ta nói xong gọi ra Hạm Đội 7 xin phi tuần. Tướng Tất nhớ lại, 1 phi tuần gồm 2 Khu trục cơ bay vào, chiếc bay trước chiếu tia Laser vào hướng khẩu pháo, chiếc thứ nhì bắn và ném bom, khẩu pháo nổ tung văng lên trời nhìn thật đã. Đó là thời xưa, bây giờ máy bay trang bị tia Laser vừa chiếu vừa đánh bom rất chính xác.

Nhưng, ông Tất thở dài, việc làm của Tướng Healey chỉ là vì chút cảm tình cuối cùng với Trại Biên Phòng trước khi ông ta vĩnh viễn rời khỏi Việt Nam. Trại đâu có trụ được lâu, đành phải chịu mất thôi. Đối với Pleiku, Trại Biên Phòng Pleime và Quận Thanh An là 2 cái gai trong mắt của Sư Đoàn 320 CSBV. Chiếm được 2 cứ điểm này thì Bắc Cộng mới có được một hậu phương lớn an toàn từ Kontum xuống đến Ban Mê Thuột. Dù hai thị xã Kontum và Pleiku vẫn còn trong tay Việt Nam Cộng Hòa thì cũng không gây khó khăn gì cho họ. Trận Pleime thứ nhì xảy ra trong 2 tháng 7 - 8 năm 1974.

Tác giả: Tôi nhớ Chuẩn Tướng khi mang Thiếu Tá chỉ huy lực lượng Delta đã từng vào giải vây Trại Pleime hồi năm 1965?

Tướng Tất: Đúng vậy, cũng là Sư Đoàn 320, lúc họ mới xâm nhập, bây giờ thì họ quá quen thuộc với Vùng Tây Nguyên, họ đang dốc toàn lực thanh toán Trại Pleime lần nữa. Tôi muốn nói qua một chút về Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 82, đó là Thiếu Tá Vương Mộng Long...

Tác giả: Tôi có nghe đến tên của Thiếu Tá Long.

Tướng Tất: Ừ, đây là một Sĩ quan có duyên với tôi. Khi tôi vừa từ Vùng 4 tới Pleiku thì anh Long đang là Đại Úy thuộc Tiểu Đoàn 11,

Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân Tiếp Ứng. Đại Úy Long tìm tôi than phiền về người chỉ huy tiền nhiệm. Tôi không muốn tò mò về chuyện này. Tôi biết Long kẹt trong vụ "Phật Giáo Miền Trung", bị thuyên chuyển lên Pleiku. Nhìn và qua cách nói chuyện tôi nhận xét Long là người nóng nhưng trực tính, nói theo kiểu lính thì hơi gàn gàn. Với tính này, nói năng ngang ngang dễ bị trù dập lắm. Nhưng với tôi thì khác, ngựa chửi thường là ngựa hay, ngựa chiến, tôi thấy ở Đại Úy Long một Sĩ quan sẽ còn tiến xa. Nên tôi kéo Long về làm Trưởng Phòng 2, hướng dẫn cho hoạt động trinh sát theo cách Lực Lượng Đặc Biệt. Đối với anh ta chẳng phải khó khăn gì vì đã từng là trinh sát Biệt Động Quân. Đúng như tôi dự đoán, Đại Úy Vương Mộng Long đã thực hiện được nhiều cuộc hành quân rất xuất sắc, tôi chạy đặc cách cho Long lên Thiếu Tá thực thụ rồi đưa về nắm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân Biên Phòng.

Để tấn công Trại Pleime quân Bắc Cộng sử dụng quân 2 Trung Đoàn 9 và 48 CSBV cộng thêm Trung Đoàn 26 VC của Mặt Trận B3. Vào lúc trận đánh lên cao điểm, Bắc Cộng đưa thêm Trung Đoàn 64 CSBV nhập trận

đánh biển người. Họ cũng tổ chức được 12 vị trí đặt súng phòng không xung quanh Pleime để bắn chặn các phi vụ tản thương, tiếp tế và đối đầu với các trận không tập.

Phía lực lượng trấn thủ gồm 4 Đại Đội thuộc Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân Biên Phòng của

Thiếu Tá Vương Mộng Long và 1 Đại Đội thuộc Tiểu Đoàn 81. Lực lượng này phải giữ Trại Pleime và hai tiền đồn Chư Hô và Đồi 509. Sau một tuần lễ ác chiến, tiền đồn Chư Hô bị tràn ngập. Một tuần sau tới phiên đồi 509. Bấy giờ, lực lượng đông đảo quân Bắc Cộng tập trung đánh vào trung tâm căn cứ Trại Pleime. Quân trấn thủ kể, Bắc Cộng bắt đầu đánh vào Trại bằng hàng loạt pháo 130 ly, 120 ly, súng cối 82 ly, và súng phòng không đặt từ tiền đồn Chư Hô bắn thẳng xuống Trại. Và còn đạn SKZ tiếng "départ" chưa nghe kịp thì đầu đạn đã nổ ngay sân chính của Tiểu Đoàn. Pháo dồn dập, triền miên. Nhớ câu dặn dò "Tử Thủ" của Đại Tá Tất, lệnh của Thiếu Tá Long là tiết kiệm từng viên đạn, chỉ bắn khi chắc chắn hạ được địch quân. Phía lực lượng trấn thủ trông chờ vào không yểm, nhất là Hỏa Long ban đêm, để buộc địch phải im tiếng pháo. Ngoài vấn đề thiếu đạn đánh địch, kho quân lương cũng bị pháo địch hăm dọa, lại còn vào mùa ngập nước binh sĩ phải tát nước liên miên để... cứu gạo. Đã có lúc Tiểu Đoàn gần như tuyệt vọng, Thiếu Tá Long phải nói với anh em binh sĩ "Nếu không giữ được căn cứ thì chúng ta phải 'ra đi' cho thật đẹp". Câu nói này được thu âm lại để nếu chuyện không may xảy ra thì còn có mà lưu gương bất khuất.

Theo lời thuật của lực lượng trấn thủ Trại Pleime, quân Bắc Cộng thường xuyên tấn đến được sát hàng rào trại, đến nỗi nếu ban ngày phi cơ thả dù tiếp tế lạc ra khỏi trại là đêm đó binh sĩ Biệt Động Quân đành phải "ngủ kè" mùi thuốc lá của ta do địch phì phà. Tướng Tất than rằng mình có tới 5 Liên Đoàn, 4 Biên Phòng và 1 Tiếp Ứng nhưng không được chỉ định hành quân cứu trợ Trại Pleime vì mình đang chịu trách nhiệm phòng thủ Kontum, Thanh An. Có thể Tướng Toàn nghĩ Liên Đoàn Biệt Động Quân không đủ mạnh để đối đầu với Sư Đoàn 320 CSBV, cũng có thể vì Sư Đoàn 22 BB đang hành quân cơ động nên để Sư Đoàn tham chiến. Nếu có diễn tiến phức tạp thì cũng dễ đối phó hơn. Trung Đoàn 42 BB nhận nhiệm vụ này, chủ trương kéo Sư Đoàn 320 CSBV ra để đánh tiêu hao và làm giảm áp lực địch. Vậy mà sau 33 ngày đêm, Trại Pleime vẫn không di tản chiến thuật. Sư Đoàn 320 CSBV với 20 lần tấn công biển người vào căn cứ đều

bị đánh bật ngược ra, không một lần thành công. Địch tổn thất khá nặng, vừa nản vừa lo ngại sẽ bị các lực lượng tăng viện bao vây tập kích đành phát lệnh lui binh. Thiếu Tá Long sau khi nhận được tiếp tế, đã dẫn quân tiến chiếm lại hai hai tiền đồn Chư Hô và Đồi 509.

Tướng Tất: Tôi có điều này yêu cầu anh Đỗ Sơn. Khi viết cuốn sách, anh đừng quên những lời nói này của tôi. Trận Pleime 1974 là một trận lớn, một chiến công xuất sắc của Thiếu Tá Vương Mộng Long và Tiểu Đoàn 82 Biệt Động Quân Biên Phòng, Thiếu Tá Long xứng đáng được thăng cấp đặc cách Trung Tá. Nhưng tôi đã làm lỡ mất cơ hội này. Tới bây giờ tôi cố gắng nghĩ tại sao có trường hợp xảy ra như thế mà vẫn không thể nhớ. Tôi rất quý mến Long, vẫn coi Long như người em của mình, nói theo giọng lính hồi xưa thì Thiếu Tá Vương Mộng Long là "con gà" của tôi. Vậy mà tôi đã không làm tròn bổn phận của đàn anh, đây là một trong vài chuyện khiến tôi ân hận nhất trong suốt cuộc đời làm lính của mình.

Ngoài ra tôi cũng muốn nói lời cảm ơn với Tướng Sang, Tư Lệnh Sư Đoàn 6 Không Quân, và Đại Tá Bút, Không Đoàn Trưởng. Vì biết tôi phải bay thường xuyên và gặp rất nhiều nguy hiểm nên hai vị đã cấp cho tôi một phi công can đảm, dày dặn kinh nghiệm, hằng ngày không thay đổi, là Đại Úy Toàn. Tôi biết đây không phải là cách đối xử thường lệ của Không Quân. Đại Úy Toàn hằng ngày bay vào Pleime với tôi, có lúc đạn phòng không 37 ly và 12 ly 7 bắn lên tua tua nhưng anh Phi công này đã nhanh nhẹn làm "auto" rớt xuống bay la đà phía trên các ngọn cây tránh đạn. Lại có một ngày tôi muốn đáp thẳng xuống Trại Pleime thăm Thiếu Tá Long và khuyến khích anh em binh sĩ, với sự hướng dẫn của Thiếu Tá Long, Đại Úy Toàn đã lòn lách được xuống Trại. Lại phải bay ra rồi bay vào đón

tôi, nguy hiểm không biết đường nào.

ooo

Đến đây thì phần " Binh Nghiệp của Vị Tướng Việt Nam Cộng Hòa Cuối Cùng" đã chấm dứt, vì đoạn chót đã được trình bày từ đầu cuốn sách, với "Trận Ban Mê Thuật", "Cuộc họp Cam Ranh", "Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II", v.v...

Tác giả từng viết rằng giới lãnh đạo quân sự cao cấp người Mỹ nhận định rằng một khi các Sĩ Quan trung cấp Việt Nam Cộng Hòa đã trở thành cấp

chỉ huy cao cấp thì thắng lợi sẽ nghiêng về Miền Nam. Vào những năm cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa, một tin đồn rộng rãi khiến giới Sĩ quan trẻ rất phấn khởi: Trung Tướng Ngô Quang Trưởng sắp trở thành Tổng Tham Mưu Trưởng. Khởi đầu từ Ngô Quang Trưởng, tương lai quân đội Việt Nam Cộng Hòa còn có Phạm Văn Phú, Nguyễn Duy Hinh, Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Lê Văn Thân, Bùi Thế Lân, Lê Quang Lưỡng, Lê Nguyên Vỹ, Trần Quang Khôi, Lê Minh Đảo, Trần Văn Nhựt, Lý Tòng Bá, Mạch Văn Trường, Phạm Duy Tất v.v... và các Sĩ quan cấp Tá đang nắm các chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng, Trung Đoàn Trưởng, Liên Đoàn Trưởng ... Rất tiếc, giới quân sự Mỹ có thể chờ đợi, nhưng chính phủ của họ thì chỉ muốn ù té chạy cho sớm, dù phải ra tay ám sát quân sự "đồng minh". Rất tiếc, Chính phủ và giới chỉ huy quân sự cao cấp của Miền Nam thì chỉ duy nhất một tinh thần lệ thuộc Mỹ. Nên mọi hy vọng của phía quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã biến mất chỉ trong vòng 55 ngày ngắn ngủi.

Đêm 30 tháng Tư 1975, ngồi trên tàu đang lênh đênh giữa biển khơi, thình lình chiếc radio của người bạn bên cạnh thoát ra lời kết của đài BBC bén hơn dao nhọn: Cuối cùng thì quân đội Việt Nam Cộng Hòa, một đạo quân thiện chiến nhất Vùng Đông Nam Á, đã phải bại trận trước quân Cộng Sản Bắc Việt! Những giọt nước mắt đầm đìa, những tiếng nấc nghẹn ngào không thể dẫn xuống được, đám người ngồi nằm xung quanh chiếc radio nhìn nhau khóc nức nở, những lồng ngực như bị quả đấm ngàn cân vô hình nện vào, một lời thốt ra không nổi. Chỉ còn biết cúi chụm đầu khóc với nhau. Trong nhiều kiếp luân hồi, mĩa mai thay chiến tranh mang lại sự tiến bộ cho loài người, nên có lẽ ai đã từng làm lính, không ai xa lạ với nghề làm lính, từ lúc thuyền nan gậy gộc cho đến tàu buồm gươm đao, rồi tàu ngầm máy bay, súng ống hỏa tiễn, nhưng kinh nghiệm làm lính thất trận phải là thâm thắm nhất. Mà chỉ vì bị Ám sát. Trong ba thế lực Ta - Bạn - Thù, quân đội mình bị Ám sát bởi Bạn và Ta, còn Thù chỉ là "kẻ thừa hưởng", có đau không?!

Viết phần "Bình Nghiệp của Vị Tướng Việt Nam Cộng Hòa Cuối Cùng" đi khá sâu vào chi tiết, tác giả chỉ hy vọng trình bày cho những độc giả không dính líu hoặc sinh sau cuộc chiến tranh Quốc - Cộng thấy được những hy sinh, cố gắng của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Chúng ta có thể đoán chắc rằng đồng thời với Sĩ Quan Phạm Duy Tất, quân đội Việt Nam Cộng Hòa còn có rất nhiều Sĩ Quan khác tương tự như vậy hay giỏi hơn nữa không

chừng. Hiện tại, vị Tướng cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa đã vào tuổi 80 và rất siêng năng đi Nhà Thờ mỗi cuối tuần. Vẫn tuân phục mọi sắp đặt là do Thượng Đế, ta phải vui vẻ chấp nhận thôi sau khi đã cố gắng hết mình. Ông nói với tác giả, tôi thấy hay nhất là anh kết luận cho cuốn sách này: Tất cả đều do Thượng Đế sắp đặt.

Nhưng tác giả không chịu vậy, niềm tin của ông thì tại sao tôi lại phải viết chứ? Vả lại cuốn sách viết về Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất Và Sự Thật Cuộc Triệt Thoái Quân Đoàn II thì Lời Kết phản ảnh trung thực nhất chắc chắn là nên do nhân vật chánh. Vậy xin mời Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất và độc giả ...

LỜI KẾT

Đệ nhị Thế chiến bùng nổ, tôi một cậu bé đang học bậc Tiểu học trường Huyện, từ nhà đi bộ đến trường khoảng 7 cây số. Hằng ngày tôi đã mục kích những trận không chiến, máy bay Mỹ rượt đuổi, bắn hạ máy bay Nhật trên bầu trời quê tôi. Tôi đã không chút sợ hãi, còn vui thích đứng nhìn. Tôi đã có cảm tình với Mỹ và căm ghét quân Phát Xít Nhật từ đó.

Nhật đầu hàng, Việt Minh nổi dậy cướp chính quyền (Cách Mạng tháng Tám). tiếp theo quân đội Pháp trở lại Đông Dương, chiếm đón quê tôi. Đây là vùng có chiều ngang hẹp nhất, một khu vực chiến lược nằm chính giữa nước Việt hình chữ S. Chính vì tính cách chiến lược của nó nên người Nhật đến cũng chiếm đóng, quân Pháp quay trở lại cũng trấn giữ tại đây. Trong cuộc chiến tranh xâm lược của Cộng Sản miền Bắc, đây chính là khởi đầu con đường mòn Hồ Chí Minh. Trong thời kỳ Mỹ oanh tạc miền Bắc, quê tôi phải chịu nhiều bom đạn triền miên. Sau này tôi mới biết chị dâu, vợ anh Cả tôi đã chết cùng đứa cháu vì bom Mỹ.

Tôi là con út trong một gia đình địa chủ - phú nông. Tôi có 5 anh trai và một chị gái. Cha mất sớm, anh cả tôi quyền huynh thế phụ, trông nom gia đình. Anh thứ hai là cán sự Công Chánh (lúc bấy giờ Kỹ Sư Công Chánh Việt Nam không có hoặc rất hiếm) là chuyên viên, công chức Pháp phụ trách mở đường sá, xây dựng cầu cống tỉnh Pleiku mà Pháp vừa thành lập. Người anh thứ ba cũng là chuyên viên làm việc với anh thứ hai tại Pleiku. Chị gái tôi đã có chồng người làng khác cùng Huyện. Anh rể tôi cũng con

một gia đình địa chủ - phú nông. Anh thứ tư đang học trường Bách Khoa ở thành phố Vinh tỉnh Nghệ An. Anh thứ năm Phạm Vy và tôi đang ở nhà với mẹ. Nhật đảo chánh Pháp, hai người anh ở Pleiku trở về nhà. Việt Minh nổi lên. Người anh thứ tư Phạm Lũy theo Việt Minh từ trước, trở thành Chính trị viên một đơn vị Giải phóng quân. Pháp trở lại, với chính sách tiêu thổ kháng chiến ban bố ra, gia đình tôi phải chạy lên núi vào vùng kháng chiến. Một thời gian ngắn sau, mẹ tôi và anh Cả, anh Vy cùng tôi trở về nhà.

Thảm họa bắt đầu đến với gia đình tôi, anh Cả bị Pháp bắt giết khi họ vừa đặt chân đến quê tôi. Tiếp theo quân Pháp tiến hành khủng bố dân làng, mở cuộc hành quân bố ráp bắt khoảng 50 người không phân biệt già trẻ lớn bé xả súng giết toàn bộ. Tôi thoát chết nhờ không ở ngay trên con đường đi

qua cửa chúng. Mẹ tôi sợ quá nên đưa tôi vào chiến khu. Hai người anh kế rồi cũng bị quân Pháp bắt, bị tra tấn, nhưng sau đó được thả ra. Anh thứ hai không muốn về hợp tác, làm việc lại cho Pháp nên đã chạy vào chiến khu. Trái lại anh thứ ba thì chạy về thị xã Đồng Hới và đầu quân vào quân đội Quốc gia, bấy giờ gọi là Việt Bình Đoàn. Anh kế tôi, Phạm Vy trốn mẹ tôi, chỉ nói với tôi rằng phải đi về Đồng Hới chứ không ở đây nữa. Anh rề tôi thay vì chạy vào khu, lại đưa gia đình về Đồng Hới, khi trở về làng thì bị bọn Việt Minh giết. Anh thứ tư Phạm Lũy theo Việt Minh sớm thì cũng chết sớm trong trận đánh tại Xuân Bồ năm 1950. Chính anh Vy tôi đã tịch thu được cái "xắc-cốt", loại chỉ có cán bộ mới đeo, trong xắc có hình ảnh, tài liệu đầy đủ, nên mới biết đó chính là anh mình. Đây không những là người Việt giết người Việt mà còn là anh em giết nhau. Thảm cảnh của đa số các gia đình Việt Nam trong thời chiến. Mẹ tôi, như bao nhiêu bà mẹ Việt Nam khác đã chịu nhiều khổ sở, đau lòng với những nghịch cảnh, làm sao cầm được nước mắt khi nhớ đến con mình.

Năm 1946 trong khi ở chiến khu có tuyển thiếu niên để đưa ra Vinh học, nghe nói đào tạo kỹ sư. Tôi đang ao ước được tiếp tục học nên đã ghi danh, nhưng không được chọn. Lúc bấy giờ tôi đã từng nghe đến hai chữ Cộng sản và thường là gắn liền với thành phần vô sản, giai cấp vô sản. tuy còn non nớt nhưng tôi cũng nhận thức được mình không ở trong thành phần này nên không được chọn. Thế là tôi trở về và lần mò về Đồng Hới tìm anh Vy tôi. Bước ngoặt cuộc đời tôi cũng bắt đầu từ đây. Trong thời gian đi học tại Huế, tôi mơ ước trở thành thầy giáo vì nghĩ đến đại đa số thanh thiếu niên quê tôi đều chịu cảnh mù chữ, nhưng cuối cùng tôi gia nhập Quân đội theo lệnh động viên lúc mà chiến trận đang ở giai đoạn quyết liệt năm 1954. Tôi đã là Sĩ quan trừ bị. Năm 1956 Bộ Quốc Phòng ra văn thư khuyến khích các Sĩ quan trừ bị gia nhập hiện dịch. Tôi thích lính, yêu Quân đội, thích đời sống mạo hiểm, nhưng không muốn thành lính chuyên nghiệp, "nghề lính". Tôi sẽ trở về đời sống dân thường nếu hết chiến tranh.

Vì vậy bạn bè cùng đơn vị ai cũng chuyển qua hiện dịch, riêng mình tôi thì không. Tôi cho rằng phục vụ tốt hay kém là do tinh thần mỗi người chứ không phải hiện dịch hay trừ bị. Tôi muốn chứng tỏ sĩ quan trừ bị, nhưng lại nghĩ chắc trừ bị không được đào tạo ưu tiên, có lẽ mình khó tiến xa, thôi hãy phó mặc đời mình trong tay Chúa. Tôi rất mê học nên dù đã vào Quân đội, trong những lúc thời gian thuận lợi, tôi tiếp tục đi học đêm, sau đó học hàm thụ. Tôi thích học Anh văn, toán và triết học nên mãi mê mua sách về tự học. Tôi không có thì giờ để thi và cũng không muốn thi cử. Tôi

chỉ thuần túy cố gắng trau dồi kiến thức. Suốt 10 năm cuộc chiến trở nên ác liệt từ 1965 đến 1975, tôi không hề có ngày ngơi nghỉ. Tôi thoát chết rất nhiều lần trong dường tơ kẽ tóc. Một lần tại Khe Sanh, trời lạnh, tôi rời ghế phía ngoài cùng vào ghế trong, chiếc C&C của tôi vừa bay vào thung lũng thì súng phòng không địch bên dưới sườn núi bắn một loạt. Nhìn lại cái ghế tôi vừa rời khỏi lãnh mấy viên đạn xuyên thủng. Lần khác ở Bồng Sơn, Phú yên chiếc C&C của tôi bị trúng đạn, tôi phải ngồi lên trực thăng vũ trang (gunship) để vào vùng, trực thăng xạ kích, tôi liên lạc chỉ huy hướng dẫn. Chiếc gunship cũng trúng đạn chỗ phải quay trở về đáp, viên phi công kiểm soát rồi chỉ cho tôi và cố vấn xem, sợi dây cáp to hơn ngón tay cái nối liền với chong chóng đuôi nay chỉ còn là một sợi chỉ. Viên phi công, Cố vấn và tôi ba người nhìn nhau trợn mắt không nói được lời nào. Lần khác tại thung lũng Ashau, một Toán bị tấn công, C&C phải đáp xuống cấp cứu, triệt thoái Toán, phi cơ bị bắn không còn bay được phải bỏ lại tại chỗ. Chiếc khác phải đáp xuống cứu ra. Còn nhiều trường hợp lắm. Nhiều người thường nói rằng các ông bay cao an toàn, sung sướng quá, đi dưới đất mới khổ, mới nguy hiểm. Điều đó còn tùy. Nếu tôi được đi dưới đất có lẽ tôi thích hơn. Chính vì những hiểm nguy quên mình này cho nên Không Lực Hoa Kỳ mới tặng thưởng cho tôi huân chương cao quý nhất của Quân chủng này là "Distinguish Flyng Cross" và "Air Medal with V device".

Từ 1965 đến tháng Tư 1975, 10 năm khốc liệt tôi tham chiến khắp 4 Vùng Chiến Thuật, tôi đã trải qua bao nhiêu trận chiến lớn nhỏ, tôi chưa hề để thua trận nào. Dù ở đâu, tôi cũng phục vụ hết mình. Tôi có thể hãnh diện rằng mình đã làm nhiều hơn trách nhiệm đòi hỏi. Cuộc rút bỏ Kontum - Pleiku cấp tốc về Nha Trang để tái chiếm lại Ban Mê Thuột là một chiến lược phiêu lưu, bỏ của chạy lấy người của cấp lãnh đạo tối cao dân sự cũng như quân sự ở Sài Gòn.. Không thể đổ lỗi các cấp chỉ huy chiến trường là kém cỏi, hay các Tướng lãnh bất tài. Rút đi một Quân Đoàn, rút bỏ một Quân Khu, thì Bộ Tổng Tham Mưu phải có kế hoạch, có giám sát, yểm trợ đầy đủ, bao vùng v.v... Bộ Tổng Tham Mưu đã làm gì? Không làm gì cả, phó mặc.

Sài Gòn hấp hối, cá nhân tôi vẫn còn trực thăng để bay ra Hạm Đội 7. Viên

Đại Tá Chỉ Huy Phó cơ quan DAO (Hoa Kỳ) cũng đến tận nhà ưu ái muốn đưa vợ con tôi di tản trước. Chúng tôi đã quyết định ở lại, chấp nhận số phận. Tôi không thể bỏ chạy một mình trong khi toàn bộ lực lượng Biệt

Động Quân vẫn còn nguyên tại chỗ. Đại Úy Toàn, phi công trưởng khi biết tôi không đi liền nói với tôi: Nếu ông ở lại thì để cho tôi lấy trực thăng đi, máy bay đủ xăng, có tần số Hạm đội. Tôi đã trả lời với anh Toàn, tôi phải trả lại cho Không Quân. Nhìn thái độ của Toàn, rõ ràng anh ta là một sĩ quan kỷ luật sẽ trả lại máy bay. Tôi đã ân hận mãi, ước gì Đại Úy Toàn đã dùng trực thăng đó để thoát thân. Đại Úy Toàn đã cùng tôi mỗi ngày chịu cực, chịu nguy hiểm suốt hơn một năm trời. Những ngày sau cùng của miền nam, tôi đã từng nghĩ đến một phát đạn kết liễu cuộc đời, đêm nằm thốn thức một mình với miên man đủ thứ trong đầu. Tôi là người Công Giáo, sự sống và sự chết của tôi là do Chúa định đoạt, tôi không có quyền tự lựa chọn. Tôi tin mọi sự đã có Chúa an bài. Cũng như bao lần tôi thoát chết chẳng phải đã có bàn tay của Chúa đó sao? Tin tức có tấm máu, xử theo tội phạm chiến tranh. Tôi bình thản kể cả phải ra pháp trường. Cuối cùng Tướng Đỗ Kế Giai và tôi đều ở tù Cộng Sản suốt 17 năm dài, trong số 100 quân nhân - Cảnh sát ... Việt Nam Cộng Hòa sau cùng thoát khỏi ngục tù Cộng Sản. Tôi không hề ân hận. Tôi tự thấy mình đã làm tròn bốn phận: Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm.

Năm 1993 gia đình tôi đến được vùng đất tự do.

Cứ mỗi lần gặp bạn bè, những người quen, những Tướng lãnh đàn anh, những bạn Mỹ muốn viết sách về chiến tranh Việt Nam, những nhân viên truyền hình Mỹ muốn phỏng vấn, ai cũng hỏi tôi, khuyến khích tôi nên viết hồi ký. Tôi không có ý định viết. Cuộc chiến đã tàn từ lâu, nhưng trần trở vẫn còn đó. Thất vọng, tức giận, căm ghét đổ lỗi cho nhau vẫn âm ỹ. Tôi chưa hề phủ nhận mình là bại tướng. Đã công khai nói ra điều này rồi. Lặng thinh là điều chính đáng, tôi nghĩ vậy và đã im lặng rất lâu. Dù ai gây ra, tạo nên cuộc thua trận này, Tướng lãnh trong quân đội trước đó có tài giỏi đến đâu thì nay vẫn là bại tướng. Viết ra, kể ra, ắt sẽ liên hệ đến một số người, đụng chạm đến những cấp lãnh đạo. Tôi sợ rằng người ta sẽ cho mình là kẻ bất trung, bất nghĩa, kẻ phản bội ... Tuy là người trong cuộc, nhưng vẫn không thoát khỏi chủ quan, không khéo độc giả sẽ cho rằng mình viết để tự đề cao, để thanh minh, để chạy tội.

Khi gặp anh Đỗ Sơn, anh muốn tôi hợp tác kể lại cho anh ta viết, Tôi đã đắn đo mãi. Cuối cùng tôi nghĩ ai rồi cũng sẽ trở về cát bụi, nhưng lịch sử thì sẽ tồn tại. Tôi phải trả lại lịch sử

những gì mình biết và đã trải qua. Việc phê phán là quyền của độc giả và lịch sử sau này. Tôi đã kể chuyện với anh Đỗ Sơn để quyển sách này ra

đời. Hình như tôi đã sai, đã im lặng quá lâu. Lẽ ra cuốn sách này phải được viết từ nhiều năm trước để rộng đường dư luận. Cuối cuốn sách tôi chỉ xin tác giả cho tôi nói lên tâm sự thuộc về nội tâm và riêng tư.

Trước hết tôi hết lòng cảm ơn vợ tôi đã một lòng yêu thương tôi, chăm lo con cái, gia đình. Giống như bao người vợ lính khác, tôi biết mỗi giờ, mỗi ngày vợ tôi hồi hộp, chờ đợi. Mỗi khi xem báo, nghe đài, mặt trận chỗ này chỗ kia, thì run sợ ăn không ngon, ngủ không yên. Vậy nhưng vợ tôi chưa bao giờ có một lời than thở, thậm chí còn không biểu lộ trên nét mặt nỗi lo âu sợ hãi. Tôi cũng không bao giờ đem kể những hiểm nguy mà tôi đã trải qua. Cuối cùng tôi cũng nhân cơ hội này tưởng nhớ đến một người, một người bạn học thuở thiếu thời. Một hôm chúng tôi gặp nhau, sau đó tôi đã tự rời xa không nói rõ nguyên nhân, quên cả tiếng chào tạm biệt. Nhưng chính người đó đã chi phối suốt cuộc đời tôi.

Hôm nay tàn cuộc chiến, tôi chỉ xin nói hai chữ cảm thông, cũng xin chính thức nói lời từ biệt. Xin chân thành cảm ơn tất cả mọi người, không phân biệt người thương kẻ ghét. Tôi tin tưởng Thượng Đế sẽ an bài tất cả, nhất

định không để dân Việt phải chịu khổ ải, đọa đày mãi dưới ách Cộng sản. Đất nước đã thống nhất từ lâu mà lòng người vẫn ly tán. Cuộc chiến Quốc Cộng vẫn dai dẳng, gay gắt. Nhưng Việt Nam nhất định sẽ được độc lập thanh bình, dân tộc Việt Nam sẽ được ấm no, hạnh phúc.

Phạm Duy Tất

TÀI LIỆU THAM KHẢO THÊM:
TIẾN TRÌNH HOA KỲ DÍNH LÍU VÀO

CUỘC CHIẾN VIỆT NAM

Tiến trình này tóm lược lại như sau:

1950:

Tháng Giêng, Liên Xô và Trung Cộng công nhận quốc gia Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Cộng Sản) do Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Tháng Hai, Hoa Kỳ công nhận quốc gia Việt Nam (Tự Do) do Ngài Bảo Đại lãnh đạo.

Tháng Mười Một, Hoa Kỳ gửi nhóm Cố Vấn Quân Sự đầu tiên tới Sài Gòn, tức US Military Advisory Group (MAAG).

1952:

Tháng Mười Một, Eisenhower đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ, Nixon làm Phó Tổng Thống.

1953 - 1954:

Tổng Thống Eisenhower tiếp tục đi theo chính sách của người tiền nhiệm là Tổng Thống Truman, đã viện trợ cho Pháp trong lúc đế quốc xâm lược này đang gặp khó khăn để nắm lại quyền kiểm soát Đông Dương. Tại Việt Nam, chiến đấu chống Pháp lúc đó gồm cả người Việt Cộng Sản lẫn người Việt Quốc Gia. Trong thời gian này Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ đã cảnh báo: Chúng ta rõ ràng đang đặt cược vào cuộc chiến tranh này, và đang đối đầu với nguy cơ sẽ trực tiếp dính líu với nó. Mà đây là con đường tiến của một trái banh tuyết (dễ vỡ tan).

1954:

Tháng Hai, ngày 10, Tổng Thống Eisenhower tuyên bố trong một cuộc họp báo "Tôi không tưởng tượng ra một thảm kịch nào lớn hơn là việc Hoa Kỳ liên hệ sâu đậm vào một cuộc chiến trong khu vực này (Đông Dương).

Tháng Ba, Trận Điện Biên Phủ bắt đầu, kéo dài hơn 2 tháng. Pháp thua, Việt Minh (lúc đó gồm cả Quốc Gia và Cộng Sản) chiến thắng.

Tháng Tư, Phó Tổng Thống Nixon tuyên bố với báo chí, để ngăn chặn Cộng Sản tại Á Châu và Đông Dương, chúng ta phải chấp nhận may rủi để đưa lính Mỹ sang đó, chính phủ phải chấp nhận làm quyết định trái lòng dân.

Tháng Năm, Hội Nghị Genève về Đông Dương bắt đầu.

Tháng Bảy, ngày 7, Ngài Bảo Đại ủy nhiệm ông Ngô Đình Diệm cầm đầu Chính Phủ Việt Nam.

Tháng Bảy, ngày 21, Pháp và Hồ Chí Minh ký kết Hiệp Định Genève, thỏa thuận nước Việt Nam tạm thời bị chia đôi ở vĩ tuyến 17, và sẽ tổ chức Tổng Tuyển Cử thống nhất đất nước vào năm 1956. Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và Hoa Kỳ từ chối ký tên vào Hiệp Định này.

Tháng Chín, khoảng 850,000 dân Miền Bắc di cư xuống Miền Nam; 80,000 người Miền Nam, đại đa số theo đảng Cộng Sản, tập kết lên Miền Bắc.

1955:

Ở Miền Nam, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm nỗ lực xây dựng nền móng nước Việt Nam, phủ nhận Hiệp Định Genève, tức phủ nhận luôn cuộc Tổng Tuyển Cử do Hiệp Định Genève đề ra, với lý do chính đáng: Chính Phủ Việt Nam không ký kết vào Hiệp Định này.

Ở Miền Bắc, Chủ Tịch Hồ Chí Minh bắt đầu một cuộc "Cải Cách Ruộng Đất", rập khuôn theo cách thức của Tàu Cộng: Đấu Tố! Nhiều người bị giết, bị giam tù. Dân chúng lại ùn ùn đổ xuống Miền Nam.

Tháng Mười, ngày 23, ông Diệm tổ chức cuộc Trưng Cầu Dân Ý, xem dân chúng Miền Nam Tự Do trở thành một Vương quốc dưới quyền lãnh đạo của Vua Bảo Đại hay muốn trở thành Quốc gia Việt Nam Cộng Hòa dưới quyền lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm? Cái sau đạt đa số.

1956:

Ngày 26 tháng Mười 1956, Tổng Thống Ngô Đình Diệm công bố Hiến Pháp, chính thể Cộng Hòa ra đời, quốc gia Việt Nam Cộng Hòa được thế giới chính thức công nhận. Tổng Thống Ngô Đình Diệm bắt đầu có hành động đối với thành phần năm vùng, du kích Cộng Sản còn ẩn núp lại ở Miền Nam.

Tháng Mười Một, Tổng Thống Hoa Kỳ Eisenhower tái đắc cử.

1957:

Lực lượng năm vùng, du kích Cộng Sản ở Miền Nam gom nhóm lại dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hà Nội, bắt đầu hoạt động chống lại Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa, thực hiện nhiều vụ ám sát các viên chức địa phương.

Tháng Năm, Tổng Thống Ngô Đình Diệm viếng thăm Hoa Kỳ, được Chính Phủ Eisenhower đón tiếp trọng thể và được báo chí Mỹ ca tụng là một lãnh tụ tài ba của Á Châu.

1958:

Đảng Cộng Sản Việt Nam ở Hà Nội đã tổ chức được một hệ thống chỉ huy thống nhất cho cuộc chiến ở Miền Nam, do chính đảng này lãnh đạo.

1959:

Tháng Tám, 2 Cố Vấn Mỹ bị du kích Việt Cộng giết chết trong cuộc đột kích tại Biên Hòa. Đây là cái chết đầu tiên của lính Mỹ không tác chiến tại Việt Nam.

1960:

Hoa Kỳ tuyên bố sẽ nâng số Cố Vấn từ 327 lên 685 người.

Tháng Mười Một, Thượng Nghị Sĩ Kennedy (Dân Chủ) thắng Phó Tổng Thống Nixon (Cộng Hòa), trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ thứ 35.

Cùng tháng, ngày 11, Chính Phủ Ngô Đình Diệm bị đảo chánh lần đầu tiên, do nhóm Vương Văn Đông thực hiện, riêng Đại Tá Nhảy Dù Nguyễn Chánh Thi thì chỉ tình cờ ... lạc đường vào "cách mạng". Cuộc đảo chánh thất bại.

Tháng Mười Hai, ngày 20, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập dùng làm bù nhìn cho Cộng Sản Hà Nội. Buồn cười là lúc còn phải đổ máu đánh nhau thì Cộng Bắc ngâm nga 'Mình với ta tuy hai mà một', nhưng đến khi thành công thì trở mặt 'Ta với mình tuy một mà hai'. Cộng Nam bị họ vụn cổ chết tươi.

1961:

Tháng Năm, Phó Tổng Thống Johnson của Chính Phủ Kennedy sang thăm Việt Nam Cộng Hòa hùng hồn hứa hẹn tăng thêm viện trợ quân sự và kinh tế cho Miền Nam Tự Do. Đến cuối năm này, con số cố vấn và quân tác chiến (lúc đó chỉ làm nhiệm vụ an ninh cơ sở) tăng lên 3,200 người.

Tháng Sáu, nhóm MAAG được Hoa Kỳ nâng lên thành tổ chức MACV (US Military Assistance Command, Vietnam) với số quân nhân hiện diện tăng lên 11,000 người. Từ đây, các cố vấn Mỹ đã được quyền bắn trả lại Việt Cộng trong trường hợp bị tấn công.

Tháng Mười Hai, ngày 22, một lính tác chiến Mỹ bị giết. Có rất nhiều người Mỹ coi ngày này là ngày đánh dấu Cuộc Chiến Việt Nam bắt đầu.

Chỉ nói trong năm này, du kích Việt Cộng đã ám sát khoảng 4,000 viên chức địa phương Việt Nam Cộng Hòa. Đây cũng là năm Chính Phủ Ngô Đình Diệm đẩy mạnh quốc sách Ấp Chiến Lược, Khu Trù Mật, Dinh Điền.

1962:

Tháng Hai, ngày 27, 2 phi công Việt Nam Cộng Hòa thả bom xuống Dinh

Độc Lập, nhưng Tổng Thống Ngô Đình Diệm và những người bên trong dinh an toàn, vô sự.

Năm này Việt Nam Cộng Hòa tiếp tục dồn hết nỗ lực vào việc phát triển Ấp Chiến Lược, Khu Trù Mật, Dinh Điền. Chính tài liệu Bắc Cộng cũng phải nhìn nhận hiệu quả của nó trong việc ngăn chặn sự phát triển lực lượng Cộng Sản ở Miền Nam. Ngoài ra cũng cần phải nhìn thấy rằng nếu sau này nhóm Tướng Lãnh "Cách mạng 63" không lập tức dẹp bỏ các Ấp Chiến Lược,

Khu Trù Mật, Dinh Điền thì có thể đã không thể xảy ra Trận Công Kích Tết Mậu Thân 1968.

1963:

Tháng Năm, ngày 8, xảy ra phong trào chống đối do một thiếu số Tu sĩ Phật Giáo (Thích Trí Quang) chủ trương nhằm phản đối vụ nổ chết người trong cuộc biểu tình trước Đài Phát Thanh Huế.

Tháng Sáu, ngày 11, Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, kéo theo sau đó nhiều cuộc tự thiêu khác nhằm phản đối. Câu hỏi phong trào này trực tiếp hợp tác hay bị Việt Cộng lợi dụng từ phía sau lưng tới giờ này người Việt hải ngoại vẫn còn đang tranh cãi gay gắt. Không lợi ích gì! Nhưng lúc đó truyền thông Hoa Kỳ đã khai thác triệt để về phong trào này khiến dư luận dân chúng Mỹ hoang mang, bắt đầu đặt câu hỏi về sự liên hệ của Hoa Kỳ với ... Tiền Đồn của Thế Giới Tự Do.

Tháng Bảy, Tổng Thống Kennedy trong một cuộc họp báo đã phải lớn tiếng hăm dọa nếu Mỹ rút khỏi Miền Nam Tự Do thì không chỉ vùng đất này sụp đổ mà còn kéo theo sự sụp đổ toàn vùng Đông Nam Á, do vậy chúng ta phải ở lại đó.

Tháng Mười, con ma lừng khùng và con quỷ trống đánh xuôi kèn thổi ngược của Mỹ lại hiện về. Bộ Trưởng Quốc Phòng Mc Namara tuyên bố Chính Phủ Kennedy đang chuẩn bị rút hết lực lượng quân sự ra khỏi Việt Nam vào năm 1965.

Tháng Mười Một, ngày 1, Chính Phủ Ngô Đình Diệm bị đảo chánh. Cuộc đảo chánh lần này thành công vì có Mỹ "bật đèn xanh" và thí cho nhóm phản tướng i tờ rít chính trị chút đô la. Hai anh em ông Ngô Đình Diệm - Ngô Đình Nhu bị giết một cách mọi rợ trong lòng một chiếc xe tăng. Tấm hình này khiến người ta tưởng rằng nội vụ xảy ra ở Phi Châu chứ không phải ở Việt Nam. Tướng Dương Văn Minh, người sau này đã ra lệnh đầu hàng Cộng Sản vào ngày 30 tháng Tư 1975, trở thành người cầm đầu quốc

gia Việt Nam Cộng Hòa.

Vài ngày sau Tổng Thống Hoa Kỳ Kennedy bị bắn chết ở Dallas, Texas, Phó Tổng Thống Johnson lên thay.

1964:

Tại Hoa Kỳ, phong trào phản chiến của thanh niên, sinh viên Mỹ thành hình.

Tháng Năm, khoảng 1,000 thanh niên, sinh viên Mỹ tổ chức biểu tình ở New York, đốt thẻ trưng binh chống chiến tranh.

Tháng Tám, ngày 2, xảy ra vụ tàu Maddox. Tàu này đang tuần tiễu thường lệ trong hải phận quốc tế thì bị các tàu chiến Bắc Cộng tấn công. (Về sau cũng có dư luận nói rằng vụ này do Mỹ dàn dựng). Hai ngày sau tàu Maddox báo cáo bị tàu chiến Bắc Cộng tấn công lần thứ nhì, và có vẻ như Hà Nội sẽ còn tiếp tục tấn công trong tương lai.

Tháng Tám, ngày 4, Tổng Thống Johnson trả đũa, ra lệnh cho máy bay oanh tạc Miền Bắc Việt Nam lần đầu tiên.

Tháng Tám, ngày 8, Quốc Hội Hoa Kỳ họp quyết định cho Tổng Thống Johnson toàn quyền hành động nếu ông này thấy cần thiết, để bảo vệ Miền Nam Tự Do chống lại Miền Bắc Cộng Sản.

Tháng Mười, Tình báo Việt - Mỹ ghi nhận một đơn vị quân Bắc Cộng đã từ Bắc xâm nhập vào Nam lần đầu tiên.

Tháng Mười Một, Tổng Thống Johnson đặc cử với số phiếu rất cao, cho thấy tới lúc này dù đã nổi lên phong trào phản chiến nhưng Cuộc Chiến Việt Nam vẫn chưa tạo thành ảnh hưởng xấu đối với những cuộc bầu cử ở Mỹ như sau này.

1965:

Tháng Hai, ngày 7, đối diện với cuộc thăng cử của Tổng Thống "diều hâu" Johnson cuối năm 1964, Bắc Cộng ra lệnh đánh Căn cứ Không Quân Mỹ ở Pleiku nhằm thúc đẩy lại dư luận chống chiến tranh tại Mỹ bằng hù dọa chết chóc. Trận tấn công làm cho 8 lính Mỹ tử trận, khoảng 100 bị thương.

Tháng Ba, ngày 2, Tổng Thống Johnson ra lệnh cho Không Quân Mỹ tổ chức một chiến dịch lớn bỏ bom miền Bắc dưới tên "Sấm Dồn" (Rolling Thunder), đánh xuống hệ thống đường xá cùng các khu vực kỹ nghệ.

Tướng Westmoreland sau này phê bình chiến dịch oanh tạc "Sấm Dờn" đã không khiến Cộng Sản Bắc Việt hoảng sợ vì máy bay Mỹ đã không đánh bom trực tiếp xuống những địa điểm đầu não của guồng máy chiến tranh Miền Bắc, lại lúc đánh lúc ngừng không tỏ ra kiên định.

Tháng Ba, ngày 8, đơn vị tác chiến Mỹ đầu tiên được gửi tới Việt Nam. Một Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng. Quân Mỹ bây giờ được lệnh tác chiến trực tiếp chống lại quân Bắc Cộng, Tướng Westmoreland đưa ra chiến thuật "tìm và diệt" xuống tới tận đơn vị cấp Trung Đội. Tháng Ba, chỉ 16 ngày sau khi Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ vào bờ biển Đà Nẵng, tổ chức The Student for a Democratic Society (SDS) mở một cuộc hội thảo tại Trường Đại học Michigan gồm cả chiếu phim và hội luận với sự tham dự của sinh viên và dân địa phương để chống đối Cuộc chiến Việt Nam.

Tháng Tư, SDS tổ chức thêm một cuộc biểu tình phản chiến ở thủ đô Washington D.C. lên đến vài ngàn người.

Tháng Năm, một tổ chức phản chiến khác, Vietnam Day Commitee (VDC) đã quy tụ được khoảng 30,000 người tham dự cuộc họp mặt 3 ngày chống chiến tranh tại Đại học Berkeley.

Tháng Tám, Quốc Hội Mỹ biểu quyết luật phạt tội trốn quân dịch, hình phạt là 5 năm tù và \$10,000.

Tháng Mười, phong trào phản chiến Mỹ trả đũa bằng một cuộc biểu tình lớn lao lần đầu tiên, quy tụ mọi thành phần xã hội Hoa Kỳ.

Tháng Mười Hai, ngày 25, thái độ lừng khừng của Mỹ lại xảy tới. Tổng Thống Johnson ra lệnh tạm ngừng ném bom miền Bắc để chuẩn bị đi tới điều đình với đối phương Cộng Sản. Lúc này quân số tham chiến của Mỹ tại Việt Nam đã lên hơn 200,000.

1966:

Tháng Ba, như để thách thức hình phạt trốn quân dịch, 4 thanh niên Mỹ đã đứng trước tòa án Nam Boston công khai đốt thẻ trưng binh.

Tháng Bảy, ngày 6, Bắc Cộng lôi các tù binh Mỹ ra đường phố Hà Nội và lừa dân tới để ... chọi đá. Cuối năm 1966, số lính tác chiến Mỹ ở Việt Nam đã tăng đến 389,000 người. Chỉ nội năm này có hơn 6,000 lính Mỹ chết, 30,000 bị thương. Dân Mỹ rúng động.

1967:

Tháng Tư, ngày 15, mục sư Martin Luther King, Jr. tổ chức biểu tình với hơn 100,000 người tham dự trước trụ sở liên Hiệp Quốc ở New York, ông ta đọc một bài diễn văn nẩy lửa chống Cuộc Chiến Việt Nam.

Tổng Thống Johnson yêu cầu Tướng Westmoreland, Tổng Tư Lệnh Quân Đội Mỹ ở Việt Nam, phải đưa ra cái nhìn lạc quan trong bài viết của ông đến dân chúng Mỹ về cuộc chiến, mặc dầu khi soạn thảo ông Tướng này đã viết rằng chưa thấy viễn cảnh chấm dứt được chiến tranh.

Tháng Năm, Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Mc Namara công khai phê bình chiến dịch bỏ bom miền Bắc không hữu hiệu.

Tháng Mười, vài ngàn người biểu tình trước Ngũ Giác Đài chống chiến tranh.

Tháng Mười Một, có lẽ chịu đựng hết nổi tiếng nói ngược ngạo tai hại ngay trong nội bộ Chính Phủ Mỹ, Tổng Thống Johnson "mời" Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Mc Namara đi nhận chức Chủ Tịch Ngân Hàng Thế Giới. Tính đến cuối năm 1967, con số quân tham chiến Mỹ ở lên tới 485,000 người.

1968:

Ngày đầu năm, trong dịp Tết Mậu Thân 1968, Việt Cộng phá bỏ lệnh ngưng bắn tổng công kích khắp nơi thuộc lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc chiến kéo dài nhiều tháng. Mặc dù bị bất ngờ nhưng quân đội Việt Nam Cộng Hòa vẫn tập hợp lại kịp thời, cuối cùng dành được chiến thắng. Địch bị loại khỏi vòng chiến khoảng 37,000 người, lực lượng chiến đấu của cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam coi như tan rã. Nhưng Miền Nam Tự do đã thua trận này tại Hoa Kỳ. Dân Mỹ vì bị truyền thông của họ bóp méo sự thật của Trận Mậu Thân, lại càng phản chiến hơn nữa.

Tháng Hai, Tướng Westmoreland yêu cầu Chính Phủ Mỹ bổ sung thêm 206,000 quân cho chiến trường Việt Nam.

Tháng Ba, có lẽ Tổng Thống Johnson bị yêu cầu của Tướng Westmoreland làm choáng váng, ngày 25 ông ta triệu tập các Cố Vấn Mỹ lại tìm biện pháp rời bỏ cuộc chiến. Sau đó Johnson tuyên bố không ra tranh cử kỳ tới đồng thời hứa hẹn Chính Phủ của ông ta đang tiến tới giải pháp tìm hòa bình bằng thương thuyết.

Tháng Tư, ngày 3, tới phiên Hồ Chí Minh lên tiếng sẵn sàng tiến đến hòa bình. Tuy vậy quân Bắc Cộng vẫn tiếp tục xâm nhập xuống, quân Mỹ vẫn

tiếp tục đổ vào Miền Nam Tự Do.

Tháng Tư, ngày 4, Mục Sư Martin Luther King, Jr. bị ám sát chết tại Lorraine Motel, vùn Memphis Tiểu Bang Tennessee.

Tháng Năm, ngày 27, Tối Cao Pháp Viện Mỹ phán quyết hành động đốt thẻ trưng binh là không phạm pháp, chiếu theo quyền tự do phát biểu của Hiến Pháp Hoa Kỳ. Di nhiên thành phần phản chiến võ tay hoan nghênh kịch liệt.

Tháng Mười Một, cựu Phó Tổng Thống Richad Nixon đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ nhờ lời hứa hẹn chấm dứt chiến tranh. Tính đến cuối năm 1968 quân Mỹ tham chiến tại Việt Nam tăng lên 535,100 người. Quân số Việt Nam Cộng Hòa ước lượng vào khoảng 820,000. Phía Bắc Cộng

khoảng 600,000. Chỉ trong vòng 6 tháng đầu của năm này, con số tử thương của Mỹ đã cao hơn so với trọn năm 1967.

Bây giờ, Cuộc Chiến Việt Nam được coi là cuộc chiến dài nhất của Hoa Kỳ.

1969:

Tháng Giêng, ngày 25, Hội Nghị Hòa Bình Paris khai mạc. Phía Cộng Sản đã dùng một khoảng thời gian dài đầu tiên để tranh cãi về cái bàn ngồi họp phải có hình thù thế nào. Tạo dựng được này là công lao của Henry Kissinger, Cố Vấn An Ninh của Tổng Thống Nixon và cũng là Ngoại Trưởng Mỹ. Kissinger được thế giới coi là một tên điểm chính trị quốc tế. Hắn ta cố tạo thành Hội Nghị Paris không nhằm tìm kiếm hòa bình, mà chỉ kiếm cơ hội rút quân Mỹ và bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa ... trong danh dự!

Tháng Sáu, Tổng Thống Nixon công bố chương trình " Việt Nam Hóa Chiến Tranh", huấn luyện và trang bị để quân đội Việt Nam Cộng Hòa có khả năng tự chiến đấu chống quân Bắc Cộng mà không cần tới quân đội Mỹ nữa. Nhân dịp ông ta nói sẽ bắt đầu mang 25,000 quân Mỹ trở về Hoa Kỳ.

Tháng Chín, ngày 3, bác Hồ Chí Minh " đang sống chuyển sang từ trần". Di chúc của " bác" là sẽ đi gặp các ngài lãnh tụ Cộng sản râu rậm người ngoại quốc. Không thấy bác nhắc nhở gì đến các bậc anh hùng khai quốc công thần, bảo quốc Việt Nam.

Tháng Mười Một, Tổng Thống Nixon lại hứa hẹn sẽ đưa thêm 35,000 quân Mỹ trở về Hoa Kỳ. Ngày 15, phong trào phản chiến Mỹ vẫn chưa hài lòng,

một cuộc biểu tình vĩ đại với khoảng 600,000 người tham dự đã được tổ chức tại Washington D.C.

Tháng Mười Hai, ngày 15, ông Nixon vội vã hứa hẹn là sẽ đưa trở về Hoa Kỳ thêm 50,000 lính nữa vào thời điểm cuối tháng Tư 1970. Tính đến cuối năm 1969, con số lính Mỹ tử trận ở Việt Nam đã cao hơn con số tử trận của Mỹ trong Cuộc Chiến Đại Hàn (33,629 người)

1970:

Tháng Năm, ngày 1, sinh viên trường Kent State University ở Ohio tổ chức một cuộc biểu tình rất lớn chống chiến tranh. Qua ngày hôm sau, đoàn biểu tình nổi lửa đốt một tòa nhà trong khuôn viên trường. Ông Thị Trưởng Kent cầu cứu Thống Đốc Tiểu Bang, yêu cầu cho gửi Vệ Binh Quốc Gia (National Guard) tới. Qua ngày thứ tư, Vệ Binh Quốc Gia yêu cầu đoàn biểu tình giải tán, họ từ chối, hai bên xô xát, thế là lính Vệ Binh bắn luôn vào đoàn người biểu tình. 4 chết và 9 bị thương. Dư luận cả nước sôi sục lên. Các trường Đại Học toàn quốc đóng cửa.

Tháng Năm, ngày 2, năm Thượng Nghị Sĩ gồm McGovern - Hughes - Cranston - Goodell - Hatfield tuyên bố họ sẽ đưa ra dự luật Chấm Dứt Chiến Tranh bằng Cách Cúp Viên Trợ đối với 3 quốc gia Việt - Miên - Lào. Đồng nghĩa với việc giao Đông Dương cho Cộng Sản!!

Tháng Năm, ngày 9, thêm một cuộc biểu tình lớn với 80,000 người tham dự được tổ chức tại thủ đô Washington D.C. Đặc biệt còn có sự tham gia của khoảng 10 vị Dân Cử thuộc Quốc Hội Hoa Kỳ.

Tháng Năm, ngày 14, lại thêm một cuộc biểu tình phản chiến tại trường Jackson State College ở Mississippi, Cảnh Sát bắn chết 2 sinh viên nữa. Nhạc sĩ Neil Young soạn ca khúc "Bốn cái chết ở Ohio" và 4 ca sĩ nổi tiếng Crosby, Stills, Nash và Young đồng trình diễn. Ca sĩ David Crosby khóc ròng khi trình bày xong nhạc phẩm này. Câu đầu nhạc phẩm kêu đích danh Tổng Thống Nixon: "Tin soldier and Nixon coming... ". Tạp chí Life làm phóng sự đăng lại toàn bộ vụ nhạc phẩm "Four Dead in Ohio", cả nước Mỹ như lên cơn sốt phản chiến.

Tháng Bảy, dự luật "Chấm Dứt Chiến Tranh" bằng việc rút hết quân Mỹ ra khỏi Việt Nam vào cuối năm 1970, đồng thời cắt bỏ viện trợ cho Việt - Miên - Lào bị thất bại trong cuộc biểu quyết của Thượng Viện. Nhưng nhóm từ "Cúp Viên Trợ" bắt đầu trở thành quen thuộc với Quốc Hội Hoa Kỳ!

Tính đến cuối năm 1970, còn khoảng 420,000 lính Mỹ có mặt tại Việt

Nam, Tổng Thống Nixon một lần nữa tuyên bố năm tới sẽ rút về thêm 150,000 quân.

1971:

Tháng Hai, ngày 23, Thượng Viện Hoa Kỳ biểu quyết thuận nghị quyết Hoa Kỳ chấm dứt dính líu với cuộc chiến ở Đông Dương, và thực hiện việc rút hết quân cũng như đem tù binh Mỹ trở về nước vào "thời điểm thuận tiện".

Tháng Tư, ngày 7, Tổng Thống Nixon tuyên bố việc đòi hỏi phải ấn định rõ thời điểm rút quân Mỹ khỏi Việt Nam là làm lợi cho phía Cộng Sản, chẳng có lợi gì cho Hoa Kỳ cả.

Tháng Tư, ngày 18, như để trả lời Tổng Thống, tổ chức Cựu Chiến Binh Tham Chiến Việt Nam chống Chiến Tranh (Vietnam Veterans Against The War) đưa 2,300 Cựu Chiến Binh về biểu tình tại Washington D.C, những

người này đã liệng bỏ tất cả huy chương của họ dưới chân tượng đài John Marshall.

Tháng Tư, ngày 24, nhóm mang tên "Mayday Tribe" tổ chức "10 ngày phản kháng" nhằm mục đích làm tê liệt một số cơ quan chính phủ tại Washington D.C

Tháng Năm, ngày 3, hơn 5,000 Cảnh Sát Viên được hỗ trợ bởi 10,000 quân nhân vây bắt khoảng 7,000 người tham dự. Ngày hôm sau bắt thêm 2,500 người. Cuộc phản kháng chấm dứt vào ngày 5 tháng Năm.

Tháng Sáu, ngày 13, xảy ra vụ Hồ Sơ Ngũ Giác Đài (The Pentagon Papers). Chuyên Viên Phân Tích Quân Sự Daniel Ellberg tuồn cho Nhà báo Neil Sheehan hồ sơ tối mật ghi lại những dữ kiện về việc Hoa Kỳ liên hệ với Việt Nam, cả chính trị và quân sự từ 1945 đến 1967. Từ New York Times liền đăng một phần tài liệu này.

Tháng Bảy, Quốc Hội biểu quyết luật rút tuổi được quyền bầu cử từ 20 xuống 18 tuổi. Khoảng cách chỉ 2 tuổi thôi, nhưng đó là thành phần thanh niên đang hay sắp "được" giấy gọi nhập ngũ, phiếu bầu của họ chắc chắn sẽ không dồn cho chính phủ nào vẫn còn dây dưa với Cuộc Chiến Việt Nam. Thượng Nghị Sĩ Kennedy (em trai cố Tổng Thống Kennedy) phát biểu rõ ý nhất, ông ta đặt câu hỏi nếu tuổi 18 bị gửi sang Việt Nam đánh nhau thì tại sao tuổi 18 đó lại bị coi là chưa đủ trưởng thành để tham dự bầu cử?

Tháng Mười, Việt Nam Cộng Hòa tổ chức bầu cử Tổng Thống, thường được người Việt nhớ tới với hai từ "Độc Diễn", vì ông Thiệu đã tái đắc cử mà không có một liên danh nào khác tham dự tranh cử (Tướng Nguyễn Cao Kỳ và Dương Văn Minh rút lui trước để phản đối).

Tháng Mười Một, Tổng Thống Nixon công bố sẽ rút thêm 45,000 quân, thời điểm chốt là ngày 1 tháng Hai 1972. Nhưng cũng nói sẽ tiếp tục dội bom để cắt đường chuyển quân và tiếp liệu của Bắc Cộng.

Tháng Mười Hai, từ 26 đến ngày 30, Quân Mỹ dội bom dữ dội xuống Miền Bắc với 1,025 phi tuần liên tục.

1972:

Tháng Giêng, Tổng Thống Nixon công bố sẽ rút thêm 70,000 quân, thời điểm cuối cùng là đầu tháng Năm, để hạ quân số tham chiến xuống còn 69,000 người.

Tháng Hai, từ 17 đến ngày 28, Kissinger dẫn Tổng Thống Nixon công du Bắc Kinh. sau này giới quan sát coi chuyến đi này đã kết liễu sinh mạng của quốc gia Việt Nam Cộng Hòa. Người Mỹ đã quyết định thay đổi chiến lược toàn cầu, "Tiền Đồn của Thế Giới Tự Do" không còn cần thiết phải tồn tại nữa. Người Việt Nam cũng cần phải ghi nhớ, trong dịp này Kissinger đã gián tiếp công nhận Hoàng Sa, Trường Sa... là của Tàu Cộng!

Tháng Ba, ngày 30, quân Bắc Cộng đánh mạnh vào khu phi quân sự (DMZ), trận đánh mà chúng ta quen gọi là "Mùa Hè Đỏ Lửa". Phía Bắc Cộng thất trận, chứng tỏ rằng dù có hay không sự hiện diện của quân đội Mỹ, người lính Việt Nam Cộng Hòa vẫn đạt được chiến thắng nếu họ vẫn được tiếp tế đạn dược - tiếp liệu, vẫn được pháo yểm, không yểm đầy đủ. Để trả đũa, Tổng Thống Nixon ra lệnh tái oanh tạc Hà Nội, Hải Phòng.

Tháng Tư, ngày 26, Tổng Thống Nixon công bố sẽ rút thêm 26,000 quân ra khỏi Việt Nam

Tháng Năm, ngày 8, ông Nixon ra lệnh thả mìn xuống phong tỏa các hải cảng miền Bắc. Tất cả các quyết định quân sự của Chính Phủ Nixon bấy giờ không nhằm vào chiến trường, mà chỉ có ý dẫn dắt làm áp lực với Bắc Cộng tại Hội Nghị Paris.

Tháng Sáu, ngày 17, vụ đặt máy nghe lén tại cơ sở đầu não Đảng Dân Chủ đặt trong Watergate Hotel bị phát giác, lúc đó ít ai tiên liệu vụ này sẽ khiến ông Nixon phải rời vũ đài chính trị Hoa Kỳ một cách nhục nhã.

Tháng Tám, ngày 11, đơn vị (gần như) cuối cùng của Mỹ rút quân. Tuy nhiên vẫn còn lại ở Việt Nam vài ngàn người Mỹ, được coi là cố vấn hay chuyên viên.

Tháng Mười Một, có vẻ như phong trào phản chiến Mỹ chạy đua nước rút không lại các cuộc rút quân liên tục của Chính Phủ, nên Tổng Thống Nixon đã tái đắc cử vào ngày 7.

1973:

Tháng Giêng, ngày 27, các bên tham dự Hội Nghị Paris đồng ký vào cái gọi là Hiệp Định "Hòa Bình Paris". Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu chỉ chịu ký sau khi bị Nixon - Kissinger hứa lèo, hứa cuội lẫn hăm dọa.

Tháng Ba, Bắc Cộng bắt đầu trả tự do cho tù binh Mỹ. Đợt đầu 587 người, đợt thứ nhì vào ngày 29 thêm 67 người nữa. Cùng ngày ở Miền Nam 2,500

quân Mỹ (đúng là) cuối cùng rút khỏi Việt Nam.

Ngày 29 tháng Ba được người Mỹ coi là ngày đánh dấu Cuộc Chiến Việt Nam chấm dứt.

Dĩ nhiên là chiến tranh chỉ chấm dứt đối với người Mỹ. Còn kiểu "hòa bình" này có là trong danh dự hay không thì tùy cái nhìn của từng công dân của trái đất. Đối với tác giả cuốn sách này, người Mỹ ký kết Hiệp Định Paris và rút quân thì chỉ đáng được coi là... ù té chạy, nói một cách lịch sự hơn là tháo chạy. Vậ thôi!

Tháng Tám, ngày 9, mặc dù được coi là một "cáo già chính trị" của Hoa Kỳ nhưng rồi Tổng Thống Nixon vẫn phải từ chức trong sự nhục nhã của vụ Watergate. Phó Tổng Thống Ford lên thay. Và mặc dù những thủ đoạn Nixon, nhất là Kissinger, trong mấy năm qua đã đã làm hại Việt Nam Cộng Hòa rất nhiều, nhưng nhận được tin này thì một số người Việt Nam mình đã lấy làm buồn bã vì tiếp tục coi ông Nixon như một "cáo già" có nhiều thủ đoạn đối đầu lại Cộng Sản. Tổng Thống Thiệu thì mất tinh thần vì tác giả 27 lá thư hứa lèo hứa cuội gửi cho ông nay đã mất quyền hành, thư trở thành mất giá trị phần nào.

1974 - 1975:

Kể từ sau Hiệp Định Paris, Quốc Hội Hoa Kỳ liên tiếp đòi cắt giảm, hăm dọa cúp hẳn viện trợ cho "Tiền Đồn của Thế Giới Tự Do". Trong khi đó Bắc Cộng vẫn được khối Cộng Sản Thế Giới tiếp tục viện trợ mạnh mẽ. Họ

ngang nhiên đưa quân xâm nhập vào Nam, vi phạm trầm trọng Hiệp Định Hòa Bình Paris nhưng Hoa Kỳ và cả Thế Giới Tự Do đã ngậm câm. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bị áp lực đến có thể lâm vào tình trạng tâm thần khủng hoảng mặc dù bề ngoài của ông không cho thấy như vậy. Trong cơn khủng hoảng tâm thần, ông Thiệu đã đưa ra những quyết định sai lầm trầm trọng. Kết quả là Miền Nam Tự Do sụp đổ.

Tháng Mười Hai 1974, Phước Long lọt vào tay quân Bắc Cộng.

Tháng Hai 1975, Ban Mê Thuột thất thủ. Tổng Thống kiêm Tổng Tư Lệnh Nguyễn Văn Thiệu quyết định áp dụng chiến lược "Đầu Teo Đít To", bỏ Vùng 1, Vùng 2, chỉ giữ lại Vùng 3, Vùng 4. Ông ra lệnh 2 Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Đoàn II lập tức rút hết lực lượng chính quy về phía Nam mà không cho họ thời giờ chuẩn bị. Kết quả là Miền Nam Tự Do sụp đổ chỉ trong 55 ngày.

Tháng Tư 1975, ngày 30, Tướng Dương Văn Minh, thủ lĩnh nhóm phản tướng i tờ rút chính trị "cách mạng 63" đảo chánh rồi giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Cố Vấn Ngô Đình Nhu, đã dùng Đài Phát Thanh Sài Gòn kêu gọi toàn thể Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa buông súng đầu hàng quân Bắc Cộng.

Cơn hồng thủy bắt đầu phủ chụp xuống cả nước Việt Nam...

ĐỒ SƠ

Nguồn: <https://anyflip.com/mhnd/eite/basic/201-233>

www.vietnamvanhien.net




An Lạc & Tự Chủ

VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN ONLINE VỚI HƠN 10400 TÁC PHẨM